

TẬP TRUYỆN NGẮN

TRÌNH THẨM KINH DỊ

Dịch giả: Đài Lan, Trịnh Huy Hóa



TẬP TRUYỆN NGẮN: TRINH THẨM - KINH DI

Nhiều tác giả

Dịch giả: Đài Lan, Trịnh Huy Hóa

Nguồn: Vnthuquan.vn

Biên tập: V.C

Tạo bìa & Ebook: inno14

★ ★ ♣ ★ ★

BÊN BỜ HỒ

Robert Bloch

“*N*hà Hàng Như Ý”, dòng chữ phai màu viết như thế trên cửa kính. “Ăn Bất Cứ Giờ Nào”, bảng hiệu nói rõ.

Hắn không đói và nhà hàng không thật đúng với suy nghĩ của hắn về sự như ý, nhưng hắn vẫn bước vào.

Dĩ nhiên, đó chỉ là một quán ăn nhanh - quầy ăn nhanh và một dãy ghế cao có lưng tựa không tiện nghi xếp hàng dọc theo bờ tường. Hắn đi ngang qua trước mặt nửa chục khách ngồi gần cửa, rồi chọn chỗ ngồi ở cuối phòng.

Sau đó, hắn nhìn kỹ ba cô hầu bàn. Không có cô nào khớp với mô tả, nhưng phải mạo hiểm thôi.

— Anh dùng gì ạ? - Một cô hầu bàn hỏi.

— Coca.

Cô mang ra cho hắn. Hắn giả vờ nghiên cứu bản đồ, rồi hỏi, không nhìn lên:

— Cô cho tôi hỏi thăm, có cô nào tên là Helen Krauss làm việc ở đây không?

— Chính tôi đây.

Lần này thì hắn nhìn lên. Đây là trò gì nữa đây? Hắn nhớ lại những lời lải nhải của Mike suốt nhiều đêm dài: một nàng tóc vàng cao ráo nhưng đầy đặn. Dáng vẻ nàng trông y như những con bé ngốc nghếch trên truyền hình... Tao không nhớ tên con nhỏ truyền hình đó, nhưng chắc mày hiểu ý tao muốn sao rồi. Nhưng Helen thì không ngốc đâu. Còn về chuyện chăn gối, thì khỏi nói mày ơi....

Rồi lời mô tả tập trung vào những chi tiết thân hình chính xác mà hắn đã ghi chép vào trí nhớ.

Hắn lờ thông tin lưu trữ trở ra, nhưng không hề giống cảnh tượng trước mắt hắn.

Đúng là cô này cao thật, nhưng chỉ có điểm đó là giống. Có lẽ cô này nặng ít nhất tám chục ký. Và tóc màu nâu tẻ nhạt không sáng. Ngoài ra, cô ấy còn cặp kính dày để che đôi mắt xanh nhạt nhẽo tò mò.

Cô nhận ra hắn đang chăm chú nhìn cô. Phải làm nhanh thôi.

— Tôi tìm một cô tên Helen Krauss trước kia sống ở Norton Center. Cô ấy có chồng tên Mike.

Cặp mắt xanh phai màu chớp chớp.

— Đúng là tôi. Có chuyện gì vậy?

— Chồng cô có nhờ tôi nhắc lại với cô một chuyện.

— Anh Mike à? Nhưng anh ấy chết rồi mà.

— Tôi biết. Tôi ở bên cạnh anh ấy khi chuyện đó xảy ra. Đúng hơn là trước khi chuyện đó xảy ra. Tên tôi là Rusty Connors. Chúng tôi đã ở cùng một xà lim với nhau suốt hai năm.

Nét mặt cô hầu bàn không thay đổi, nhưng cô hỏi bằng một giọng hầu như không ra tiếng:

— Nhắc chuyện gì vậy?

Hắn liếc nhìn xung quanh.

— Nói chuyện ở đây không được. Cô xong việc lúc mấy giờ?

— Bảy giờ rưỡi.

— Rồi. Vậy ta gặp nhau bên ngoài nhé?

Cô lưỡng lự.

— Xa hơn một chút đi, ở góc đường. Có công viên ở đó.

Hắn gật đầu, rồi đứng dậy, bỏ đi, không ngẩng đầu lại.

Không khớp với những gì hắn dự kiến. Sau khi đã nghe tất cả những gì Mike kể về cô vợ... Khi mua vé đến Hainesville, hắn đã có những suy nghĩ khác trong đầu. Chụp cô nàng tóc vàng xinh đẹp đang mơn mõi cô đơn, cô vợ góa của Mike, và có thể kết hợp làm ăn với vui chơi chẳng hạn. Thậm chí hắn đã nghĩ đến chuyện cặp bồ hắn với nàng, nếu nàng hết xảy đúng như lời của

Mike. Nhưng bây giờ, thì không thể có chuyện đó được rồi. Con nhỏ mập thù lù, nét mặt đờ đẫn với đôi mắt xanh nhợt nhạt không hề gây hứng thú gì cho hắn.

Rusty tự hỏi tại sao Mike đã nói láo như thế suốt hai năm. Đột nhiên hắn hiểu ra. Hai năm trong một xà lim trần trụi - không có đàn bà... Có lẽ sau một thời gian, Mike đã tin vào câu chuyện của chính mình, rằng Helen Krauss là một cô gái có dáng người mẫu. Có thể Mike đã loạn trí một chút và hăng lên trước khi qua đời.

Rusty chỉ hy vọng Mike đã nói thật về đúng một điểm. Phải như thế, bởi vì đó chính là lý do hắn đến Hainesville, lao vào chuyện lộn xộn này, bắt liên lạc với vợ của Mike.

Mong sao Mike đã không nói láo về chuyện năm mươi sáu ngàn đô la mà Mike đã giấu!

Trời tối thui khi cô ấy đến công viên. Càng tốt. Như vậy sẽ không ai để ý hai người đang đi chung. Ngoài ra, cô ấy sẽ không thấy mặt hắn, hắn cũng không thấy mặt cô ấy, và như vậy sẽ dễ nói chuyện hơn.

Hai người ngồi xuống một băng ghế phía sau kiốt, hắn châm một điếu thuốc. Rồi đột nhiên nhớ ra là mình phải tỏ ra ga lăng, hắn đưa bao thuốc cho cô ấy.

Cô ấy lắc đầu.

— Không, cảm ơn. Tôi không hút.

— Phải. Mike có nói.

Hắn dừng một chút.

— Tôi nghe Mike nói rất nhiều về cô.

— Tôi cũng vậy, anh Mike nói rất nhiều về anh khi viết thư. Anh ấy nói là chưa bao giờ gặp một người bạn tốt như anh.

— Tôi rất mừng. Tôi mến Mike lắm. Lẽ ra Mike không phải đi tù.

— Anh Mike cũng nói thế về anh.

— Có lẽ cả hai chúng tôi không gặp may. Tôi chỉ là thằng nhóc con, không biết gì về đời. Khi ra khỏi quân đội, tôi nghỉ ngơi một chút, rồi khi hết tiền, tôi tìm được việc làm với một tay bán thuốc phiện. Tôi làm việc rất đàng hoàng, tôi chưa hề làm gì bậy cho đến tối hôm đó - khi có cuộc càn đột xuất của cảnh sát. Ông chủ cứ dí vào tay tôi một vali đầy tiền rồi bảo tôi chuẩn bằng cửa sau. Rồi có một tay cớm ximt hiện, tay cầm súng. Tôi dùng vali nện vào đầu nó một cú. Xui thôi. Tôi không hề muốn giết nó. Chỉ muốn chạy thôi. Nhưng hấn chết do chấn thương sọ não.

— Anh Mike có kể cho tôi nghe. Bọn chúng xử anh rất nặng.

— Mike cũng bị thế, Helen à.

Rusty cố tình gọi cô bằng tên riêng. Giọng hấn thật dịu dàng. Kế hoạch hấn có một đoạn như thế.

— Thì đó, tôi không hiểu. Một người bạn tốt như Mike mà lại đi giết bạn thân để cướp tổng tiền lương! Làm một mình. Rồi sau đó lại giấu được xác chết sao cho người ta không bao giờ tìm ra. Bởi vì người ta chưa bao giờ tìm ra Pete Taylor, đúng không?

— Tôi xin anh... Tôi không muốn nói về chuyện đó nữa.

— Tôi thông cảm với cô.

Rusty cầm lấy tay cô. Một bàn tay mập và ướt mồ hôi, như một cục thịt âm ẩm trong tay hấn. Nhưng cô ấy không rút tay về và Rusty nói tiếp:

— Họ chỉ dựa theo giả thiết nghi ngờ mà kết án Mike hả?

— Có người đã thấy anh Mike rước anh Pete lên xe chiều hôm đó. Anh Pete bị mất chìa khóa xe và có lẽ đã nhờ anh Mike chở đến nhà máy với số tiền lương công nhân. Cảnh sát chỉ cần bấy nhiêu thôi. Cảnh sát đã bắt anh Mike trước khi anh kịp xóa vết máu và dĩ nhiên là anh Mike không có chứng cứ ngoại phạm. Tôi đã thề là anh Mike ở nhà với tôi cả buổi chiều, nhưng người ta không tin tôi. Nên anh Mike lãnh mười năm.

— Và Mike đã chết hai năm sau. Nhưng Mike chưa bao giờ kể làm cách nào anh ấy giấu được xác. Và cũng không nói anh ấy giấu tiền chỗ nào.

Hắn nhìn thấy cô gái gật đầu trong bóng tối.

— Đúng vậy, cô nói khẽ. Có lẽ bọn chúng đã đánh anh Mike dữ dội lắm nhưng anh ấy không khai.

Rusty im lặng một hồi. Cuối cùng hắn hít điều thuốc rồi hỏi:

— Còn với cô? Mike không nói với cô à?

Helen thốt một âm thanh giống như tiếng cười.

— Sao lại hỏi thế! Tôi đã rời Norton Center bởi vì tôi không chịu nổi cứ nghe người ta nói về chuyện đó. Tôi đến Hainesville và làm việc trong cái quán ăn dở hơi kia được hai năm rồi. Bộ anh có cảm giác anh Mike đã nói gì với tôi à?

Rusty rút mẩu thuốc lá. Hắn nhìn thẳng trước mặt.

— Helen à, cô sẽ làm gì nếu cô tìm ra số tiền đó? Cô có giao cho bọn cóc không?

Cô gái lại phì một tiếng thở dài khàn như lúc nãy.

— Để làm gì? Để cảm ơn bọn cóc đã cho anh Mike vào nhà đá và giết chết anh à? Bởi vì bọn chúng đã giết chết mất anh Mike. Người ta nói với tôi rằng anh ấy bị viêm phổi. Làm gì có chuyện bệnh viêm phổi nguy hiểm dữ vậy! Bọn chúng bỏ mặc anh ấy bệnh nặng cho đến khi trễ quá, đúng không?

— Tay bác sĩ nói Mike chỉ bị cảm thôi. Nhưng tôi khiếu nại rồi bọn chúng cũng đưa Mike lên phòng y tế.

— Tôi, thì tôi nghĩ bọn chúng đã giết mất anh Mike. Rằng anh ấy đã trả số tiền đó bằng chính mạng mình. Bây giờ tiền là của tôi. Tôi là vợ góa của anh ấy.

— Của ta. - Rusty thốt ra.

Các ngón tay của Helen co lại, móng tay đâm vào bàn tay của Rusty.

— Anh Mike đã nói cho anh chỗ giấu, phải không?

— Một phần nào. Trước khi bọn chúng mang anh ấy đi. Mike đang hấp hối và không còn nói được nữa. Nhưng tôi đã nghe được đủ để có ý niệm. Tôi đã nghĩ là nếu đến gặp cô khi mãn hạn tù và nếu hai ta nói chuyện với nhau, thì sẽ ráp thông tin lại được và tìm ra số tiền. Năm mươi sáu ngàn đô la... Dù chia hai, cũng là khá lắm.

— Nếu anh đã biết tiền ở đâu rồi, thì tại sao anh lại cho tôi tham gia vụ này?

Giọng nói của Helen đột ngột để lộ sự đa nghi và Rusty cho rằng nên nói thẳng thắn.

— Bởi vì, tôi xin nói lại, Mike chưa nói đủ cho tôi nghe. Phải giải mã lời nói của Mike và đi tìm. Ở đây, tôi là người lạ, và nếu người ta thấy tôi đi lục lạo, người ta sẽ đâm ra nghi ngờ. Nhưng nếu cô giúp tôi, thì có khi không cần phải đi lục lạo tìm kiếm. Rất có thể ta sẽ tìm ra ngay.

— Vậy anh đề nghị hợp tác làm ăn với tôi à?

Rusty nhìn mẫu thuốc lá còn đỏ.

— Không chỉ có thể thôi, Helen à. Cô đã biết tình bạn giữa tôi và Mike thế nào rồi. Mike cứ kể về cô suốt. Đến nổi riết rồi tôi có một cảm giác rất lạ. Như thể tôi quen nhiều với cô. Quen gần bằng Mike. Và tôi đã muốn biết cô nhiều hơn.

Hắn nói chuyện rất khế. Móng tay của Helen càng bấu mạnh vào tay hắn. Đột nhiên hắn dùng hai tay cầm bàn tay cô rồi nói bằng một giọng ghen ngào:

— Tôi cũng không biết nữa, Helen à... có thể tôi khùng. Nhưng tôi đã sống hai năm trong nhà đá. Hai năm không có đàn bà. Cô có tưởng tượng được chuyện này có thể làm cho một thằng đàn ông điên lên như thế nào không?

— Tôi cũng vậy, đã hai năm rồi.

Hắn ôm cô - tự ép mình phải ôm cô, tự buộc mình áp môi mình vào môi cô.

— Em có phòng không? - Hắn thì thầm.

— Có.

Cả hai đứng dậy, vẫn ôm chặt nhau. Trước khi đi, Rusty nhìn ánh đỏ nhấp nháy của mẫu thuốc lần cuối trước khi dùng gót chân dập tắt.

Một con mắt đỏ hồng khác đang cháy trong phòng. Hắn cầm điều thuốc sang một bên, để nó không chiếu sáng vào mặt hắn. Hắn không muốn Helen đọc thấy sự gớm ghiếc trên mặt hắn.

Có thể bây giờ cô ấy đã ngủ rồi. Hắn hy vọng là như thế. Hắn sẽ có thời gian suy nghĩ.

Cho đến nay, thì mọi thứ đã diễn ra rất tốt đẹp. Lần này, nhất định mọi chuyện phải diễn ra tốt đẹp. Bởi vì, những lần trước, lúc nào cũng bị trạc trắc vào một lúc nào đó.

Hắn đã nghĩ lấy cắp cái vali đầy tiền, lúc cảnh sát đang tràn vào chỗ tay buôn ma túy, là hay. Hắn tưởng hắn có thể chuồn dễ dàng bằng ngả sau nhân lúc hỗn loạn. Nhưng chuyện không thành và hắn lại rơi vào tù.

Làm thân với thằng Mike kia cũng là sáng kiến hay. Hắn đã không cần mất nhiều thời gian để biết hết về vụ cướp. Biết được tất cả, ngoại trừ chỗ giấu tiền. Về điểm này, thì im lìm. Phải chờ Mike ngã bệnh, Rusty mới ép Mike khai ra, mà không gây chú ý. Hắn đã chờ cho bệnh tình của Mike thật sự nghiêm trọng rồi toan bóp cổ Mike. Nhưng thằng Mike vẫn không chịu nói ra. Rusty đã gần như giết Mike. Có thể hắn đã hơi mạnh tay quá, bởi vì hắn chỉ moi được có một câu trước khi bảo vệ nhà giam chạy đến.

Có lúc hắn đã sợ chuyện sẽ quay ngược chống lại hắn. Nếu Mike sống sót được, thì chắc chắn Mike đã tố cáo hắn rồi. Nhưng Mike không qua khỏi. Mike đã chết ở phòng y tế trước khi mặt trời mọc. Và người ta nói rằng Mike chết do bị viêm phổi.

Thế là Rusty yên tâm và đã bắt đầu suy nghĩ.

Cho đến nay, thì kế hoạch của hắn hình thành từng điểm một. Hắn không hề xin được giam lỏng. Thà chịu đựng thêm

sáu tháng, rồi ra luôn mà không bị ai giám sát. Khi ra tù, hắn lên chuyến xe đầu tiên đi Hainesville. Hắn biết phải đi đâu vì Mike có nói rằng Helen làm việc trong nhà hàng này.

Và hắn không hề nói láo với Helen khi cô hỏi tại sao hắn cho cô tham gia vụ này. Hắn cần cô. Cần cô giúp, cô bao che để tránh khỏi phải tự tìm kiếm một mình và gây nghi ngờ khi đi hỏi lung tung. Chuyện này thì đúng sự thật!

Nhưng hắn đã luôn tin những gì Mike kể: rằng cô rất xinh, loại con gái như sách hay mô tả. Hắn cứ tưởng là sau khi tìm ra tiền cả hai sẽ chuẩn đi với nhau và cùng nhau chung sống.

Vậy mà về phần này, thì hỏng rồi.

Hắn nhăn mặt trong bóng tối, khi nhớ lại cái thân thể đầy mỡ và dính dính đã ôm chặt hắn với tiếng rên khàn hỗn hển như bị suyễn. Không, hắn. không thể chịu nổi nữa đâu. Vậy mà hắn sẽ buộc phải chịu lép vế một khoảng thời gian. Đây là một phần kế hoạch của hắn. Nhất định phải hợp tác với cô và đây là cách tốt nhất để nắm được cô ta. Phòng trường hợp...

Bây giờ phải suy nghĩ đến phần tiếp theo. Nếu tìm ra số tiền, thì làm thế nào biết chắc là Helen sẽ trung thành sau khi đã chia tiền? Hắn không hề muốn bị ràng buộc suốt đời. Chắc chắn phải có cách...

— Anh dậy rồi hả, anh yêu?

Chính cô ấy. Và cô ấy gọi hắn là “anh yêu”! Hắn kiểm lại để không rùng mình.

— Dậy rồi. - Hắn trả lời rồi đập điều thuốc vào gạt tàn.

— Bây giờ anh có thích nói chuyện không?

— Dĩ nhiên.

— Em nghĩ là nên lên một kế hoạch.

— Đúng là tính cách mà anh thích... loại phụ nữ có đầu óc thực tế.

Hắn tự buộc mình phải cười.

— Em nói đúng, cũng à. Bắt tay vào việc càng nhanh, càng tốt.

Rusty ngồi dậy, quay sang Helen.

— Ta hãy bắt đầu từ đầu. Điều mà Mike nói với anh trước khi chết. Mike nói rằng người ta sẽ không bao giờ tìm ra tiền. Không thể nào. Bởi vì Pete vẫn còn giữ tiền.

— Vậy thôi hả? - Helen hỏi sau khi suy nghĩ một hồi.

— Vậy thôi... nghĩa là sao? Chứ em còn muốn gì nữa? Quá rõ ràng rồi, không phải sao? Tiền giấu chung với xác của Pete Taylor.

Hắn cảm thấy hơi thở của Helen phả vào cổ hắn.

— Chẳng có gì là rõ ràng cả. Hai năm nay, cớ vùng này không tìm ra nổi xác của Pete Taylor.

Helen thở dài.

— Em tưởng anh thật sự có một đầu mối nào đó, nhưng em lầm. Lẽ ra em phải đoán trước.

Rusty chụp lấy vai cô.

— Em đừng nói kiểu đó! Ta đã có các yếu tố cơ bản rồi. Bây giờ chỉ cần tìm thôi.

— Nghe dễ quá!

— Em suy nghĩ đi. Bọn cớ đã tìm kiếm ở những chỗ này rồi.

— Dĩ nhiên là ở căn hộ. Bọn em chỉ có nhà thuê thôi, nhưng bọn chúng cũng lục soát khắp nơi, kể cả tầng hầm. Không có gì.

— Rồi sao nữa?

— Suốt một tháng người của cảnh sát trưởng đã lùng sục khu rừng quanh Norton Center. Bọn họ đã khám xét mọi kho thóc bỏ hoang, hay những nơi đại loại như thế. Thậm chí chúng đã cho nạo vét đáy hồ nữa. Pete độc thân, nhưng ngoài nhà trong thành phố, anh ấy còn có nhà nhỏ bên hồ. Bọn họ đã tìm mọi ngõ ngách. Không được gì.

Rusty suy nghĩ một hồi. Cuối cùng hắn hỏi Helen:

— Bao nhiêu thời gian đã trôi qua giữa lúc Mike cho Pete lên xe với lúc Mike về đến nhà?

— Gần ba giờ.

— Trời! Không thể đi đâu xa. Chắc chắn xác phải giấu không xa thành phố.

— Cảnh sát cũng nghĩ thế và họ không hề tiếc công sức. Bọn chúng đã cho đào hố, làm mọi thứ. Nhưng chẳng thấy gì.

— Nhưng phải có cách nào đó chứ. Ta hãy xem xét vấn đề ngược lại. Pete Taylor và chồng em là bạn, đúng không?

— Đúng. Từ lúc em lấy anh Mike, hai anh ấy không hề xa nhau.

— Hai người làm gì... ý anh muốn nói: có đi nhậu không? Đi đánh bài? Hay một cái gì đó khác?

— Anh Mike không hay nhậu. Không, thường hai anh đi săn hay đi câu. Như em nói, anh Pete có nhà nhỏ bên hồ.

— Gần Norton Center không?

— Khoảng năm cây - Helen trả lời có nét hơi bực bội trong giọng nói - Em biết anh nghĩ gì rồi, nhưng anh lầm. Em đã nói rằng bọn cớm đã xáo tung chỗ đó lên rồi. Thậm chí bọn chúng đã lột ván gỗ sàn nhà lên, chưa kể những thứ khác.

— Còn nhà chứa tàu?

— Anh Pete chỉ có mỗi cái nhà đó trên lô đất. Khi đi câu cá với anh Mike, anh Pete mượn tàu của người hàng xóm.

Helen lại thở dài.

— Em đã suy nghĩ nát óc về chuyện này rồi. Suốt hai năm em đã vận óc. Rất tiếc là không thấy câu trả lời đâu cả.

Rusty châm thêm một điếu thuốc.

— Khi giải thưởng là năm mươi sáu ngàn, thì chắc chắn phải có câu trả lời. Hôm Pete Taylor bị giết, chuyện gì đã xảy ra? Có thể em đã bỏ qua một điều gì đó.

— Thật ra em không biết chuyện gì đã xảy ra. Em ở nhà. Hôm đó là ngày nghỉ của anh Mike và anh ấy đi la cà trong thành phố.

— Trước khi đi Mike có nói gì không? Trông Mike có căng thẳng không? Em có thấy thái độ Mike kỳ lạ không?

— Không. Em không nghĩ anh Mike đã âm mưu trước một chuyện gì đó, nếu như anh đang nghĩ vậy. Đối với em, không hề có chuyện chủ mưu trước.

— Bọn cớm nghĩ sao?

— Dĩ nhiên bọn chúng tưởng là đã có âm mưu trước. Anh Mike biết hôm đó là ngày trả lương, biết rằng anh Pete luôn lấy xe đến ngân hàng lấy tiền. Lão Huggins, chủ xưởng, là một tay kỳ quặc. Lão không thích ngân phiếu. Lão thích trả tiền mặt cho công nhân. Nhưng theo bọn cớm, thì anh Mike đã chờ ngoài bãi đậu xe trong khi anh Pete vào ngân hàng. Anh Mike lấy cặp chìa khóa xe, và khi anh Pete trở ra cùng người bảo vệ, thì không đi được. Sau khi người bảo vệ đi, anh Mike giả vờ chạy ngang qua, như do tình cờ, và hỏi thăm xem có chuyện gì... đó là vẫn theo bọn cớm. Có lẽ chuyện đã xảy ra gần đúng như vậy, vì người coi bãi đậu xe có nói là thấy cả hai nói chuyện, rồi anh Pete leo lên xe anh Mike, rồi hai người cùng ra đi. Hết. Sau đó là lỗ hổng. Cho đến lúc Mike về đến nhà, ba tiếng sau.

Rusty gật đầu.

— Vậy Mike trở về nhà bằng xe, một mình. Mike có nói gì với em không?

— Chẳng nói gì nhiều. Có lẽ anh ấy không kịp nói. Hai phút sau, xe cảnh sát đến.

— Nhanh thế à? Ai báo bọn cớm vậy?

— Bọn nhà máy lo lắng khi không thấy anh Pete trở về với tiền lương. Lão Huggins gọi điện thoại đến ngân hàng, hỏi tin thủ quỹ và lính bảo vệ. Có người ra gặp người bảo vệ bãi đậu xe, và biết được anh Pete đã ra đi như thế nào trong xe anh Mike. Thế là cớm đến tìm anh Mike.

— Mike đầu hàng mà không chống cự gì sao?

— Ừ. Thậm chí anh ấy không nói tiếng nào. Bọn cớm bắt anh ấy đi, vậy thôi. Anh ấy đang rửa ráy trong phòng tắm.

— Có bùn không?

— Chỉ trên tay thôi. Bọn chúng không tìm ra cái gì để phân tích cả. Dường như giày cũng dính đất. Và bọn chúng làm ầm ĩ lên vì cây súng của anh ấy không còn đó nữa. Anh Mike đã mang súng đi theo và chính điều này là nghiêm trọng nhất. Dĩ nhiên là không bao giờ tìm lại được súng, nhưng bọn chúng biết anh Mike có cây súng. Mà súng lại biến mất. Anh Mike nói là bị mất cây súng từ nhiều tháng nay, nhưng không ai tin.

— Còn em, em có tin không?

— Em cũng không biết nữa.

— Em còn nhớ gì nữa không?

— À có!... Anh ấy bị đứt tay. Lúc về, vết thương hơi chảy máu. Em có thấy và hỏi anh ấy bị sao. Anh ấy đang lên thang lầu. Anh ấy trả lời một cái gì đó liên quan đến chuột. Sau này, trước tòa, anh ấy nói là bị kẹt tay vào cửa sổ xe và chính vì vậy mà trong xe có máu. Kính bị vỡ nữa. Nhưng người ta đã phân tích máu. Nhóm máu không trùng. Mà lại trùng với máu của anh Pete Taylor, theo như ghi trong hồ sơ ở nhà máy.

Rusty hít sâu một ngụm thuốc.

— Nhưng lúc về thì Mike không hề nói thế với em. Mà nói là bị chuột cắn.

— Đúng, anh Mike nói đến chuột, nhưng em không hiểu rõ. Ông bác sĩ ra làm chứng nói rằng anh Mike bị đứt tay do lưỡi dao cạo. Người ta đã tìm ra dao cạo trên lavabo. Có máu trên đó.

— Khoan đã - Rusty nói khẽ từ từ - Lúc đầu Mike kể với em về chuột. Rồi Mike lên lầu tự làm đứt tay bằng lưỡi dao cạo. Em không hiểu sao? Đúng là Mike đã bị chuột cắn, có lẽ khi xử lý cái xác. Nhưng nếu có người biết được, thì người ta sẽ tìm xác ở một nơi có chuột. Thế là Mike tự làm bị thương tay để người ta không nhận dạng được vết thương.

— Có thể. Nhưng như vậy thì ta biết được thêm gì nào? Anh muốn đi lục tất cả những chỗ có chuột quanh Norton Center à?

— Hy vọng sẽ không đến nông nổi ấy. Anh chúa ghét loại vật này. Chúng làm anh nổi da gà. Lúc ở trong quân đội anh gặp nhiều chuột lắm! Những con chuột béo chạy trên kè...

Rusty búng ngón tay.

— Khoan đã! Em nói rằng, khi đi câu cá, Pete và Mike mượn xuồng của hàng xóm. Bọn hàng xóm đó cất xuồng ở đâu?

— Họ có nhà tàu.

— Bọn cóm đã khám chỗ đó chưa?

— Em không biết. Chắc là rồi.

— Có thể bọn chúng không xem kỹ. Hôm đó hàng xóm có ở nhà không?

— Không.

— Em chắc không?

— Hoàn toàn. Đây là một cặp vợ chồng ở Chicago, ông bà Thomas. Hai tuần trước khi xảy ra vụ cướp tiền lương, hai ông bà bị đụng xe trên đường về nhà và chết luôn.

— Vậy không có ai trong khu vực đó. Và Mike biết điều này.

— Đúng. - Giọng Helen đột nhiên khàn lên - Mà hôm đó cũng đã là cuối mùa thu rồi. Y như bây giờ. Không có ai bên bờ hồ. Anh có nghĩ...

— Bây giờ ai ở trong nhà đó?

— Theo em biết thì nhà trống. Ông bà trước không có con và vẫn chưa có ai mua lại nhà đó. Nhà của anh Pete cũng vẫn còn trống. Cũng vì chưa có người mua. Có thể anh đã đoán ra được một cái gì đó anh yêu ơi!

— Bắt đầu thành hình rồi đó. Và nếu anh đúng, thì sẽ hình thành được năm mươi sáu ngàn đô la. Bao giờ thì có thể ra đó được?

— Ngày mai, nếu anh muốn. Ngày mai là ngày nghỉ của em. Em có xe. Ôi! anh yêu ơi, em nôn quá!...

Khỏi phải nói! Hắn cũng cảm nhận được điều này khi cô ấy chui vào vòng tay hắn. Và một lần nữa, hắn phải kiềm mình, phải cố gắng nghĩ đến chuyện khác để không để lộ sự gớm ghiếc. Nghĩ đến tiền. Nghĩ đến những gì hắn sẽ làm khi tìm ra tiền. Bởi vì nhất định hắn phải tìm ra tiền. Và thật nhanh!

Hắn vẫn còn nghĩ đến tiền khi Helen ngã đầu xuống gối. Và Rusty rất ngạc nhiên khi Helen hỏi:

— Anh yêu, anh đang nghĩ gì vậy?

Hắn mở miệng, rồi sự thật tuôn ra, trần trụi:

— Đến tiền. Đến cả đồng tiền kia. Mỗi người sẽ được hai mươi tám ngàn đô-la.

— Tại sao lại cho mỗi người hử anh yêu?

Hắn lưỡng lự một giây, rồi mới tìm ra câu trả lời thích hợp:

— Nếu em không thích chia, thì anh đồng ý.

Chứ sao nữa! Khi tìm ra, thì toàn bộ năm mươi sáu ngàn sẽ thuộc về hắn. Hắn chỉ việc khử cô ấy.

Nếu Rusty còn lưỡng lự chút nào để thực hiện kế hoạch này, thì ngày hôm sau, sự lưỡng lự đó tan biến ngay. Hắn ở cả ngày với Helen trong căn hộ, vì không có cách nào khác. Xuất hiện cùng Helen trong thành phố hoặc gần hồ là không nên.

Nên hắn bắt buộc phải chăm lo tán tỉnh cô, và để làm chuyện này không có nhiều cách. Khi đêm xuống, hắn đã sẵn sàng giết chết cô.

Làm thế nào, Mike lại có thể lý tưởng hóa cô đến mức đó? Rusty sẽ không bao giờ biết được. Cũng như hắn sẽ không bao giờ biết điều gì đã nảy ra trong đầu Mike khi Mike quyết định hạ người bạn thân nhất để cướp tiền.

Nhưng bây giờ thì chuyện đó không quan trọng nữa Chỉ còn một điều đáng quan tâm: tìm ra cái hộp kim loại đen.

Đến bốn giờ chiều, hắn xuống đường và di vòng qua khu phố. Mười phút sau, Helen gặp lại hắn ở góc đường và hắn leo nhanh lên xe.

Đường đi đến hồ mất hơn một tiếng. Helen đi vòng thành phố, rẽ vào con đường rải sỏi dẫn ra bờ hồ. Rusty đòi cô phải tắt đèn pha, nhưng cô trả lời rằng không cần vì không có ai cả. Khi nhìn kỹ bờ, Rusty nhận ra rằng cô nói đúng: vào đêm tháng mười một này, hồ tối thui. Helen dừng xe ngay phía sau nhà của Pete Taylor. Rusty hiểu ra ngay rằng trong đó không có cái xác: thậm chí xác con ruồi cũng không thể giấu trong cái nhà nhỏ lụp sụp này.

Helen lấy đèn pin trong ngăn xe.

— Chắc là anh muốn đến nhà đậu tàu ngay. Hướng này, tay trái, cẩn thận nhé, đất trơn lắm.

Đúng vậy, đất rất trơn. Rusty bước theo cô và tự hỏi xem đã đến lúc ra tay chưa? Hắn chỉ cần lượm một cục đá to để đập đầu cô.

Không, nên chờ thêm. Kiểm tra xem tiền có ở đó hay không, tìm địa điểm lý tưởng để bỏ xác Helen. Chắc chắn phải có một chỗ như thế. Mike đã tìm ra mà, đúng không?

Nhà tàu phía sau kè đâm ra hồ. Rusty lắc cửa. Cửa bị khóa.

— Em lùi lại đi! - Hắn ra lệnh.

Rồi hắn lượm một cục đá. Ổ khóa bị mưa gió làm sét rỉ, không còn chắc nữa và dễ dàng vỡ ra.

Rusty cầm lấy đèn pin từ tay Helen, đẩy cửa. Chùm sáng làm thủng bóng đêm. Nhưng bóng tối không hoàn toàn: có một đống những đầu thuốc lá đỏ hồng đang nhấp nháy. Y như những con mắt.

Hắn đột nhiên hiểu ra rằng đúng là những con mắt.

— Chuột - Hắn nói - Đi... đừng sợ. Em thấy không, ta đã nghĩ đúng mà.

Helen bước theo hắn. Cô không sợ. Thật ra Rusty đã nói chuyện với chính mình. Hắn không thích chuột và cảm thấy nhẹ nhõm khi lũ chuột bị đèn chói bỏ chạy và biến mất. Tiếng

chân bước khiến những con chuột dạn nhất cũng rút lui vào hang dưới nền nhà tàu.

Nền nhà! Rusty chĩa đèn xuống. Dĩ nhiên là nền nhà bằng xi-măng. Nhưng còn ở dưới?

— Chúa ơi! Chắc chắn bọn chúng có đến đây!

Đúng, họ có đến. Bởi vì nền xi-măng nát vụn. Cuộc của những người dưới quyền cảnh sát trưởng đã có tác dụng.

— Em đã nói mà - Helen thở dài - Bọn chúng đã tìm khắp mọi nơi.

Rusty rọi đèn một vòng. Không có tàu, không có đồ chất đống trong góc. Chùm sáng chỉ chiếu vào tường trần.

Rusty chĩa đèn lên trần nhà, làm sáng lên lớp mica của giấy tráng nhựa.

— Vô ích thôi - Helen nói - Nếu được, thì hay quá.

— Còn nhà nữa, đi!

Rusty quay lui, vui mừng được thoát khỏi mùi chuột hôi trong nhà tàu. Hắn rọi đèn lên trần lần cuối cùng, rồi dừng lại đột ngột.

— Em không để ý thấy gì sao? - Hắn hỏi Helen.

— Cái gì?

— Mái. Hơi cao hơn trần.

— Thì sao?

— Thì có thể có khoảng trống trên đó.

— Nhưng mà...

— Nghe kìa!

Helen im. Trong bầu im lặng, đột nhiên có tiếng sột soạt vang lên. Tưởng như tiếng mưa vỗ lên mái nhà. Nhưng trời không mưa. Và tiếng không xuất phát từ mái nhà. Mà từ phía dưới. Những cái chân nhỏ đang chạy lon ton giữa mái và trần giả. Trên đó có chuột. Chuột... Và có thể có cái khác nữa...

— Đi. - Rusty nói khẽ.

— Anh đi đâu?

— Ra kia. Tìm cái thang.

Không cần phải bẻ khóa, và như vậy rất hay: có cái thang trong buồng chứa dụng cụ. Rusty mang về. Còn Helen thì lấy được một thanh sắt dài. Cô chiếu sáng cho Rusty trong khi hắn dựng thang vào tường và leo lên. Hắn dùng thanh sắt đục thủng lớp giấy tráng nhựa. Chỉ có vài cái đinh. Rõ ràng người ta đã đóng hấp tấp. Một người chỉ có vài tiếng để hành động không thể mất thời gian.

Dưới lớp giấy tráng nhựa, Rusty thấy gỗ thô. Lần này, thanh sắt thật sự có ích. Phiến gỗ kêu rít lên làm lũ chuột hoảng sợ kêu chít chít và bỏ chạy vào khe tường. Chuột tháo chạy khiến Rusty thích thú. Nếu không, hắn sẽ không bao giờ đủ can đảm chui vào cái lỗ mà hắn đã đục ra giữa phiến gỗ để nhìn. Helen chuyển cái đèn pin cho hắn.

Hắn không phải tìm lâu: cái hộp đen ở đó, ngay trước mặt hắn. Còn phía sau, có... phần còn lại.

Rusty biết rằng đó là Pete Taylor, bởi vì chỉ có thể là anh ta mà thôi. Nhưng không còn gì giúp nhận dạng được Pete Taylor. Mảnh vải cũng không còn. Một mảnh thịt cũng không còn. Lũ chuột đã làm việc. Lũ chuột đã chén sạch đến tận xương. Chỉ còn một bộ xương. Một bộ xương và một cái hộp kim loại đen.

Rusty cầm lấy, kéo về phía mình. Hắn mở ra. Những xếp giấy bạc dày hiện ra trước mặt hắn. Hắn ngửi thấy mùi tiền. Một mùi lén át mùi gớm ghiếc của lũ chuột. Mùi nước hoa Pháp, mùi những miếng thịt bò thơm ngon, mùi đặc trưng của các xe sang trọng còn mới.

— Anh có tìm thấy gì không? - Helen lo lắng hỏi.

— Có. - Giọng Rusty hơi run - Anh lấy được rồi. Em giữ thang đi. Anh xuống đây.

Hắn leo xuống. Đã đến lúc rồi. Đến lúc ra tay. Hắn chuyển cho Helen thanh sắt và cái đèn, nhưng giữ cái hộp, vì hắn muốn tự hắn mang xuống. Khi hắn bỏ hộp xuống đất, thì Helen sẽ cúi

xuống xem. Khi đó hắn sẽ lượm một cục xi-măng, rồi nện vào đầu cô một cú thật mạnh.

Rất đơn giản. Hắn đã dự kiến trước tất cả. Trừ một chi tiết: bây giờ chính Helen đang cầm thanh sắt.

Cô dùng thanh sắt để đánh gục hắn, khi hắn đến bậc thang cuối cùng.

Có lẽ hắn bất tỉnh ít nhất mười phút. Đủ thời gian để Helen tìm ra một sợi dây đầu đó. Có lẽ trong xe. Dù sao Helen biết cách dùng dây. Cổ tay và cổ chân Rusty đau gần bằng cái đầu, chỗ máu bắt đầu đông lại.

Hắn mở miệng, nhưng vô ích: Helen đã dùng khăn tay bịt miệng hắn rất kỹ. Hắn nằm đó, bất lực, giữa đống xà bần nhà tàu. Hắn thấy Helen lượm cái hộp lên, phá lên cười.

Cô đã bỏ đèn xuống đất và đèn chiếu vào mặt cô. Cô không còn đeo kính nữa. Rusty nhìn thấy mảnh kính vỡ dưới đất.

Khi thấy hắn đang quan sát cô, Helen lại phá lên cười nữa.

— Tôi không cần kính nữa - Helen nói với hắn - Mà tôi chưa hề cần kính. Đó là một phần của màn kịch, cũng như để tóc dài ra và tăng ký. Tôi đóng vai con mụ mập khờ được hai năm rồi, để không bị ai chú ý. Kể cả khi tôi ra đi, cũng sẽ không ai chú ý đến. Đôi khi giả khờ rất có lợi, anh hiểu không?

Rusty thốt ra tiếng kêu, khiến Helen cười nhiều hơn.

— Dường như anh bắt đầu hiểu - Cô nói tiếp - Anh Mike chưa hề có ý định ăn cắp tiền lương của ai cả. Tôi ngoại tình với Pete Taylor được sáu tháng, và Mike bắt đầu nghi ngờ. Tôi không biết ai thông tin cho anh ấy và người ta đã nói gì. Anh Mike không hề nói gì về chuyện này. Anh Mike chỉ xách súng lên thành phố tìm anh Pete để giết anh. Có thể anh Mike cũng định giết cả tôi nữa. Lúc đó Mike không hề nghĩ đến tiền. Anh ấy chỉ biết là sẽ dễ kêu anh Pete lên xe ngày lãnh lương. Chắc là Mike đã đánh anh Pete bất tỉnh rồi chở đến đây. Có lẽ trước khi chết, anh Pete đã hét lên là mình vô tội. Dù sao anh Mike đã nói thế với tôi khi

về đến nhà. Tôi không kịp hỏi anh ấy đã chở Pete đi đâu và đã làm gì với số tiền. Khi về, những lời đầu tiên của anh Mike, là giải thích cho tôi nghe những gì anh đã làm. Và tôi đã bắt đầu nói láo ngay để tự vệ. Tôi đã thề với anh Mike là người ta đồn chuyện láo lếu, rằng anh Pete và tôi không hề làm gì xấu cả. Tôi đã đề nghị với anh ấy là lấy tiền và cùng anh bỏ trốn. Tôi đang đóng kịch thì bọn cớm đến. Tôi đoán anh Mike đã tin tôi, vì anh không hề nói gì khi ra tòa, nhưng sau đó tôi không còn cơ hội để hỏi xem anh ấy giấu tiền ở đâu. Anh Mike không thể viết thư nói cho tôi biết từ nhà tù, bởi vì thư bị kiểm duyệt. Nên tôi chỉ còn một giải pháp: chờ. Chờ anh ấy về hoặc gửi một ai đó đến với một bức thông điệp. Và chuyện ấy đã xảy ra.

Rusty muốn nói một cái gì đó, nhưng khăn bịt miệng quá chặt.

— Tại sao tôi đập đầu anh hả? Cũng vì nguyên nhân y như anh, khi anh chuẩn bị đập đầu tôi. Anh đừng chối. Đúng là anh có ý định đó, phải không? Tôi thừa biết loại người như anh suy nghĩ như thế nào.

Helen mỉm cười với Rusty.

— Và tôi cũng thừa biết người ta cảm thấy như thế nào khi bị tù. Hai năm nay, tôi cũng bị tù. Bị tù trong cái thân hình mập thù lù này. Tôi đã phải đau khổ nhiều để lấy được số tiền này. Bây giờ tôi sẽ ra đi. Trốn khỏi thành phố này, thoát khỏi cái lớp tù túng này; từ bỏ cái vai cô hầu bàn khờ khạo. Tôi sẽ sụt bớt hai chục ký và trở thành Helen Krauss như trước. Nhưng được thêm năm mươi sáu ngàn đô-la để hưởng thụ cuộc sống.

Rusty lại cố nói một cái gì đó nữa. Nhưng từ cái miệng bị bịt, chỉ có tiếng ấp úng không rõ ràng.

— Anh đừng lo - Helen nói - Họ sẽ không tìm ra tôi và cũng sẽ không tìm ra anh, trong một khoảng thời gian rất lâu. Tôi sẽ lắp lại ổ khóa trước khi đi. Mà giữa tôi và anh cũng không có mối quan hệ ràng buộc nào. Quá rõ ràng.

Cô quay lưng lại và Rusty ngưng không kêu nữa. Hắn co người lại rồi bắn hai cái chân bị trói ra. Gót chân hắn đập trúng ngay phía sau đầu gối Helen khiến cô ngã sục xuống. Hắn lăn người, vòng lộn. Chân hắn va mạnh vào bụng Helen. Cô kêu lên khàn khàn rồi bị bắn vào cửa nhà tàu, chiếc cửa ra vào đóng lại. Thân thể cô làm kẹt cửa. Khi đó Rusty bắt đầu đập liên tục thật mạnh vào mặt Helen. Chẳng bao lâu, đèn pin lăn giữa đồng xà bàn rồi tắt luôn. Hắn tiếp tục đánh chân về hướng có tiếng rên. Cuối cùng tiếng kêu rên tắt rồi cả căn nhà tàu im lặng.

Hắn lắng tai, chờ nghe tiếng thở của Helen. Nhưng hắn không nghe thấy gì cả. Hắn bò đến chỗ cô. Mặt hắn đụng phải một cái gì đó nóng và ướt nhẹ. Hắn rùng mình, lùi ra, nhưng rồi lại đến gần nữa. Ở chỗ Helen không bị đánh, da thịt lạnh ngắt.

Rusty lăn sang một bên, thử tự cởi dây trói tay. Hắn chà dây vào mảnh xi-măng có cạnh bên, hy vọng làm mòn dây. Cổ tay hắn chảy máu, nhưng dây không đứt. Và xác Helen làm kẹt cửa, cái cửa đóng kín, nhốt hắn trong bóng tối hôi hám.

Phải kéo Helen đi, mở cái cửa mắc dịch kia. Chui ra khỏi đây. Hắn bắt đầu đánh đầu vào xác Helen, nhưng cô quá đồ sộ, quá nặng. Không cách nào làm xác cô lay chuyển được. Hắn đập vào cái hộp, định ấp úng một cái gì đó qua khăn bịt miệng, định kêu Helen ngồi dậy để cả hai có thể ra khỏi đây, định giải thích với cô rằng, bây giờ, khi cả hai bị nhốt trong đây thì tiền không còn quan trọng nữa. Chỉ là chuyện hiểu lầm. Hắn không hề có ý định hại cô, hại bất cứ ai. Hắn chỉ muốn một điều thôi: ra khỏi chỗ này.

Nhưng hắn không ra được.

Sau một hồi, lũ chuột quay trở lại.

CÔ GÁI CUỐI NGỰA XẤM

John Collier

Anh chàng Ringwood là đại diện cuối cùng của một gia đình Anh - Ái Nhĩ Lan ở thị trấn Clare, một gia đình đã sống một cuộc sống rất phóng đảng ba thế kỷ vừa qua. Dần dần, tất cả ruộng đất đã bị bán đi, nếu không cũng bị dân trong vùng đốt cháy do không chịu nổi áp bức nữa. Ngày nay, gia đình Ringwood không còn một tấc đất nào. Tuy nhiên, hậu duệ cuối cùng vẫn còn vài trăm đồng bảng tô tức và nếu đất đai sở hữu của tổ tiên đã biến mất, dù sao anh chàng vẫn thừa hưởng được một bản năng khiến anh xem toàn bộ Ái Nhĩ Lan như sở hữu của riêng mình. Do đó, anh lấy làm vui mừng rằng vùng đất này dồi dào ngựa, cáo, cá hồi, thú săn và gái.

Ringwood, khao khát những thú vui này, bỏ thời gian đi xuyên Ái Nhĩ Lan từ Dongeral đến Wexford hết năm này qua năm khác. Không có cuộc săn nào mà không có anh dẫn đầu ít nhất một lần, trên một con ngựa mượn. Không có một chiếc cầu nào mà anh chưa vượt qua vào một buổi sáng tháng năm, không có một phòng quán ăn nào mà anh không ngủ thiếp đi vào một buổi chiều mùa đông trước một đồng lửa cháy trong lò sưởi.

Anh có một người bạn thân tên là Bates cũng thuộc loại như anh. Bates cũng có khuôn mặt xương xương rám gió, thái độ kiêu ngạo ti tiện và phong cách tán gái theo kiểu lãnh chúa, dù là ở nông trại hay chuồng bò.

Cả hai không bao giờ viết thư cho nhau, nhưng luôn luôn biết phải tìm người kia ở đâu vào bất cứ lúc nào. Bác soát vé xe lửa khi bắt gặp Ringwood ngồi toa hạng nhất với vé hạng ba luôn cố tình làm ngơ, báo cho anh biết về việc đi lại của ông Bates.

Chẳng hạn, bác nói là đã gặp anh chàng Bates... cũng trong những điều kiện như vậy thứ năm tuần trước, khi anh chàng đi đến Killorglin một hai tuần. Cô hầu bàn ở một quán ăn của người đánh cá có thời gian để thông báo cho Bates rằng Ringwood có đi Lough Corrib để câu cá. Cảnh sát, linh mục, nhân viên coi khu săn bắn và cả công nhân sửa đường cũng truyền tin. Thành ra, khi một trong hai người biết tin, liền gói đồ ngay vào túi du lịch cũ, lấy cần câu và súng bắn để đến với bạn.

Thế rồi vào một buổi chiều mùa đông, Ringwood đang đi từ Ballyneary trở về. Ngày hôm đó đặc biệt buồn tẻ. Bỗng nhiên, anh nghe tiếng gọi của một tên lái ngựa chột quen anh đang đi ngược đường trên một chiếc xe độc mã nhẹ. Tên này báo cho anh bạn của chúng ta là hắn đi thẳng từ Galway đến đây, và nơi đó đã gặp ông Bates đang đi đến một làng tên là Knockderry. Tên lái ngựa còn nói thêm là ông Bates có dặn dò hắn là phải báo tin này cho ông Ringwood nếu tình cù gặp được anh.

Ringwood suy nghĩ hồi lâu về lời nhắn này và để ý thấy nó rất đặc biệt. Thật vậy, bạn anh không có nói rõ là cuộc săn bắn hay câu cá. Không lẽ anh ta đã làm quen được với một tên giàu sụ nào đó, có nhiều ngựa và sẵn lòng cho họ mượn. Ringwood tự nhủ: “Trong trường hợp đó thì hắn đã nêu tên của ông giàu kia rồi. Chắc là hắn đang theo hai chị em: đó ỉa nguyên nhân hắn gọi mình. Mình chắc chắn như vậy!”.

Khi có ý nghĩ này, một nụ cười tinh ranh làm nhăn mũi anh theo kiểu con cáo. Anh lập tức xếp hành lý và đi về hướng Knockderry nơi mà những chuyến đi liên miên để săn thú lông mao, lông vũ hoặc gái chưa bao giờ đưa anh đến.

Anh thấy đường đi khá dài và, khi đến nơi, anh thấy chỗ đó thật tẻ nhạt. Cũng có những ngọn đồi như khi, thấp và buồn bao quanh ngôi làng, con sông đi qua thung lũng và luôn luôn

có cái tháp bị phá vỡ ở trên một gò thấp mà ta có thể lên qua một lối đi giữa cây cối rải rác.

Bản thân ngôi làng này cũng giống như những ngôi làng khác: vai ngôi nhà nghèo nàn, chiếc cối xay gió đổ nát, nửa chục quán rượu bình dân và quán trọ nơi một nhà quý tộc đã quen với các món ăn nông thôn có thể ở.

Xuống chiếc xe thuê, Ringwood ghé vào quán trọ đó. Anh vào trong bếp, gặp bà chủ và hỏi bạn anh, ông Bates, đang ở đâu.

— Tất nhiên là ông ấy ở đây, thưa ngài - Bà chủ trả lời - Nhưng hiện giờ ông ấy đi vắng.

— Nghĩa là thế nào? - Ringwood kêu lên.

— Vali của ông ấy ở đây, và đồ đạc cũng thế. Máy thứ đồ của ông ấy còn chiếm cả cái phòng lớn nhất của tôi (nhưng tôi còn có một phòng khác cũng đẹp như thế). Ông ấy ở quán trọ này gần như cả tuần nay. Nhưng ngày hôm kia, ông ấy ra ngoài đi dạo một chút, rồi, không biết ngài có tin không, từ đó chúng tôi không gặp lại ông ấy nữa.

— Anh ấy sẽ quay về - Ringwood nói - Bà hãy cho tôi xem một phòng, tôi sẽ ở đây để chờ.

Anh dọn đồ ở lại và chờ bạn cả buổi tối. Nhưng Bates không xuất hiện. Tuy nhiên, những việc loại như vậy không làm ai ngạc nhiên ở Ái Nhĩ Lan, còn nếu như Ringwood nôn nóng, chẳng qua là vì anh nghĩ đến hai chị em mà anh rất muốn làm quen.

Trong hai ngày tiếp theo, anh bỏ thời gian đi khắp các đường mòn trong vùng, hy vọng tìm thấy hai người đẹp hay, cùng lắm một người đẹp khác.

Anh không có ý nào định trước, nhưng anh thích một cô nông dân hơn vì anh không muốn mất thời gian tán tỉnh.

Chiều ngày thứ nhì, khi trời bắt đầu tối, anh đang ở cách làng khoảng một nghìn năm trăm mét. Anh gặp một đàn bò dính đầy bùn, do một cô gái chặn. Anh bạn chúng ta nhìn thấy cô gái

vội dừng lại ngay. Nụ cười hình thành trên môi anh làm tăng thêm vẻ giống cáo của anh.

Đó là một thiếu nữ chưa tới hai mươi tuổi. Đôi chân trần dính bùn và bị gai làm trầy. Nhưng nàng đẹp đến nỗi khiến dòng máu quý tộc của dòng họ Ringwood bắt đầu sôi sục trong tĩnh mạch của vị đại diện cuối cùng trong dòng họ, bỗng nhiên anh chàng không cưỡng lại nổi ý muốn thêm uống một ly sữa.

Anh chờ một hai phút, rồi thản nhiên đi theo đàn bò. Anh dự định, ngay khi thấy chuồng bò, sẽ xin một ly thức uống giải khát vô tội ấy, điều này cho phép anh bắt chuyện và nhanh chóng kết thúc vụ này.

Người ta thường nói một chuyện may mắn không bao giờ đến một mình, và điều bất hạnh cũng vậy. Trong khi Ringwood đang đi theo cô bé quyến rũ ấy và tự bảo mình rằng nàng chỉ có một trong cả vùng, anh nghe tiếng chân ngựa và quay đầu lại. Một con ngựa màu ngọc trai đang tiến về phía anh, có lẽ là đến từ một đường tắt, vì vài phút trước không hề thấy nó.

Một con ngựa xám thì cũng không quan trọng lắm, nhất là khi ta đang cần gấp một ly sữa. Nhưng vì hai lý do, con ngựa xám này khác so với con khác cùng chủng loại và cùng màu: trước hết đó không phải con ngựa gầy xấu, mà cũng không phải con ngựa đua. Khi đi, nó nhấc chân trước lên một cách kỳ lạ, nó có cái đầu nhỏ xíu và lỗ mũi rộng trông khá tao nhã. Ngoài ra - việc này khiến Ringwood không còn tò mò về chủng loại của con vật - cưỡi con ngựa xám là cô gái, không thể phủ nhận được, đẹp nhất mà anh chưa bao giờ gặp trong cả đời.

Ringwood nhìn nàng. Khi nàng từ từ ra khỏi hoàng hôn, đến lượt nàng cũng ngước mắt lên và nhìn chằm chằm Ringwood. Anh chàng quên ngay cô bé chăn bò. Hay đúng hơn anh đã quên đi tất cả.

Con ngựa đang tiến lại và vẫn tiếp tục quan sát Ringwood, mà anh cũng nhìn nàng. Và đây không còn đơn giản là một

cuộc trao đổi cái nhìn mà như vừa là lời cam kết vừa là cuộc hôn nhân.

Một lúc sau, con ngựa đã vượt khỏi anh, bỏ anh lại bên đường đứng sững vì cảm phục. Ringwood không thể động dậy mà cũng không thể la lên: anh đã quá xúc động nên không có một cử động nào. Anh chỉ nhìn con ngựa đi xa. Anh thấy con ngựa và cô gái cưỡi ngựa đi vào chiều hoàng hôn mùa đông, queo vào một cái cổng bị hư ngay khúc quanh. Trước khi đi vào, cô gái quay đầu lại và huýt sáo: chỉ khi đó Ringwood mới thấy có một con chó đứng lại bên anh đang ngửi chân anh. Lúc đầu, anh tưởng đó là một con chó nhỏ dạng sói nhưng anh nhận ra ngay đó là con chó lai. Anh thấy nó chạy khắp khiêng theo cô gái cưỡi ngựa, đuôi cúp, và anh nghĩ cách đây không lâu có lẽ con chó đáng thương đã bị một trận đòn nhừ tử, do còn thấy mấy cái vết trên lưng nó.

Nhưng anh đâu có thời gian quan tâm đến con chó. Khi tỉnh lại, anh đi về hướng cổng. Đến nơi, không còn thấy cô gái nữa, nhưng anh nhận ra con đường bỏ hoang dẫn đến cái tháp bị hư trên dốc đồi.

Ringwood cho rằng cảm xúc cho ngày hôm nay như vậy là đủ và trở về quán trọ. Bates vẫn vắng mặt, như vậy tốt hơn. Ringwood muốn dành cả buổi tối này để chuẩn bị kế hoạch chiến dịch. Anh tự nhủ:

“Con ngựa này không đáng giá hai mươi bảng. Vậy, cô nàng không giàu. Càng tốt! Mà mình nhớ nàng ăn mặc cũng không đẹp lắm. Thậm chí mình không nhớ nàng mặc cái gì nữa... có lẽ là một cái áo choang hay một cái gì tương tự. Mà nàng sống trong cái tháp cũ rích ấy nữa... mình tưởng hoàn toàn đổ nát rồi chứ. Có thể chỉ còn một hai phòng còn ở được ở tầng trệt: lâu đài của sự nghèo đói! Một trong những cô gái thuộc dòng dõi quý tộc, nhưng không có một xu dính túi. Nàng sống xa người tại một nơi khỉ ho cò gáy bị Chúa bỏ quên. Chắc một năm nàng

cũng không gặp được một người đàn ông, hèn gì nàng nhìn mình! Nếu mình được biết chắc nàng ở đó một mình, mình không cần thư giới thiệu đâu. Nhưng làm sao mà biết được, lẽ có một ông bố, ông anh, hay một ai đó! Ôi! Thế nào mình cũng giải quyết được khó khăn thôi!”

Khi bà chủ quán trọ mang ngọn đèn đến, anh hỏi:

— Đây, cái người phụ nữ trẻ cưỡi con ngựa xám kỳ quặc ấy là ai vậy?

— Một người phụ nữ trẻ, trên một con ngựa xám à? - Bà chủ quán ngạc nhiên lặp lại.

— Vâng, cô ấy đã qua mặt tôi trên đường dẫn đến đây và đi về con đường đưa đến tháp.

— Ô! Cầu mong Đức Bà Marie Đồng Trinh phù hộ và bảo vệ Ngài! Ngài đã thấy phu nhân Murrough xinh đẹp. - Bà chủ quán nói.

— Murrough à, tên cô ấy đó hả? Thì ra đó là một cái tên lỗi lạc của miền đông Ái Nhĩ Lan. - Anh nói.

— Đúng, - Bà chủ quán trả lời - bởi vì xưa kia có những ông vua và hoàng hậu mang tên này ở vùng Connaught trước khi người Saxon đến. Và nghe nói bà ấy có khuôn mặt của một hoàng hậu.

— Những ai nói vậy là đúng đó, Ringwood đồng ý và nói thêm: bà hãy mang cho tôi whisky và nước để tôi hoàn toàn được thoải mái.

Trong giây lát, anh xem hỏi xem cô Murrough có một ai đó tương tự như một ông bố hoặc một ông anh sống cùng cô ở trong tháp không; nhưng anh có một nguyên tắc là, đối với những vụ như vậy, nói càng ít càng tốt. Nên anh ra đóng lửa ngồi và tưởng nhớ lại nhan sắc của cô gái, sắc mặt cô khi nhìn anh. Anh quyết định rằng cái cơ nhỏ nhất cũng đáng để anh đến tháp.

Ringwood không bao giờ thiếu cố; chiều hôm sau, anh ăn diện thật bảnh và đi về hướng đường cũ. Anh đi qua cổng và đi theo con đường có hàng cây thông xuống che mát. Dây thường xuân gần như hoàn toàn phủ hết cây tạo thành vùng tranh sáng tranh tối bao trùm. Ringwood cố gắng nhìn thấy tháp, nhưng phía trước con đường có khúc quanh và ngôi nhà bị che khuất.

Khi anh đi hết con đường, anh thấy cô gái đang đứng yên đường như chờ anh.

— Xin chào cô Murrough - Anh nói khi đến đủ tầm nghe của cô - Hy vọng tôi không quấy rầy cô? Hình như tôi đã được vinh dự gặp một người bà con của cô cách đây không đầy một tháng ở Cork.

Lúc đó, anh đã đến đủ gần để nhìn thấy lại ánh mắt cô và anh ngưng nói. Bỗng nhiên, anh cảm thấy từ ngữ anh đang nói đều vô nghĩa.

— Tôi biết là anh sẽ đến. - Cô gái nói.

— Chúa ơi, tôi phải đến đây - Anh trả lời - Cô hãy nói... cô ở đây một mình à?

— Chỉ có một mình. - Cô trả lời và đưa tay ra như để dẫn dắt anh.

Ringwood mừng thầm vì vận may của mình và định nắm lấy bàn tay ấy. Nhưng khi đó, con chó lai nhảy phốc lên giữa hai người và suýt làm anh té.

— Nằm xuống! - Cô giơ tay lên và mắng - Về chuồng đi!

Con chó ngồi xuống, rên rĩ và bắt đầu bò phía sau cô.

— Cần phải dè chừng con chó này. - Cô nói.

— Nó dễ thương đấy chứ, - Ringwood trả lời - con chó có vẻ thông minh lắm. Tôi rất thích chó lai, chúng rất khôn. Sao? Mà muốn nói gì với ta à?

Ringwood có thói quen khen chó của các phu nhân và ngoài ra, con chó này rên rĩ và khóc lóc một cách khác thường.

— Yên đi! - Cô đưa tay lên ra lệnh và con chó im ngay - Nó là con chó lai bản thổ - Cô tiếp tục nói với Ringwood - Có phải anh đến đây để ca ngợi với tôi về một con chó không nòi không giống không?

Một lần nữa, cô nhìn thẳng vào mắt Ringwood. Anh quên đi con chó tội nghiệp; cô đưa tay cho anh. Lần này, anh nắm lấy tay cô, và cả hai đi về hướng tháp.

Ringwood như đang ở cõi cực lạc. “May quá! Anh nghĩ thầm. Giờ này, có thể mình đang mất thời gian tán tỉnh cô nông dân trong một chuồng bò ẩm ướt và hôi thối, mà chắc chắn mười ăn một là cô ấy sẽ khóc và chạy đến kể hết chuyện cho mẹ! Còn đây, hoàn toàn khác hẳn!”.

Cô gái đã đẩy một cánh cửa nặng. Cô ra lệnh con chó đi ngủ và, qua một đại sảnh lát đá, cô dẫn anh bạn của chúng ta đến một căn phòng nhỏ hình vòm hoàn toàn không giống một chuồng bò, nhưng hơi có mùi mốc và ẩm, như thường có trong các ngôi nhà cũ. Những khúc củi lớn đang cháy trong lò sưởi, trước có một chiếc ghế đi-văng thấp và rộng. Phần còn lại căn phòng được trang trí theo kiểu cổ xưa thật đơn giản. “Có vẻ khá trung cổ, Ringwood nghĩ thầm. Một nơi lý tưởng cho tình yêu!”.

Nàng ngồi vào ghế đi-văng và ra hiệu cho anh ngồi cạnh nàng. Không ai nói một lời nào hết. Hoàn toàn không có tiếng động, chỉ có gió thổi và con chó đang rên rỉ cào vào cửa phòng.

Cuối cùng nàng nói:

— Anh là một trong những bọn xâm lăng saxon. - Nàng nói nghiêm trang.

— Em đừng giận - Ringwood đáp lại - Tổ tiên anh đến Ái Nhĩ Lan năm 1656. Dĩ nhiên, về mặt Liên Minh Dân Tộc Ga-en... nhưng dù sao, - Anh lấy giọng Ái Nhĩ Lan đặc để trả lời - chẳng lẽ chúng mình lại nói chuyện chính trị sao? Hai chúng ta như thế này, ngồi trước đống lửa ấm cúng, mà lại đi nói chuyện chính trị à?

— Có lẽ anh thích nói chuyện tình yêu hơn, bởi vì anh thuộc loại đàn ông coi thường các thiếu nữ đáng thương của xứ Erin xanh tươi. - Nàng cười và nói.

— Em lắm hoàn toàn rồi. Trái lại, anh thuộc loại đàn ông sống cô đơn và buồn tẻ trong khi chờ đợi mối tình thật sự mà thường lại không gặp được.

— Vâng, nhưng hôm qua, anh rất quan tâm nhìn một cô nông dân trẻ đang đưa đàn gia súc về chuồng.

— Đúng, tôi nhìn cô ấy, nhưng khi anh thấy em, là anh quên cô ấy ngay tức khắc.

— Ý muốn của tôi như thế - Nàng nói và đưa hai tay về phía anh - Anh có muốn ở lại đây với tôi không?

—Ồ! Muốn chứ. - Anh chàng vui sướng thốt lên.

— Ở luôn?

— Ở luôn - Ringwood khẳng định - Ở luôn và mãi mãi. - Anh nói thêm, vì cảm thấy thà nói hơi quá một tí còn hơn là tỏ ra bất nhã đối với phụ nữ.

Nhưng trong khi anh nói, nàng nhìn chăm chăm vào anh và nàng có vẻ tin tưởng anh đến nỗi chính anh cũng bắt đầu tin những gì anh nói.

— Ôi! - Anh la lên - Anh bị em bỏ bùa mê mất!

Anh ôm nàng. Anh đề môi mình vào môi nàng và ngây ngất đi tức khắc. Thường, anh tự hào là giữ được bình tĩnh trong những lúc như thế này nhưng lần nay, sự say sưa quá mạnh đối với anh. Dường như trí óc anh tan vào một sự dịu dàng khoáng lạc và vào một đồng lửa nóng bỏng. Cuối cùng khi ngọn lửa không còn giày vò anh nữa, anh nghe nàng nói: “Mãi mãi! Mãi mãi!”. Rồi anh ngất đi và chìm vào giấc ngủ.

Có lẽ anh ngủ được rất lâu. Dường như anh bị đánh thức bởi tiếng cửa mở rồi đóng lại. Trong giây lát, anh không biết mình đang ở đâu.

Nay căn phòng đã tối hoàn toàn và, trong lò sưởi, chỉ còn vài cục than hồng đang cháy. Anh nháy mắt, lắc đầu, cố nhớ lại việc. Bỗng nhiên anh nghe Bates nói chuyện với anh. Bates lắm bầm như còn đang ngái ngủ.

— Rồi mà cũng đến đây! - Bates nói - Tao đã cố gắng hết sức để cản mà.

— Xin chào! - Ringwood thốt lên, tưởng mình đã thiu thiu ngủ bên cạnh đồng lửa ở quán trọ - Mà đó hả Bates? Ôi tao ngủ say quá. Tao cảm thấy hơi khó chịu. Trời ơi! Thì ra đó chỉ là một giấc mơ. Mà làm sáng lên một chút đi. Có lẽ đã trễ rồi. Tao đói muốn chết! Để tao kêu người dọn cho chúng ta ăn.

— Ôi lạy Chúa, mà nằm yên đi! - Bates nói với giọng khác lạ - Tao van mà, mà đừng có kêu lên. Nếu không cô ấy sẽ đến đánh cả hai ta!

— Mà nói gì vậy? - Ringwood nói - Đánh chúng ta à? Mà điên rồi sao!

Khi ấy, một khúc củi sụp vào đồng lửa, làm lóe lên một ngọn lửa nhỏ. Khi nhìn thấy đôi chân gầy và phủ đầy lông của mình, Ringwood hiểu ra tất cả.

KẺ THÍCH ĐÙA

Robert Arthurt

Sáng kiến là từ Bradley. Đêm thật là buồn chán và tại Trụ sở cảnh sát, nơi tụ họp của các phóng viên phụ trách mục tin hình sự của các nhật báo, Bradley, phóng viên tờ L'Express, đang chán nản vì cứ phải chơi bài bridge ba người, trong khi chờ có chuyện gì đó xảy ra.

— Tớ có sáng kiến, - Bradley vừa nói vừa vút bài xuống - ta sẽ chơi lão Pop một cú.

Pop Henderson là nhân viên trực đêm ở nhà xác, dưới tầng hầm tòa nhà. Đó là một người có bộ điệu chậm chạp, trí óc còn chậm chạp hơn nữa, đã trên bảy mươi tuổi rồi. Đáng lẽ chính quyền thành phố đã cho ông nghỉ hưu từ lâu, nhưng ông còn gánh nặng gia đình, một bà vợ bệnh, mà với khoản lương hưu, thì không làm được gì cả. Do công việc không có gì phức tạp, nên cấp trên đã nhắm mắt về tuổi tác của ông và cho phép ông tiếp tục làm việc.

— Trò gì vậy? - Furness hỏi.

Furness cao gầy, phụ trách mục án mạng của báo Record. Bradley trình bày, nhưng Furness lắc đầu:

— Tớ không thích. Lão Pop không được lanh lợi lắm. Tha cho lão đi.

Nhưng làm cho Bradley bỏ cuộc không phải là chuyện dễ. Bradley là kẻ thích đùa bất tri và có tiếng nghĩ ra những trò độc đáo. Đối với Bradley, cái quan trọng nhất là trò đùa; anh không thèm để ý đến chuyện ai là đối tượng của trò đùa.

Bradley vẫn cứ nói, và Furness, là người không thích tranh cãi, cuối cùng chịu thua. Morgan, thuộc tờ Chronicle, vui tính, đã uống hết một hai ly, đang trong tâm trạng hòa theo. Thế là

cả ba đi xuống phòng nhà xác rùng rợn, nơi Pop Henderson đang ngồi trong văn phòng bé tí chờ hết phiên trực. Ông không đọc báo đọc sách, vì cận thị rất nặng. Ông cũng không nghe đài. Ông chỉ ngồi đó, chờ hết giờ làm.

Dọc theo một vách tường gian phòng chính có hai chục ngăn khoảng bốn mươi lăm trên sáu mươi phân, đủ để chứa một người lớn trung bình, với điều kiện người đó không được trở người. Dĩ nhiên là khách trọ trong những ngăn này không bao giờ có ý muốn trở người. Các ngăn này được làm lạnh, được giữ ở nhiệt độ dưới không, và do đây là một thành phố lớn có nạn nhân tai nạn và nhiều xác chết không nhận dạng được tên tuổi nên phần lớn các ngăn đều có khách.

— Bác Pop ơi, - Bradley nói - tụi cháu cần xem số 11. Tụi cháu vừa mới nhận được tin cho rằng đó là xác của ông chủ ngân hàng ở New York bị mất tích.

— Số 11 hả?

Pop đứng dậy từ từ, rồi dẫn ba anh phóng viên dọc theo các ngăn; ông kéo khóa cửa của ngăn đề số 11, rồi kéo trượt ra hết. Một hình thù có phủ vải đang nằm trên đó. Bradley kéo tấm vải ra, giả vờ xem xét mặt.

— Trông cũng giống - Bradley gật đầu nói - Phải, khớp với mô tả. Bác Pop ơi, bác làm ơn đi lấy hồ sơ của vị này được không?

— Được thôi, cậu Bradley à.

Ông già gác đêm quay lui, bước đi nặng nề. Bradley nháy mắt về hướng Furness đang theo lão Pop về văn phòng. Khi không còn thấy cả hai nữa, Bradley và Morgan, vẫn còn hơi say, chuẩn bị trò đùa.

Để giữ lão Pop ở lại văn phòng, Furness giả vờ nghiên cứu thật kỹ hồ sơ của số 11, cho đến khi Morgan trở ra.

— Bác Pop ơi, bác đừng bận tâm nữa - Morgan nén tiếng cười và nói - Dường như tụi cháu lầm rồi. Bác cứ cho số 11 trở vào giường ngủ. Đi, Furness à, ta trở lên đánh bài tiếp đi.

Hai anh nhà báo rút lui, nhưng khi đến cuối hành lang, hai anh đứng lại chờ. Lão Pop cất giấy tờ hồ sơ, một cách có hệ thống và chậm chạp. Sau đó, vắn từ từ, như một người sống cả cuộc đời chờ những gì công việc đòi hỏi mình phải làm, lão lê chân trở ra ngăn còn mở, với hình thù phủ tấm vải.

Lão đang còn cách xa khoảng bốn mét, thì tấm vải động dậy. Một tiếng càu nhàu vang lên, rồi hình thù phủ tấm vải từ từ ngồi dậy, tấm vải trắng rơi ra khỏi một gương mặt nằm trong bóng tối, mà đôi mắt cận thị của lão già khiến ông không nhận ra đó là Bradley.

— Ta đang ở đâu đây? - Anh chàng phóng viên hỏi bằng một giọng vang dội - Các người đã làm gì ta vậy?

Pop Henderson lưỡng lự dừng lại; Bradley đưa một cánh tay quăn trong tấm vải lên cao, chĩa về hướng lão già, đầy đe dọa.

— Ông...! - Bradley kêu lên - Ông đã làm gì ta? Ông đã toan giết chết ta!...

Trò đùa thô lỗ, như phần lớn các trò của Bradley. Nhưng anh chỉ muốn gây ấn tượng với một ông già có trí óc chậm chạp do tuổi tác. Và theo quan niệm của Bradley, thì hiệu quả sẽ rất đạt. Suốt một hồi, Pop Henderson đứng sững tại chỗ, nín thở. Rồi ông quay lui, lê chân nhanh nhất trong vòng hai chục năm vừa qua, hướng về cầu thang.

— Chúa ơi! Ông ta còn sống! - Lão già hét lên bằng một giọng the thé - Ông ta còn sống! Hạ sĩ, hạ sĩ Roberts ơi! Lại đây nhanh! Có một xác chết còn sống!

Lão Pop hỗn hển đi ngang qua Furness và Morgan, leo lên cầu thang đi tìm hạ sĩ đang trực.

Nén tiếng cười, Dave Bradley nhảy xuống đất, nhét tấm vải vào ngăn số 11, rồi đóng rầm cửa lại.

— Nhanh lên! - Bradley cười gằn muốn nghẹt thở khi trở ra cùng hai anh chàng phóng viên kia - Nhanh, ta hãy đi cầu thang

khác, trước khi hạ sĩ xuống đây. Không có ai rầu rĩ hay làm mất vui như hạ sĩ từ khi hạ sĩ bị loét dạ dày, và hạ sĩ sẽ giận lắm!

Cả ba đã trở về phòng nhà báo, thì nghe ngoài hành lang tiếng chân của ông bảo vệ nhà xác và hạ sĩ. Hạ sĩ, một người to cao, đang càu nhàu. Lão Pop vẫn còn cà lăm, nói chuyện không rõ.

— Ông ta ngồi dậy, thưa hạ sĩ... Tôi thấy ông ta ngồi dậy, nhìn tôi và....

Tiếng nói chuyện tắt đi khi đến cuối hành lang, hai người bước xuống cầu thang dẫn xuống nhà xác. Bradley ngả lưng ra ghế, phá lên cười lớn. Morgan cười khúc khích vẻ lúng túng, rồi im. Furness, vẫn còn giận mình vì đã nhận lời tham gia, châm điếu thuốc, nhưng lại dập tắt ngay.

Ba phút sau, anh hạ sĩ to cao bước dọc theo hành lang trở lại. Hạ sĩ dừng trước phòng nhà báo, giận dữ nhìn ba anh phóng viên.

— Đồ giễu dở! - Hạ sĩ càu nhàu - Đùa kiểu gì không biết nữa!

Sau đó, hạ sĩ trở về văn phòng mình.

— Ôi! Cái mặt tay hạ sĩ! - Bradley cười nắc và ôm bụng - Chắc là hạ sĩ đang bị đau bao tử. Hạ sĩ... Ủa, các cậu làm sao thế? - Bradley hỏi khi thấy Furness và Morgan không cười theo - Các cậu không biết cười một trò đùa nữa hả?

— Tớ đi ra ngoài - Furness nói rồi chìa tay lấy nón - Nếu tòa soạn của tớ gọi đến, nhờ các cậu nói giúp là tớ đang đi kiểm tra tính xác thực của một thông tin.

Furness bước ra.

— Đồ hăm tài. - Bradley lăm bằm.

Morgan, đã hết men rượu, nhún vai.

— Cũng có thể trò đùa này không hay lắm - Morgan nói - Tớ ra ngoài một chút, kiếm cái gì đó ăn, rồi về nhà. Dù sao, bây giờ tòa soạn đã ngưng nhận tin rồi.

Nói rồi Morgan bước ra. Dave Bradley nhăn mặt, rồi lấy một điếu xì gà, cắn cái đầu, nhả xuống đất.

— Mình chúa ghét những kẻ không biết đùa. - Bradley nói khẽ.

Bradley đang châm điếu xì gà, thì Pop Henderson lê chân đến, dừng trước cửa, nhìn vào phòng.

— Không nên chơi những trò kiểu như thế, cậu Bradley à - Ông già nói nhẹ nhàng - Tôi bị một cú hú hồn, nhưng tôi không phiền điều này. Chỉ phiền là có chuyện với hạ sĩ Roberts. Hạ sĩ cứ than phiền về tôi suốt và hạ sĩ tức giận vì lúc nãy tôi chạy ào vào phòng hạ sĩ. Chúng tôi xuống dưới và thấy mọi cái xác đầu vào đấy. Hạ sĩ nói tôi bị ảo ảnh. Rồi khi tôi nói các cậu nhà báo vừa mới ghé qua, hạ sĩ đã hiểu ra rằng đây lại là một trò đùa của cậu.

Lão Pop dừng lại để thở, mắt nhìn chăm chăm vào Bradley, nhưng không oán giận gì. Bradley châm điếu xì gà chậm rãi.

— Hạ sĩ nói nếu tôi còn để bị đưa vào một trò đùa của cậu hay tôi phạm sai lầm gì, thì hạ sĩ sẽ lo cho tôi đi luôn, như lẽ ra tôi phải đi từ nhiều năm trước - Ông già bảo vệ nói - Mà tôi không thể nghỉ việc được. Tôi cần khoản tiền lương nấy. Nên cậu Bradley à, tôi xin cậu, đừng đùa nữa.

Lão đứng tại đó suốt một hồi nữa, rồi lê chân bỏ đi. Dave Bradley nhún vai, phì một vòng tròn khói, rồi chụp lấy máy điện thoại.

— Báo L'Express ? Phòng thư ký biên tập phải không? Tôi Bradley đây. Ở đây không có gì đáng chú ý cả. Tòa soạn ngưng nhận tin chưa? O.K. Tôi về nhà đây. Sáng mai tôi mới gọi lại nhé.

Bradley gác máy, phì thêm một vòng tròn khói khác, và bước ra.

Khi đã ra ngoài, trong cái lạnh và bóng tối, Bradley lưỡng lự. Tâm trạng của anh lại buồn chán, bởi vì cái thứ thiết yếu đối với anh, hơn cả rượu hay phụ nữ, là cười, đùa, pha trò. Anh quyết

định đi uống một cái gì đó, nhưng lại không muốn bước vào một chỗ có thể đụng Furness và Morgan. Anh chọn một quán nhỏ ở khu kè, nơi không có thành viên nào trong nhóm phóng viên lui tới.

Quán rượu chật hẹp và dơ dáy; nhưng whisky làm ấm người lên. Sau ly thứ ba, Bradley đã thấy vui vẻ trở lại. Tính thích đùa của anh đang hồi sinh. Thêm một ly nữa, và Bradley thấy yêu đời như trước. Anh bắt đầu suy gẫm về một trò đùa khác. Làm thế nào qua một buổi tối mà không có một trò đùa hay một trận cười hả dạ và một nhóm bạn cùng vui vẻ với nhau? Mặc kệ Morgan và Furness! Lũ hãm tài!

Bradley nhìn xung quanh. Đã hai giờ sáng, trễ quá rồi. Quán rượu gần như không còn ai. Chỉ còn Bradley, chủ quán và một người đàn ông nhỏ gầy đang uống bia, một chân tựa trên thanh đồng. Xét theo vẻ bề ngoài, chủ quán là một người biết cười, còn người đàn ông nhỏ sẽ bắt buộc phải cười theo thôi: ông ta chỉ rất xương và da, thì có thể làm gì khác được?

Bradley nén nụ cười, rồi cúi xuống cột dây giày. Bằng một động tác nhanh nhẹn, anh nhét một que diêm giữa đế và mặt giày của người đàn ông nhỏ. Anh đốt cháy que diêm, rồi đứng dậy kêu thêm một ly rượu.

Bradley nháy mắt với chủ quán, khi ông rót whisky. Rồi anh hát đầu chỉ ông khách thứ nhì.

— Rồi anh sẽ thấy. - Bradley thì thầm.

Người phục vụ không hiểu và mở to mắt. Nhưng Bradley đang nín cười. Người đàn ông nhỏ hét lên một tiếng, nhảy thụt lùi, lò cò. Ông dùng tay đập mạnh vào que diêm đang cháy.

Bradley cười to lên, chờ đợi chủ quán cười với mình. Người đàn ông nhỏ đặt chân trở xuống đất, rồi quay sang anh phóng viên.

— Đồ.... - Chỉ một từ ngắn không thềm nói hết câu, cánh tay ông đã vung lên.

Rồi ông đánh.

Cú đấm trúng ngay miệng Bradley đúng lúc anh đang quay đầu, làm đập môi anh vào răng. Bradley choáng váng, không vịn nổi vào quầy và ngã nằm dài ra phía sau; cổ anh va mạnh vào thanh đồng của quầy. Bradley vừa kịp nghe tiếng kêu rắc rùng rợn đầu đó giữa cổ và đầu, rồi mắt anh tối sầm lại.

Người đàn ông nhỏ hung hăng nhìn Bradley.

— Thằng ngu! - Ông nói - Dám đốt chân ta! Ta, Kid Wilkins!

Chủ quán bước ra trước quầy, lau tay vào cái tạp dề dơ.

— Kid, dường như anh đánh mạnh tay quá - Người phục vụ căng mắt ra và nói - Sao nó nằm yên quá.

— Có gì đâu! Một cú đấm thẳng vào miệng, - Người đàn ông nhỏ nói - chỉ đủ làm bể một hai cái răng, thế thôi... Lần sao nó sẽ suy nghĩ trước khi đùa kiểu đó.

— Cái đầu nó, - Người phục vụ lo lắng nó - sao nghiêng quá. Anh có nghĩ...

Chủ quán không nói hết câu, và ngồi xuống. Ông bắt mạch Bradley, rồi thò tay dưới áo sơ-mi. Sau đó, gương mặt đỏ hồng của ông chuyển sang màu đất.

— Nó chết rồi - Ông nói bằng một giọng khàn - Chết queo rồi.

— Chết sao?

Người đàn ông nhỏ dùng tay xoa môi.

— Đây là một tai nạn! Tôi đâu có đánh đủ mạnh để giết chết nó. Đây là một tai nạn, anh có nghe không?

— Phải, tất nhiên rồi, tất nhiên, Kid à! Tai nạn mà.

Chủ quán bước nhanh ra cửa, quay chìa khóa, kéo màn sáo xuống như để đóng cửa quán, rồi tắt đèn bên ngoài. Sau đó, ông trở lại chỗ Bradley.

— Không ổn đâu, Kid ơi - Ông vừa nói khẽ vừa lục túi áo Bradley - Tôi đang bị rắc rối với cảnh sát, mà bây giờ lại lãnh thêm cái xác chết trong quán. Còn anh thì đã bị án hai lần vì tội đánh nhau.

— Thôi, thôi, - Kid Wilkins xẵng giọng nói - tôi rất nóng tính và hay dùng nắm đấm, vậy thôi. Làm gì bây giờ?

Ông chủ quán xem xét qua bóp giấy tờ mới lấy trong túi Bradley.

— Kid ơi, không phải chỉ là chuyện xui - Ông nói - Mà là rắc rối to. Thằng ngu này là nhà báo. Báo L'Express ! Gần giống như cảnh sát.

— Nhà báo - Kid Wilkins cay đắng nói - Vậy mà đi châm lửa vào chân tôi, rồi tôi lại đánh nó, rồi nó lại gãy cổ! Tại sao vậy? Tôi hỏi anh? Tại sao vậy?

— Đừng tìm hiểu tại sao, tôi có sáng kiến thế này. Phải mang nó ra khỏi đây. Ra ngoài kè, rồi thả nó xuống nước. Làm sao cho trông giống như nó say, rồi té xuống nước.

— Đúng! - Người đàn ông nhỏ bốt nhẵn nhó - Sáu giờ, tàu tôi sẽ nhổ neo, tôi sẽ không bao giờ quay lại cảng này nữa, thế thôi. Nếu người ta điều tra đến tận đây thì anh cứ trả lời nó say khi ra về khi anh đóng cửa, và anh không biết gì.

— Đúng. Bây giờ, ta hãy lấy tất cả những gì nó có trên người. Như vậy sẽ mất nhiều thời gian hơn để tìm ra tên tuổi nó. Cuộc điều tra sẽ kéo dài. Tôi và anh sẽ mang nó ra kè.

Chủ quán nhanh tay lục túi áo Bradley chuyển tất cả những gì có trong túi vào túi mình, rồi tắt hết đèn quán, mở cánh cửa sau, cửa dẫn ra một con hẻm tối om.

Một hồi sau, hai người dìu Bradley ở giữa, như một kẻ say rượu.

Bradley đột ngột tỉnh lại. Đúng hơn là chỉ tỉnh một nửa, đủ để nhận thức mình vẫn còn sống. Anh thử động đây, nhưng toàn thân ê ẩm và cơ bắp không chịu tuân lệnh. Anh hoàn toàn không cảm thấy đau, hoàn toàn không có cảm giác gì cả. Thậm chí anh không thể biết mình đang ở tư thế như thế nào; nhưng anh có cảm giác mình đang nằm ngửa.

“Cái cổ mình, ý nghĩ đột nhiên xuyên qua đầu anh, mình bị đung cổ lúc té. Cái đốt sống mà mình bị trật lúc chơi đá bánh khi còn ở trường. Mình lại bị trật nữa rồi. Cũng như lúc mình nằm giường một tháng, hầu như không nhúc nhích được. Nhưng lần này, tệ hơn. Cú té mạnh hơn nhiều. Mình nghe tiếng rắc trong đầu”.

Rồi Bradley nghe tiếng nói, tiếng nói rất nhỏ, như đến từ rất xa.

— Được rồi, tôi giao anh này cho bác - Giọng đó nói - Người ta tìm thấy anh ta phía kè. Xét cái mặt, thì có lẽ anh ta bị đâm mạnh thẳng vào mặt. Xác đã lạnh khi bác sĩ đến; không nên nằm ngoài trời vào một đêm lạnh như thế này. Bác sĩ trực không thấy mạch, không nghe tim đập. Nên bác sĩ gửi anh ta đến cho bác. Không có tên tuổi gì. Bác hãy cho anh ta một chỗ nằm, chăm sóc cho kỹ nhé. Ngày mai, ta sẽ mổ xác.

Giọng nói tắt đi. Bradley cảm thấy mình bị nâng lên, bị di chuyển đi. Có tiếng kêu rắc nhẹ ở cổ anh rồi anh đột nhiên mở mắt ra được, như thể dây thần kinh tối quan trọng này được nhẹ đi.

Cho dù chỉ tỉnh lại một phần, những gì xung quanh quá quen thuộc nên Bradley nhận ra ngay.

— Pop, - Bradley nói khẽ - Pop Henderson.

Lão già không chú ý và xếp cho xong tay chân Bradley cho ngay ngắn. Bradley thử kêu lại.

— Pop ơ (lần này mạnh hơn một chút). Pop ơ, cháu còn sống!

Ông già bảo vệ đang cúi xuống. Ông quay lại, nhú mày. Nỗ lực cực độ, Bradley kêu thêm một lần nữa:

— Pop!

Tiếng kêu nghe như tiếng ọc ọc.

— Cháu, Dave Bradley đây! Cháu còn sống. Gọi bác sĩ, nhanh!

Nét mặt Pop Henderson hốt hoảng lên. Lão cúi xuống Bradley, nhìn anh:

— Cậu Bradley! - Lão sửng sốt kêu - Tôi đã không nhận ra cậu do cái mặt bị sưng vù. Không ai nhận ra cậu cả.

— Bác đừng để ý chuyện này (Bradley phải cố gắng khùng khiếp để thốt ra mỗi từ). Cháu còn sống. Bác kéo cháu ra khỏi đây. Đi gọi bác sĩ đi.

Pop Henderson lưỡng lự, bối rối, không biết làm gì. Rồi lão cầm tấm vải lên, giũ ra:

— Cậu Bradley à, tôi đã nói rồi, không được đùa nữa. Một lần đêm nay là đủ rồi.

Lão thận trọng trải tấm vải ra trên thân thể đang nằm dài.

— Nếu tôi bị lừa thêm một lần nữa, hạ sĩ Roberts sẽ không bỏ qua đâu - Lão nghiêm trang nói - Không, cậu Bradley à, không thể đùa hai lần trong cùng một đêm.

Lão chậm rãi đẩy ngăn có bánh xe lăn vào, đóng ô cửa đề số 12, rồi xoay cái nút để đóng kín.

Rồi lão lê chân bước trở về văn phòng, ngồi xuống kiên nhẫn chờ giờ đi về.

NGƯỜI VỢ CÂM

Thomas Burke

Chuyện tình này thật là đen tối, đen tối như các dãy nhà buồn tẻ chắn không cho ánh sáng chiếu vào đường phố dọc theo kè sông, ở những đường phố xám xịt này, không có tiếng ồn và không có cửa sổ hiếu khách, buổi trưa luôn lạnh lẽo. Ở đây, lẽ đường tạo nên biên giới cách ly những người gầy gò đang sống tại đó và đá lót đường không vang dội tiếng bước chân đi.

Tuy nhiên, dù tình cảm khác chết đi, cái đẹp, tình yêu và lòng hy sinh vẫn tồn tại dai dẳng. Tại những nơi vắng vẻ trên sông của thành phố Luân Đôn, điều bất chính bất công lan truyền và nảy nở, có khuynh hướng tiêu diệt những gì đẹp đẽ và dũng cảm. Nhưng cái đẹp vẫn tồn tại. Thậm chí trong lòng bóng tối, tình yêu bất rã và tạo nên những điều mê ly bất diệt như ánh trăng, vườn hoa tràn trề ánh nắng, khúc nhạc xuân.

Ở một trong những đường phố không vui vẻ ấy, xa khu Tàu một ít, có một hiệu giặt ủi Tàu. Suốt nhiều năm trời, một phụ nữ lai châu Á ngồi ở cửa sổ phía trên của hiệu giặt ủi. Cô ngồi đó, hết ngày qua ngày khác, hết tháng này đến tháng kia, gợi nên lòng trắc ẩn nơi những người bất hạnh mà nỗi đau khổ vẫn chưa vùi dập được lòng thương hại. Người ta biết được một phần câu chuyện của cô. Cô là vợ của ông Ng Yong, chủ hiệu giặt ủi, và cô bị câm.

Khi trời vẫn còn sáng, cô ngồi ở cửa sổ và nỗi buồn đã xóa đi biểu lộ nơi khuôn mặt vốn điềm tĩnh của cô. Cô không nhìn gì cả, không nghe gì cả. Cô bất động và im lặng, như một bức tượng Trung Quốc nhỏ. Và cặp mắt nhỏ của cô phản ánh một nỗi khiếp sợ âm thầm đến nỗi những người lạ đi ngang qua cửa sổ đều muốn bước chân nhanh về con đường chính của khu

vực. Người ta sẽ không bao giờ biết được điều gì xảy ra phía sau gương mặt cứng đờ ấy. Người ta chỉ có thể thử tưởng tượng thôi. Những tình cảm căm thù nào, những cảm giác sợ hãi nào, những ý muốn báo thù nào, những ước ao chạy trốn nào, những ý nghĩ đen tối nào và những kỷ niệm nào còn đen tối hơn nữa đang tích dồn trong cái đầu ấy? Chúng ta không thể biết được.

Thỉnh thoảng, không hề báo trước, cô mất đi tính trơ lì và cô lên cơn thịnh nộ. Cô chạy về phía cửa và những nỗ lực của cô đạt đến cực điểm. Nhưng trong khi quơ tay một cách tuyệt vọng về hướng kho cảng Ăng-Ti, từ miệng cô chỉ phát ra những âm thanh không thành tiếng. Khi ấy, chồng cô lao đến. Ông buồn bã nắm lấy tay cô và, một cách kiên quyết dịu dàng, đưa cô trở về chỗ ẩn cư cô đơn. Còn người láng giềng thì thương xót và khâm phục thái độ ông trong thử thách này.

Ông đã giải thích cho họ biết về nỗi bất hạnh ập lên nhà ông, và thường họ giúp ông đỡ dành bệnh nhân. Là một người chồng ân cần, ông luôn đi cùng vợ trong những buổi đi dạo hiếm hoi của cô. Khi cô cứ quẹo hết đường này sang đường khác, thể như cô muốn tìm lại một nơi chỉ mình cô biết, và khi người qua đường dừng lại, ngạc nhiên vì gương mặt van xin và đôi môi nhấp nháy vô hiệu của cô, ông lại lôi kéo cô đi. Người lạ tránh xa đi, còn những ai biết cặp vợ chồng này thì tiến lại gần để tiếp sức ông chồng.

Đó là những gì người ta biết được. Còn sau đây là toàn bộ câu chuyện.

Khi Moy Toon ra đời ở Poplar, từ người mẹ gốc Anh và cha gốc Tàu, cô không được niềm nở đón tiếp. Gia đình mẹ hoàn toàn không nhìn cô, còn gia đình cha chỉ lo sao cho cô không chết đói. Sớm mồ côi, cô vào làm những công việc nặng nhọc nhất cho một phòng trà khu kiều dân Tàu. Ở đó, cô sống qua nhiều năm cực khổ, không đếm ngày. Cô không suy nghĩ nhiều. Cô không cảm giác gì cả. Cô ít khi hỏi tại sao. Cô hài lòng với số

phận mình, giống như một nô lệ sinh ra trong chế độ nô lệ và không được học hỏi gì cả. Cô thừa hưởng tính phục tùng của người phương Đông nhiều hơn, là tính hoài nghi và ý thích đấu tranh của người phương Tây. Sự việc như vậy và cô chấp nhận thế. Cô lớn lên trong kho cảng hỗn tạp. Cô ít được giáo dục về đạo đức và những gì cô biết chỉ giới hạn ở những điều người ta dạy cho một phụ nữ thuộc tầng lớp cu-li. Và cô trải qua những năm tuổi trẻ như trong một cơn mơ dài.

Một đêm, có một chàng phụ tá cai thủy thủ đến phòng trà trong tình trạng hoàn toàn say xỉn. Cô đã thấy anh nhiều lần ngoài đường phố và đã khâm phục, theo kiểu của cô, dáng đi tự nhiên, khuôn mặt r ám nắng biển của anh. Đêm đó, anh chàng say bia đã để ý cô gái có nét duyên với tính sắc sảo phương Tây và tính nghiêm trang phương Đông trộn lẫn với nhau. Anh tán tỉnh cô. Thật ra, anh chỉ cần nói chuyện, vì cô gái lai đã bị chinh phục ngay bởi người đàn ông kỳ diệu xuất hiện trong cuộc đời cô.

Có nhiều đêm khác tiếp theo đêm đó. Anh săn sóc cô từng ly từng tí, anh gọi cô là Baby Doll hoặc đặt cho cô nhiều bí danh tình tứ khác, mang đến cho cô những món quà rẻ tiền. Khi trở về đất liền, lần kế tiếp, anh lại tiếp tục mời cô đi chơi, vui sướng vì có cô bên cạnh. Vài tháng sau, anh chào từ biệt cô vĩnh viễn và báo với cô là anh sắp lấy vợ và định cư ở một khu khác của Luân Đôn. Cô không gặp lại anh nữa. Cô bình thản chấp nhận việc anh bỏ đi, không oán hận, cũng như cô đã chấp nhận việc khác, dù hạnh phúc hay bất hạnh, cô không đòi hỏi anh điều gì cả.

Sau đó đưa con ra đời. Chủ nhà hàng không hài lòng lắm về sự lảm lạc vụng về này trong cách ăn ở của cô. Tuy nhiên, ông cũng lo lắng chút ít cho cô hầu của mình và đưa trẻ được gửi cho một bà già ở Blackwall mà cộng đồng kiều dân Tàu biết rõ. Moy Toon say mê đứa bé. Đối với cô, đó là kỷ niệm bằng xương bằng

thịt của mỗi tình duy nhất đời cô và cô yêu đứa bé tha thiết. Ban đầu, cô không chịu rời bỏ nó. Bằng cách giữ nó bên cạnh cô, cô tỏ thái độ khinh thường tất cả những ai xem rẻ việc làm mẹ tuyệt vời của cô. Rồi dần dần, cô hiểu ra lời khuyên này là đúng. Với đứa con, cô không thể hy vọng kiếm được số tiền ít ỏi mà cô cần, mà cô không thích sống theo lối của những cô gái cùng giai cấp và cùng xuất xứ như cô. Cô chỉ có một mối tình duy nhất và, vì lợi ích con trai cô, cô muốn mình nghiêm túc. Cô thích chế độ làm việc cực nhọc ở phòng trà hơn là những cuộc đàn díu buồn chán ngoài đường phố. Cô hiểu rằng, cả nếu như bị trao vào tay người lạ, đứa trẻ sẽ nhận được những chăm sóc cần thiết mà cô không thể làm được. Cô đành để cho sự khôn ngoan chiến thắng tình cảm mình và chịu gởi đứa bé, tuy nhiên với điều kiện là được gặp nó mỗi khi cô muốn.

Trong sáu năm liền, cô tiếp tục cuộc sống khô cằn của mình. Cô cũng rất mang ơn số phận vì cuộc đời buồn tẻ của cô được đứt đoạn mỗi tuần bởi những chuyến đi thăm con trai. Tuy vậy, trong suốt những năm này, cô thường khóc ban đêm. Cô nhớ sức sống trẻ thơ và bộ điệu mảnh dẻ của đứa con mà cô không thể công khai nhận lấy, và trong bóng đêm cô cố vươn tay về hướng con một cách hão huyền. Nó chơi ngoài đường phố cả ngày, lớn lên và trở thành một cậu bé trai khỏe mạnh so với tuổi nó. Cô bỏ những buổi trưa vui thích hóa trang cho nó thành thủy thủ: áo hạ sĩ, nút vàng, mũ cát két có lưỡi trai gắn nhiều quân hàm. Cô gọi con là “thủy thủ nhỏ bé của mẹ”, và những buổi trưa như vậy bù lại cho những đêm cô đơn.

Khi ấy, Ng Yong xuất hiện. Ông đã mua lại hiệu giặt của một đồng hương trở về nước, và làm ăn phát đạt. Nhưng khi nhìn kỹ nhà mình, ông phát hiện thiếu một cái gì đó. Cái đó là một người vợ. Ông nhận ra rằng một người vợ sẽ như một món đồ gỗ đẹp làm cho cửa hiệu hoàn chỉnh hơn. Ông bắt đầu tìm kiếm vợ, và ở phòng trà Trăm Rồng Vàng ông đã tìm thấy Moy Toon. Ông

cảm thấy Moy Toon đúng là món hàng mình đang cần. Ông hỏi thăm ông chủ phòng trà, và được biết Moy Toon không có ai và là sở hữu ông chủ.

Ng Yong rất nghiêm khắc về đức hạnh của phụ nữ (ông tự đặt mình vào vị trí người có thể mua) và đặt ra vô số câu hỏi với chủ phòng trà về cuộc đời và hạnh kiểm của Moy Toon. Ông chủ Trăm Ròng Vàng trả lời: nhưng không hoàn toàn thành thật, với một độ ti tiện nào đó cùng một vẻ chân thành quyến rũ. Khi Ng Yong đòi hỏi lời bảo đảm là món hàng chưa bị ô uế, ông chủ đã cam kết. Trên thế giới không có một nhà buôn nào lại tự ý làm giảm giá trị hàng hóa của mình và ông biết nếu để lộ một mối tình dan díu như vậy giá bán món hàng sẽ giảm đi nhiều.

Moy Toon cũng được báo trước riêng về bước đầu của cuộc thương lượng và người ta lưu ý với cô, bằng cách ca ngợi sự phát đạt của Ng Yong, rằng tình cảnh của cô sẽ được cải thiện đến mức nào nếu lấy được ông ta. Người ta còn nhấn mạnh rằng việc giữ bí mật chuyện đứa con là rất cần thiết. Người ta thúc ép cô từ bỏ mãi mãi đứa con, nhưng về vấn đề này, cô không trả lời gì cả. Cô không bác bỏ cuộc hôn nhân mà người ta đề nghị với cô. Ng Yong cũng già rồi, nhưng cô không hề để ý đến sự khác biệt về tuổi tác. Cô mang đủ tính cách Tàu để làm quen với việc này. Cô nhìn thấy trong cuộc hôn nhân này một cơ hội để được giúp đỡ và, một cách gián tiếp, cải thiện cuộc sống của con trai cô. Vậy cô sẵn lòng lấy chồng, mà không cần suy nghĩ thêm. Không một lúc nào, cô tự hỏi xem mình có giữ nổi bí mật không, về việc này, cô hoàn toàn tự tin.

Một thời gian sau, Ng Yong đến gặp cô, phỏng vấn cô, rồi tuyên bố là ông hài lòng về cô và về tính khiêm tốn của cô. Nhưng ông cũng không bỏ qua cơ hội giảng dạy dài dòng về hạnh kiểm của một người vợ. Ông ngồi trước mặt cô, trong nhà bếp của phòng trà, đôi tay mập mạp đặt trên đầu gối, cái đầu già gật gù, những ý nghĩ thâm kín của đôi mắt được che giấu kín

phía sau hai mí mắt xéch để bạn bè không thể đoán được. Ông ta nói, vợ của Ng Yong phải vâng lời, luôn phục vụ đức ông chồng và không bao giờ được hỏi, thường xuyên chăm lo quản lý nhà cửa, cắt đứt quan hệ với những người ở phòng trà và trên hết, là phải trung thực và chung thủy. Cô phải thuộc hoàn toàn về ông, và chỉ một mình ông mà thôi. Ông đọc cho cô nghe mấy đoạn trong Bốn Điều Dạy về người phụ nữ đức hạnh, và giọng nói của ông chỉ còn thì thầm khi ông nói đến hình phạt dành cho người phụ nữ không tuân theo điều luật thứ nhất.

Moy Toon cũng không hăng hái nghe theo bài thuyết giáo đó và trả lời câu hỏi có hơi thư thái, nhưng với một giọng nói vẫn từ tốn. Khi đó, vụ buôn bán được giao ước. Đã phải mất nhiều đêm trả giá mới thống nhất được một giá trung bình. Tiền được trả cho quán Trăm Ròng Vàng và Moy Toon bước vào ngưỡng cửa ngôi nhà của Ng Yong.

Tất cả những gì ông đòi hỏi cô về chăm sóc và phục tùng, cô làm trọn. Nhưng cô không từ bỏ con trai. Người ta không yêu cầu trái tim cô và cô giữ lấy nó. Con trai là thần tượng của cô và cô tôn sùng con. Phần còn lại, cô phục tùng Ng Yong tốt. Cô không hề có ý muốn cư xử cách khác. Trách nhiệm của cô là đoán những ý muốn của ông, cô cố gắng làm việc nhà tốt và không bao giờ nhìn một người đàn ông khác.

Mặt khác, cô cũng không thể hành động khác, vì chồng luôn luôn ở bên cạnh cô. Có thể thái độ khiêm tốn của cô chưa thuyết phục được ông hoàn toàn. Ông chăm chú theo dõi cô. Ông không bao giờ để cô tự do và thậm chí, cả khi cô đi chợ, cô cũng có cảm giác là cặp mắt ông luôn đi theo cô.

Do đó, những cuộc gặp gỡ với đứa con trai trở nên phức tạp. Đến ngôi nhà Canning Town mỗi ngày thứ năm, như cô đã làm suốt sáu năm trời, sẽ làm Ng Yong nghi ngờ. Ông sẽ để ý đến những buổi vắng mặt thường xuyên và định kỳ của cô. Ông sẽ đặt ra những câu hỏi và có thể sẽ không vừa ý với câu trả lời của

cô. Ông sẽ đi theo cô hoặc cho người đi theo và như vậy, bí mật của cô sẽ bị phát hiện. Khi đó chỗ trú thân duy nhất của cô sẽ là đường phố và con trai cô và cô sẽ chết đói.

Cô suy nghĩ cẩn thận để tìm ra những cách sắp xếp mới rồi quyết định gặp con ở những nơi ngẫu nhiên. Những cuộc gặp sẽ xảy ra vào thời điểm không báo trước, và mỗi lần sẽ ấn định cuộc hẹn mới. Sự khôn ngoan khuyên bảo cô nên từ bỏ. Hiện tại cô đang hưởng tiện nghi an toàn và cuộc sống hằng ngày của cô được tổ chức tốt. Tốt hơn là cô nên hài lòng với việc nhìn con từ xa mà không được nói chuyện và được tin của con qua người lạ, hơn là mạo hiểm sự bình yên hiện tại chỉ vì thú vui được hôn con, bởi vì nếu người ta phát hiện được sự thật, cô sẽ bị đuổi ra khỏi nhà Ng Yong, điều này đồng nghĩa với khốn khổ và thiếu thôn. Đầu óc cô không vượt quá những ý nghĩ này. Cô không nhớ một từ nào hết của bài thuyết giáo về đức hạnh vợ chồng của chồng cô, y như từ ngữ đi vào tai này và chui ra tai khác. Chồng cô sẽ rất giận dữ, sẽ đuổi cô, con cô và cô sẽ đau khổ. Cô không thể nghĩ đến đau khổ. Cô ghét và sợ đau khổ.

Tuy nhiên, một đêm, trong tháng đầu tiên sau đám cưới, vì cô không ngủ, cô nghĩ đến con trai cô, cô tưởng tượng hai cánh tay nhỏ của nó ôm cổ cô và giọng nói nó bên tai xin cô vài xu. Con trai của cô. Sáng ngày hôm sau, cô sẽ sắp xếp, bằng cách thông qua nhiều người trung gian, nhắn với bà giữ nó dẫn nó đến Tunnel Garden vào buổi trưa hôm sau nữa. Ở đó, cô có thể ở bên cạnh con và người phụ nữ, và nghe con nói chuyện. Nếu Ng Yong hoặc bạn bè ông nhìn thấy cô như vậy, cô có thể nói, giống như thật, là người phụ nữ và đứa bé trai là người lạ, nhưng trong lúc chơi, đứa trẻ đã làm cô chú ý và cô bắt chuyện với bà mẹ. Điều này không có gì xấu. Cô làm như vậy và việc xảy ra tốt đẹp.

Lần kế tiếp, cô chọn một tiệm bánh kẹo gần Blackwall và đứa bé được nhồi nhét bánh. Cô ở với con một giờ và khi cô về nhà,

cô thấy Ng Yong đang chờ cô ở đầu cầu thang, trong khi thường vào lúc này, ông đang trông hiệu giặt. Ông nói cô ra ngoài lâu quá và cô trả lời cô đi chợ ở Sandwell vì thứ ở đó rẻ hơn. Cô nói thêm là cô bị trễ do đang sửa đường. Ông nhìn cô một cách chăm chú và lạ lùng, nhưng cô không thấy điều đó. Cặp mắt cô đang tràn đầy hạnh phúc: con trai cô đẹp và bộ điệu của nó thật là mạnh dạn!

Sau khi suy nghĩ, cô ấn định cuộc hẹn kế tiếp trong một hầm kho ở một góc xa kho cảng Ăng-Ti. Cô đã phát hiện hầm này vài năm trước đây và chỗ đó cũng không thay đổi mấy. Cô đã ở đó vài giờ cùng anh chàng thủy thủ của cô vào một đêm hè ẩm ướt, vì họ không tìm được chỗ trú tạm thời nào khác. Vào đó rất dễ, và vì trong hầm không có gì để ăn cắp, nên không có ai trông nom. Nơi này đã bị bỏ hoang từ khi nước sông tràn ngập vào. Người ta cũng có cố gắng xây lại nhưng, mỗi khi triều lên, nước lại dâng lên đến nửa người. Có một lối đi chật hẹp dẫn xuống đó qua một cầu thang với bậc thêm bị một, được che kín đến nỗi ta chỉ có thể phát hiện được nó nếu biết trước là có.

Và đứa bé được dẫn đến đó. Cậu bé không sợ cái hầm được Moy Toon chiếu sáng bằng đèn pin. Cô tự bảo, đây là một cậu bé mang tâm hồn của cha nó, vì nó lấy làm thích về cuộc phiêu lưu này và chạy lon ton khắp nơi, lục lọi đây đó, làm tràn ngập trái tim mẹ nó bởi tiếng cười. Cô đứng cạnh nó, khuôn mặt rạng rỡ vì tự hào. Cô khuyến khích những trò tinh nghịch của con, không quan tâm đến gì khác ngoài cái vòng trong đó con cô đang chuyển động. Nhưng trong khi cậu bé đang vui đùa, người phụ nữ đưa ngón tay lên căng thẳng:

— Nghe kìa! Im lặng đi!

Cậu bé dừng lại đột ngột và Moy Ton ôm con sát vào mình. Họ lắng nghe.

— Ơ... Ơ... - Người phụ nữ kêu lên - Có ai đến. Tôi chắc chắn sẽ gặp phiền phức khi đến đây mà. Làm gì đây? Đi đâu đây? Ơ... Ơ...

Tôi phải ra khỏi đây. Không phải chuyện của tôi. Chuyện của các người. Tôi không muốn dính dáng...

Lo lắng xoay cuốn váy và giày, bà ta bước nặng nề lên cầu thang. Còn ở lại phía dưới, Moy Toon nghe tiếng động giống như như tiếng va chạm đục và tiếng la: “Ớ!”, sau đó: “Coi chừng..”.

Lúc đó cô hốt hoảng. Người phụ nữ kia đã thấy một cái gì đó làm cho bà sợ hãi và theo phản xạ ý nghĩ đầu tiên của Moy Toon dành cho con trai cô. Vào lúc đó, cô không còn sức suy nghĩ gì nữa. Cách đó ba bước, cô thấy một cái hốc mà con cô đã thám hiểm trong khi chơi. Hốc được giữ bởi một cửa lớn có ổ khóa và then cài bằng sắt. Cô nắm lấy cánh tay con và kê sát miệng vào tai nó:

— Vào đây đi, con của mẹ. Nhanh lên, vào đi con. Con đừng làm ồn nhé. Vì mẹ con nhé.

Đứa bé hiểu và nhảy vào cái hốc. Moy Toon đóng cửa lại và nhanh chóng khóa lại. Cô quay lại lấy đèn pin và tắt đèn đi, khi xoay người lại cô nhìn thấy Ng Yong đang bước xuống bậc thềm cuối cùng, tay giơ lên, với một cử chỉ hăm dọa mà theo bản năng cô tuân theo ngay. Ông vào hầm và đứng yên, nhìn trái, nhìn phải. Việc ông chồng đến đột ngột và cửa vừa mới đóng lại làm cho cô hết hơi, mất khả năng hành động hoặc nói chuyện. Cô tựa vào tường thở hổn hển, trong khi trong đầu óc chậm chạp của cô chỉ còn hiện lên một ý nghĩ: “Ông ấy đã thấy được gì? Ông ấy đã thấy được gì?”. Cô thầm lặng cầu cho ông nói ra.

Cuối cùng ông cũng nói một cách bình thản:

— Thì ra cô gặp tình nhân ở đây. Đưa hắn ra.

— Tình nhân? Em ấy à?... Không! Em không có tình nhân.

— Vậy thì cô làm gì ở đây?

— Mà... kìa... Anh đừng có buồn cười thế! Tình nhân à? Em đến đây để...

— A, đúng rồi, cô đến đây - đến chính nơi này - để tán gẫu với một cụ già hả? Thôi đi, đưa thằng tình nhân của cô ra đây!

— Nhưng... em... em không có tình nhân.

Bỗng nhiên, cô hiểu ra rằng để cứu con trai, cách duy nhất là bám lấy ý nghĩ về một tình nhân, phát triển cái ý đó.

— À, thì... em muốn nói, anh thử giả thiết rằng...

Ông giơ tay lên:

— Cô hãy nhìn tôi.

Bản năng phục tùng khiến cô ngước mắt lên, cô nhìn ngay vào mặt ông và những điều cô thấy làm cho cô hết hoảng. Cô bắt đầu nói lúng túng:

— Nhưng, em đâu có tình nhân... em đâu có tình nhân...

— Cô... tôi đã tin cô. Đồ chó đẻ!

— Nhưng em muốn nói... em...

Từ miệng ông thoát ra một tiếng càu nhàu. Ông giúi tay vào túi. Mắt cô lồi ra nhìn ông: ông lục lọi trong áo vét bằng vải. Cô thấy ông rút ra một con dao dài cong, mà lưỡi dao bị cùn do lâu rồi không sử dụng. Ông cầm cán dao bằng ngà, chĩa mũi về hướng cô rồi, chậm chạp, theo hướng ngang, bình thản, ông tiến mũi dao lại gần cô. Y như những giọt nước rơi xuống, từ ngữ của bài thuyết giáo về người phụ nữ đức hạnh của ông đi vào trí óc của Moy Toon.

— Cô đã chọn đúng chỗ. Ở đây chúng ta an toàn. Tôi đã nói cô tôi sẽ trừng phạt lòng bất trung như thế nào.

Mỗi khi ông tiến lên một bước, cô lùi lại một bước, tránh xa khỏi ông. Ông đi theo cô. Cô run rẩy lùi lại, tay dang ra. Cô càng tựa vào tường mạnh hơn, như thể cô muốn bị tường hút đi. Ông tiếp tục theo cô từng bước. Họ di chuyển chậm chậm trên nền đất ẩm ướt. Cô tiếp tục lùi từng bước, mắt dán vào ông. Ông theo cô. Ông theo cô đến khi cô đụng vào đầu tường, nơi hàng rào sắt chắn cửa ra sông. Ở đó, cô đứng yên, miệng há ra, bị dồn đến đường cùng. Như một con thỏ, cô bị thôi miên bởi cái lưỡi

dao cùn bằng thép đang từ từ đu đưa trên cổ cô và càng lúc càng gần hơn. Cô cảm thấy nó chạm vào ngực, rồi nó đâm vào da. Khi ấy, đúng vào lúc ấy, cô mở miệng thật lớn định thét lên:

— Xin anh thương cho! Xin anh thương cho! Em không có tình nhân!

Nhưng mặc dù cô đã mở miệng thật lớn, không có từ nào thoát ra cả. Môi cô mở ra, khép lại, răng cô đụng nhau, rồi rời nhau, nhưng cô không phát được tiếng nào cả. Con dao lại cao lên và xa cổ của cô đi vài cm. Rồi Ng Yong lại đưa dao xuống ngang hông và lùi lại. Ông nhìn cô lâu trước khi nói tiếp:

— Tình nhân của cô đâu?

Môi cô nhấp nháy và những âm thanh không thể hiểu được thoát ra. Cô lắc đầu, chấp tay lại để van xin. Ng Yong rút dao lại vào túi và gạt đầu một cách nghiêm trang: nỗi khiếp sợ của Moy Toon khi bị phát giác và lời hăm dọa trừng phạt đã cướp đi hình phạt khỏi tay ông. Cô đã bị trừng phạt bởi một công cụ khéo léo và sắc bén hơn bất kỳ lưỡi thép nào: cô đã bị câm.

Ông nắm lấy cánh tay cô. Cô rùng mình khi ông chạm vào cô và ông mỉm cười với cô. Ông dẫn cô đến các bậc thềm đưa ra đường hẻm. Trong khi ông kéo cô đi, cô giãy giụa và dùng ngón tay chỉ cánh cửa lớn chỗ cái hốc và phát ra những tiếng đục: “Con t.. con t..”

Ng Yong cũng nhìn cái cửa và nở một nụ cười thông cảm. Ông nhẹ nhàng ép buộc cô bước lên bậc thềm. Cô giãy giụa để thoát khỏi tay ông, ra dấu bằng tay và môi, như để giải thích một điều gì đó. Nhưng ông lôi cô ra ngoài, một cách bình thản, đến cái lối đi chật hẹp, và không ai nhìn thấy họ khi họ đến con đường chính. Ông dẫn cô về nhà, và đối với những ai thương hại hỏi thăm, ông kể rằng vợ ông đã bị một cú sốc thần kinh khi phải chứng kiến một tai nạn ngoài đường. Từ đó cô đã bị câm và mất trí.

TƯỢNG SÁP

Alfred McLelland Burrage

*T*rong khi các bảo vệ mặc đồng phục của Viện Bảo Tàng Tượng Sáp Marriner mời những người khách cuối cùng bước ra khỏi hai cánh cửa kính, giám đốc viện bảo tàng đang trao đổi với Raymond Hewson trong văn phòng.

Giám đốc là một người đàn ông khá trẻ, tóc vàng, to người, cao trung bình. Ông biết cách ăn mặc và có được vẻ bề ngoài lịch thiệp nhưng không phô trương. Raymond Hewson thì không được như thế. Có lẽ trang phục ông đã lịch thiệp lúc còn mới, nhưng cho dù được chải và ủi kỹ, chúng bắt đầu cho thấy rằng chủ nhân chúng đang thua trận đấu chống lại sự nghèo khó. Đó là một người đàn ông nhỏ và xanh xao, tóc nâu. Và mặc dù ông nói chuyện tự tin, đôi khi nói hơi lớn tiếng, nhưng ta cảm giác ông đang ở thế phòng thủ và có thái độ rụt rè của một người quen bị hắt hủi. Tóm lại, ông có vẻ bề ngoài đúng con người thật của ông: một người đã qua tuổi trung niên nhưng không thành công ngoài đời do thiếu tin tưởng vào bản thân.

— Yêu cầu của anh không có gì mới mẻ cả - Giám đốc đang nói - Chúng tôi phải từ chối lời yêu cầu y như thế khoảng ba lần một tuần, phần lớn xuất phát từ giới trẻ cá độ với bạn bè. Chúng tôi không được gì khi cho phép một người qua đêm trong phòng Hang Ổ Sắt Nhân của Viện bảo tàng. Nếu chúng tôi cho phép và nếu có một thằng bé nào bị mất trí, thì viện bảo tàng chúng tôi sẽ bị rắc rối to! Nhưng ông là nhà báo, thì khác một chút.

Hewson mỉm cười:

— Có phải ý ông giám đốc muốn nói rằng các nhà báo đã mất trí sẵn rồi không?

— Không, không phải! - Giám đốc cười nói - Nhưng thường thì nhà báo có thần kinh rất vững vàng. Mà trong trường hợp này, viện bảo tàng lại được lợi: quảng cáo miễn phí.

— Đúng, - Hewson đồng tình - chính vì thế nên tôi nghĩ chúng ta sẽ thỏa thuận được với nhau.

Giám đốc lại cười rồi thốt lên:

—Ồ! Tôi hiểu ý đồ của anh rồi. Anh muốn được một công hai việc, đúng không? Từ nhiều năm nay, có tin đồn rằng viện bảo tàng bà Tussaud sẵn sàng trả một trăm bảng cho kẻ chịu qua đêm một mình trong phòng Kinh Dị. Tôi hy vọng anh không nghĩ rằng chúng tôi sẽ làm như thế chứ? À mà anh làm cho báo nào vậy?

— Hiện, tôi là phóng viên độc lập và tôi làm việc theo dòng cho nhiều chỗ - Hewson nói - Nhưng tôi tin chắc là sẽ không gặp khó khăn gì để cho đăng bài này. Chẳng hạn như tờ Tiếng Vọng Buổi Sáng, chắc chắn sẽ nhận. Sẽ không có tờ báo nào bỏ qua cơ hội đăng một bài báo như thế đâu.

Giám đốc gãi cằm:

—Ờ...Ờ... Và anh định viết theo kiểu nào?

— Dĩ nhiên là nhấn mạnh tính kinh dị, rùng rợn, nhưng có pha thêm chút hài hước.

Giám đốc gật đầu, rồi đưa thuốc lá mời Hewson.

— Được rồi, anh Hewson à. Khi nào bài của anh được đăng trong tờ Tiếng Vọng Buổi Sáng, thì viện bảo tàng sẽ có một tờ năm bảng cho anh. Nhưng anh phải biết trước rằng công việc chờ đợi anh không dễ đâu. Tôi mong anh ý thức được rõ, bởi vì, nếu là tôi, tôi sẽ không chịu qua một cuộc thử nghiệm như thế. Mặc dù tôi đã thấy các tượng sáp lúc mặc quần áo, cũng như lúc không mặc quần áo, và tôi biết rõ chúng đã được chế tạo như thế nào. Nên tôi có thể đi qua lại giữa chúng mà không có cảm xúc gì. Nhưng còn chuyện qua đêm với chúng, thì không, tôi không đủ can đảm.

— Tại sao vậy? - Hewson hỏi.

— Tôi không biết. Thật ra không có nguyên nhân. Tôi không tin là có hồn ma, và nếu có tin đi nữa, thì tôi nghĩ ma sẽ hiện về nơi đã thực hiện tội ác, nơi cái xác chúng đang yên nghỉ, hơn là về một tầng hầm nơi tượng sáp của chúng được trưng bày. Chỉ là tôi không tưởng tượng nổi mình ngồi một mình giữa chúng, suốt cả đêm, đôi mắt chúng chĩa vào mình. Dù sao, những cái tượng sáp đó thể hiện những gì xấu xa kinh tởm nhất của nhân loại, cũng như - nhưng tôi sẽ không công khai thừa nhận điều này - những người đến xem chúng thường không có ý tốt lắm. Chính không khí của chỗ đó làm tôi khó chịu, và nếu anh nhạy cảm với bầu không khí, thì tôi xin báo trước với anh rằng anh sẽ qua một đêm đặc biệt khó chịu.

Hewson đã biết rõ tất cả những điều này ngay từ lúc ý nghĩ nảy ra trong đầu ông. Ông lo sợ gần như bệnh hoạn, nhưng ngay lúc này thì ông cố tỏ ra bình tĩnh thoải mái hoàn toàn và mỉm cười với người đối thoại. Nhưng ông có vợ có con; mà tháng trước ông chỉ lãnh được có vài bài viết, nên khoản tiết kiệm của ông đang tan nhanh. Vì vậy ông không được bỏ qua cơ hội đăng một bài trong tờ Tiếng Vọng Buổi Sáng, ngoài tiền nhuận bút rất khá, còn thêm tờ năm bảng nữa. Đối với ông, đó là một tuần sống tương đối thoải mái hoặc hai tuần không phải lo chạy tiền. Ngoài ra, nếu người ta thích bài báo của ông, có thể người ta sẽ đề nghị ông làm cộng tác viên thường xuyên ở Tiếng Vọng Buổi Sáng.

— Nhà báo quen sống cực rồi, - Ông nói - và tôi đã biết rằng mình sẽ qua một đêm cực khổ ở

Hang Ổ Sắt Nhân, chắc chắn không được tiện nghi như phòng khách sạn. Nhưng tôi không nghĩ mình sẽ bị các tượng sáp của ông quấy nhiễu.

— Anh có tin dị đoan không?

— Hoàn toàn không! - Hewson cười cam đoan.

— Nhưng là nhà báo, chắc là anh giàu trí tưởng tượng lắm chứ?

— Ông trưởng phòng thông tin ở tòa soạn tôi làm việc trước kia cứ trách tôi thiếu óc tưởng tượng. Trong nghề chúng tôi không chỉ chấp nhận một mình các sự kiện, mà báo còn yêu cầu chúng tôi phải biết chế biến lại cho hợp với khẩu vị độc giả.

Ông giám đốc lại mỉm cười, đứng dậy, rồi nói:

— Được rồi. Dường như không còn khách tham quan nào nữa cả. Anh chờ một chút nhé... Tôi sẽ ra lệnh để không phủ vải che lên tượng, rồi báo cho đội gác đêm rằng anh sẽ ở trong đây đêm nay. Sau đó tôi sẽ dẫn anh đi tham quan hiện trường.

Ông giám đốc nhắc ống nghe máy điện thoại nội bộ, nói những lời cần thiết rồi gác máy.

— Anh Hewson à, còn một điều tôi yêu cầu anh nữa, là không được hút thuốc. Gần đây, chúng tôi đã bị báo động cháy trong Hang Ổ Sắt Nhân. Tôi không biết ai đã kêu “cháy” nhưng chỉ là một trò đùa không hay. Cũng may là lúc đó rất ít khách tham quan, nếu không đã hỗn loạn lên rồi. Bây giờ ta hãy đi, nếu anh sẵn sàng.

Hewson bước theo ông giám đốc qua khoảng nửa chục phòng, nơi đội nhân viên đang loay hoay phủ vải che lên tượng các vị vua và hoàng hậu Anh quốc, các vị tướng hoặc nguyên thủ quốc gia danh tiếng, tất cả đều là đại diện nhân loại đã trở nên bất tử nhờ tiếng tốt hay xấu. Giám đốc đứng lại bên một nhân viên và yêu cầu bố trí một chiếc ghế bành trong phòng Hang Ổ Sắt Nhân.

— Đó là tất cả những gì chúng tôi có thể làm giúp anh- Giám đốc nói với Hewson - Hy vọng anh sẽ chớp mắt được một chút.

Giám đốc dẫn Hewson qua một cổng nhỏ, rồi xuống một cầu thang bằng đá tối tăm gây cảm giác rùng rợn là sẽ xuống đến hầm giam tối. Ở một hành lang ngay dưới cầu thang, như để gây ấn tượng ban đầu, có thể nhìn thấy di tích thời Tòa án Dị

giáo, cái giá có nguồn gốc từ một lâu đài thời Trung cổ, sắt để nung đỏ đánh dấu lên da, dụng cụ tra tấn và những đồ vật khác thuộc một thời đại tàn ác. Cuối hành lang này là phòng Hang Ổ Sắt Nhân.

Đó là một phòng mái vòm, hình dạng không đều, và được chiếu sáng rất ít từ những bóng đèn giấu trong quả cầu thủy tinh mài. Nhờ vậy, không khí rùng rợn tăng thêm, khiến khách tham quan phải hạ giọng khi nói chuyện. Hơi giống nhà thờ, nhưng là một nhà thờ của một tà giáo nào đó.

Tượng sáp của những kẻ sát nhân được đặt trên đế thấp có đề số. Nếu thấy chúng trong một khung cảnh khác mà không biết chúng là tượng của ai, thì có lẽ người ta chỉ chú ý đến trang phục thời trang đa dạng của chúng.

Nhiều kẻ khét tiếng đứng cạnh các “ngôi sao” của một thời đã qua nhưng tiếng tăm vẫn còn lại. Thurtell, kẻ sát nhân Weir, như đã bị hóa đá trong khi vẫy tay gọi cậu bé Frederick Bywaters. Có cả Lefroy, tay ngu ngốc đòi làm sang, đã giết người để có được vài món đồ bắt chước “giới thượng lưu”. Cách hăm năm mét, là bà Thompson, người đàn bà đã yêu quá lãng mạn, bị treo cổ để làm gương cho các phu nhân tiểu tư sản. Trong cả đám, chỉ có mình Charles Peace là thật sự có vẻ độc tâm, nhìn qua lối đi, cười khẩy với Norman Thorne. Brown và Kennedy, hai mẫu vật mới nhất, đứng giữa bà Dyer và Patrick Mahon.

Khi đi qua, giám đốc chỉ cho Hewson một vài kẻ khét tiếng không hay này:

— Đây là Crippen... Chắc là anh đã nhận ra hắn qua vẻ mặt hiền như bột. Còn đây là Armstrong, trông y như một tay nông dân hiền lành, đúng không? Kia là lão Vaquier, với bộ râu dễ nhận ra. Còn đây dĩ nhiên là...

— Ai vậy, đằng kia? - Hewson ngắt lời chỉ ngón tay.

— Tôi định nói đây - Giám đốc hơi thích thú nói - Anh lại gần đi, và nhìn cho kỹ. Đó là siêu sao của viện bảo tàng chúng tôi, kẻ

duy nhất trong bọn không bị treo cổ.

Tượng mà Hewson chỉ là một người đàn ông nhỏ gầy, cao khoảng một mét rưỡi, có bộ ria hai đầu nhọn, cặp kính to, và mặc áo bành tô dài có mũ chụp. Trông ông ta rõ ràng là người Pháp, giống như các nhân vật hài thường gặp trên một số sân khấu kịch Luân Đôn. Hewson không thể nói tại sao người đàn ông có vẻ hiền như cục đất kia lại làm mình có cảm giác ghê tởm, nhưng Hewson tự động lùi lại một bước ngay, và dù đang có ông giám đi bên cạnh, Hewson phải cố gắng lắm mới dám nhìn lại kẻ sát nhân này một lần nữa.

— Ai vậy? - Hewson hỏi.

— Bác sĩ Bourdette.

Hewson lắc đầu từ từ:

— Tôi có nghe tên này rồi, nhưng không nhớ nổi là liên quan đến vụ gì.

Giám đốc mỉm cười:

— “Nếu là người Pháp, thì anh dễ nhớ ra hơn. Tay bác sĩ này từng là nỗi kinh hoàng của cả Paris suốt nhiều tháng. Ban ngày, hắn chữa bệnh, còn ban đêm, khi bị lên cơn, hắn đi cắt cổ người ta. Hắn giết người chỉ vì thích thú và luôn tiến hành theo cùng một kiểu: bằng dao cạo râu. Sau án mạng cuối cùng, hắn đã để lại một manh mối, khiến cảnh sát có hướng nghi ngờ hắn. Từ manh mối này sang manh mối khác, cảnh sát nhanh chóng lần ra dấu vết của kẻ tương đương với tay Jack Mổ Bụng của ta. Người ta thu thập đủ chứng cứ để nhốt hắn vào nhà thương điên hoặc đưa lên máy chém, vì khoảng một chục tội danh.

Nhưng hắn lại tỏ ra khôn hơn cảnh sát. Khi nhận thấy cái lưới đang khép chặt dần, hắn biến mất một cách bí ẩn. Và từ đó, cảnh sát khắp thế giới văn minh này vẫn hoài công truy lùng hắn. Có lẽ hắn đã tự sát, và xoay sở sao cho người ta không tìm ra xác. Sau khi hắn biến mất, có một hai vụ giết người cùng một kiểu như thế, nhưng người ta vẫn cho rằng hắn đã chết rồi và

các chuyên gia cho rằng những vụ sát nhân này là tác phẩm của một kẻ bắt chước. Thật đáng ngạc nhiên rằng các kẻ sát nhân khét tiếng cũng có đệ tử?”

Hewson rùng mình và bối rối nhìn xuống chân mình:

— Ghê quá! Tôi không thích tay bác sĩ tí nào! Đôi mắt kinh quá!

— Phải, tượng sáp này là một tuyệt tác. Ta cảm nhận được ánh mắt này đè nặng lên ta.. Trông càng thực hơn nữa, nếu ta biết rằng Bourdette áp dụng phương pháp thôi miên và người ta nghĩ rằng hắn thôi miên nạn nhân trước khi cắt cổ. Nếu không, làm thế nào một người nhỏ bé như thế lại luôn thắng thế? Người ta chưa bao giờ phát hiện được dấu hiệu có chống cự.

— Dường như hắn vừa mới nhúc nhích! - Hewson cà lăm.

Giám đốc mỉm cười:

— Có lẽ từ đây đến hết đêm, anh sẽ còn bị nhiều ảo giác như thế nữa. Nhưng anh sẽ không bị nhốt và anh có thể leo lên tầng trệt khi nào thấy chịu hết nổi. Anh sẽ không cô đơn, bởi vì trên kia có bảo vệ đêm. Vậy anh đừng hoảng hốt nếu nghe tiếng chân bước. Tôi rất tiếc vì không thể cho anh thêm nhiều ánh sáng hơn nữa. Hiện đèn đều được bật lên hết rồi đó, anh cũng dễ hiểu rằng chúng tôi dùng đèn cường độ yếu. Thôi, mời anh trở lên văn phòng tôi uống một ly whisky trước khi bắt đầu canh gác đêm khuya.

Người bảo vệ đêm mang ghế bành đến cho Hewson là người thích đùa.

— Ông muốn để ghế ở đâu ạ? Đây, để nói chuyện với bác sĩ Crippen khi thấy thời gian trôi qua lâu quá? Hay ông thích mục Dyer hơn? Xin ông vui lòng cho biết ý thích.

Hewson mỉm cười. Ông thấy thích người này, chỉ vì nhờ câu đùa khiến ông cảm thấy phòng này chỉ là một phòng trưng bày ở viện bảo tàng, chứ không phải là cái gì khác.

— Tôi sẽ tự tìm chỗ đặt ghế, - Hewson nói - sau khi nghiên cứu hướng gió.

—Ồ! Dưới này không có luồng gió nào. Chúc ông qua đêm yên lành. Nếu ông cần tôi, thì tôi ở trên kia. Ông đừng để chúng nó lén qua sau lưng ông mà bóp cổ ông nhé. Và ông nhớ cảnh giác mù Dyer: dường như mù ta để ý và thích ông rồi đó!

Hewson cười, rồi chào người bảo vệ. Coi bộ sẽ không nặng nề như ông tưởng. Hewson đẩy cái ghế bành da trên lối đi, bố trí ghế quay lưng lại với bác sĩ Bourdette. Vì một lý do không rõ, trong tất cả, Hewson ghét nhất tay bác sĩ này. Trong khi xếp đặt ghế bành, Hewson cảm thấy gần như vui trong lòng. Nhưng khi tiếng chân của người bảo vệ đêm im hắt xa xa và bầu im lặng nặng nề ập xuống phòng, Hewson nhận ra rằng cuộc thử thách mà ông sắp phải qua không phải là chuyện đùa.

Dưới ánh sáng yếu ớt, những hàng tượng sáp trông quá giống người thật đến nỗi sự bất động và im lặng của chúng gần như có một điều gì đó bất bình thường và đáng sợ. Cái thiếu vắng, chính là tiếng thở, tiếng sột soạt, những tiếng vớ vẩn mà ta vẫn nghe thấy khi một đám đông hoàn toàn im lặng. Nhưng không khí lắng đọng y như nước dưới ao. Trong phòng không có chút gió để thổi bay rèm, tạo tiếng sột soạt khẽ của tấm rèm tường hay làm cho bóng động đậy. Chỉ có cái bóng của chính Hewson nhúc nhích khi ông đưa cánh tay lên hoặc động đậy chân. Mọi thứ đều bất động và im lặng. “Có lẽ dưới đáy biển cũng y như thế này”, Hewson nghĩ bụng và tự nhủ là phải ghi câu này vào bài viết.

Hewson cảm thấy tương đối can đảm trước đám hình nộm rùng rợn này. Dù sao, chúng chỉ là tượng sáp mà thôi. Khi ý nghĩ này lẩn át được những suy nghĩ khác trong đầu ông, thì mọi chuyện sẽ đâu vào đấy. Nhưng riết rồi nó cũng không ngăn ông cảm thấy khó chịu khi biết ánh nhìn của bác sĩ Bourdette đang

chĩa vào mình. Hewson bị ám ảnh bởi những gì ông còn nhớ về ánh mắt của tay người Pháp nhỏ bé và rất muốn quay lại.

— Thôi đi nào, - Hewson nghĩ bụng - thần kinh lại lung tung lên rồi! Nếu quay lại nhìn thẳng hình nộm mặc quần áo kia, thì có nghĩa là mình đang sợ mất rồi.

Nhưng trong đầu Hewson, có một giọng nói khác đang nói:

— Chính vì người sợ mà người không dám quay lại nhìn.

Cứ như thế, Hewson lưỡng lự giữa hai thái độ suốt một hồi, và rồi cuối cùng xoay ghế lại nhìn phía sau lưng.

Trong đám tượng sáp bất động, tượng của tay bác sĩ khủng khiếp có vẻ nổi bật lên hết sức đặc biệt, có lẽ vì được một bóng đèn chiếu thẳng vào. Nghệ nhân đặc biệt tài giỏi đã thành công trong việc làm cho nét mặt có một vẻ dịu dàng giả tạo, và Hewson rùng mình khi, trong khoảnh khắc một giây, ánh mắt đụng phải mắt của tượng sáp, trước khi quay lại.

— Nó cũng bằng sáp, y như mọi tượng khác thôi - Hewson lầm bầm với ngữ điệu thách thức - Tất cả chúng bây chỉ là tượng sáp mà thôi!

Đúng, đó chỉ là tượng sáp... Nhưng tượng sáp, thì không động đậy. Không phải là Hewson đã thấy một cử động, nhưng bây giờ dường như có một sự thay đổi rất khó nhận biết trong cách mấy hình tượng nhóm lại trước mặt Hewson. Chẳng hạn như Crippen, dường như bây giờ lại hơi quay sang trái nhiều hơn. Tuy nhiên, có lẽ là do Hewson không ngồi lại đúng vị trí cũ khi quay lại. Nhưng Field và Grey... Lúc này bàn tay chúng đâu có gần nhau đến thế... Trong chốc lát, Hewson nín thở, rồi cố gắng hết sức để can đảm lên, như đang nhắc một tải nặng lên. Rồi Hewson nhớ lại những gì nhiều biên tập viên đã nói về mình và tự cười mình.

— Vậy mà dám nói mình không có óc tưởng tượng!

Hewson rút sổ tay ra khỏi túi và ghi nhanh lại:

“Im lặng như chết. Tượng sáp bất động một cách không bình thường. Như thể ta đang ở dưới đáy biển. Ánh nhìn thôi miên của bác sĩ Bourdette. Có cảm giác như tượng sáp nhúc nhích ngay khi ta không nhìn chúng nữa”.

Hewson khép cuốn sổ lại, nhìn nhanh qua vai phải. Hewson không nghe không thấy gì, nhưng như thể có giác quan thứ sáu mách bảo. Hewson nhìn chăm chăm vào Lefroy, dường như hắn đang nói: “Không phải tôi”.

Không, dĩ nhiên là không phải hắn, cũng không phải những tên khác, mà chỉ là thần kinh của Hewson... Nhưng có phải Crippen lại động đậy nữa, lúc Hewson đang chăm chú nhìn hướng khác? Không nên tin vào tên này. Khi ta quay đầu đi chỗ khác, là hắn lợi dụng ngay để đổi tư thế. Và tất cả bọn chúng đều làm như thế!

Không thể để tiếp diễn như thế được! Hewson đứng dậy một nửa khỏi ghế bành và tự nhủ mình không thể ở lại cả đêm với một đồng tượng sáp cứ động đậy ngay khi Hewson không nhìn chúng nữa...

Nhưng Hewson ngồi trở xuống. Hewson vừa mới tỏ ra nhát gan và ngốc nghếch. Đó chỉ là tượng sáp và chúng không thể động đậy được. Khi mà Hewson vẫn nghĩ như thế, thì mọi chuyện sẽ ổn thôi. Nhưng vậy thì tại sao lại có sự náo động im lặng quanh Hewson? Cái điều tinh tế không hẳn là tiếng động, nhưng lại xảy ra khi Hewson nhìn đi chỗ khác?

Hewson nhanh nhẹn quay lại và dụng ánh mắt dụi dàng vờ và kính tởm của bác sĩ Bourdette. Rồi Hewson đột ngột đổi mặt trở lại với Crippen. A! Lần này Hewson xem bắt quả tang được Crippen! “Crippen và tất cả những tên còn lại, hãy coi chừng đấy! Nếu bắt gặp được tên nào động đậy, là ta sẽ đập tan nó ra! Hiểu chưa?”

Hewson nghĩ bụng có lẽ ông nên đi, bởi vì ông đã trải quá đủ cảm giác để viết câu chuyện, và viết thêm vài bài nữa nếu cần.

Vậy thì ở lại làm gì? Tờ Tiếng Vọng Buổi Sáng sẽ hỏi thời gian chính xác Hewson đã ở lại đó... Và họ cũng cóc cần biết, miễn bài báo hay là được, phải không? Nhưng, tên bảo vệ đêm sẽ ngồi lê đôi mách. Còn ông giám đốc - ai biết được! - sẽ lợi dụng để không cho tờ năm bảng mà Hewson cần. Hewson tự hỏi không biết Rose đang ngủ hay đang thức, vợ có nghĩ đến mình không. Rose sẽ cười biết bao nhiêu, khi nghe Hewson kể lại những gì đã tưởng tượng...

Không được, bây giờ thì thật quá đáng! Hewson đã thấy khó chịu khi đám tượng sáp nhúc nhích trong khi Hewson không nhìn chúng, nhưng bây giờ chúng còn thở nữa, thì không thể nào chấp nhận được! Bởi vì có một tên đang thở. Hay là chính tiếng thở của Hewson, như đang xuất phát từ chỗ khác? Hewson bất động hoàn toàn, lắng tai nghe, cho đến khi phì ra không khí chứa trong phổi. Phải, đúng là tiếng thở của chính mình... trừ phi, đoán trước được phản ứng của Hewson, kẻ kia cũng nín thở cùng lúc với Hewson.

Hewson quay đầu lại thật nhanh, nhìn ngơ ngác và hoảng hốt, nhưng chỉ thấy tượng sáp. Nhưng Hewson luôn có cảm giác mình đã bị trể trong một khắc và không thấy được cái chân hoặc cái tay di chuyển, môi nhấp nháy, lông mi chớp. Bọn chúng như học trò một lớp học vô kỷ luật, thì thầm, cười và đập lưng nhau sau lưng thầy giáo, nhưng lại ngoan ngay khi thầy sắp quay mặt lại.

Không thể tiếp tục như thế được! Không, không thể nào tiếp tục như thế! Hewson phải bám vào một cái gì đó, ép đầu óc nghĩ về một cái gì đó thuộc đời thường, thuộc ánh sáng ban ngày của đường phố Luân Đôn. Ông là Raymond Hewson, một nhà báo không được nổi tiếng, nhưng vẫn là một con người sống và thở, còn những hình bóng xúm quanh ông chỉ là tượng sáp, nên không có khả năng động đậy cũng như không có khả năng thì thầm. Chúng là tượng hình những kẻ sát nhân, nhưng điều này

không quan trọng bởi vì chúng chỉ làm bằng sáp và mặt cửa. Người ta đặt chúng đứng ở đây để cho khách thích rùng rợn và du khách không biết đi đâu đến xem. Xong rồi, bây giờ Hewson cảm thấy đỡ hơn nhiều... Câu chuyện vui mà người ta kể cho Hewson nghe hôm qua ở Falstaff là gì nhỉ...?

Hewson chỉ nhớ được một phần thôi, bởi vì Hewson đang cảm thấy ánh nhìn của bác sĩ Bourdette chăm chăm vào gáy mình, như để thách thức Hewson quay đầu lại.

Sau khi liếc nhìn đột ngột qua vai, Hewson cho xoay hẳn ghế để đối mặt với gã đàn ông khủng khiếp có ánh nhìn thôi miên kia. Hewson cảm thấy mắt mình mở to ra, miệng nhả nhó sợ hãi trước khi nhe răng như một con chó sắp cắn.

— Mày đã nhúc nhích! - Hewson la lên bằng một giọng gây tiếng dội rùng rợn - Phải, mày nhúc nhích! Tao đã thấy mày rồi!

Rồi Hewson bất động trên ghế, nhìn thẳng trước mặt, như một người bị đông cứng được tìm thấy trong băng đá Arctique.

Cử chỉ của bác sĩ Bourdette hết sức chậm rãi. Hắn bước xuống cái bục thận trọng như một cô gái điệu bước xuống xe buýt. Bục cao khoảng sáu chục phân và được một dây nhung đỏ bao quanh. Dây nhung có hai cọc nâng đỡ. Bourdette nhắc sợi dây lên, chui xuống dưới, bước xuống bục, và ngồi trên bục, đối diện với Hewson. Rồi hắn gật đầu, mỉm cười và nói:

— Chào. Tôi phải nói rõ cho ông rằng, - Hắn nói tiếp bằng tiếng Anh hoàn hảo có pha chút giọng Pháp nhẹ - cho đến khi tôi nghe lén được cuộc nói chuyện giữa ông với vị giám đốc của viện bảo tàng này, tôi hoàn toàn không ngờ là sẽ được hân hạnh qua đêm cùng ông. Ông không thể nhúc nhích hay nói chuyện, nếu tôi không cho phép, nhưng ông nghe tôi rất rõ. Tôi có cảm giác rằng ông, nói thế nào nhỉ... hơi căng thẳng hả? Xin ông đừng ảo tưởng. Tôi không phải là một pho tượng gốm ghiếc kia tự nhiên sống lại. Tôi là bác sĩ Bourdette bằng xương bằng thịt đây.

Hắn dừng một chút, ho rồi động dậy chân.

— “Xin lỗi, tôi hơi tê chân. Để tôi giải thích cho nghe nhe - Hắn nói tiếp - Do điều kiện bắt buộc, nếu kể ra thì quá dài, tôi phải sang Anh sinh sống. Tối hôm nay, tôi đang đi qua gần đây, thì tôi thấy một viên cảnh sát nhìn tôi hơi kỳ quá. Tôi sợ viên cảnh sát có ý định theo tôi và đặt vài câu hỏi không hay, nên tôi đã trà trộn vào dòng người đang vào đây. Rồi tôi vào được phòng hiện ta đang ở, rồi tôi đột nhiên nảy ra sáng kiến để thoát khỏi sự truy lùng có thể có của tay cảnh sát.

Tôi kêu ‘Cháy!’, và khi đám người ngốc nghếch chạy ra cầu thang, tôi đã vớ cái áo khoác của tượng tôi, hiện ông đang thấy tôi mặc cái áo đó. Rồi tôi giấu tượng dưới cái bọc to ở cuối phòng, và leo lên cái bọc này.

Tôi thú thật với ông là tôi đã sống qua một buổi tôi đặc biệt cực nhọc, nhưng nhờ không bị quan sát liên tục, nên tôi thở thật sâu và đổi tư thế được. Có một lúc, có thằng bé la lên là thấy tôi nhúc nhích. Tôi nghe cha mẹ nó dọa đánh đòn và phạt không cho ăn bánh, và tôi hy vọng bố mẹ nó đã thi hành lời đe dọa kia.

Những gì giám đốc nói về tôi, mà tôi đã nghe được, là đúng một phần, nhưng nói chung tương đối chính xác. Ông cũng thấy là tôi chưa chết, mà thật đáng mừng rằng người ta nghĩ tôi chết. Và giám đốc đã mô tả khá chính xác thú giải trí của tôi suốt nhiều năm, nhưng khoảng thời gian gần đây, do điều kiện, tôi đã không được vui vẻ thỏa thích lắm. Lời trình bày của tay giám đốc không được thông minh lắm. Để làm rõ mọi thứ, ta cứ cho rằng thế giới chia làm hai: một bên là người thích sưu tập, bên kia là người không thích sưu tập. Ta không quan tâm đến nhóm này. Còn những người sưu tập, thì họ sưu tập bất cứ gì, tùy sở thích: từ đồng tiền vàng cho đến hộp diêm, từ bướm bướm cho đến gạc tàn. Còn tôi, tôi sưu tập cổ họng”.

Hắn lại dừng một hồi, và chăm chú nhìn cổ Hewson, nhưng hơi phật ý.

— Tôi phải mang ơn số phận đã cho chúng ta gặp nhau tối nay - Hắn nói tiếp - Nếu than phiền là tỏ ra vô ơn. Vì lý do an toàn cá nhân, hoạt động của tôi đã bị giảm đi chút ít trong những năm vừa qua, và tôi vui mừng vì được dịp thỏa mãn sở thích hơi đặc biệt này của mình. Tôi không muốn làm ông bức, nhưng xin phép cho tôi nói rằng cổ ông rất gầy. Chắc chắn tôi đã không chọn ông, nếu được lựa chọn, bởi vì tôi thường thích người có cổ to... mập và đỏ...

Hắn lục túi trong, lấy ra một vật, thử độ bén bằng đầu ngón tay ướm, rồi liếc nhẹ trong lòng bàn tay trái.

— Đây là con dao cạo Pháp, - Hắn tử tế giải thích - ở Anh quốc rất ít dùng loại dao này, nhưng có thể ông đã có dịp thấy rồi? Người ta mài trên da. Ông thấy lưỡi dao rất nhỏ. Vết cắt của loại dao này không sâu, nhưng cũng đủ. Lát nữa chính ông sẽ thấy thôi. Còn bây giờ, là câu hỏi của mọi thợ cạo uy tín: “Thưa ngài, ngài có chịu con dao cạo này không?”

Hắn đứng dậy, hiện thân của tội ác, nhỏ nhưng đáng sợ, và bước lại gần Hewson, lặng lẽ như một con beo đang săn.

— Xin ông vui lòng hất cằm lên một tí... Cám ơn... Thêm một tí nữa... Chỉ thêm một tí xíu nữa thôi... Rồi! Cám ơn... Cám ơn ông, cám ơn!

Ở cuối phòng, có cửa tầng hầm kính mài để lọt chút ánh sáng từ bên ngoài vào ban ngày. Sau khi mặt trời mọc, ánh sáng này hòa vào ánh đèn, để chiếu sáng một cảnh tượng tự nó đã đủ khủng khiếp rồi.

Các tượng hình đồ dẫn chờ có người đến ngắm hoặc sợ hãi xem chúng. Giữa chúng, trên lối đi ở giữa, Hewson vẫn ngồi đó, thân ngã vào lưng ghế bành. Hewson đưa cằm lên cao, như thể đang chờ được cạo râu, và mặc dù trên cổ họng Hewson không

hề có vết trầy nào, cũng như trên phần thân thể còn lại, nhưng Hewson đã chết và lạnh ngắt.

Trên bục, bác sĩ Bourdette trơ trơ nhìn người chết. Hắn không động đậy, vì không thể cử động được. Điều này cũng dễ hiểu thôi, bởi vì hắn được làm bằng sáp.

CÔNG THỨC GIẾT NGƯỜI

C. P. Donnell

Biệt thự với những khóm hoa tươi tắn không hề giống những gì ông nghĩ trước, và cả bà chủ nhà cũng là một yếu tố mới trong tính toán của ông. Bà Chalon, bốn chục tuổi, không thuộc nhóm tội phạm nào cả. Bà không phải là một Cléopâtre mà cũng phải một mụ phù thủy “Bà là nữ thần Minerve”, ông nghĩ ra ngay. Đôi mắt to, sáng trong của bà chỉ hơi nhạt hơn màu xanh cobalt Địa Trung Hải đang long lanh qua cửa sổ lớn phòng khách, nơi hai người đang ngồi.

Không hẳn là nữ thần Minerve, ông quyết định sau khi xem xét kỹ hơn. Làn da mịn màng như vỏ trái đào của bà khiến ta nhớ đến làn da của một thiếu nữ mười tám; thân hình đầy đặn, tính dịu dàng của bà gợi nên sự ham muốn, và điều này, mặc dù không sang trọng bằng, nhưng lại thú vị hơn. Nếu là một người phụ nữ không duyên dáng, thì người ta đã nói bà ta đang trên đà béo phì, nhưng nơi bà Chalon, thì ông biết ngay theo bản năng rằng thân thể vững vàng về khối lượng cũng như đường nét: khi sáu chục, dáng bà cũng sẽ y như hiện nay.

— Một ly rượu Dubonnet, anh cảnh sát trưởng Miron nhé?

Trong khi ông nói, bà đã chuẩn bị mọi thứ để rót cho ông. Phản xạ do dự của cảnh sát trưởng làm nảy một tia sáng tinh nghịch trong mắt bà, nhưng do lịch sự bà không nói gì.

— Cảm ơn.

Do tự giận chính mình, ông đã hơi mạnh giọng.

Với sự hàm ý rất khó nhận ra, bà Chalon chủ động uống trước như để nói: “Anh Miron à, anh thấy không, có gì phải ngại đâu”. Thật là tinh khôn, quá tinh khôn.

Rồi với một nụ cười, bà nói thẳng thừng:

— Anh đến gặp tôi bởi vì tôi đã đầu độc mấy đức lang quân của tôi.

— Thưa bà! (Ông lại lưỡng lự, sửng sốt) Thưa bà, tôi...

— Có lẽ anh đã ghé qua Tòa thị chính rồi. Và cả thành phố Villefranche này đều nghĩ như thế. - Bà thần nhiên cam đoan.

Ông bình tĩnh lại, rồi lấy thái độ bình tĩnh chuyên nghiệp.

— Thưa bà, tôi đến xin bà cho phép khai quật tử thi của ông Charles Wesser, mất tháng giêng năm 1939, và tử thi của ông Etienne Chalon, qua đời tháng 5 năm 1946 để các chuyên gia có thể phân tích nội tạng. Bà đã từng từ chối không cho phép với hạ sĩ Luchaire, thuộc đồn cảnh sát khu vực. Tại sao?

— Luchaire không lịch sự. Tôi cho rằng anh ta thật thô lỗ. Không được như anh. Tôi lên án thái độ của con người đó chứ không phải luật pháp.

Bà nâng ly lên đôi môi mọng.

— Còn với anh, thì tôi sẽ không từ chối thưa anh cảnh sát trưởng Miron à.

Ánh mắt bà gần như khâm phục.

— Bà quá khen tôi.

— Bởi vì, - Bà nhẹ nhàng nói tiếp - thừa biết phương pháp làm việc của ngành cảnh sát Paris, tôi tin chắc người ta đã bí mật cho tiến hành khai quật rồi.

Bà chờ thấy gương mặt của Miron đỏ lên, nhưng vẫn giả vờ như không thấy nét mặt ông thay đổi.

— Và khi đã cho phân tích xong, thì các anh không hiểu gì - Bà nói tiếp như không hề có sự gián đoạn - Các anh không tìm thấy gì. Cho nên, là người chưa hề lo vụ này cho đến hôm nay, anh muốn xem tôi là người thế nào, tính khí ra sao, biết tôi làm chủ bản thân được đến mức nào và từ đó, đánh giá được khả năng lôi kéo tôi vào một cuộc đối thoại sẽ cung cấp manh mối rằng tôi đã phạm tội.

Những lời này trúng đích quá chính xác đến nỗi không thừa nhận mình bị bắn trúng là một việc ngốc nghếch, nên thẳng thắn, cảnh sát trưởng Miron quyết định nhanh.

— Đúng, thưa bà Chalon, hết sức đúng.

Ông chăm chú nhìn bà:

— Khi chôn hai ông chồng - ở một tuổi nào đó, nhưng không già - do rối loạn đường tiêu hóa nặng, sau không đầy hai năm cưới, trong khi mỗi ông chồng đều có một gia tài kha khá và để lại hoàn toàn cho vợ góa.... thì bà hiểu chứ?

— Vâng, tất nhiên.

Bà ra đứng cửa sổ, nhờ vậy đường nét tròn trĩnh trên thân hình bà, đường nét tuyệt đẹp của ngực bà hiện rõ trên nền biển xanh.

— Cảnh sát trưởng Miron ơi, anh có muốn tôi khai ra hết với anh không?

Trông bà đầy nữ tính, rất khêu gợi, và giọng nói mềm mại của bà báo trước cho Miron rằng ông nên cảnh giác.

— Tùy bà. - Ông trả lời với sự thản nhiên tối đa mà ông có được.

Đây là một phụ nữ nguy hiểm, hết sức nguy hiểm.

— Vậy, thì tôi sẽ làm chuyện này vì anh.

Bà Chalon không mỉm cười. Qua cửa sổ mở, một luồng gió bay lang thang mang hương thơm của bà đến cho cảnh sát trưởng Miron. Trừ phi đó là hương thơm từ ngoài vườn. Do thận trọng, cảnh sát trưởng quyết định không ghi chép. Không thể nào bà chấp nhận nói hết một cách dễ dàng như thế. Vậy mà...

— Anh Miron ơi, anh có hay làm bếp không?

— Tôi là người Paris mà...

— Và anh hay làm tình nữa chứ?

— Tôi nói rồi, tôi là người Paris mà.

— Vậy thì...

Ngực bà nâng lên, khi bà hít mạnh vào.

— Tôi có thể nói với anh rằng tôi, Hortense Eugénie Villerois - Wesser - Chalon, tôi đã từ từ và cố tình giết chết ông chồng đầu tiên của tôi, anh Wesser, năm mươi bảy tuổi, cũng như ông chồng thứ nhì, anh Chalon, sáu mươi lăm tuổi.

— Chắc là phải có nguyên nhân chứ?

Phải chăng cảnh sát trưởng đang nằm mơ? Hay là bà bị điên?

— Tôi đã lấy ông Wesser, do bị gia đình ép. Tôi không còn là một thiếu nữ nữa. Chưa đầy mười lăm ngày, tôi biết được rằng ông Wesser là một con heo, một con heo không thể nào thỏa mãn nổi. Hết sức thô lỗ, cảnh sát trưởng ạ. Ông ta nói bậy nói khoác, bóc lột người nghèo, lừa đảo người vô tội. Đó là một con người bừa bãi háu ăn, có những thói quen gớm ghiếc. Tóm lại, ông ta có mọi thói hư tật xấu của một người đàn ông đứng tuổi, mà không có được sự trù mến lẫn phẩm cách của lứa tuổi đó. Và vì tất cả những lý do đó ông bị đau bao tử rất nặng.

Vì đã nghiên cứu rất kỹ trường hợp của ông Wesser, lúc còn ở Paris và vì đã đi đến một kết luận tương tự, cảnh sát trưởng gật đầu rồi hỏi hơi mỉa mai:

— Thế còn ông Chalon? Cũng bị đau bao tử nặng à?

— Đúng hơn là ý chí của ông này bị bệnh. Có thể ông ta không có thú tính bằng Wesser, nhưng thật ra có khi ông ta còn tệ hơn Wesser, bởi vì ông ta quan hệ với quá nhiều người Đức trong thời kỳ bị chiếm đóng. Tại sao người Đức cứ chăm lo sao cho chúng tôi có những thức ăn và rượu ngon nhất, khó tìm nhất, trong khi trẻ con chết đói hàng ngày ngoài đường? Có thể tôi là tội phạm, anh Miron à, nhưng tôi còn là người Pháp. Chính vì vậy mà tôi đã quyết rằng Chalon sẽ chết y như Wesser.

Bằng một giọng rất bình tĩnh để không làm bà lúng túng trong lời khai, cảnh sát trưởng hỏi:

— Bằng cách nào, thưa bà Chalon?

Bà quay lại, nét mặt sáng rỡ nhờ một nụ cười:

— Có thể anh biết những món như Gà tây nhồi hạt dẻ, hay Súp thăn gà hầm sốt kem kiểu Ấn, hay Thăn bò Mascotte, hay Trứng chiên nhồi thịt kiểu Ý, hay món Cà tím kiểu Thổ, hay món Chim cút đông, hay?...

— Xin bà! Bà làm tôi chảy nước miếng, đồng thời bà làm tôi sợ quá! Những món ăn nhiều dầu mỡ như thế, và...

— Anh đã hỏi phương pháp của tôi, anh cảnh sát trưởng Miron à. Tôi đã dùng những món này và hàng trăm món khác. Trong mỗi món, tôi bỏ thêm một chút...

Bà đột ngột ngừng nói.

Cảnh sát trưởng Miron nỗ lực dữ dội để tay ông không run khi uống hết ly rượu Dubonnet.

— Một chút gì, thưa bà?

— Anh đã điều tra về tôi rồi. Anh biết cha tôi là ai.

— Jean Marie Villerois, đầu bếp, đệ tử bậc nhất của thầy Escoffier bậc nhất. Trước kia được gọi là người kế thừa xứng đáng của thầy Escoffier.

— Đúng. Mà lúc tôi chưa đầy hai mươi hai tuổi, thì cha tôi, trước khi qua đời, đã công nhận rằng, ngoại trừ một vài thiếu sót về các món nướng than, tay nghề tôi ngang hàng với cha.

— Rất hay. Tôi thật khâm phục bà.

Miron bị căng thẳng thần kinh vì cái tài tán rộng xa đề của người phụ nữ xinh đẹp này.

— Nhưng bà vừa mới nói là bà đã cho thêm vào mỗi món nấu đó một chút...?

Bà Chalon quay lưng lại với ông. Bờ vai rất đẹp, cảnh sát trưởng nhận thấy, cái eo đáng chú ý, hông tuyệt đẹp.

Bà nói, như nói với biển:

— Một chút tài nghệ của tôi, thưa cảnh sát trưởng. Tài nghệ của đầu bếp bậc thầy Escoffier, của Villerois. Làm sao một người như Wesser, như Chalon có thể chịu nổi? Ba, bốn lần một ngày, tôi dọn cho mấy ông những món thuộc loại giàu chất dinh

duỡng nhất, nhiều dầu mỡ nhất và luôn thay đổi; tôi khích mấ ông ăn cho nhiều, ngủ, rồi ăn nữa, và uống quá nhiều rượu để có thể ăn nhiều hơn nữa. Ở tuổi đó, làm sao mấ ông có thể chịu được lâu một chế độ như thế?

Im lặng.

— Thế còn tình yêu, thưa bà Chalon? Tôi xin lỗi, nhưng chính bà đã đề cập đến chuyện này.

— Ăn uống nhiều thì mở đường cho tình yêu hay đúng hơn là cho một cái gì đó giống tình yêu mà mấ ông gọi là tình yêu. Tôi sẵn sàng đáp ứng mọi đòi hỏi của mấ ông và không hề ngăn cản mấ ông đi gặp thêm vài bạn gái. Và mấ ông đã chết như thế: ông Wesser, lúc năm mươi bảy tuổi; ông Chalon, lúc sáu mươi lăm tuổi. Thế thôi.

Im lặng nữa. Một sự im lặng đầy chờ đợi. Cảnh sát trưởng Miron đứng dậy đột ngột đến nỗi bà Chalon giật mình và quay lại. Bây giờ mặt bà đã tái hơn.

— Bà Chalon, tối nay bà sẽ theo tôi xuống Nice.

— Đến đồn cảnh sát hả anh cảnh sát trưởng?

— Đến casino, thưa bà, để uống sâm banh và nghe nhạc. Khi đó hai ta sẽ tiếp tục cuộc nói chuyện này.

— Nhưng, anh cảnh sát trưởng Miron ơi!...

— Bà hãy nghe tôi. Tôi còn độc thân. Bốn mươi bốn tuổi. Tôi không xấu trai lắm, người ta nói thế. Tôi có dành dụm được chút ít tiền. Tôi không phải là một đám xuất sắc lắm, nhưng cũng đáng được xem xét.

Ông nhìn thẳng vào mặt bà:

— Tôi muốn chết.

Ông đứng thẳng vai lại để trông được hơn, trong khi đôi mắt của bà Chalon ngăm ông rất hài lòng.

— Ăn uống ngon, - Bà Chalon dăm chiêu kết luận - nhưng điều độ, thì không phải lúc nào cũng gây tử vong. Anh cảnh sát trưởng Miron à, anh hôn tay tôi nhé?

KẺ TỰ GIẾT CHÍNH MÌNH

James Francis Dwyer

Ánh trăng chiếu vào cái đầu trọc của Schreiber đúng lúc ông giật một cú thật mạnh để lôi cái thân ra khỏi cái ghế dài chế tạo sơ sài. Ánh nhìn ông quay về hướng khối xanh đen của khu rừng, nhưng tai ông vẫn ghi nhận được những tiếng động nhỏ thốt ra từ bên trong nhà chòi. Lối đi, y như một dải được quét vôi, kéo dài đến khối đen kỳ lạ của cây cối; suốt dọc theo lối đi, những cành cây rirro dựng thẳng và cao như để chống lại sự khô cằn do con người tạo ra. Rừng rậm không chấp nhận những khoảng khai hoang để lộ sự hiện diện của con người.

— Có chuyện gì vậy? - Tôi hỏi.

— Không có gì, nhà tự nhiên học nói khể nhưng vẫn bấu chặt tay vào khung ghế làm bằng gỗ thông thô.

Trông ông như đang vận dụng toàn thân thể để sàng lọc những tiếng động đêm khuya.

Đột nhiên cái đầu ông rơi mạnh xuống ngực, rồi ông nhảy phắt ra khỏi ghế. Một đường đen hình thành trên lối đi trắng sáng nhờ ánh trăng, rồi ông người Đức phóng lên đó, mềm mại khéo léo như con mèo, mặc dù ông có thân hình đồ sộ.

— Con rắn đỏ quỷ quyết - Ông càu nhàu trong khi lê chân về hướng cửa, tay cầm đuôi con rắn ngo nguậy. Đây là lần thứ nhì nó xổng chuồng.

Khi cái ghế dài đón ông trở về với tiếng kêu rắc kéo dài vang to, tôi đặt một câu hỏi với ông.

— Anh đã thấy nó trước khi nó bò qua đường hả? - Tôi hỏi.

— Không - Schreiber xằng giọng nói - Tôi nghĩ có “một cái gì đó bất bình thường”. Đơn giản thôi. Khi nó xổng chuồng, tất cả những con vật đang rên rĩ bỗng đổi giọng. Bây giờ anh nghe đi.

Từ bên trong nhà chòi tối tăm, vang lên tiếng ù ù rất đặc biệt, như tiếng ong kêu, nghe liên tục trong màn đêm huyền bí. Cả khu rừng như lắng nghe âm thanh này. Thoạt đầu, tiếng động này đánh bại những nỗ lực của lũ tai muốn phân tích nó, nhưng rồi dần dần ta xác định ra từng âm thanh một. Đó là tiếng các tù nhân của ông người Đức kêu lên không thành lời. Có tiếng rên khẽ của con vượn luôn thức tỉnh, tiếng pat-pat của con cây, tiếng khóc than của con khỉ cái đen, tiếng khịt khịt của những con thú nhỏ bị nhốt trong lồng, tiếng sột soạt của răn bò một mình trong chuồng. Dường như những tiếng động này tạo quanh nhà chòi một bầu không khí đặc biệt, cách ly nhà khỏi khu rừng rậm bao quanh tứ phía.

— Bây giờ mọi thứ đã đâu vào đấy rồi - Ông người Đức hài lòng nói khẽ - Chúng nó nằm yên rồi.

— Nhưng làm sao bọn chúng biết con răn đỏ đã xong chuồng? - Tôi hỏi - Bọn chúng ở trong bóng tối, và con răn đâu có gây ra tiếng động.

Nhà tự nhiên học phá lên cười, tiếng cười mãn nguyện của một người thích nghe một câu hỏi như câu hỏi của tôi.

— Làm thế nào hả? - Ông hỏi lại - Anh bạn vượn của tôi trong kia, đã cảm nhận ra trong lòng nó. Nó rên khẽ, ôi, thật khẽ, rồi tin này lan truyền khắp các chuồng. Bóng đêm không hề làm cho các sinh vật hoang dã khác đi. Từng bộ phận nhỏ nhất trong cơ thể chúng đều là một con mắt. Từng sợi lông nhỏ lắng nghe rồi mách bảo cho chúng một điều gì đó. Phải như thế. Tôi đã nhận thấy sự thay đổi trong tiếng kêu của bọn chúng. Tôi đang mơ về sở thú Jan Wick ở Amsterdam, và đúng lúc đó tôi tỉnh dậy nhanh. Con khỉ cái đen rất khôn ngoan, nhưng những con khác đã hạ giọng nhanh, rất nhanh. Răn là một con vật có thể lén đi khắp nơi. Bây giờ anh hãy nghe bọn chúng. Tôi đâu có nói với bọn chúng rằng răn đã về, nhưng bọn chúng biết.

Tôi cảm thấy buồn nôn khi tay người Đức nói chuyện ngập ngừng, tìm từ. Đối với tôi, nhà chòi hiện ra như vết nhơ trong khu rừng cây đàn hương dại, cây dứa dại đu đưa được nối với nhau bằng dây leo. Tiếng kêu rên, tiếng khịt khịt, tiếng sột soạt phản đối làm tôi rùng mình, và tôi bất ngờ nói thành tiếng những suy nghĩ của mình.

— Thật là độc ác quỷ quyệt - Tôi ấp úng nói - Nếu xem...

Nhà tự nhiên học ngắt lời tôi bằng tiếng cười bình thản, và tôi im lặng. Ông hút những ngụm thuốc mạnh từ ống điếu.

— Không có gì độc ác cả - Ông nói chậm chạp - Trong kia - Ông vẫy tay về hướng cái vệt xanh đen của khu rừng rậm, như làm nền cho bầu trời sáng - bọn chúng ăn thịt nhau để mà sống. Đám tù của tôi được ở nơi an toàn, không thiếu thốn gì. Lúc này anh có nghe bọn chúng lo lắng như thế nào khi con rắn đỏ xoắn chuồng không? Đúng! Con khỉ cái đen có con nhỏ và nó sợ. Cuộc sống ở rừng không thọ đối với kẻ yếu. Cách đây năm năm, tôi ở Amsterdam. Tưởng như cách đây năm chục năm rồi, và ở chỗ Hagenbeck, tôi thấy một con khỉ chỉ còn có một tai. Tôi đã bắt được nó vài năm về trước. Nó vẫn khỏe. Nhưng liệu ở nơi này, nó còn sống nổi không? Không biết.

Nhà chòi vẫn phát ra cái tiếng ù ù khó chịu. Âm thanh bay bổng, tràn khắp màn đêm, và bóng đêm như lắng tai ghi nhận tiếng này.

— Không, bị nhốt trong chuồng không tệ đâu, nếu thú được chăm sóc tốt. Mà anh có nói được cho tôi nghe ở đâu thú không được đối xử tốt không?

Tôi không trả lời. Tôi không biết nói gì, không cần đưa ra lý lẽ cho lời phản đối mà tôi đã ấp úng nói ra. Những con thú bị nhốt của Schreiber được nuôi tốt. Chú khỉ con được bảo vệ khỏi con rắn.

Ông người Đức mập im lặng hút thuốc suốt vài phút, mắt dán vào khu rừng trước mặt.

— Các nhà sinh vật học đối xử với thú vật tốt hơn là xã hội đối xử với con người - Ông nói khẽ - Còn các nhà tự nhiên học thì sao? Thì đối xử rất tốt. Tôi chưa hề thấy ai làm khác.

Ông dừng một hồi; rồi kêu khẽ. Trí nhớ đã gợi dậy một chuyện gì đó mà ông không thích.

— Tôi sai lầm - Ông cục cằn nhận xét - Tôi từng biết một tay. Màn đêm mới xuống thôi; tôi sẽ kể cho anh. Chuyện xảy ra cách đây lâu lắm rồi, lúc ban đầu, khi tôi còn ở trên bờ Samarahan, Fogelberg và tôi đến đó cùng với nhau. Tay đó tên là Lesohn. Pierre Lesohn, một loại nhà tự nhiên học. Nghĩa là hẳn không cho tấm lòng vào công việc. Không! Hẳn luôn nghĩ đến những cách khác để kiếm tiền, mà một người tự cho là nhà tự nhiên học không thể làm như thế được. Việc làm của một nhà tự nhiên học chiếm toàn bộ con người anh: tâm, hồn, trí, tất cả. Chính vì vậy mà tôi nói rằng Lesohn không phải nhà tự nhiên học. Sự bất mãn gặm nhấm tâm hồn hẳn, mà trong cái nghề này, thì không có chỗ cho sự bất mãn. Không có, anh bạn à.

Một hôm, tôi đi xuống tới nhà Lesohn, và hẳn chúi vào mặt tôi một tờ tạp chí từ Paris. Hẳn cười, kích động. Hẳn hầu như luôn luôn như thế, những kẻ bất mãn luôn như thế.

— Anh nghĩ sao về cái này? - Hẳn hỏi.

Tôi đọc dòng chữ trên tạp chí, rồi nhìn hình đi kèm. Đó là hình một con đười ươi và phía dưới có tên con vật. Nó có họ và tên. Y như ta. Nó ngồi trước một bàn viết, hút xì gà và đang giả bộ viết thư. Tôi thấy gớm. Không tốt đối với tôi. Tôi trả báo lại cho Lesohn, và không nói gì.

— Sao - Hẳn xằng giọng nói - Tôi muốn biết anh nghĩ thế nào.

— Không nghĩ gì cả - Tôi nói - Tôi không quan tâm.

— Thật là ngốc nghếch! - Hẳn la lên - Con khỉ này kiếm được hai trăm bảng một tuần ở Royal Music Hall tại Picadilly. Nó làm giàu cho kẻ đã huấn luyện nó.

— Tôi không cần biết. - Tôi nói.

— À! - Hăn cười khẩy - Anh muốn làm việc trong khu rừng mắc dịch này cho đến chết hả? Schreiber à, tôi có những kế hoạch khác trong đầu.

Tôi biết, nhưng tôi không nói gì.

— Đúng, - Hăn la lên - tôi không muốn bị chôn ở đây, để mấy con wawa đến thăm mộ tôi. Tôi muốn chết tại Paris, tôi muốn hưởng thụ cuộc sống trước khi chết, Schreiber à. Tôi có quen một cô gái, cha nàng là chủ quán cà phê Primeroses. Chúa ơi! Tại sao tôi lại đến cái xứ khỉ ho cò gáy này?

— Thế anh sẽ được lợi gì? - Tôi hỏi và chỉ hình con đười ươi trên báo.

— Lợi gì hả? - Hăn hét lên - Lợi gì hả? Đồ ngu, ta Pierre Lesohn đây cũng sẽ huấn luyện một con đười ươi.

— Chuyển một con vật thành người là không tốt đâu - Tôi nói - Ở địa vị anh, tôi sẽ không làm thế.

Khi tôi nói thế, Lesohn cười dữ dội đến nỗi hăn bị run giật. Hăn cho rằng đó là một chuyện đùa hay. Hăn thả người xuống giường, ngồi cười thêm mười phút nữa. Tay Lesohn này rất khôn, quá khôn để rời bỏ Paris. Những người khôn nên ở lại thành phố. Rừng rậm không phải là một nơi dành cho họ. Nó chỉ dành cho những ai đã qua thử thách. Lesohn chưa hề có thời gian trải qua thử thách. Hăn quá bận lo lên kế hoạch này kế hoạch kia.

Schreiber ngưng nói và lại cúi ra phía trước. Có một âm chói tai trong tiếng ù ù phát ra từ nhà tù, và như một nhạc trưởng ông đang cố phân biệt ra nốt sai lệch đó. Ông thận trọng đứng dậy, rồi biến vào bóng tối bên trong.

Khi trở ra, ông châm ống điếu từ từ - cuộc sống trong rừng rậm làm cho con người có động tác bình tĩnh và ung dung hơn - rồi ngả lưng xuống cái ghế do ông tự chế.

— Con khỉ con bị bệnh - Ông giải thích - Nếu sống trong rừng rậm, thì nó đã chết rồi. Ở đây, tôi nghĩ nó sẽ sống. Nhưng ta hãy

nói tiếp về Lesohn, tay người Pháp ma-lanh, lẽ ra nên ở lại Paris. Hắn dán hình con khỉ - người lên đầu giường, và nhìn mỗi ngày. Hình ảnh ấy xen vào giữa giấc ngủ và hắn.

— Hai trăm bảng một tuần - Hắn la lên - Đồ người Đức cứng đầu, thử nghĩ xem! Gần năm ngàn franc rồi! Bốn ngàn mark! Sao ta không dạy được một con?

— Tôi thì không - Tôi nói - Tôi thích con đười ươi như cũ hơn. Nó phù hợp với tôi hơn. Nếu nó trở nên đủ khôn để hút xì gà của tôi và đọc thư tôi, thì tôi sẽ không còn thích nó nữa. Nó sẽ không còn ở vị trí mà Chúa đã xếp đặt cho nó trong thế giới động vật.

Tôi làm Lesohn phát chán khi nói thế. Rất chán. Ba ngày sau, một người bắt được một con đười ươi vừa mới lớn, và tay người Pháp vội mua về.

— Đúng cái tuổi tôi cần - Hắn nói với Fogelberg và tôi - Tôi muốn dạy nó thật sớm. A ha! Hai bạn ngớ ời, hãy đợi đấy. Cả cô bé có cha là chủ quán cà phê; hãy đợi đấy, anh bạn Đức à. Giáo sư Pierre Lesohn và con đười ươi khôn! Năm ngàn franc một tuần! Có hay không?

Nhưng Fogelberg và tôi không nói gì. Chúng tôi biết địa vị của con đười ươi trong thế giới động vật, và chúng tôi chỉ muốn để nó ở đúng vị trí của nó. Mẹ tào hóa đã sắp đặt cấp bậc, và tào hóa biết rằng đười ươi không phải là loại sinh thể sinh ra để viết thư cho bạn gái, hay để ngồi đó phì phèo xì gà, đeo ủng quá chặt kẹp chặt ngón chân, những ngón chân này được tạo ra để nó đu trên cây mà di chuyển. Từ con tê tê ăn kiến, có áo giáp bằng sừng, cho đến chính Pierre Lesohn, tào hóa đã xếp đặt mọi thứ rất đúng đắn và phù hợp.

Lesohn không thích hợp với cuộc sống trong rừng. Không anh bạn à. Hắn luôn sôi nổi, và mười lần trong một ngày, cần phải có một cái gì đó để nuôi dưỡng sự kích động quá mức này. Ở đây không có gì đặc biệt cả. Hoàn toàn không có gì cả. Dân

thành thị cứ tưởng chỗ chúng tôi có nhiều chuyện xảy ra. Họ lầm. Đây là một cái nôi nơi anh có thể nghỉ ngơi nếu anh thích. Anh hiểu không? Tay người Pháp không thể ngồi yên nổi. Hắn mới sở hữu được con đười ươi có hai ngày, mà đã tưởng tượng mình là triệu phú. Đúng, đúng. Hắn mơ sẽ mua nhà ở Paris, mua xe, mua nụ cười của các cô vũ nữ ở Grand Casino. Có những người như thế. Áo tưởng chính là những cỗ xe dẫn họ đi thẳng xuống địa ngục. Dưới giường hắn có cái chai vuông, và thỉnh thoảng hắn cứ uống mừng con khỉ và mừng cuộc sống mới mà hắn sẽ có ở Paris. Theo tôi, thì hắn uống mừng quá nhiều.

Con khỉ này học được nhiều trò rất nhanh. Nó bắt chước tài lắm. Mỗi khi Fogelberg và tôi chèo xuống đến nhà Lesohn, hắn cứ lôi con vật lông lá kia ra làm trò cho chúng tôi xem. Cả Fogelberg lẫn tôi đều không thích như thế. Chúng tôi nói thẳng cho Lesohn biết, hắn cười và trêu chọc chúng tôi.

— Ôi! Hai lão ngốc! - Hắn thốt lên - Hãy đợi đấy! Xem giáo sư và con đười ươi năm ngàn franc một tuần! Năm ngàn franc! Thử nghĩ xem! Ở quán cà phê Primeroses, tôi sẽ nhớ đến hai bạn già ngốc nghếch của tôi đây, còn ở lại trên bờ sông Samarahan hồi hám.

Hắn như điên lên do nghĩ về cuộc sống ăn chơi mà hắn sẽ được hưởng. Hắn uống rượu! Chúa ơi, hắn uống! Hắn tưởng tượng mình đi khắp châu Âu, với con khỉ để ra tiền. Hắn thật sự điên mất. Và tôi nghĩ con đười ươi bắt đầu nghĩ hắn bị điên. Nó cứ ngồi bên cạnh Lesohn, nghĩ nát óc xem tại sao tay người Pháp kích động lên như thế. Con vật không hề biết gì về những giấc mơ của ngài Pierre Lesohn. Không, anh bạn à. Nó không hề biết rằng tay người Pháp định biến trí khôn của nó thành một cái bục, từ đó hắn leo lên thiên đường.Ồ không, nó chỉ là đười ươi mà! Làm sao nó hiểu được lý do khiến người ta có thể trả

bốn ngàn mark một tuần để xem nó chúi mũi vào cái ly và hút thuốc. Ô! Nghĩ đến đó tôi phát bệnh luôn.

Nhưng đến một hôm, con khỉ giở chứng và không chịu làm gì nữa. Dường như hôm đó Lesohn say rượu. Có lẽ hẳn say rượu. Con vật thì giận hờn, còn tay người Pháp thì say. Về sau Pierre kể lại cho tôi nghe. Con đười ươi phá đổ hết mấy hộp chứa mẩu vật và giở đủ trò nhõng nhẽo; Lesohn cũng làm y như vậy. Hẳn thấy nhà, xe, vũ nữ và quán cà phê Primeroses tan tành, do con đười ươi giở chứng, và hẳn lẫn ra bệnh rất nặng. Hẳn uống rất nhiều, đến nỗi gần điên luôn, rồi hẳn đã làm một chuyện.

Khu rừng rậm như run lên từ độ sâu xanh thẳm, khi Schreiber ngưng nói để một lần nữa lắng nghe tiếng động từ bên trong. Trong màn đêm ẩm áp, có một thứ ma thuật quỷ quái, như chạm nhẹ vào ta bằng những ngón tay vô hình, và đang rình rập bên ngoài cái nhà chòi đơn độc.

— Có lẽ hẳn bị điên, - Ông người Đức nói tiếp - điên hoặc say. Sông Samarahan chảy ngay bên cạnh nhà Lesohn, và dòng Samarahan chỗ đó đầy sự sống. Cá sấu, phủ đầy bùn, xấu xí, cứ nằm ngủ trong bùn suốt cả ngày. Gớm! Tôi ghét cá sấu lắm. Chúng làm tôi buồn nôn. Còn tay người Pháp, thì bị khùng, vì rượu và vì hẳn tưởng con đười ươi trở nên ngu ngốc.

— Rồi sao? - Tôi hỏi - Chuyện gì xảy ra?

Màn đêm cũng lắng nghe câu chuyện này. Tiếng ù ù của những con bị nhốt trong nhà cũng giảm xuống đến chỉ còn là tiếng rì rầm.

— Rồi Pierre Lesohn dạy cho con đười ươi một bài học vâng lời - Schreiber kể tiếp - Hẳn trói con vật vào gốc cây gần bờ sông đầy phù sa, hôi hám, ướt nhẹp, trong khi chính hẳn, Lesohn, thì nằm dưới mái hiên nhà, khẩu Winchester trên chân.

Con đười ươi khóc rên, còn Lesohn thì cười. Về sau, hẳn kể cho tôi nghe. Con khỉ cứ rên rĩ. Rồi nó hét lên khiếp sợ. Một mảnh bùn động đậy, và con khỉ sợ, rất sợ. Anh đã biết ánh mắt

lạnh như đá của con cá sấu. Y như mắt con cá mập ăn thịt người. Không có con vật nào có ánh mắt lạnh như thế. Cá mập hả? Không! Cá mập có ánh mắt chiến đấu. Cá sấu không chiến đấu. Nó chờ đến khi mọi lợi thế đã thuộc về nó. Nó là một con quỷ. Con khỉ bị Lesohn trói đang thu hút con cá sấu chui ra khỏi đồng bùn nhơ nhớp, và con đười ươi đã đại dột để lộ cho cá sấu biết nó đã nằm trong tay cá sấu khi khóc rên lên như thế. Anh hiểu không?

Cá sấu rình nó suốt một tiếng, hai tiếng, ba tiếng. Cá sấu nghĩ đó là cái bẫy. Lesohn cũng rình. Hẳn dạy cho con đười ươi biết dân từ Paris đến khôn như thế nào.

Con cá sấu vẫy bùn trên lưng xuống để nhìn cho rõ hơn. Con đười ươi hét lên để van xin Lesohn đến cứu nó. Nó hét lên hết sức lực. Nó cà lăm để nói nó sẽ chịu học bao nhiêu trò nếu Lesohn đến cứu nó, nhưng Lesohn chỉ mỉm cười và không nhúc nhích.

Con cá sấu chui ra khỏi đồng bùn và nhìn con đười ươi. Con đười ươi run toàn thân. Sau này, Lesohn kể cho tôi nghe rằng con đười ươi chửi bới hăn khi con cá sấu giật một cái để vẩy nước ra khỏi con mắt và tiến lên bờ một chút. Ánh mắt lạnh lùng đó làm mê hoặc con đười ươi. Rồi nó lấy lại bình tĩnh. Nó la lên và cầu nguyện bằng tiếng khỉ, và nhờ đó con cá sấu mạnh dạn hơn.Ồ, đúng! Cá sấu nghĩ nó cầm được bốn con ách trong ván bài với con đười ươi và nó nghĩ nên thử vận may. Nó phóng về hướng cây. Nhưng Lesohn đang chờ giây phút đó. Hăn tỳ súng vào vai, thật nhanh. Viên đạn trúng ngay mắt con cá sấu làm nó rơi trở xuống bùn.

Anh thấy Lesohn là loại người như thế nào chưa? Hăn là một thằng khùng.

Ngày hôm sau, khi Fogelberg và tôi đến nhà hăn, hăn kể hết cho chúng tôi nghe và hăn cười. Con đười ươi quá sợ Lesohn lặp lại cái trò đó đến nỗi nó lảng xảng quanh chúng tôi, cố làm tắt

cả những gì làm được. Mỗi khi Lesohn nhìn nó, nó run lên như sắp lên cơn, rồi rên khóc như trẻ con. Cá sấu rình nó suốt ba tiếng mà. Anh hiểu không?

— Nhìn nó kia - Tay người Pháp gào lên - Nó không giở chứng nữa! Tôi đã trị được nó rồi! Lại đây - Hắn hét con đười ươi - Đem chai rượu đến cho ta!

Con đười ươi hấp tấp chạy đi lấy chai rượu! Nó chạy như thể đó là vấn đề sống còn đối với nó, và có lẽ đúng như thế trong đầu nó. Còn Lesohn thì bò lăn ra ôm bụng cười, cười to đến nỗi ở tận Brunei cũng nghe thấy. Hắn cứ thể rằng ánh nhìn lạnh đá của cá sấu là thứ tốt nhất để dạy đười ươi.

— Tuần sau, tôi sẽ mang nó đi Singapore, từ đó tôi sẽ lấy tàu biển đi Columbo, rồi chuyển tàu đi Paris bằng Messageries Maritimes. Năm ngàn franc một tuần! Các anh sẽ thấy hình tôi trên báo. Chúa ơi! Đúng! Các anh sẽ đọc bài báo kể về Pierre Lesohn, giáo sư Pierre Lesohn, và con đười ươi biết làm trò...

Schreiber dừng kể. Ngọn gió thổi đến từ biển Đông, đi thẳng vào rừng, làm rách tàu lá cây cọ, như một đoàn quân ào đến trong tiếng ồn ào. Gió đột ngột tắt, nhường chỗ cho một bầu không khí chờ đợi lạ lùng, căng thẳng. Màn đêm như lắng tai để nghe một cái gì đó mà nó biết là sẽ đến.

— Anh kể tiếp đi - Tôi háng hái nói - Kể đi! Hãy kể chuyện gì đã xảy ra!

— Bốn ngày, sau buổi tối hôm đó, - Schreiber bình tĩnh nói - tôi đi xuống xuống dòng sông Smarahan. Khi đến nhà Lesohn, tôi gọi hắn, nhưng không có trả lời. Hắn đi vào rừng rồi, tôi tự nhủ thế; tôi sẽ vào nhà hắn, tìm cái gì đó uống. Trời nóng dữ dội, và dòng sông Samarahan không phải là một nơi nghỉ mát. Không! Hoàn toàn không!

Anh có bao giờ cảm giác rằng một sự im lặng vượt quá mức không? Có lúc, trong rừng, tôi phát hiện một sự bình lặng khả nghi. Đó là điều tôi đã cảm giác, tối hôm nay, khi con rắn đỏ

xổng chuồng. Thông thường, trong rừng, sự bình lặng này lẫn át tiếng dế kêu, và dường như ngăn không cho những cọng cỏ con động đậy. Vâng! Lạ lắm. Mỗi khi tôi cảm nhận một sự im lặng như thế, là tôi cảnh giác ngay. Tôi không sợ, nhưng tôi biết rằng những sinh vật khác, những con vật cảm nhận những chuyện tôi không thể cảm nhận được, đều rất sợ. Tôi cảm nhận chính một bầu im lặng như thế khi bước trên lối đi dẫn lên nhà Lesohn. Sự im lặng sờ mó vào tôi y như hàng ngàn cái bàn tay lạnh. Tôi không có đầu óc tưởng tượng, nhưng trong rừng riết rồi làn da tôi mách bảo cho trí óc tôi một điều mà tôi không hiểu nổi.

Tôi rón rén đi đến khóm cây xoài ở cuối lối đi. Để làm gì? Tôi không biết, nhưng như thế đấy. Tôi sắp phát hiện ra một cái gì đó. Tôi biết như thế. Tôi đứng lại, liếc nhìn qua cành cây, và tôi thấy gì? Đúng, tôi thấy một cái gì đó toan cố làm cho trí óc tôi hiểu được cái tin mà làn da tôi đang cố truyền đạt cho tôi. Tôi biết, nhưng lại không biết. Anh có hiểu không? Tôi rượt đuổi theo điều đó khắp mọi ngõ ngách trong trí óc tôi, và cứ mỗi phút trôi qua là tôi tiến lại gần nó hơn. Những gì tôi nghĩ làm cho điều đó gần hơn, và môi tôi bị khô. Tôi nhớ đến chuyện mà Lesohn đã làm đối với con đười ươi, cột nó vào cây, làm cho nó điên lên vì khiếp sợ, vì cái nhìn lạnh đá của con cá sấu. Tôi vừa xoay tròn những suy nghĩ này trong đầu, vừa quan sát sân hiên nhà. Tôi tưởng như thấy con đười ươi bị cột vào cây, và con mắt lạnh đá nhìn nó từ đồng bùn, rồi... tôi hiểu ra! Đột nhiên hiểu ra như tia chớp. Tưởng như tôi bị bịch cát rơi trúng đầu.

Suốt ba phút, tôi không động đậy được. Cuối cùng tôi loạng choạng bước đến sân hiên. Anh biết ở đó có gì không? Con đười ươi ghê gớm và to tướng kia cầm cây súng của tay người Pháp và đang khóc như người.

— Lesohn đâu? - Tôi la lên - Hắn đâu rồi?

Rồi tôi cười như thằng điên vì câu hỏi của mình. Làn da, cũng là mắt và tai tôi, đã cho tôi biết Lesohn ở đâu. Vâng! Đúng như thế.

— Hẳn đâu? - Tôi la lên lần nữa - Chỉ cho ta xem Lesohn ở đâu.

Con đười ươi lau nước mắt chảy trên cái mũi xanh gớm ghiếc của nó, dùng cái tay lông lá chạm vào tôi, rồi lê chân bước đi về hướng bờ sông đầy bùn, nơi tay người Pháp đã cột nó để dạy cho nó một bài học vâng lời.

Tôi thấy buồn nôn. Bầu không khí làm đảo lộn ruột gan tôi. Tôi biết chuyện gì đã xảy ra. Đúng, tôi biết. Đầu óc tôi đã ráp lại tất cả, như các mảnh trong trò chơi ghép hình. Tôi biết Lesohn đã làm gì con vật. Tôi biết cái tật hay bắt chước của con đười ươi, và tôi biết rằng Lesohn thường hay say xỉn, rất thường hay say rượu. Và có cả cái điều mà làn da tôi đã rút ra được từ bầu im lặng. Trong khi đi theo con đười ươi, tôi ướm dẫm mồ hôi lạnh. Khi gần đến bờ sông, tôi ôm chặt cây súng, tìm kiếm xung quanh một cái gì đó xác nhận cho điều kinh khủng mà linh tính tôi đã cảm nhận. Và bằng chứng có đó. Một tay áo vết cột vào cái cây nơi tay người Pháp đã cột con đười ươi một tuần lễ trước đó, và tay áo không trống rỗng. Không! Dây đã được siết chặt quanh cổ tay Lesohn, và dây rất chặt. Dây, đã chống lại nỗi sức kéo và còn đó, như một chứng cứ về chuyện đã xảy ra.

Tất cả quá rõ ràng đối với tôi. Có lẽ Lesohn say mềm, anh hiểu không? Và trong khi hẳn say, ý nghĩ đã nảy ra trong đầu con đười ươi là phải bắt Lesohn cảm giác sự rùng rợn khi chịu cái nhìn lạnh đá của con quỷ nằm trong bùn. Con đười ươi đã cột Lesohn vào cây, rồi nó đã cầm cây súng và bắt chước tay người Pháp, ngồi trên sân hiên để chờ con cá sấu đầu tiên phát hiện ra rằng Lesohn không tự vệ được.

Rất rõ, ôi, quá rõ ràng! Nhưng, khi dạy con đười ươi, tay người Pháp đã quên dạy nó nạp đạn vào súng. Xui qua, đúng không?

Cây súng không có đạn, và khi cá sấu chui ra khỏi bùn, thì con đười ươi không làm gì được. Không! Nó cứ cầm súng và khóc như người cho đến khi tôi đến, nhưng lúc đó đã quá trễ.

— Thế anh làm gì? - Tôi la lên trong khi giọng trầm của Schreiber như bị im lặng tấn công và dồn nén.

— Không làm gì cả - Schreiber bình tĩnh trả lời - Lesohn đã kể cho tôi nghe những gì hắn làm con đười ươi. Định mệnh có những hướng đi lạ lùng. Tôi nhìn con đười ươi, rồi nó vừa khóc vừa bước thụt lùi. Nó quay lại khoảng một chục lần, vẫn khóc lóc, cho đến khi rừng rậm nuốt mất nó. Ở một nơi nào đó trong kia (ông người Đức vẫy tay chỉ về hướng khu rừng tối thui đang rình rập và lắng nghe ông), có một con đười ươi bị ám ảnh bởi một tấn bi kịch.

CÁI HỒM

Edgar Allan Poe

Vài năm trước tôi có việc phải đi từ Charleston Anh quốc đến New York ở Hoa Kỳ. Tôi đặt chỗ trên con tàu thư tín “Independence”, một chiếc tàu tuyệt vời do Thuyền trưởng Hardy chỉ huy. Theo lịch trình, chúng tôi sẽ nhổ neo vào ngày 15 tháng 6, thời tiết lúc này đang rất thuận lợi. Và thế là vào ngày 14, tôi bước chân lên boong tàu để thu xếp chuyện buồng ở cho mình trong chuyến đi.

Nhìn vào danh sách, tôi thấy số hành khách đi chuyến này cũng không ít, trong đó số hành khách là các quý bà quý cô có vẻ nhiều hơn bình thường. Trong danh sách có vài người tôi quen, và tôi rất mừng khi nhìn thấy cái tên Cornelius Wyatt, một họa sĩ trẻ mà giữa chúng tôi từng có nhiều kỷ niệm rất dễ chịu. Anh với tôi là bạn cùng lớp ở Đại học C., và chúng tôi vốn rất thân thiết với nhau. Anh có tính khí thường thấy ở các thiên tài, một sự kết hợp của tính khinh người, sự nhạy cảm và lòng nhiệt tình. Thêm vào cho những phẩm chất này, anh còn là một người có trái tim nồng nhiệt và trung thành nhất mà tôi từng biết.

Tôi thấy tên của anh được đăng ký cho ba buồng trên tàu, hai buồng chính và một buồng phụ, và nhìn vào danh sách hành khách tôi mới biết anh đặt chỗ cho anh cùng với cô vợ mới cưới và hai cô em gái của anh. Buồng ở cho khách ở trên tàu này cũng khá rộng, mỗi buồng có hai giường ngủ chồng lên nhau. Giường ngủ trên tàu chắc chắn là khá hẹp vì chỉ dành cho một người; nhưng, điều khiến tôi lấy làm lạ là tại sao lại phải có những ba buồng cho bốn người này. Hồi đó tôi là một trong số những kẻ hay tọc mạch những chuyện riêng của người khác,

một thói xấu làm cho người ta trở nên tò mò khác thường với những chuyện vặt vãnh không đâu. Và tôi phải xấu hổ mà thú nhận rằng lúc đó tôi cứ mãi loay hoay với những phỏng đoán xấu thói và hết sức ngớ ngẩn về vấn đề số buồn quá nhiều này. Rõ ràng đó đâu phải là việc của tôi; nhưng chẳng qua chỉ tại cái tính ngang ngạnh cố chấp mà tôi đâm ra ép mình phải giải đáp điều bí ẩn này. Cuối cùng tôi đi đến một kết luận rất đơn giản, một kết luận khiến tôi phải ngạc nhiên là tại sao tôi lại không đoán ra ngay cơ chứ. “Buồng đó dành cho người hầu, dĩ nhiên là như thế rồi” tôi tự nhủ, “mình ngốc thế, sao lại không nghĩ ra sớm chứ!” Và rồi tôi nhìn lại bản danh sách - nhưng trong danh sách tôi thấy rõ là không có người hầu đi cùng trong nhóm người này: mặc dù thoát đầu trong đó có ghi “và người hầu”, nhưng sau đó nó đã được gạch đi. “Ô, chắc là có thêm hành lý, hẳn thế”. Bấy giờ tôi mới tự nhủ - “có thứ gì đó mà anh không muốn để ở khoang hành lý nhỉ, một thứ gì đó mà anh muốn lúc nào cũng để mắt đến. À, mình nghĩ ra rồi, một bức tranh hay thứ gì đó tương tự, và đó là thứ mà anh đã thương lượng với Nicolino, gã người Ý gốc Do Thái”. Ý nghĩ này làm tôi thỏa mãn, và trí tò mò của tôi cũng tạm thời được xoa dịu.

Tôi biết rất rõ hai cô em gái của Wyatt, đó là những cô gái hết sức dễ thương và thông minh. Còn cô vợ mới cưới của anh thì tôi chưa từng biết mặt. Nhưng anh vẫn thường kể cho tôi nghe về nàng bằng những lời lẽ hết sức cuồng nhiệt. Anh miêu tả nàng như một người phụ nữ có sắc đẹp khác thường, rất hóm hỉnh và rất có tài. Vì thế lẽ dĩ nhiên là tôi vô cùng hồi hộp chờ đợi giây phút được làm quen.

Vào cái ngày tôi đến đăng ký buồng (ngày 14) thì Wyatt và bầu đoàn thể tử cũng sẽ đến - ông thuyền trưởng đã báo cho tôi biết thế. Vì vậy tôi cố nấn ná chờ trên boong cả giờ đồng hồ, hy vọng sẽ được giới thiệu với cô dâu mới; nhưng thay vì thế là một

lời xin lỗi được chuyển đến. “Bà Wyatt hơi khó ở, vì thế sẽ chỉ lên tàu vào ngày mai, trước khi tàu nhổ neo”.

Sáng hôm sau, tôi đang sửa soạn rời khách sạn để ra cầu tàu thì Thuyền trưởng Hardy cho người đến gặp tôi và bảo rằng “Vì hoàn cảnh đặc biệt” (một cách nói ngớ ngẩn nhưng khá tiện lợi), “nên con tàu Independence không thể ra khơi trong một hai ngày tới. Khi nào mọi việc đã thu xếp xong, ông sẽ cho người đến báo cho tôi ngay”. Tôi nghĩ chuyện này hơi lạ lùng, vì lúc này là đang thời điểm có gió nam; nhưng ‘hoàn cảnh đặc biệt’ là gì thì ông không cho tôi biết, mặc dù tôi đã rất cố gắng để gắng hỏi. Vậy là tôi chẳng còn biết làm gì khác ngoài việc quay về khách sạn ngồi chờ.

Trong gần một tuần lễ tôi không nhận được tin tức gì từ thuyền trưởng. Cuối cùng rồi cũng có thông báo mà tôi vẫn chờ đợi, và tôi lập tức lên tàu. Có khá đông hành khách tụ tập trên boong, và mọi thứ huyền ảo lộn xộn như vẫn thường thấy mỗi khi tàu nhổ neo. Bầy đoàn nhà Wyatt lên tàu chỉ sau tôi chừng mười lăm phút. Có hai cô em, cô dâu mới và chàng họa sĩ - anh chàng mang cái vẻ mặt lạnh lùng u ám quen thuộc. Anh thậm chí không buồn giới thiệu tôi với cô vợ mới cưới, mà đùn nghi thức này cho cô em gái Marian - một cô gái rất dễ thương và rất thông minh - cô ta giới thiệu hai chúng tôi với nhau bằng vài lời vội vàng.

Cô vợ mới của Wyatt choàng tấm khăn voan che kín mặt; và khi nàng nâng khăn lên để đáp lại lời chào của tôi, thì phải thú nhận là tôi vô cùng sửng sốt. Có lẽ tôi đã kỳ vọng quá nhiều, tuy kinh nghiệm trường đời dù chưa nhiều nhận gì cũng đã cảnh cáo tôi chớ có quá ngây thơ tin tưởng vào những lời miêu tả cuồng nhiệt của anh bạn tôi, nhất là khi anh ta đang yêu mê mẩn. Còn nói về sắc đẹp, thì tôi đã quá rành anh ta có thể bốc đồng và cao hứng đến cỡ nào trong cái lĩnh vực chỉ toàn là những ảo tưởng thuần túy này.

Sự thực thì tôi không thể không coi bà Wyatt như một người đàn bà không được ưa nhìn cho lắm. Nàng không đến nỗi xấu quá, nhưng tôi nghĩ bảo nàng khá xấu thì cũng không quá xa sự thật bao nhiêu. Nhưng được cái nàng ăn mặc rất trang nhã - và rồi tôi không nghi ngờ gì, chắc chắn là nàng đã cầm tù trái tim tội nghiệp của anh bạn tôi bằng những vẻ đẹp bên trong, vĩnh cửu hơn của nàng - đó là trí tuệ và tâm hồn. Nàng chỉ nói với tôi vài lời ngắn ngủi rồi lập tức đi vào buồng cùng với ông chồng.

Trí tò mò của tôi lúc này lại quay trở lại. Không có người hầu - đó là điều dứt khoát. Do đó tôi tìm hiểu đồng hành lý. Chẳng bao lâu sau một chiếc xe ngựa chạy vào cầu cảng chở theo một chiếc hòm dài bằng gỗ thông với ba ổ khóa to tướng, có vẻ đó chính là thứ mà tôi chờ đợi. Ngay sau khi chiếc hòm được mang lên boong thì con tàu lập tức nhổ neo. Chẳng mấy chốc nó đã an toàn vòng qua kè chắn sóng và thẳng đường ra biển khơi.

Vấn đề của cái hòm, như tôi đã nói, là nó khá dài. Nó dài chừng hai mét, rộng một mét và cao chừng sáu tấc. Tôi đã quan sát nó rất chăm chú, kích thước chính xác là như vậy. Hình dáng cái hòm đúng là đặc biệt; và ngay khi nhìn thấy nó, tôi đã biết phỏng đoán của tôi là chính xác. Tôi đi đến kết luận rằng thứ hành lý đặc biệt mang theo của anh bạn tôi - một họa sĩ - chắc chắn là những bức tranh, hay ít ra cũng là một bức tranh; vì tôi biết vài tuần lễ trước đây anh đã có cuộc gặp gỡ mặt đối mặt với tay Do Thái buôn tranh Nicolino. Và bây giờ cái hòm ở đây, cứ theo hình dáng của nó thì vật bên trong chẳng thể là cái gì khác trên đời ngoài bản sao bức tranh “Bữa tiệc ly” của Leonardo de Vinci, một bản sao rất giá trị, do chính Rubini con ở Florence thực hiện. Nhân một lần nọ tôi đã biết bản sao này thuộc sở hữu của Nicolino. Đến lúc này thì tôi xem như vấn đề đã được giải quyết. Tôi vô cùng khoái trá khi nghĩ đến sự sắc sảo nhạy bén của mình. Đây là lần đầu tiên tôi biết Wyatt giấu tôi một bí mật trong nghề nghiệp nghệ sĩ của anh; nhưng anh rõ

ràng là định qua mặt tôi, mang lậu một bức danh họa đến New York ngay dưới mũi tôi; cho rằng tôi sẽ chẳng biết gì về chuyện này. Nhưng tôi đã giải được câu đố của anh, bây giờ và mãi mãi.

Tuy vậy, có một điều làm cho tôi thắc mắc không ít. Đó là cái hòm không được đưa vào căn buồng phụ, mà lại đặt ngay trong buồng của Wyatt. Ở đó nó chiếm hầu như toàn bộ không gian còn trống trong buồng, không nghi ngờ gì là nó sẽ gây rất nhiều bất tiện cho chàng họa sĩ và cô vợ của anh ta. Một điều đặc biệt khác nữa là những dòng chữ viết trên nắp hòm, chúng được kẻ bằng nhựa đường hay sơn ta, hay một thứ gì đó có mùi hăng hắc khó chịu: “Bà Adelaide Curtis, Albany, New York. Người gửi: Cornelius Wyatt. Mặt này lên trên. Xin nhẹ tay”.

Lúc này tôi đã biết bà Adelaide Curtis ở Albany là mẹ vợ của chàng họa sĩ. Nhưng rồi tôi nhìn toàn bộ dòng địa chỉ mà lấy làm khó hiểu, tất nhiên là chỉ với chính tôi. Bởi vì tôi vẫn nghĩ rằng cái hòm và những gì chứa trong đó sẽ chẳng đi đâu xa hơn về phía bắc, quá xưởng vẽ của anh bạn tôi nằm trên đại lộ Chamber thành phố New York.

Ba bốn ngày đầu tiên trên biển thời tiết rất đẹp, mặc dù gió cứ lặng dần đi. Con tàu thả trôi chệch một chút về hướng bắc ngay sau khi bờ biển biến mất trong tầm nhìn của chúng tôi. Kết quả là các hành khách đang cơn cao hứng tranh thủ làm quen với nhau. Tuy vậy, tôi cho là vợ chồng Wyatt và hai cô em gái quá khó tính, và tôi không thể không nghĩ rằng, họ không được lịch sự cho lắm trong lối cư xử với những hành khách còn lại. Tôi không quan tâm lắm đến thái độ của Wyatt. Anh có vẻ ủ dột, thậm chí hơi quá so với vẻ mặt thường ngày - thực tế anh là típ người đa cảm, hay buồn rầu - nhưng tính khí lập dị của anh thì tôi đã quá quen rồi. Nhưng còn với các cô em gái thì tôi không thấy có lý do gì có thể bào chữa cho họ. Hai cô cứ ở lì trong buồng suốt phần lớn cuộc hành trình, và nhất định từ chối làm

quen với những hành khách trên boong, dù tôi đã nhiều lần tỏ ý thúc giục.

Riêng cô vợ của Wyatt thì có vẻ dễ gần hơn nhiều. Tức là cô ta thích chuyện phiếm, và để chuyện phiếm thì không lúc nào thích hợp hơn là khi đi lâu ngày trên biển. Cô ta trở nên thân mật quá mức với hầu hết các bà các cô có mặt trên tàu; và, theo sự tò mò có căn cứ của tôi, thì cô ta tỏ ra không ngại ngần gì trong việc làm duyên làm dáng với cánh đàn ông. Cô ta đùa cợt rất nhiều với tất cả chúng tôi. Tôi nói là “đùa cợt” - và chắc chắn là tôi biết phải giải thích chuyện đó như thế nào. Sự thật là tôi đã sớm nhận ra cô ta thích cười nhạo người khác hơn là cười đùa với họ. Các quý ông thì chẳng có gì nhiều để nói về cô ta. Nhưng còn các quý bà, thì chỉ trong một thời gian ngắn, họ đã coi cô ta là một cô gái “cởi mở, thích làm dáng, hoàn toàn thiếu giáo dục và thiếu tế nhị”. Thật ngạc nhiên là làm sao mà Wyatt lại có thể bị mắc vào một đám như thế. Của cải là một giải đáp thường thấy - nhưng tôi thì tôi biết rõ hoàn toàn không phải như thế. Vì Wyatt đã từng bảo với tôi là cô ta không mang về cho anh một đồng nào, và cô cũng không chờ đợi một món thừa kế gia tài nào cả. “Tôi lấy vợ vì tình, và duy nhất chỉ vì tình. Nàng đối với tôi còn quý giá hơn mọi thứ của cải trên đời, hơn cả chính tình yêu của tôi”. Anh đã bảo với tôi như vậy. Khi nhớ lại những lời của anh, phải thú nhận rằng tôi vô cùng lúng lúng. Lẽ nào anh đánh mất khả năng xét người tinh tường của mình rồi hay sao? Tôi còn có thể nghĩ được điều gì khác hơn thế nữa? Anh ta, một người tinh tế đến thế, thông minh đến thế, khó tính đến thế, nhạy cảm đến thế trong việc nhận ra những khiếm khuyết của người đời, và cũng y như thế trong việc thưởng thức cái đẹp! Rõ ràng là quý cô kia tỏ ra rất si mê anh ta - nhất là khi không có mặt anh - cô ta làm cho mình trở nên kỳ quặc bằng cách thường xuyên nhắc đi nhắc lại những lời mà “ông chồng yêu quý của tôi, ông Wyatt” đã nói. Những từ “ông

chồng yêu quý” - một cách nói ưa thích của cô ta - dường như lúc nào cũng chực sẵn trên đầu lưỡi của cô. Chẳng mấy chốc mọi người trên tàu đều quen với những lời cửa miệng đó, khiến cho anh chồng cứ phải tìm cách tránh né cô vợ ra mặt. Phần lớn thời gian anh ta cứ giam mình trong buồng ngủ, có lẽ anh ta cảm thấy ở đó thoải mái hơn, để mặc cho cô vợ hoàn toàn tự do, tha hồ mà giải trí cho thỏa thích với các hành khách thường tụ tập trên boong. Tôi cũng nhận thấy cô ta rất ít khi chịu ngồi trong buồng cùng với chồng, tất nhiên là trừ buổi tối đi ngủ thì không kể.

Từ những gì đã nhìn thấy và nghe thấy, tôi đi đến kết luận rằng chàng họa sĩ, do một sự trở trêu không lường trước được nào đó của số phận, hay do trời xui đất khiến như thế nào đó, mà đã lầm lẫn cưới một người không xứng đáng với anh. Và kết quả tự nhiên của sự nhầm lẫn đó là trong lòng anh đã nảy sinh một sự chán ghét hoàn toàn và nhanh chóng đối với cô ta. Từ tận đáy lòng tôi cảm thấy thương hại cho anh - nhưng không vì thế mà tôi có thể tha thứ cho cái tội của anh định giấu diếm chuyện bức tranh “Bữa tiệc ly” với tôi. Vì chuyện đó tôi quyết định phải cho anh một bài học xứng đáng.

Một hôm, khi anh đi lên boong, tôi liền tiến đến choàng tay anh như thói quen vốn có giữa chúng tôi, và chúng tôi cùng nhau tản bộ. Tuy vậy, vẻ ủ ê của anh hình như vẫn không bớt đi chút nào - tôi thì thấy chuyện đó là hoàn toàn tự nhiên, nếu xét đến cái tình cảnh trở trêu mà anh đang kẹt trong đó. Anh nói rất ít, giọng thì rầu rĩ, và rõ ràng anh đã phải rất cố gắng mới thốt ra được vài lời. Tôi đánh bạo đưa cột một hai câu, còn anh phải cố lắm để làm bộ nhếch mép. Anh chàng mới bất hạnh làm sao! Nghĩ đến cô vợ của anh, tôi cho rằng anh không có tâm trạng nào để mà cười đùa cả. Cuối cùng, tôi quay về chủ đề chính. Tôi quyết định sẽ bắt đầu bằng một vài lời ám chỉ bóng gió về chiếc hòm - chỉ cốt để cho anh dần dần nhận ra rằng tôi không phải là

kể để anh có thể đùa giỡn bằng cái bí mật nho nhỏ đó được. Phương pháp của tôi là bóc dần từng lớp cho đến cốt lõi bên trong. Tôi bắt đầu nói vài điều về “hình dáng đặc biệt của cái hòm”, và khi nói ra những lời này, tôi mỉm cười một cách đầy ngụ ý, nháy mắt và chọc chọc ngón tay vào mạng sườn anh.

Cái cách mà Wyatt phản ứng với trò đùa vô hại của tôi khiến tôi ngay lập tức nghĩ rằng anh bị điên. Thoạt đầu anh nhìn chằm chằm vào tôi, cứ như anh thấy những lời nhận xét dí dỏm của tôi là không ngửi nổi. Nhưng khi những lời nói của tôi chậm chậm ngấm vào đầu anh, thì mắt anh lồi hẳn ra tưởng như sắp bắn ra khỏi hốc mắt. Mặt anh đỏ tía lên, sau đó lại tái nhợt đi xanh lè. Rồi dường như rất buồn cười với điều mà tôi định ám chỉ, anh phá lên cười âm ỹ. Và điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là anh cứ cười mãi không thôi, càng ngày càng cười to, kéo dài trong khoảng mười phút liền. Rồi thật bất ngờ, anh ngã lăn đùng ra đập đầu xuống sàn tàu. Khi tôi vội vàng chạy lại đỡ anh dậy thì toàn bộ vẻ bề ngoài của anh cho thấy là anh đã chết!

Tôi vội gọi người đến giúp, và phải khó khăn lắm chúng tôi mới cứu cho anh tỉnh lại được. Khi tỉnh lại, anh cố lấp bấp vài từ rời rạc. Cuối cùng chúng tôi cho anh uống một chút rượu mạnh rồi đưa anh trở về giường. Sáng hôm sau anh đã hoàn toàn hồi phục, đó là nói về mặt sức khỏe thân thể của anh. Còn về đầu óc anh thì dĩ nhiên là tôi không dám chắc. Tôi tránh mặt anh trong suốt thời gian còn lại trên tàu, đó là theo lời khuyên của thuyền trưởng Hardy, ông ta hình như cũng đồng ý với nhận xét của tôi về cái vẻ điên điên khùng khùng của anh, nhưng ông cảnh cáo tôi không được nói gì về chuyện này với bất kỳ ai khác trên tàu.

Có một vài chuyện xảy ra từ sau cơn ngất xỉu của Wyatt hôm đó, chúng lại càng kích thích cao độ óc hiếu kỳ vốn có của tôi. Có một sự việc như sau: hôm đó tôi hơi căng thẳng - tôi đã trót uống quá nhiều trà đặc của thuyền trưởng Hardy nên rất khó ngủ - nói cho đúng thì tôi hầu như không ngủ được suốt hai

đêm liền. Buồng ngủ của tôi có cửa mở ra ca bin chính (cũng là phòng ăn) giống như tất cả các buồng ngủ cho khách đi một mình khác. Ba buồng của gia đình Wyatt nằm phía sau ca bin chính, tách biệt với ca bin này bằng một cánh cửa trượt không khóa vào ban đêm. Vì chúng tôi bơi theo một góc lệch với hướng gió và gió cũng khá mạnh, nên con tàu bị nghiêng đi khá nhiều. Nó khiến cho cánh cửa trượt bị mở ra và cứ nằm nguyên như thế suốt đêm mà chẳng có ai buồn đóng lại cả. Nhưng giường ngủ của tôi nằm ở một vị trí mà khi cửa buồng của tôi, cũng là cửa trượt, mở ra khi tàu bị nghiêng, thì tôi có thể nhìn thấy rất rõ ràng phần phía sau ca bin, cũng chính là nơi bố trí những căn buồng của gia đình nhà Wyatt. Vậy là, trong hai đêm mất ngủ đó, tôi nằm thao thức và nhìn thấy rõ ràng cô vợ của Wyatt, cứ vào khoảng 11 giờ đêm là lại rón rén ra khỏi buồng của hai vợ chồng rồi chui vào căn buồng phụ. Cô ta ở lại trong đó cho đến sáng, khi chồng cô sang gọi cô về. Chuyện họ sống ly thân là đã rõ ràng rành rành. Họ ngủ riêng phòng - không nghi ngờ gì nữa, họ đang chuẩn bị để ly hôn thực sự. Tôi nghĩ bụng, bí ẩn của căn buồng phụ rốt cuộc là như thế đấy.

Một chuyện khác cũng khiến tôi rất quan tâm. Trong hai đêm thức trắng đó, ngay sau khi cô vợ của Wyatt chui vào căn buồng phụ, tôi nghe thấy có những tiếng động khác thường, rất khẽ, dường như cố giữ, văng ra từ căn buồng của anh chồng. Sau khi ra sức cố gắng tai lên nghe, từ những tiếng động văng ra, tôi có thể tưởng tượng anh ta đang làm gì. Nhất định là anh ta đang mở cái hòm vì có tiếng lạch cạch như tiếng mở khóa, rồi tiếng bản lề rít lên khe khẽ. Rồi tiếp theo là những tiếng loạt soạt giống như khi người ta mở lớp giấy bóng kính gói một vật gì ra. Đến đây thì tôi đã hiểu rõ, những phán đoán của tôi quả đã không lầm. Không nghi ngờ gì là Wyatt, do thói quen bất trị của những người say mê các họa phẩm lừng danh, anh đang chiều theo niềm đam mê kiểu nghệ sĩ của mình. Anh ta đã không kiểm

được mình mà phải mở cái hòm ra, để chiêm ngưỡng cho mãn nhãn cái kho báu nghệ thuật vô giá cất ở trong đó. Những tiếng động tiếp theo có vẻ khó hiểu hơn. Tôi nghe thấy những tiếng xào xạo, giống như khi người ta đang bới cát khô, không hiểu anh ta đang làm gì. Rồi bỗng tôi nghe thấy những tiếng ục ục trầm trầm, dường như anh ta đang cảm thán mà phải kêu lên, nhưng lại cố nén để không cho tiếng động phát ra. Kể từ đó cho đến sáng, anh ta cố giữ im lặng, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn nghe thấy những tiếng sụt sịt khe khẽ, có lẽ anh ta không nén nổi mà phải xuýt xoa, mỗi khi nhìn ra một nét cọ thần kỳ nào đó trên bức tranh. Vào khoảng bốn hay năm giờ sáng, tôi lại nghe thấy những tiếng xào xạo, loạt soạt, dường như anh ta đang gói ghém lại kho báu của mình. Rồi có tiếng nắp hòm đóng lại, tiếng các ổ khóa lạch cạch, tiếng xô đẩy khe khẽ khi anh ta đẩy cái hòm về vị trí cũ. Chừng hai mươi phút sau, tôi thấy anh ta mở cửa buồng bước ra, ăn mặc tề chỉnh, anh ta đi sang căn buồng phụ gọi cô vợ trở về.

Hai đêm mất ngủ tôi đều thấy cùng những sự việc như vậy. Có lẽ đêm nào anh ta cũng làm như thế. Vốn đã biết niềm đam mê hội họa như điên như cuồng của bạn mình, nên tôi cũng không quá ngạc nhiên với những hành động kỳ quặc khác người của anh ta.

Chúng tôi lên đèn trên biển đã được bảy ngày, và lúc con tàu đang đi ngang qua mũi Hatteras thì bỗng có một cơn gió mạnh nổi lên từ phía Tây nam. Thực ra thì thuyền trưởng đã chuẩn bị sẵn sàng, vì vào thời gian này thời tiết trên biển vẫn hay có những mối đe dọa bất thường như vậy. Mọi thứ đều đã được buộc néo gọn gàng, dù dưới hầm tàu hay ở trên boong. Và khi gió càng lúc càng mạnh lên thì thuyền trưởng rút cuộc phải cho hạ buồm mũi và buồm lái xuống.

Thu xếp như thế chúng tôi đã yên ổn được 48 tiếng đồng hồ - con tàu đã chứng tỏ được phẩm chất ưu tú về mọi phương diện

của nó, nó không hề hấn gì qua sóng gió. Thế nhưng vào cuối ngày thứ hai thì cơn gió mạnh đã biến thành cuồng phong, bánh lái tàu vỡ ra thành từng mảnh, con tàu bị cuốn vào giữa những con sóng biển cao ngất cứ thay nhau kéo tới hết đợt này đến đợt khác. Sóng lớn đập vỡ một cabin trên boong, cuốn theo ba thủy thủ và gần như toàn bộ thành mạn trái của con tàu. Chúng tôi chỉ vừa mới kịp định thần thì buồm chính đã bị xé toang khi tàu lọt vào giữa một con sóng khổng lồ. Cứ thế này thì giỏi lắm chúng tôi cũng chỉ có thể trụ được vài giờ, trong khi con tàu đang phải đương đầu với sóng biển mỗi lúc càng mạnh hơn.

Cơn bão vẫn hoành hành, chẳng có dấu hiệu gì là sẽ dịu đi. Các thiết bị buồm dây trên tàu bị cuồng phong kéo giật gần như hỏng cả. Sang ngày thứ ba bị bão, vào khoảng 5 giờ chiều, buồm lái bị một cơn gió giật xé rách toang, cuốn phăng khỏi boong. Chúng tôi đã nỗ lực trong hơn một tiếng đồng hồ để lèo lái mà không ăn thua, vì con tàu đang chao đảo dữ dội. Rồi anh thợ mộc chạy đến báo cho chúng tôi hay là nước biển đang rò rỉ vào tàu, hầm tàu đã ngập gần hai mét nước. Rắc rối hơn nữa là các bơm nước trên tàu đều đã bị va đập hỏng cả.

Lúc này mọi người ai nấy đều bối rối tuyệt vọng. Thuyền trưởng ra lệnh vớt xuống biển tất cả những đồ vật trên tàu để làm cho tàu càng nhẹ càng tốt, hai cánh buồm còn lại cũng bị cắt bỏ. Chúng tôi làm ngay những việc đó, nhưng những cái bơm thì vẫn không sửa được, trong khi nước ngấm qua thành tàu ngày càng nhanh.

Vào lúc hoàng hôn, bão đã dịu hẳn. Và khi mặt biển lặng đi, chúng tôi vẫn còn ấp ủ một hy vọng mơ hồ là sẽ thoát chết nhờ những chiếc thuyền cứu nạn trên tàu. Đến 8 giờ tối, mây tan đi, chúng tôi nhìn thấy ánh trăng tròn vàng vạc chiếu xuống - một chút thế thôi cũng đủ để vực dậy tinh thần đang sa sút của mọi người.

Sau những nỗ lực tuyệt vọng, cuối cùng chúng tôi cũng đưa được chiếc thuyền lớn xuống nước mà không bị sút mẻ gì. Hầu hết thủy thủ đoàn và hành khách chen chúc nhau trên đó. Con thuyền lập tức rời đi. Sau này tôi được biết nó đã phải trải qua bao nhiêu tai họa nữa, nhưng cuối cùng cũng đến được vịnh Ocracoke một cách an toàn ba ngày sau vụ đắm tàu.

Mười bốn người trong đó có thuyền trưởng Hardy còn lại trên boong, quyết định phó thác số phận cho chiếc thuyền nhỏ phía đuôi tàu. Chúng tôi không khó khăn gì lắm để hạ thủy nó, dù phải nhờ vào một sự may mắn thần kỳ chúng tôi mới không làm cho nó bị lật sập khi chạm mặt nước. Trên thuyền có thuyền trưởng và vợ ông, gia đình nhà Wyatt, viên sĩ quan người Mehicô cùng bà vợ và bốn đứa con, tôi cùng với cậu người hầu da đen.

Chúng tôi ngồi chen chúc trên chiếc thuyền nhỏ, dĩ nhiên chẳng còn chỗ đâu để mang theo hành lý gì khác ngoài những quần áo vật dụng tối cần thiết buộc gọn trên lưng. Chẳng ai nghĩ đến việc cố cứu thêm vật gì. Vì thế nên khi con thuyền mới rời đi được chừng vài mét, thì mọi người đều vô cùng kinh ngạc khi thấy Wyatt nhổm dậy từ phía đuôi thuyền, lạnh lùng yêu cầu thuyền trưởng Hardy quay lại để anh ta lấy cái hòm!

— Ngồi xuống, ông Wyatt! - Thuyền trưởng cũng lạnh lùng đáp trả với một vẻ hơi nghiệt ngã - Ông sẽ làm thuyền bị lật nếu không chịu ngồi cho im. Nước đã mấp mé thành thuyền, ông không thấy sao?

— Cái hòm! - Wyatt quát trong khi vẫn không chịu ngồi xuống. - Cái hòm! Ông nghe chưa, thuyền trưởng Hardy, ông không thể, ông không được từ chối tôi. Nó đâu có nặng gì. Hãy vì mẹ ông, vì tình yêu Thiên Chúa, vì sự cứu rỗi của ông, tôi cầu xin ông đấy, hãy quay thuyền lại cho tôi lấy cái hòm!

Trong một thoáng, thuyền trưởng dường như động lòng trước những lời khẩn cầu tha thiết của chàng họa sĩ, nhưng rồi

ông lấy lại được sự kiên định sắt đá của mình và chỉ nói:

— Ông Wyatt, ông điên rồi. Tôi không thể chiều ý ông được. Hãy ngồi xuống, nếu không ông sẽ làm lật thuyền đấy. Dừng lại! Giữ lấy anh ta! Giữ anh ta lại! Anh ta định nhảy khỏi thuyền! Đấy! Tôi biết mà, anh ta nhảy mất rồi!

Đúng vậy, khi thuyền trưởng đang nói thì Wyatt đã lao khỏi thuyền. Anh bơi lại thành con tàu đang chìm, còn chúng tôi thì vội chèo ra xa, vì khi con tàu chìm, nó sẽ kéo chiếc thuyền nhỏ xíu của chúng tôi theo xuống đáy biển. Chúng tôi thấy Wyatt, với một sức lực kinh người không hiểu từ đâu mà ra, anh vọt từ mặt nước lên cao đến hai mét để tóm lấy sợi dây thừng lơ lửng nơi mạn tàu. Thêm một cử động nữa, thế là anh đã ở trên mặt boong, rồi ngay lập tức anh cầm đầu lao xuống ca bin.

Một lúc sau, chúng tôi đã rời xa đuôi tàu và thoát ra ngoài vùng nguy hiểm. Suýt nữa đã chúng tôi quay thuyền lại, nhưng chúng tôi biết rõ chiếc thuyền của chúng tôi chẳng khác gì một cọng lông trước gió, có mạo hiểm cũng chỉ vô ích mà thôi. Trong một thoáng chúng tôi biết rõ rằng số phận của chàng họa sĩ bất hạnh đã được phán quyết rồi.

Từ đằng xa, chúng tôi nhìn thấy anh chàng điên rồ đó (làm sao có thể hiểu khác về anh ta được) xuất hiện nơi cầu thang lên đài quan sát, với một sức lực kinh khủng, anh ta leo lên đó, người gập xuống, bước từng bước dưới sức nặng của cái hòm, trong khi con tàu vẫn đang chìm xuống. Chúng tôi còn đang trợn tròn mắt vì ngạc nhiên, thì đã thấy anh ta thoăn thoắt quấn chiếc dây chảo lớn vài vòng, thoát đầu là quanh chiếc hòm, rồi sau đó quấn quanh thân hình anh ta. Con tàu đang chìm rất nhanh. Rồi chỉ một thoáng sau, cả chiếc hòm và thân người buộc chặt vào đó đã chìm mất dạng dưới mặt nước biển, biến mất thành linh - một lần và mãi mãi.

Chúng tôi buồn rầu cúi người trên mái chèo, nấn ná thêm một lúc nữa, mắt không rời cái nơi anh vừa biến mất. Rồi chúng

tôi cũng chèo đi. Trong suốt một tiếng đồng hồ không ai mở miệng nói ra được lấy một lời. Cuối cùng tôi đánh bạo đưa ra một nhận xét.

— Thuyền trưởng, ông có nhận thấy anh ấy chìm nhanh quá không? Ông không thấy chuyện đó khá lạ lùng hay sao? Thú thật là khi thấy anh ấy buộc mình vào cái hòm, tôi đã mừng rỡ và hy vọng anh ấy sẽ thoát, cái hòm lẽ ra phải giữ cho anh ấy nổi trên mặt biển mới phải chứ!

— Anh ta làm sao mà không chìm cho được, - Thuyền trưởng đáp - như một cục đá ấy chứ! Nhưng anh ta sẽ lại nổi lên ngay thôi, có điều phải chờ cho muối tan hết đã.

— Muối à! - Tôi thốt lên không hiểu.

— Suyt! - Thuyền trưởng bảo, tay chỉ về phía cô vợ và hai cô em gái của người vừa chết - Chúng ta sẽ nói chuyện này sau, vào một lúc khác thích hợp hơn.

Chúng tôi còn phải trải qua bao nhiêu nguy hiểm nữa trong một cuộc hành trình hầu như vô vọng, nhưng số phận đã mỉm cười với chúng tôi, cũng giống như với những người của chúng tôi trên chiếc thuyền lớn. Cuối cùng chúng tôi cũng cập được một bãi biển đối diện với đảo Roanoke, dở sống dở chết sau bốn ngày gian nan khổ cực. Chúng tôi ở lại đó một tuần, những người hôi của từ các con tàu đắm cũng không đối xử tệ lắm với chúng tôi. Cuối cùng, chúng tôi cũng được đưa về New York.

Khoảng một tháng sau ngày con tàu “Independence” mắc nạn, tôi tình cờ gặp Thuyền trưởng Hardy trên đường Broadway. Câu chuyện của chúng tôi tất nhiên quay về với vụ đắm tàu, và đặc biệt là số phận đáng buồn của anh chàng Wyatt bất hạnh. Và tôi được biết thêm những chi tiết sau đây.

Chàng họa sĩ đã đặt chỗ trên tàu cho anh ta, cô vợ, hai cô em gái và một cô hầu. Cô vợ đúng như anh đã quả quyết, là một người phụ nữ cực kỳ xinh đẹp, khả ái, tao nhã. Thuyền trưởng

Hardy nói rằng ông chưa từng gặp một phụ nữ nào hoàn hảo đến như thế. Vào buổi sáng ngày 14 tháng Sáu (ngày mà tôi lên thăm con tàu), người phụ nữ đó bất hạnh bị bạo bệnh và chết thình lình. Anh chồng trẻ suýt hóa điên vì đau khổ. Nhưng hoàn cảnh bắt buộc, anh không thể hoãn lại chuyến đi đến New York. Anh một mực đòi phải mang thi hài người vợ yêu dấu về cho mẹ của nàng. Nhưng mặt khác thì những thành kiến của người đời lại ngăn cản không cho anh ta làm cái việc đó một cách công khai堂堂 hoàng. Chín mươi hành khách trên tàu sẽ thà phải hủy chuyến đi còn hơn là lênh đênh trên biển bao nhiêu ngày trời cùng với một xác chết.

Trong tình thế tiến thoái lưỡng nan, Thuyền trưởng Hardy nghĩ ra một cách để chuyển cái xác lên tàu. Trước hết, cái xác phải được xử lý và ướp formon, sau đó được gói bọc lại bằng giấy dầu cùng với một lượng muối lớn đổ ngập xung quanh. Nó sẽ được đặt trong một cái hòm có kích thước phù hợp, rồi sau đó sẽ được chuyển lên tàu giống như một thùng hàng thông thường. Không ai được nói một lời nào về cái chết của người phụ nữ xấu số. Và để các hành khách khác nghĩ là ông Wyatt đi tàu cùng với người vợ mới cưới, nên cần phải có một ai đó đóng vai của nàng trong cuộc hành trình. Cô hầu gái của nàng chính là người thích hợp nhất để đảm nhận công việc này. Căn buồng phụ, vốn được dành cho cô hầu gái khi cô chủ còn sống, bây giờ vẫn được giữ lại. Dĩ nhiên là để cho cô vợ giả mạo ngủ trong đó vào ban đêm. Còn vào ban ngày thì cô ta đem hết những khả năng có hạn của mình ra để đóng vai cô chủ - thuyền trưởng Hardy đã tìm hiểu cẩn thận, và thật may là trên tàu không có ai biết mặt nàng cả.

Sự nhầm lẫn của tôi, tất nhiên là do tính khí bông bột, do quá tò mò và quá hấp tấp. Nhưng mãi về sau này, tôi vẫn hiếm khi ngủ được ngon giấc. Có một khuôn mặt vẫn cứ ám ảnh tôi. Có

một giọng cười điên loạn vẫn cứ không ngừng vang lên trong tai tôi.

MẠ GIÓ

Ray Bradbury

Chuông điện thoại reo vào lúc sáu rưỡi chiều tôi hôm đó. Bây giờ là tháng Mười, và trời đã tối sập khi Herb Thomson nhắc ống nghe.

— Alô?

— Alô, Herb đấy hả?

— Anh đấy à, Allin.

— Vợ anh có nhà hả, Herb?

— Ủ, nhưng sao chứ?

— Mẹ khỉ.

Herb Thompsom giữ chặt giữ ống nghe:

— Cái đấy à? Anh lạ thật đấy.

— Tôi muốn anh đến đây tối nay.

— Chúng tôi sắp có khách.

— Tôi muốn anh đến đây tối nay. Khi nào thì vợ anh đi?

— Tuần sau. Cô ấy sẽ đi Ohio chín mươi ngày gì đó. Mẹ cô ấy ốm. Lúc đó tôi sẽ đến anh.

— Nhưng tôi muốn anh đến tối nay cơ.

— Tôi cũng muốn thế. Nhưng còn khách, vợ tôi sẽ giết tôi mất.

— Giá mà anh đến được.

— Có chuyện gì thế? Lại cơn gió đó à?

— Ô, không. Không đâu.

— Cơn gió đó hả, Allin? - Herb hỏi gặng.

Giọng nói trong ống nghe hơi ngân ngừ.

— Ủ, phải. Cơn gió đấy.

— Hôm nay trời quang mà, sẽ không có gió đâu.

— Thôi đi. Nó đang ngoài cửa sổ nhà tôi, nó đang lay tấm rèm kia kìa. Chỉ thế thôi là tôi đủ biết rồi.

Herb đưa mắt nhìn căn phòng khách sáng ánh đèn rồi bảo:

— Nay, hay là tối nay anh đến nhà tôi đi?

— Ô, không. Quá muộn rồi. Thế nào tôi cũng bị nó tóm giữa chừng. Đường xa quá, ba mươi dặm cơ đấy, tôi không dám liều đâu. Nhưng dù sao cũng cảm ơn anh.

— Hay uống một viên thuốc ngủ đi vậy.

— Tôi đứng bên cửa sổ cả giờ đồng hồ rồi, Herb ạ. Tôi thấy nó nổi lên ở phía đằng tây. Có mấy đám mây ở đó, gió xé chúng ra từng mảnh. Đấy, một cơn gió đang thổi vào đây này.

— Nay, anh uống một viên thuốc ngủ đi. Cứ gọi cho tôi lúc nào anh cần nhé. Muộn cũng không sao đâu.

— Lúc nào cũng được hả? - Giọng nói trong ống nghe hỏi.

— Ừ, lúc nào cũng được.

— Tôi sẽ gọi, nhưng giá mà anh đến được. Nhưng tôi không muốn gây hại cho anh. Anh là người bạn tốt nhất của tôi nên tôi không muốn thế. Tốt hơn là tôi nên một mình đối mặt với chuyện này. Xin lỗi vì đã làm phiền anh.

— Thôi nào, thế bạn bè để làm gì? Để tôi mách cho anh làm gì tối nay nhé. Ngồi xuống và viết một cái gì đó đi. - Herb nói, hai chân cứ nhấp nhồm không yên - quên những chuyện về Himalaya và Thung lũng Ma gió, quên những ám ảnh của anh về bão tố và cuồng phong đi. Viết một cái gì khác cho cuốn sách tiếp theo ấy.

— Có lẽ tôi sẽ làm thế. Tôi sẽ làm thế, tôi cũng không biết nữa. Có lẽ tôi sẽ viết. Tôi nên viết mới phải. Cảm ơn nhiều vì đã để cho tôi quấy rầy.

— Cảm ơn cái gì cơ chứ! Thôi bây giờ gác máy đi. Vợ tôi đang gọi. - Anh gác máy, rồi đến ngồi sau bàn ăn đối diện với cô vợ.

— Allin hả? - Cô vợ hỏi và anh gật đầu.

— Lại mấy cơn gió nóng gió lạnh thổi tới với chẳng thổi lui của anh ta chú gì. - Cô đưa cho anh cái đĩa đồ ăn tú hụ.

— Anh ấy đã từng ở Himalaya, trong thời gian chiến tranh. - Herb Thompson bảo vợ.

— Anh không tin những gì anh ta kể về cái thung lũng ma ấy đấy chứ?

— Đó là một câu chuyện hay.

— Trèo tới trèo lui, loanh quanh luẩn quẩn. Tại sao đàn ông các anh lại cứ đi leo núi rồi tự làm cho mình sợ hãi như thế chứ?

— Bão tuyết mà. - Herb lại bảo.

— Gì cơ?

— Bão tuyết, mưa đá và gió lốc cùng một lúc trong thung lũng ấy. Allin đã kể cho anh nghe cả chục lần rồi. Anh ta kể rất hay. Anh ta đã leo được khá cao, xung quanh toàn mây mù, đại loại thế. Thung lũng đầy những tiếng gào rú.

— Em biết rồi. - Cô ta hờn dỗi nói.

— Hình như ở đó có nhiều cơn bão cùng một lúc chứ không chỉ một. Gió từ khắp mọi nơi đổ đến. - Anh ăn thêm một miếng - Đây là anh ta bảo thế.

— Trước hết anh ta không nên mò đến đó làm gì. - Cô bảo - Anh ta cứ tò mò những chuyện không đâu nên mới ra nông nổi thế. Ma quỷ nổi giận vì anh ta cứ chõ mũi vào chuyện của chúng, nên chúng mới sẵn lòng anh ta.

— Đừng có giễu cợt anh ấy như thế. Anh ấy là bạn thân nhất của anh đấy. - Herb càu nhàu.

— Rõ vớ vẩn!

— Nhưng anh ta đã phải chịu biết bao trận bão rồi. Cơn bão khủng khiếp ở Bombay, rồi cơn cuồng phong ở quần đảo trên Thái Bình Dương hai tháng sau đó, rồi bao nhiêu cơn bão khác. Và cái lần ở Cornwall.

— Tôi chẳng thương hại gì cái anh chàng cứ mãi chạy theo các cơn bão với cuồng phong, rồi sau đó lại vớ phải bao chuyện

rắc rối vì chuyện đó nữa.

Tiếng chuông điện thoại lại vang lên.

— Đừng trả lời, anh ta đấy - Cô ta ra lệnh.

— Nhưng lỡ có chuyện quan trọng thì sao.

— Lại cái gã Allin đấy mà.

Hai vợ chồng ngồi yên. Chuông tiếp tục đổ chín lần nữa nhưng họ vẫn không trả lời. Cuối cùng chuông cũng ngừng réo. Họ ăn nốt bữa tối. Ra khỏi nhà bếp, anh thấy tấm rèm cửa sổ khẽ lay động trong cơn gió thoảng qua khe cửa sổ mở hé.

Chuông điện thoại lại kêu.

— Anh không thể để nó kêu mãi thế được - Anh bảo và nhắc máy - A, xin chào, Aliin hả?

— Herb! Nó đến rồi! Nó đến đây rồi!

— Anh nói to quá, nhỏ đi một chút.

— Tôi đứng trước cửa sổ để chờ nó. Tôi thấy nó đến chỗ đường cao tốc, nó thổi gãy mấy hàng cây, hết cây này đến cây khác, rồi nó thổi rạp mấy bụi cây trước nhà tôi, nó đến trước nhà nhưng tôi đã sập cửa ngay trước mũi nó!

Herb không nói gì. Anh chẳng nghĩ ra điều gì để nói cả, cô vợ đang đứng ở cửa phòng khách nhìn anh chăm chăm.

— Lạ lùng thật! - Cuối cùng anh bảo.

— Nó đang thổi vòng vòng quanh nhà tôi, Herb ạ. Bây giờ tôi không thể ra ngoài được rồi, tôi chẳng làm gì được nữa. Nhưng tôi sẽ lừa nó, tôi sẽ làm cho nó tưởng là đã tóm được tôi, và ngay khi đó xông đến để chụp lấy tôi, tôi sẽ đập cửa trước mũi nó! Tôi đã sẵn sàng cho chuyện đó rồi, tôi đã chuẩn bị từ nhiều tuần nay rồi.

— Anh khỏe rồi chứ? Kể cho tôi nghe đi nào, anh bạn. - Herb vui vẻ kêu lên, anh đóng kịch vì cô vợ đang nhìn chăm chú, cổ anh ướm sưng mồ hôi.

— Nó bắt đầu từ sáu tuần trước...

— Ô, vậy hả? Sao cơ? - Anh tiếp tục giả bộ.

—... Tôi nghĩ đã lừa được nó. Tôi nghĩ nó đã bỏ cuộc không tìm cách săn đuổi tôi nữa. Nhưng hóa ra nó chỉ chờ dịp. Nó nhất định không tha cho tôi đâu. Sáu tuần trước tôi nghe thấy tiếng nó cười và thì thào quanh các góc nhà tôi, ở ngoài kia kia. Khoảng chừng một tiếng đồng hồ gì đó, không lâu lắm, cũng không âm ỹ gì lắm. Rồi sau đó nó bỏ đi.

Herb gật gù với cái ống nghe.

— Tôi rất mừng khi nghe thấy thế. Tôi rất mừng. - Vợ anh đang nhìn chăm chăm vào anh.

— Rồi đêm hôm sau nó lại đến. Nó sập các cánh cửa chớp và thổi tung muội than trong ống khói lò sưởi. Nó đến liên tục trong năm đêm liền, mỗi lần lại mạnh hơn một tý. Khi tôi mở cửa trước ra thì nó liền ập vào và cố kéo tôi ra ngoài, nhưng nó không đủ mạnh. Nhưng tối nay thì nó sẽ làm được đấy.

— Rất vui khi nghe anh đã khỏe hơn - Herb lại giả vờ.

— Tôi đâu có khá hơn, anh bị làm sao à? Có phải vợ anh đang nghe chúng ta nói chuyện không?

— Phải.

— À, tôi hiểu rồi. Tôi biết tôi có vẻ ngớ ngẩn lắm.

— Không có đâu. Nói tiếp đi.

Vợ anh trở vào trong bếp. Anh thở phào nhẹ nhõm rồi ngồi xuống chiếc ghế nhỏ cạnh bàn điện thoại.

— Nói tiếp đi, Allin, anh cứ nói hết ra, như thế sẽ dễ chịu hơn.

— Bây giờ nó cứ lòng vòng quanh nhà tôi, kêu ù ù như cái máy hút bụi to tướng đang hút các cây cột chống. Nó bẻ gãy hết cây cối quanh nhà tôi rồi.

— Lạ thật, ở đây chẳng có tý gió nào cả, Allin ạ.

— Tất nhiên rồi. Nó đâu có quan tâm đến anh, nó chỉ tìm tôi thôi!

— Ờ chắc là như thế.

— Nó là thứ quái vật giết người, Herb à, một con quái vật săn mỗi khủng khiếp nhất kể từ thời tiền sử. Một con chó săn khổng

lỗ, nó đánh hơi tôi, sục tìm tôi. Nó đã thò cái mũi lạnh toát vào nhà tôi, ngửi không khí, và khi tìm thấy tôi trong phòng khách thì nó liền ép mạnh vào đó. Rồi khi tôi rút vào bếp thì nó cũng vào theo. Nó cố xông vào lối cửa sổ, nhưng tôi đã gia cố chúng lại, tôi lắp thêm bản lề và bắt thêm khóa. Căn nhà bây giờ rất chắc. Trước đây nó đã được xây rất vững. Tôi đã bật hết đèn lên rồi. Căn nhà bây giờ sáng trưng. Con gió đuổi theo tôi hết phòng này đến phòng khác, nó nhòm qua từng cửa sổ khi tôi bật đèn. Ồi chà!

— Sao thế?

— Nó đã giật tung cửa trước rồi!

— Giá anh đến nghỉ đêm ở nhà tôi, Allin.

— Không được đâu! Lạy Chúa! Tôi không thể rời ngôi nhà này được. Tôi không thể làm gì được nữa. Tôi biết cơn gió này mà, Chúa ơi, nó rất mạnh và rất ranh ma. Lúc này tôi định châm một điếu thuốc, thế là đồ quỷ ranh ấy, nó giật phăng que diêm đi. Cơn gió này có vẻ thích đùa giỡn. Nó cứ như trêu chọc tôi, đem tôi ra để tiêu khiển, giết thời gian. Còn bây giờ! Lạy Chúa, lúc này đây, nó đang giở một cuốn sách du hành cũ của tôi, nằm trên bàn đọc sách, giá mà anh thấy nó. Một làn gió nhẹ, có Chúa mới biết nó từ đâu ra, nó lùa qua cái lỗ thông hơi để vào trong nhà, nó lật bìa sách ra, rồi giở lần từng trang một. Giá mà anh tận mắt trông thấy. Nó đang giở đến trang có Lời giới thiệu. Anh nhớ lời giới thiệu cho cuốn sách về Tây Tạng của tôi chứ, Herb?

— Có.

— Nó giở cái trang có lời của tôi đề tặng “Những người bỏ mình trong trò đùa của tạo hóa, được viết bởi một người đã từng chứng kiến nhưng luôn thoát nạn”.

— Phải, tôi có nhớ.

— Bây giờ đèn tắt hết cả rồi! - Có tiếng điện thoại lạch cạch - Dây điện đứt rồi. Anh còn đó chứ, Herb!

— Tôi vẫn nghe anh đây.

— Con gió này như ghen tức với các bóng đèn trong nhà tôi, nó dứt đứt dây điện rồi. Có lẽ tiếp theo sẽ là điện thoại.Ồ, đúng là một cặp oan gia, tôi và cơn gió ấy mà! Chờ tôi chút.

— Allin? - Im lặng. Herb gí miệng vào ống nói. Vợ anh liếc nhìn từ trong bếp.

— Tôi đây rồi. - Lại có tiếng nói trong ống nghe - Có một khe hở dưới cửa nên tôi phải chèn giẻ rách cho nó khò lỏn vào. Dù sao tôi cũng rất mừng là anh đã không đến, Herb ạ. Tôi không muốn anh gặp rắc rối. Nó vừa phá vỡ cửa sổ phòng khách nhà tôi, trong nhà bây giờ gió tương đối mạnh rồi, nó dứt tung hết mấy bức tranh trên tường. Anh có nghe thấy tiếng gió rít không?

Herb lắng nghe. Có tiếng hú điên cuồng trong ống nghe, tiếng rít và tiếng sập cửa rầm rầm.

— Anh nghe thấy chưa. - Allin kêu lên.

Herb nuốt khan.

— Tôi nghe thấy rồi.

— Nó muốn bắt sống tôi cơ, Herb ạ. Nó sẽ không thối sập nhà đâu. Vì như thế sẽ giết chết tôi. Nó muốn tôi còn sống, để nó có thể dứt từng mẩu, từng mẩu trong người tôi ra. Nó muốn cái ở trong con người tôi. Bộ óc của tôi, suy nghĩ của tôi. Nó muốn sức sống của tôi, sức mạnh tinh thần của tôi, bản ngã của tôi. Nó muốn có trí tuệ.

— Vợ tôi đang gọi, Allin, tôi phải đi rửa bát đĩa.

— Đó là một đám mây đen rất lớn, gió từ khắp nơi đổ đến. Chính cơn gió đã xé nát thị trấn Cebeles một năm trước, cơn gió rét đã giết biết bao người ở Achantina, cơn bão đã vùi dập Hawaii, cơn cuồng phong đã thổi rạp mọi thứ ở bờ biển Phi châu đầu năm nay... chính là những cơn cuồng phong mà tôi đã từng thoát ra yên lành. Nó đã đuổi theo tôi kể từ cái ngày ở Himalaya, vì nó không muốn tôi nói ra những gì mà tôi đã biết về nó, về cái thung lũng Ma gió nơi nó giam giữ linh hồn những nạn nhân và

nuôi dưỡng sức tàn phá của nó. Từ lâu lắm rồi, có cái gì đó đã cho nó một sự sống mạnh mẽ. Tôi biết nó được nuôi dưỡng bằng cái gì, tôi biết nó sinh ra từ đâu và sẽ kết thúc nơi nào. Vì thế mà nó căm ghét tôi, vì tôi đã viết nhiều cuốn sách chống lại nó, bảo cách đánh bại nó. Nó muốn sáp nhập tôi vào cái thân thể khổng lồ của nó, cho nó sự hiểu biết. Nó muốn tôi đứng về phe nó!

— Tôi phải gác máy thôi, Allin, vợ tôi...

— Gì hả? - Ngừng một chút, tiếng gió thổi ù ù trong ống nghe từ xa - Anh nói gì hả?

— Gọi lại cho tôi sau một tiếng nữa nhé, Allin. - Anh gác máy.

Anh vào bếp thu dọn bát đĩa. Cô vợ nhìn anh, còn anh cứ cắm mắt vào đồng hồ bát đĩa mà anh đang cọ rửa dưới vòi nước.

— Ngoài trời thế nào? - Anh hỏi.

— Trời đẹp. Không lạnh lắm. Đây sao - Cô ta bảo - nhưng sao cơ?

— Không có gì.

Điện thoại réo ba lần trong một tiếng sau đó. Vào lúc tám giờ thì khách đến, Stoddard và cô vợ anh ta. Họ ngồi chuyện trò tào lao cho đến tám giờ rưỡi rồi xúm quanh bàn đánh bài chơi xì phé.

Herb sắp tới sắp lui mấy quân bài, xòe ra rồi lại khép lại. Câu chuyện cứ đưa đẩy tới lui. Anh chăm một điệu xì gà, sắp lại bài trên tay và thỉnh thoảng lại nghiêng đầu lắng nghe. Bên ngoài nhà chẳng nghe thấy tiếng động gì cả. Cô vợ bắt gặp anh đang làm chuyện đó, anh vội quay đi.

Anh chậm chậm rút từng hơi thuốc, những người khác khe khẽ nói chuyện và thỉnh thoảng lại bật cười rúc rích. Đồng hồ trên tường điểm chín tiếng.

— Chúng ta ngồi đây, - Herb mở miệng, nhả điệu xì gà ra và nhìn nó một cách trầm ngâm - và tận hưởng cuộc sống vui thú.

— Hả? - Stoddart không hiểu.

— Không có gì, ngoài việc chúng ta đang sống cuộc sống của mình, còn ở những nơi khác hàng tỷ người đang sống cuộc sống của họ.

— Thôi đi, ông triết gia xó bếp ạ.

— Thì đúng như thế đấy. Cuộc đời - Anh lại đưa miếng xì gà lên miệng - nhiều khi thật cô quạnh. Ngay cả với những người có gia đình. Nhiều khi bạn nằm trong vòng tay ai đó, nhưng bạn lại cảm thấy mình ở cách xa họ cả ngàn dặm.

— Tôi cũng thấy thế đấy - Cô vợ anh sưng sứa.

— Tôi không có ý như thế đâu - Anh chậm rãi giải thích, cảm thấy mình không có lỗi - Tôi muốn nói là tất cả chúng ta đều tin vào những gì ta tin và sống cuộc sống nhỏ nhoi của chúng ta, trong khi có những người sống một cuộc sống hoàn toàn khác. Tôi muốn nói chúng ta đang ngồi ở đây, trong căn phòng này, trong khi hàng ngàn người khác đang chết dần chết mòn. Có người chết vì ung thư, có người vì bệnh máu trắng, có người vì bệnh lao. Tôi hình dung thấy ngay lúc này tại nước Mỹ, có những người đang chết vì tai nạn xe hơi.

— Đây có vẻ là một đề tài không thú vị lắm. - Cô vợ anh cắt ngang.

— Tôi chỉ muốn nói là tất cả chúng ta đang sống và không buồn hiếu xem những người khác đang nghĩ gì và họ đang sống hay đang chết. Điều tôi muốn nói là chúng ta ngồi ở đây chai cả mông, trong khi cách đây ba mươi dặm, trong một căn nhà cũ, bị bóng tối và một thứ quỷ mới biết là gì bao vây, là một trong những người bạn thân nhất của tôi...

— Herb!

Anh lại rít và nhai miếng xì gà, rồi ngơ ngác nhìn các lá bài.

— Xin lỗi - Anh chớp chớp mắt rồi dụi mắt thuốc. - Đến lượt tôi hả?

— Đến lượt anh đấy.

Ván bài lại tiếp tục, những quân bài được ném ra, những tiếng thì thào, trao đổi, cười nói. Herb Thompson lún người sâu trong chiếc ghế và trông có vẻ không được khỏe.

Chuông điện thoại réo lên. Herb nháy bật dậy chạy đến nhắc ống nghe.

— Herb! Tôi đã gọi, gọi mãi.

— Tôi không thể nhắc máy, vợ tôi không cho tôi nghe.

— Nhà anh có chuyện hả, Herb?

— Ý anh muốn nói chuyện gì cơ chứ?

— Khách đến chưa?

— Khỉ thật, phải, đến rồi...

— Các anh đang cười nói và chơi bài hả?

— Phải, đúng thế, nhưng chuyện đó có mắc mớ gì...

— Còn anh thì hút điếu xì gà mười xu chứ gì?

— Bớ khỉ, phải, nhưng mà...

— Tuyệt - Giọng nói vang lên trong ống nghe vẻ ghen tỵ - Chắc là tuyệt lắm. Giá mà tôi có ở đó. Giá mà tôi không hay biết cái điều mà tôi vô tình đã biết. Tôi có biết bao mơ ước...

— Anh vẫn ổn chứ?

— Cho đến giờ thì vẫn ổn. Bây giờ tôi đang cố thủ trong bếp. Bức tường trước của ngôi nhà bị thổi sập rồi. Nhưng tôi đã có kế hoạch đối phó. Khí cửa bếp bị vỡ tôi sẽ rút xuống hầm. Nếu may mắn tôi có lẽ sẽ trụ được đến sáng. Nó sẽ phải xé toang toàn bộ ngôi nhà này ra thì mới bắt được tôi, nhưng căn hầm này khá chắc chắn. Tôi có một cái xẻng và tôi có thể đào sâu thêm...

Nghe như có nhiều giọng nói trên điện thoại.

— Cái gì thế? Có ai nữa thế? - Herb hỏi gặng, anh bỗng thấy ớn lạnh, rùng cả mình.

— Cái đó hả? - Giọng nói trong ống nghe đáp - Tiếng nói của các nạn nhân của nó đây mà, hàng chục ngàn người. Cả một danh sách dài. Con gió này là thế đấy, anh biết mà. Nó gồm rất nhiều những âm hồn của những người đã chết. Con gió giết

chết họ, rút lấy linh hồn, trí tuệ của họ, để nhập vào bản thể của nó. Nó thu lấy tất cả những giọng nói của họ, và làm thành một giọng nói duy nhất. Thú vị đấy chứ, hả? Hàng triệu, hàng triệu người bị giết từ xưa đến giờ, họ bị giày vò, hành hạ, bị cuốn từ lục địa này sang lục địa khác trong những trận gió mùa và những cơn cuồng phong. Có lẽ tôi hơi quá thi vị trong cái lúc như thế này thì phải.

Trong ống nghe dội lại và rền lên những giọng nói, những tiếng la hét và những tiếng rên rỉ.

— Lại đây đi nào, Herb. - Cô vợ ngồi bên bàn chơi bài gọi với.

— Chính vì thế mà cơn gió này mỗi năm lại mỗi thông minh hơn, nó thu thập được thêm cho trí tuệ của nó hết cơ thể này đến cơ thể khác, hết cuộc đời này đến cuộc đời khác, hết cái chết này đến cái chết khác.

— Bọn em đang chờ anh đấy, Herb! - Cô vợ lại gọi.

— Mẹ kiếp! - Anh vặc lại nhưng nghe như rên rỉ - Chờ một tý có được không! - Rồi anh lại quay về với chiếc điện thoại.

— Allin, nếu anh cần tôi đến giúp, tôi sẽ đi ngay bây giờ.

— Đừng nghĩ đến chuyện đó. Đây là một trận quyết đấu sinh tử, anh chẳng mắc mớ gì đến nó đâu. Chà, tôi nên gác máy thì hơn. Cửa bếp xem ra yếu lắm rồi. Chắc tôi phải rút xuống hầm thôi.

— Gọi lại cho tôi nhé, được không?

— Có thể, nếu tôi gặp may. Nhưng tôi không nghĩ lần này tôi sẽ gặp may đâu. Lần đó tôi đã chuồn được và thoát thân ở Celebes, nhưng lần này thì chắc nó tóm được tôi mất. Hy vọng là tôi không làm phiền anh quá nhiều, Herb ạ.

— Anh chẳng làm phiền ai cả, mẹ kiếp. Gọi lại cho tôi nhé!

— Tôi sẽ cố...

Herb Thompson trở lại bàn chơi bài. Cô vợ nhìn chăm chăm vào anh.

— Allin thế nào rồi? Bạn anh ấy mà! - Cô ta hỏi - Anh ta không xin đấy chứ?

— Allin chưa bao giờ uống rượu cả. - Herb nổi sùng - Lẽ ra tôi nên đến đấy mới phải.

— Nhưng suốt sáu tuần lễ nay đêm nào anh ta cũng gọi, còn anh đã đến đấy ít nhất cũng mười bận rồi. Mà có chuyện gì xảy ra đâu cơ chứ!

— Anh ấy cần được giúp đỡ.

— Thì anh vừa mới đến, hai hôm trước đấy thôi. Anh không thể chạy theo anh ta mãi như thế được.

Họ ngừng chơi bài. Vào lúc mười giờ, cà phê được mang ra. Herb uống từng ngụm chậm chạp, mắt nhìn vào cái điện thoại. Anh trầm nghĩ, không biết Allin đã xuống hầm chưa.

Herb đến bên máy điện thoại, anh quay số.

— Xin lỗi quý khách - Tiếng máy tự động trả lời - đường dây này đang có sự cố. Xin quý khách gọi lại sau.

— Vậy là đến lượt đường dây điện thoại rồi! - Herb đập mạnh ống nghe kêu to. Quay người lại, anh chạy vào phòng, mở tủ lấy mũ và áo mưa ra.

— Xin thứ lỗi. Đừng giận tôi nhé! - Anh kêu lên với các vị khách và cô vợ đang sửng sốt với tách cà phê trên tay.

— Herb! - Cô ta gào to.

— Anh phải đến đó! - Anh đáp mà không quay đầu lại.

Có tiếng đập cửa mơ hồ, khẽ khàng ngoài cửa lớn. Ai đấy bỗng nhiên đều thấy căng thẳng bồn chồn.

— Ai thế nhỉ? - Cô vợ lắp bắp hỏi.

Tiếng đập cửa mơ hồ lại lặp lại. Herb vội chạy ra phòng khách rồi dừng ở đó vẽ cảnh giác.

Anh nghe thấy có tiếng cười khe khẽ.

— Quỷ bắt tôi đi - Anh giật mình khoan khoái và tỉnh trí lại - Tôi biết tiếng cười này mà. Đó là Allin. Vậy là cuối cùng anh ta đã lái xe đến đây. - Herb chép miệng

— Hình như anh ta có vài người bạn. Tiếng động nghe như có nhiều người...

Tiếng cười nghe rõ hơn. Anh mở cánh cửa lớn ra.

Ngoài hiên trống trơn, chẳng có ai cả.

Herb có vẻ không kinh ngạc, bộ mặt anh tỏ ra ranh mãnh. Rồi anh cười phá lên.

— Allin hả? Thôi đừng có đùa nữa! Vào đi nào! - Anh bật ngọn đèn ngoài cổng - Allin, anh ở đâu thế? Thôi đi nào!

Bỗng một cơn gió nhẹ chạm vào mặt anh.

Trong một thoáng, Herb thành linh cảm thấy lạnh toát cả xương sống. Anh bước ra ngoài hiên và khó nhọc nhìn xung quanh.

Cơn gió bất ngờ tóm lấy và giật tung cái áo mưa của anh ra, làm tóc anh rối tung cả lên. Rồi anh lại nghe thấy tiếng cười. Lần này tiếng cười to hơn, kéo dài hơn và lạnh lạnh hơn. Cơn gió thành linh xoay vần quanh căn nhà, cùng một lúc nó thổi vào từ khắp mọi hướng, làm cho các cánh cửa và mái nhà kêu lên răng rắc. Rồi sau khi ào lên chưa đầy một phút, nó bỗng lặng đi cũng thành linh như lúc mới nổi lên. Tiếng cười cũng nhỏ dần.

Cơn gió hình như đã đi xa, nó rên rỉ trên những ngọn cây cao. Nó đã bay đi, về với biển khơi. Lặng dần, lặng dần.

Herb Thompson đứng bất động mà hồi lâu, trong người lạnh cóng. Rồi anh bước vào nhà, đóng cửa lại và tựa lưng vào đó, mắt nhắm nghiền.

— Có chuyện gì à...? - Cô vợ anh thì thào.

QUÝ BIỂN

Joseph Payne Brennan

Một tấm áo thụng khổng lồ màu xám đen đang di chuyển dưới đáy biển. Nó trườn đi trong lớp bùn nhão giống như một loài nhuyễn thể kỳ quái đầy si mê háo hức với cuộc sống sục sạo săn mồi. Nó cứ thay đổi giữa dạng nhầy nhớt và dạng lỏng. Có lúc nó trải dẹt ra và trôi đi trên thảm bùn giống như một vết mực loang; thỉnh thoảng nó dừng lại, thu mình vào và nhô lên cao khỏi đám bùn hình thành một chóp nón không rõ hình thù hay một cái mũ trùm khổng lồ. Mặc dù nó không có mắt, nhưng nó có xúc giác cực kỳ phát triển, và nó có sự nhạy cảm rất cao với những xung động dù nhỏ nhất na ná như một kiểu ngoại cảm. Nó rất mềm dẻo, hầu như không có hình thù. Nó có thể vươn ra những xúc tu rất dài, khi đó nó giống như một con mực quái dị hay một con sao biển khổng lồ gớm ghiếc. Nó có thể ép mình thành một cái đĩa tròn dẹt, hay thu mình lại thành một cái bướu không đều khiến nó giống như một khối đá đen chìm dưới đáy biển.

Nó đi thơ thẩn rình mò dưới làn nước đen ngòm không đáy. Nó hình thành từ khi lục địa và biển khơi còn rất trẻ, nó cũng già lão như chính đại dương vậy. Nó di chuyển trong bóng đêm khôn cùng không có khởi đầu cũng không có kết thúc. Những vực sâu dưới đáy biển đen ngòm nơi nó ẩn náu vốn đã đen ngòm từ thửa khai thiên lập địa - chỉ có một nơi duy nhất đáng sợ hơn nơi đây, đó là những dòng sông ngầm nơi các khoảng trống lòng đất.

Nó được kích thích bởi một bản năng duy nhất, không ngừng, không bao giờ thỏa mãn: một cơn đói tham lam, vô độ. Nó có thể sống nhiều tháng trời mà không ăn uống gì, nhưng

chỉ vài phút sau bữa ăn là nó lại đói cồn cào như mọi khi. Sự phàm ăn của nó thật đáng sợ và không thể đo lường được.

Dưới đáy biển lạnh giá đen như mực, cuộc chiến tranh vì sự sinh tồn thật man rợ, thật ghê gớm - và thường rất ngắn ngủi. Nhưng với cái khối nhầy đang di chuyển này thì không hề có chuyện phải đánh nhau. Nó ăn bất kể thứ gì gặp được trên đường đi của nó, bất kể kích thước, bất kể hình dạng hay tính khí. Nó hút những sinh vật phù du nhỏ xíu và nuốt chửng con mực khổng lồ với một sự dửng dưng y như nhau. Lớp vỏ ngoài của nó có vẻ ít lỏng hơn, có lẽ vì thế mà nó vẫn giữ lại những vết trầy xước, gây ra bởi những cú rút điên cuồng bằng giác hút của loài mực ma khổng lồ vùng biển sâu, hay những vết răng cắt của loài cá mập khổng lồ thời cổ, nhưng dù có như thế thì chúng cũng không thoát khỏi cái mà số phận đã dàn lĩ cho chúng. Khi lớp màng nhớt sống di chuyển được đó rời khỏi đáy bùn trùm lên chúng, thì những cái chết quần quai đau đớn nhất so với nó cũng chẳng là gì.

Con thủy quái khủng bố này không biết sợ là gì. Không có gì làm cho nó sợ. Nó ăn bất cứ thứ gì động đây, hoặc nằm im cố không động đây, và nó chưa bao giờ gặp thứ gì có thể quay lại ăn thịt nó. Nếu một giác hút của con mực khổng lồ hay hàm răng của con cá mập cắm vào cái thân hình như một khối nhầy nhớt của nó, thì từ chỗ bị rách thủng chất nhầy sẽ tuôn ra và vết cắt sẽ lập tức được hàn kín lại. Nếu có một mảnh nào đó bị cắt rời ra thì nó có thể tìm ra và nhập chúng vào cơ thể trở lại.

Cái áo thụng đen khổng lồ này ngự trị trong cái thế giới hoang vu tối tăm của nhầy nhớt và căm lạng. Nó mò mẫm sục sạo trong bùn một cách tham lam, nó ăn không ngừng nghỉ và không bao giờ ngủ, không bao giờ nghỉ ngơi. Nếu nó nằm yên thì đó chỉ là cách nó giăng bẫy rình bắt con mồi, mà nếu không làm thế thì con mồi sẽ trốn thoát. Nếu nó đã rượt đuổi với một tốc độ khủng khiếp trên mặt đáy biển trơn nhớt thì nó không

bao giờ để xống một kẻ thù nào. Nhưng nó luôn luôn trùm cái khối chất lỏng gồm guốc của nó lên con mồi - đó là cách tấn công duy nhất và vô phương chạy thoát của nó.

Nó sinh ra từ những chất phân hủy và nhầy nhớt dưới đáy đại dương nguyên thủy, và nó xa lạ với đời sống bình thường trên hành tinh như một kẻ ngụ cư đến từ một hành tinh hoang vu trong một thiên hà xa xôi nào đó. Nó là một thử nghiệm lỗi nhịp của tự nhiên, mà so với nó thì con hổ răng lưỡi gươm, voi ma mút hay thậm chí cả con khủng long bạo chúa Tyrannosaurus, vị chúa tể khát máu của những loài bò sát khổng lồ, cũng chỉ là những con vật hiền lành, yếu ớt.

Nếu không vì một đợt bộc phát núi lửa rất mạnh dưới nền đáy đại dương, thì kẻ khủng bố đen ngòm kia có lẽ sẽ tiếp tục kéo lê sự tồn tại của nó trên lớp bùn biển lặng câm và không bao giờ có dịp thể hiện sức mạnh ghê gớm của nó đối với loài người.

Số phận, dưới hình thức một vụ nổ kinh khủng dưới mặt đất bao trùm một vùng đáy biển rộng lớn, đã ném mạnh con quái vật ra khỏi cái thế giới trơn nhớt đen thui của nó và ném cái khối nhớt bị cuộn tròn đó lên mặt biển.

Nếu như nó là một loài cá sống dưới tầng nước sâu bình thường thì nó đã không thể nào sống sót được sau sự kiện nói trên. Vụ nổ và sự giảm đột ngột của áp suất nước biển khi bị bắn lên khỏi mặt nước sẽ tiêu diệt nó. Nhưng nó không phải là một con cá bình thường. Độ nhầy nhớt hay độ dẻo hay cái gì đó đã cấu tạo nên cái cấu trúc giống như con a míp của nó cho phép nó vẫn tồn tại được.

Nó bị tung lên mặt nước mà chỉ hơi bị choáng váng một chút và rơi xuống mặt biển đang nổi sóng. Trong cơn choáng váng nó nổi lênh bênh giống như một đồng mỡ cá voi màu đen khổng lồ. Những con sóng lớn cuộn lên do vụ nổ trong lòng đất lệ làng cuốn lấy nó, và vì đang choáng váng nên nó không kháng cự lại những núi nước đang cuốn nó đi.

Cùng với tro tàn, bột đá và những xác cá chết trương phình rải rác, con thủy quái màu đen bị sóng cuốn phăng phăng về hướng bờ biển. Những con sóng thần cao ngất đẩy nó sâu vào đất liền hơn một dặm, và bỏ nó giữa một vùng đầm lầy nước mặn chết.

Cũng may cho nó là vụ nổ dưới lòng biển sâu và con sóng đưa nó vào bờ xảy ra ban đêm, vì thế con thủy quái nhầy nhớt không phải chịu đựng một thử thách mới và rất đáng sợ đối với nó, đó là ánh sáng.

Mặc dù bóng tối lúc nửa đêm của vùng đầm lầy bị bão tràn qua không thể so sánh được với màn đêm đen kịt dưới đáy đại dương, nơi thậm chí tia tử ngoại của quang phổ mặt trời cũng không thể xuyên tới được, nhưng màn đêm nơi đầm lầy tuy vậy cũng tăm tối và sâu thẳm.

Khi con sóng lớn hạ xuống, nước rút ào ào qua các bụi gai rậm trở về biển khơi, co thủy quái đen thui bám lấy bãi bùn được bao quanh bởi rừng cây gai đuôi mèo. Nó cảm nhận được về sự thay đổi thành hình, kinh khủng trong môi trường sống của nó và vì thế nó nằm im bất động một hồi lâu, tập trung chú ý vào sự thay đổi khó hiểu bên trong cơ thể của nó, khi không có sức ép kịch liệt của nước và không còn được bao bọc bởi nước biển lạnh giá. Khả năng thích nghi của nó thật khủng khiếp và thật khó tin. Nó chỉ cần vài giờ để đạt được những gì mà một sinh vật bình thường chỉ có thể có được qua một quá trình tiến hóa lâu dài. Ba giờ sau khi con sóng lớn đẩy nó lên bãi bùn, nó đã trải qua một cách mau lẹ những thay đổi bên trong cơ thể khiến cho nó cảm thấy dễ chịu hơn trong môi trường mới.

Thực ra nó cảm thấy nhẹ nhõm và linh hoạt hơn nhiều so với khi còn sống dưới đáy biển sâu.

Khi nó bung các xúc giác ra và bắt đầu thu nhận những rung động và sóng phản xạ dù nhỏ nhất trong vùng đầm lầy, cơ đói nguyên thủy của nó lại hồi sinh với sự thúc bách lẫn át tất cả. Và

đã xảy ra một điều là các cơ quan cảm giác này bắt đầu trở thành một cái gì đó thật khó tin, đóng vai trò như bộ não cho nó, sự chuyển hóa đó đã kích thích nó một cách cực kỳ. Ngay lập tức nó cảm thấy cái đầm lầy này chứa đầy những mẫu thức ăn ngon lành đang run rẩy - nhiều thức ăn hơn, và thức ăn cũng đa dạng hơn những gì nó đã từng kiếm được dưới đáy biển sâu lạnh lẽo.

Cơ đói hoang sơ, không dứt của nó dường như trở nên không thể chịu đựng nổi. Khối chất nhầy của nó được quét qua bởi một cơn run rẩy hưng phấn lan khắp toàn thân.

Trườn khỏi bãi bùn, nó lướt qua đám cỏ đuôi mèo vào một vùng gần đó gồm những đầm nước sâu có những đám bèo nước giăng ngang. Những thân cỏ đại nhô lên và những thân cây mục nát gãy đổ nửa chìm nửa nổi trong những đầm nước lớn hơn.

Điên cuồng vì cơ đói, nó óc ách trườn vào một đầm lầy, chia các xúc tu chất lỏng ra xung quanh. Trong vài phút nó đã bắt được mấy con ếch béo mập và rất nhiều con cá nhỏ. Nhưng những mẫu thức ăn bé xíu này chỉ càng kích thích sự phàm ăn của nó. Cơ đói trở thành một cơn thịnh nộ mù mịt. Nó bắt đầu một cuộc săn lùng có hệ thống, nó văng mình như một tấm lưới trù lên từng cái ao nước và lục lạo một cách nhanh chóng nhưng cẩn thận từng xăngtimét một trên đáy bùn ao. Những con vật đầu tiên mà nó tóm được là những con chuột xạ, dù lớn hay nhỏ cũng không thoát. Một tấm màng chất nhầy dính như keo rất lớn hình linh bung ra khỏi màn đêm, chụp lên chúng - và siết lấy chúng. Chất nhầy trong cơ thể nó trong khoảnh khắc đã phân hủy hoàn toàn nạn nhân, ngay đến xương cũng không còn lại chút gì.

Phấn khích và kích động vì những gì nó tìm được, con thủy quái hăng hái sục sạo các ao đầm nối liền nhau không dứt. Khi nổi lên, nó cẩn thận thăm dò từng bụi cỏ để xem còn có con vật

nào thoát khỏi ao nước bò lên đó hay không. Một lần nó vô được một tổ chim non trong một bụi cỏ bên bờ đầm. Tình cờ nó gặp một thân cây đổ nghiêng vắt ngang đường đi, nó bám lấy cái cây với thân hình nhầy nhớt của nó rồi kéo mình lơ lửng trên không trông như một tấm màn cửa đen sì to tướng bằng bùn đen rủ xuống.

Trong lúc đang tiến đến gần một nơi ít đầm lầy hơn và cây cối mọc dày hơn thì nó dần dần cảm nhận được một sự thay đổi khó nhận thấy trong môi trường mới của nó. Nó ngừng lại, chân chù, nửa ở trong đầm, nửa thò ra khỏi mặt nước của một cái ao nhỏ nằm gần một bìa rừng cây gần đó.

Mặc dù đã chén được khoảng năm sáu chục kilôgam thức ăn gồm ếch, cá, rắn nước, chuột xạ và một vài con thú nhỏ, cơn đói cồn cào của nó vẫn chưa dịu đi. Sự thèm ăn kinh khủng vẫn thúc giục nó tiếp tục cuộc săn lùng, nhưng có cái gì đó trong bản năng giữ nó nằm lại trong ao.

Cái mà nó cảm thấy nhưng không thể nhìn thấy, là mặt trời ban mai đang bắt đầu trải những tia sáng mờ mờ lên mặt đầm. Con thủy quái chưa bao giờ giáp mặt với bất kỳ một nguồn ánh sáng nào trừ những luồng ánh sáng phốt pho lạnh lẽo của các loài cá sống dưới đáy biển sâu. Nó hoàn toàn không biết đến ánh sáng mặt trời.

Khi ánh nắng bình minh mạnh dần lên, xuyên qua những đám sương mù lạnh băng, con thủy quái nhầy nhớt đen thui mới đến từ đáy biển sâu đen như mực cảm thấy có cái gì đó mà nó hoàn toàn không biết đang ập đến với nó. Ánh sáng có hại đối với nó. Nó phóng ra một xúc tu nhanh như chớp, hy vọng tóm được và bóp nát một tia nắng. Nhưng nó càng cố gắng điên cuồng hơn thì ánh sáng ban mai ghê sợ vây quanh nó lại càng mạnh hơn.

Cuối cùng, khi mặt trời lên cao trên ngọn cây, con thủy quái đang giận dữ vì bị ngăn trở hơn là vì sợ, miễn cưỡng trườn trở

về cái ao và sục mình trong lớp bùn mềm dưới đáy. Và nó ở lại đó trong khi mặt trời chiếu sáng và những con vật nhỏ của vùng đầm lầy đánh liều tiến vào vì những mục tiêu sinh tồn bí ẩn của chúng.

Cách đầm lầy Wharton vài dặm, trong một thị trấn nhỏ của vùng Clinton Center, Henry Hossing ngái ngủ lê bước khỏi cái lều nát bằng những cành cây, nó cho gã một chỗ trú mưa nắng tạm tạm vào ban đêm. Gã loạng choạng bước vào con phố. Lấy tay quẹt ngang cặp mắt ướt nhoẹt, gã gãi gãi hàm râu lởm chồm trên gò má và hấp háy mắt nhìn mặt trời đang mọc. Đêm qua gã ngủ không được ngon giấc lắm, cơn bão biển đánh thức gã dậy trong đêm. Thêm nữa gã phải mang bụng đói đi ngủ, mà chuyện đó thì chẳng bao giờ làm gã vui vẻ được.

Liếc nhìn dọc con phố, gã lừ đừ bước tới, đầu ngả xuống ngực, và hầu hết thời gian gã nhắm mắt xuống hè phố hay các rãnh nước với hy vọng nhặt được một đồng xu nào đó của ai đánh rơi.

Thị trấn Clinton Center không tốt bụng cho lắm với gã. Những quây bố thí thì hiếm hoi, và mới hôm qua thôi gã đã bị một viên cảnh sát địa phương đá đít đòi đuổi gã ra khỏi thị trấn.

Lầm bầm một mình, gã đi đến cuối phố và bắt đầu băng qua ngã tư. Thành linh gã dừng phắt lại và cúi xuống chộp lấy cái gì đó nằm bên vệ vĩa hè.

Đó là một tờ bạc xanh nhàu nát. Và khi gã vội vã vuốt phẳng nó ra thì một vẻ sung sướng kinh ngạc lan ra trên bộ mặt đầy râu nham nhở của gã. Hai mươi đô! Bao nhiêu tháng nay chưa bao giờ gã có nhiều hơn một đô trong túi!

Nhét cẩn thận tờ bạc vào cái túi lành lặn nhất trên chiếc áo khoác xám xơ xác của mình, gã băng qua phố với những bước chân sải dài vội vàng. Thay vì xoi mói các vĩa hè, cặp mắt gã giờ đây nhắm vào các cửa hiệu và tiệm ăn.

Gã dừng bước trước một tiệm ăn, chân chừ, và cuối cùng lại đi tiếp cho đến khi gặp một tiệm khác ít lòe loẹt hơn ở cách đó vài quãng phố.

Khi gã ngồi xuống ghế, ông chủ tiệm liền lắc đầu, “Đi đi, anh bạn. Hôm nay không có cà phê miễn phí đâu”.

Nhăn nhở cười toe, gã lang thang móc tờ bạc mười đô ra và chìa cho ông chủ tiệm xem. “Cái này đã đủ cho một bữa sáng ngon lành ở đây chưa, anh kếp!”

Ông chủ tiệm có vẻ bức. “Thôi được. Thôi được. Anh ăn gì?” Ông ta xem xét tờ giấy bạc một cách nghi ngờ.

Henry Hossing gọi nước cam, bánh mì nướng, giăm bông và trứng, cháo bột, dưa tráng miệng và cà phê.

Khi mọi thứ đã dọn ra, gã ăn sạch sẽ mọi thứ, gọi thêm ba ly cà phê, rồi chìa tờ bạc ra để trả tiền cứ y như bữa sáng sáu đô là chuyện ngày thường đối với gã. Rồi gã nhàn nhã trở ra đường.

Quá trưa một tý, sau bữa trưa chín đô, gã nhìn thấy một tiệm rượu. Gã đứng trên vỉa hè phía bên kia nhìn nó vài phút, tay mân mê tờ bạc năm đô còn lại trong túi. Cuối cùng gã băng qua đường với một nụ cười lơ đãng, bước vào tiệm và mua một lít whisky lúa mạch loại nặng cháy cổ.

Gã đứng chân chừ trên vỉa hè, dùng dằng không biết có nên trở về túp lều của gã bên kia thung lũng hay không. Sau một vài phút đấu tranh tư tưởng, gã quyết định không về và thay vì thế đi về phía đầm lầy Wharton. Cảnh sát địa phương còn khuya mới đến quấy rầy gã ở đó, và vì trời quang mây tạnh, thời tiết dễ chịu nên chẳng cần gì đến cái che gió che mưa.

Queo khỏi con đường cao tốc chạy vòng quanh đầm lầy cách thành phố vài dặm, gã băng qua một bãi cỏ lầy lội, đi xuyên qua một bụi cây rậm và ngồi xuống dưới một cái cây cho nhựa ngọt nằm ngay bìa rừng rậm.

Vào lúc chiều muộn thì mặt mũi gã đã nóng bừng bừng và gã thoáng có ý nghĩ quay trở về Clinton Center. Dứt mình khỏi cơn

mơ màng, gã loạng choạng đi nhặt vài cành cây khô để đốt một đồng lửa nhỏ rồi quay trở lại nơi bìa rừng của gã, ngồi xuống dưới gốc cây nhựa ngọt.

Ngay lập tức, gã ngủ thiếp đi như một con ngỗng mệt mỏi, nhưng rồi gã cũng cô tỉnh dậy để đốt đồng lửa khi bóng chiều chạng vạng đã ngày càng sẫm hơn trên vùng đầm lầy. Sau đó gã quay lại với cái chai đã cạn. Rồi khi gã đang mơ mơ màng màng bay bổng trong giấc mộng làm giàu huy hoàng thì có cái gì đó thành linh ngắt ngang và kéo gã trở về với mặt đất.

Ngọn lửa bập bùng từ đồng lửa của gã bây giờ đã lụi đi, chỉ còn những tàn lửa liu riu kỳ quái đủ chiếu sáng một vùng nhỏ dưới gốc cây nhựa ngọt. Gã không nhìn thấy gì và thoát đầu cũng không nghe thấy gì, nhưng trong gã vẫn ngập tràn cảm giác về một mối đe dọa thành linh và rõ rệt đang ẩn nấp đâu đây.

Gã đứng dậy, lão đảo, tựa người vào gốc cây và nhìn chăm chú vào bóng đêm. Trong bóng tối sâu thẳm nằm bên ngoài vầng sáng canh chừng của đồng lửa, gã không nhìn thấy được đó là cái gì, cho dù nó có hình dáng hay màu sắc như thế nào.

Rồi gã ngửi thấy một mùi hôi thối kinh khủng mà rung cả mình. Mặc dù không khí xung quanh vẫn còn nồng nặc mùi rượu whisky rẻ tiền, nhưng cái mùi ghê tởm nọ vẫn át tất cả. Nó hôi thối, khắm lăm, ghê sợ và cực kỳ kinh tởm. Nó hơi giống mùi cá chết thối, nhưng khó mà nói được là nó giống mùi gì mà người ta từng biết.

Đứng run rẩy dưới gốc cây nhựa ngọt, Henry Hossing nghĩ đến một xác chết bị vùi lâu ngày dưới đáy đầm lầy bây giờ mới nổi lên.

Nỗi sợ ngày càng dâng lên, gã nhìn quanh tìm xem còn cành cây khô nào không để cho thêm vào đồng lửa đang lụi tàn. Nhưng tất cả những gì gã có thể tìm được là một vài nhánh lá khô. Gã ném chúng vào đồng lửa tàn, và ngọn lửa bốc sáng thêm được một chút.

Gã lắng tai và nghe thấy - hay gã tưởng là đã nghe thấy - một thứ tiếng động kỳ quặc như có vật gì đang trượt đi giữa những bụi cây gần đó. Hình như nó lùi lại khi đồng lửa bùng lên một chút.

Một nỗi khủng khiếp thực sự xâm chiếm lấy gã. Gã vẫn biết rằng trong tình trạng say khướt như thế này gã không thể nào bỏ chạy được - nhưng lúc này gã đã đi đến một nhận thức khủng khiếp, rằng cái mối đe dọa không thể nói ra được kia đang rình rập trong bóng tối bao bọc xung quanh, chỉ cốt chờ cho ánh sáng từ đồng lửa nhỏ của gã lụi đi là lập tức xông vào.

Gã điên cuồng nhìn bốn phía để tìm thêm củi. Nhưng xung quanh chẳng có cành nào. Không có củi, nghĩa là ánh sáng sẽ tắt đi chẳng bao lâu nữa. Nhưng gã không dám liều đi ra xa hơn.

Gã bắt đầu run bần người lên không kiềm nổi. Gã cố để hét lên nhưng không có âm thanh nào thoát ra từ cái cổ họng đang thắt lại.

Mùi hôi thối kinh khủng kia càng lúc càng nặng hơn, và bây giờ gã tin chắc là đã nghe thấy có tiếng ai đang trườn nhẹ nhàng rất lạ trong bóng tối bên ngoài vằng vặc chiếu ra từ đồng lửa.

Gã đứng chết lặng trong cơn hoảng loạn, cảm thấy bất lực tuyệt đối khi ngọn lửa lom dom tắt đi và bóng tối ập xuống.

Vào khoảnh khắc tối hậu, một mẩu than cháy vỡ ra từng mảnh, tóe ra những tia sáng cuối cùng, và trong ánh chớp lóe lên của chúng, gã thoáng thấy con thủy quái.

Nó đã trườn ra khỏi những bụi gai và bây giờ nó đang phóng qua khoảng trống với một tốc độ kinh hoàng. Nó là sự hiện thân cuối cùng của tất cả nỗi sợ hãi, rùng rợn và những cơn ác mộng mà Henry Hossing từng biết đến trong đời gã. Nó là con quỷ từ địa ngục đến để bắt gã.

Tiếng thét khủng khiếp cuối cùng cũng bật ra từ cổ họng gã, nhưng nó bị ngạt đi trước khi kịp kết thúc vì cái áo thụng nhầy

nhốt màu đen đã mau lẹ trùm lên người gã với một sức mạnh không thể chống lại được.

Gilles Gowse - hay “ông lão” Gowse - nhảy ra khỏi giường sau một đêm trần trọc và mộng mị toàn những cơn ác mộng. Ông lão vừa than thở vừa pha cà phê trong bếp của căn nhà tồi tàn dột nát ven đầm Wharton. Khoảng nửa đêm, hình như có mùi hôi thối của nước tù phả vào ngôi nhà. Giấc ngủ bị cắt ngang của ông lão đầy những điềm gở, những bóng ma và ác mộng.

Miệng cầu nhàu, ông lão ăn nốt bữa sáng, lấy cái xô đựng sữa từ trong chạn và đi ra chuồng bò đằng xa nơi ông lão nhốt con bò cái duy nhất của ông.

Khi ông lão đi đến chuồng bò thì cái mùi kinh tởm lạ lùng đã ám lấy ông suốt đêm qua lại xộc vào mũi.

“Đầm Wharton! Mà y chứ còn ai vào đây nữa!”. Ông lão lẩm bẩm. Và dứ nắm đấm về phía cái đầm.

Khi ông lão bước vào chuồng bò thì cái mùi đó lại càng sặc sụa thêm. Nhấn mặt, ông lão sải bước đến cái ngăn chuồng lung lay nơi ông nhốt con bò cái Sarey.

Rồi ông lão đứng sững mắt nhìn lom lom. Con Sarey đã biến mất. Ngăn chuồng trống không.

Ông lão quay ra sân chuồng bò. “Sarey!” ông gọi to.

Chạy trở vào trong chuồng, ông lão kiểm tra lại cái ngăn. Ở đây cái mùi hôi thối như mùi xác chết xông lên nồng nặc, và ông lão nhận thấy có một vệt sáng như lân tinh trên sàn chuồng. Cúi người xuống thấp hơn, ông lão thấy đó là một vệt nhớt phát sáng phủ lên sàn, dường như có con vật nào đó mình phủ đầy bùn đã chui vào rồi chui ra căn chuồng này.

Phát hiện này cùng với việc biến mất khó hiểu của con Sarey là quá đủ đối với hệ thần kinh đang rệu rã của ông lão. Gào to lên, ông lão lao ra khỏi chuồng bò và chạy đến thị trấn Clinton Center cách đó chừng hai dặm.

Cách người ta tiếp đón ông lão tại thị trấn lại làm cho ông giận dữ thêm. Trong khi ông lão cố gắng để kể cho mọi người nghe về sự biến mất của con bò cái Sarey, về cái mùi nước biển và mùi bùn hôi thối nồng nặc trong chuồng bò nhà ông đêm qua, thì họ lại cười vào mặt ông. Tức là những kẻ kém lịch sự hơn. Còn đa số những người khác thì kiên nhẫn nghe ông lão kể lể - rồi sau đó nháy mắt với nhau và xoáy ngón trở lên trán một cách đầy ngụ ý khi ông lão vừa đi khuất.

Có một người, tay dược sĩ Jim Jelinson, dường như chăm chú nghe ông. Anh ta nói rằng khi anh ta về nhà bằng lối sân sau tối hôm qua, anh ta nghe thấy có một tiếng thét sợ hãi ở đâu đó từ trong bóng tối đằng xa. Chắc chắn là nó đến từ hướng đầm lầy Wharton, anh ta khẳng định thế. Nhưng vì tiếng thét không lặp lại nữa nên rốt cuộc anh ta cho là mình đã tưởng tượng ra.

Trên đường trở về nhà vào lúc chiều tối thì trong lòng ông lão Gowse đã chất đầy những nỗi bức dọc, phần uất và cay đắng. Họ cho ông là điên hay sao, hả? Vậy thì, Sarey biến mất; và họ chẳng thể giải thích điều đó bằng cách nào cho nghe được, phải không nào? Họ giải thích cái mùi đó là do lũ cá chết bị con sóng lớn dồn lại và đẩy vào trong đầm lầy trong cơn bão hôm nọ. Được - cứ cho là thế đi. Còn vệt nhớt trên sàn chuồng bò thì họ bảo đó là do lũ sên. Sên! Làm gì có thứ sên nào lại để lại lắm nhớt như thế kia chứ!

Khi về gần đến nhà, ông lão gặp Ruper Barnaby, người láng giềng gần nhà lão nhất. Ruper xách một khẩu súng và anh ta dắt theo con chó săn Jibbe.

Mặc dù đã có chuyện chành chọe giữa hai người hàng xóm từ ít lâu nay, nhưng lần này Barnaby rất ngạc nhiên khi thấy ông lão gật đầu chào và dừng bước.

— Đi săn đêm hả, ông hàng xóm?

Barnaby gật đầu.

— Con Jibbe chắc sẽ bắt được một con gấu trúc Mỹ. Hôm nay trăng muộn nhỉ...

— Con bò cái nhà tôi mất rồi - Ông lão thành linh nói - Nếu anh có nhìn thấy nó... - Lão ngừng lại. - Nhưng tôi không nghĩ anh sẽ...

Barnaby bối rối nhìn ông lão.

— Lão bảo sao cơ?

Ông lão nhắc lại câu chuyện mà ông đã kể suốt ngày hôm nay ở Clinton Center. Rồi lắc lắc cái đầu khi kể xong, ông lão nói thêm:

— Nếu là tôi thì tối nay tôi sẽ không đi săn trong cái đầm đó đâu, dù người ta có trả cho tôi cả ngàn đô một con chuột xạ đi nữa!

Ruper Barnaby ngoảnh mặt đi cười thầm. Anh ta là một người đàn ông cao lớn, vạm vỡ, một anh chàng rất tháo vát và ít tham vọng - chẳng có gì ngay cả khi anh ta mơ mộng đi nữa.

— Lão Gowse này, - Anh ta cười - lão định hù tôi bằng những câu chuyện ma quỷ đó thì chỉ vô ích thôi! Con bò cái của lão chỉ đi lạc và chắc nó đang lang thang đâu đó. Vì sao hả, suốt năm vừa rồi tôi có nhìn thấy con mèo rừng nào ở cái đầm lầy này đâu cơ chứ!

Ông lão Gowse mím chặt môi.

— Có thể, - Ông bảo khi bỏ đi - rồi tối nay anh sẽ nhìn thấy trong cái đầm lầy này có thứ còn tệ hơn cả mèo rừng cho mà coi!

Lắc lắc cái đầu, Barnaby bước theo sau con chó của anh ta đang sốt ruột te tái chạy lên trước. Ông lão Gowse đâm ra dở hơi mất rồi. Thời buổi này mà đi ra ngoài nhà thì phải khóa cửa lại chứ.

Jibbe chạy đằng trước, đánh hơi, lao vọt từ cái rãnh này đến cái rãnh khác. Khi hoàng hôn đã tắt, Barnaby rời khỏi đường cái lớn, rẽ vào con đường mòn ngoằn ngoèo dẫn đến đầm Wharton.

Barnaby ham đi săn. Anh ta thích chui lủi cả ngày trong các bụi gai còn hơn là ngồi chết dí một chỗ ở nhà trên chiếc ghế nệm êm ái. Và cho dù có mất cả đêm lòng sục mà vẫn ra về tay không thì anh ta cũng chẳng lấy thế làm bực mình. Thực ra anh ta là một tay đi săn giỏi; ít nhất thì một nửa số thức ăn trong năm của anh ta là thỏ rừng, gấu trúc Mỹ, và đôi khi có cả hươu, những thứ mà anh ta săn được trong đầm lầy Wharton.

Vào lúc trăng mọc, anh ta đã tiến sâu vào vùng đầm lầy. Jibbe đã hai lần phát hiện thấy thỏ rừng, nhưng cả hai lần nó đều vội vàng quay lại với vẻ hoảng sợ sao đó.

Có cái gì đó trong hành động của nó bắt đầu làm cho Barnaby lấy làm khó hiểu. Con chó dường như do dự không muốn đi tiếp, nó cứ đeo dính lấy anh chàng thợ săn không rời một bước. Một lần anh ta đã vấp phải nó và suýt nữa thì ngã cắm đầu xuống đất.

Rốt cuộc anh thợ săn dừng lại, nhăn mặt và nhìn về phía trước. Khu đầm trông chẳng có gì khác thường. Thực ra thì có một cái mùi rất khó ngửi lơ lửng trong không khí, nhưng đó chắc là do cơn sóng thần trong cơn bão mới rồi đã sục bùn dưới đáy đầm lên. Có lẽ là rong tảo và xác cá chết tích tụ lại đang thối rữa trong các cái ao.

Barnaby mắng con chó.

— Mày sợ cái gì, hả? Đi tiếp đi! Mày làm tao vấp nữa là tao cho cái đá đấy, nghe chưa!

Con chó lại chạy lên trước một đoạn, nhưng có vẻ rất miễn cưỡng. Nó đánh hơi mấy bụi cỏ một cách đại khái cho xong và hình như không còn thiết tha gì đến chuyện đi săn nữa.

Barnaby giận điên lên. Thậm chí ngay cả khi phát hiện thấy dấu vết của một con gấu trúc Mỹ, còn mới nguyên trên lớp bùn non cạnh một cái ao, mà con Jibbe cũng tỏ ra chẳng mấy quan tâm.

Dầu sao nó cũng chạy ra xa hơn một tý và Barnaby bắt đầu hy vọng nó sẽ trở lại hăng hái như cũ.

Nhưng anh ta đã lầm về chuyện đó. Khi họ tiến vào một vùng có nhiều lùm cây rậm rạp xen lẫn với những bụi gai và những đám cỏ đuôi mèo thì con chó thành linh co rúm người lại, nó nép vào bóng tối và nhất định không chịu nhúc nhích.

Barnaby tin rằng con gấu trúc đã lủi vào một bụi rậm đâu đó gần đây. Nhưng con chó không chịu nghe lời đã làm anh ta nổi điên.

Bị ăn mấy cú đá, con Jibbe miễn cưỡng đứng dậy và bước vài bước về phía trước, lông trên cổ nó dựng đứng cả lên giống như bờm sư tử.

Barnaby vừa chửi thề vừa dần bước theo con chó tiến vào đám cây rậm tối om.

Mặc dù có trăng nhưng dưới những lùm cây này rất tối. Anh ta bước đi rất thận trọng để tránh thụt chân xuống ao nước.

Thành linh, con Jibbe tru lên một tiếng dường như phát điên vì hoảng loạn và bắn ra khỏi bụi rậm. Nó bỏ chạy, miệng vẫn không ngừng tru lên một cách kỳ quặc.

Lần đầu tiên trong buổi tối hôm đó Barnaby thấy mình run lên vì sợ. Đã bao nhiêu lần đi săn, chưa bao giờ anh ta thấy con Jibbe lại sợ đến mức quắp đuôi lại như thế. Đã có lần nó thậm chí còn đuổi theo cả một con gấu xám khổng lồ.

Chống mắt nhìn vào bóng tối đen ngòm, Barnaby chẳng thấy cái gì cả. Trong các lùm cây cũng không có cặp mắt quái gở nào nhìn anh ta.

Trong khi căng mắt cố nhìn vào bóng tối đang vây quanh mình, anh ta chợt nhớ đến lời cảnh cáo của ông lão Gowse mà cay đắng nhăn mặt. Nếu cái lão ngu ngốc ấy tình cờ biết được con Jibbe bỏ chạy khỏi đầm lầy, thì chắc chắn lão sẽ đem chuyện này ra để chế nhạo anh ta mỗi ngày cho đến lúc chết.

Nghĩ đến chuyện đó anh ta lập tức nổi giận. Thế là anh ta hăm hăm lao tới cùng với cơn thịnh nộ tằm tối nhắm vào cái con vật nào đó đã dọa nạt con chó của anh ta. Một phát súng trúng đích có lẽ sẽ giải quyết được mọi chuyện.

Nhưng ngay lập tức anh ta dừng phắt lại và lắng nghe. Từ trong bóng tối ngay trước mặt anh ta nhận thấy một tiếng động kỳ lạ, dường như có một vật rất lớn đang bò trong đám cỏ đuôi mèo, đồng thời mùi hôi thối đột nhiên trở nên nồng nặc.

Anh ta chân chừ vì không nhìn thấy được đó là cái gì, vừa cố gắng chống lại cái ý muốn bỏ chạy đang dâng lên rất mạnh trong lòng anh ta. Bóng đêm đen ngòm và cái mùi hôi thối của ao tù nơi đây dường như làm anh ta ngạt thở.

Tim anh ta bắt đầu đập thình thịch khi cái tiếng bò trườn sột soạt kia đến gần hơn. Mọi bản năng đều mách bảo anh ta quay người bỏ chạy, nhưng một thứ ương ngạnh bướng bỉnh bẩm sinh gần như liều lĩnh giữ anh ta đứng yên một chỗ.

Tiếng động nghe đã rõ hơn, và thình lình anh ta chắc chắn rằng có cái gì đó chết chóc và kinh khủng đang lao về phía anh ta qua những bụi cây rậm kia với một tốc độ ngày càng nhanh.

Giơ khẩu súng lên, anh ta chĩa về hướng có tiếng động và bóp cò.

Trong ánh lửa lóe lên từ đầu nòng súng, anh ta nhìn thấy một cái gì đó to tướng và sáng lấp lánh, giống như một tấm áo thụng lớn màu đen ngòm trải rộng đang ló ra khỏi những bụi cây ngoài cùng. Nó dường như đang lướt về phía anh ta, và nó chuyển động nhanh nhẹn khủng khiếp.

Anh ta muốn thét lên và bỏ chạy nhưng ngay khi con quái vật lao tới thì anh ta hiểu rằng bỏ chạy lúc này thì cũng vô ích. Vì thế nên dù cho máu như đông cứng lại trong người, anh ta vẫn ghì chặt khẩu súng mà bắn liên hồi.

Những phát súng đó hình như chẳng có tác dụng gì nhiều hơn những viên đá cuội bắn vào đồng bùn bằng ná cao su. Vào

khoảnh khắc cuối cùng sự can đảm của anh ta như vỡ vụn và anh ta tuyệt vọng tìm cách bỏ chạy. Nhưng tấm áo thụng quá dị kia đã lao đến, nó trùm lên anh ta cùng với một mùi hôi thối lợm mửa và siết chặt lại. Tiếng thét của anh ta lúc này chỉ còn nghe những tiếng ục ục khe khẽ bên trong tấm áo thụng nhầy nhớt đen ngòm đang trùm kín lấy anh ta.

Ông lão Gowse thức dậy sớm sau một đêm khó ngủ nữa, ông đi ra chuồng bò để xem xét. Ông lão không thấy có gì không ổn nữa, nhưng vẫn chẳng thấy bóng dáng con Sarey đâu. Và cái mùi hôi thối bốc lên từ hướng đầm lầy Wharton khi có gió thổi vẫn còn nguyên như hôm qua.

Sau khi ăn sáng xong, ông lão ra khỏi nhà đi đến chỗ Rupert Barnaby, cách nhà ông chừng một dặm về phía đường cái. Ông lão cũng không chắc là mình định tìm cái gì nữa.

Khi ông lão đến căn nhà nhỏ nhưng gọn gàng ngăn nắp của Barnaby thì ở đó mọi thứ vẫn yên lặng như tờ. Quá yên lặng. Barnaby thường dậy rất sớm, ngay trước khi mặt trời sắp mọc.

Vì một sự thôi thúc bất ngờ, lão Gowse bước qua cổng và gõ cửa. Ông lão chờ một lúc nhưng không có ai đáp lại. Ông lại gõ, và ngần ngừ một tí, rồi bước khỏi hàng hiên.

Jibbe, con chó săn của Barnaby, đang len lén đi vòng ra sau nhà. Bình thường thì nó sẽ xông ra và sủa. Nhưng hôm nay nó đứng im thín thít - hay cũng gần như thế. Người nó run lên bần bật và nó cứ nhìn chăm chặp vào lão Gowse. Con chó đang sợ hãi, hoảng loạn, và mang vẻ mặt có tội rất xa lạ với nó.

— Chủ mày đâu, Jibbe? - Lão Gowse gọi nó - Kiểm chủ mày về đây!

Thay vì chạy đi, con chó lại gục đầu xuống và phát ra một tiếng tru dài nghe oán, buồn bã rất kỳ lạ.

Lão Gowse rùng mình. Quay đầu lại liếc căn nhà im ắng, ông lão bước ra đi về phía con đường.

Bây giờ thì phải nghe ông, ông đặc thẳng nghĩ. Hôm qua họ đã cười nhạo ông về chuyện con bò cái Sarey biến mất. Có lẽ họ sẽ không thể thoải mái mà cười khi ông bảo cho họ biết rằng Barnaby đã đi vào đầm lầy Wharton cùng với con chó Jibbe của anh ta, và con chó trở về có một mình!

Khi Cảnh sát trưởng Miles Underbeck nhìn thấy ông lão Gowse bước vào Trụ sở Cảnh sát Clinton Center thì ông ta ngồi phịch xuống ghế mà cau có mặt mày. Sáng nay ông ta rất bận, mà chắc chắn lão Gowse đến đây là để căn vặn về chuyện con bò cái đi lạc trời đánh của ông lão.

Thế nhưng cái ông lão lẩm cẩm ấy lại có câu chuyện mới và giật gân hơn. Ông lão tuyên bố rằng Ruper Barnaby đã biến mất. Tối hôm qua anh ta đã đi vào vùng đầm lầy và không thấy trở về, ông lão khẳng khẳng như vậy.

Nhưng khi Cảnh sát trưởng Underbeck tra hỏi cặn kẽ hơn, thì ông lão Gowse phải thừa nhận ông không thể nói chắc Barnaby có trở về hay không. Rất có thể là anh ta đã về nhà từ lúc sáng sớm và rồi lại đi trước khi ông lão đến.

Nhưng ông lão nhìn chăm chặp vào ông Cảnh sát trưởng bằng cặp mắt sáng rực và lắc lắc cái đầu.

— Anh ta sẽ không trở về được nữa đâu, tôi cá với anh đấy! Con chó đó nó biết rõ! Nó tru lên, giống như loài chó vẫn tru khi có người chết. Con vật đã bắt Sarey tối hôm trước, nó cũng đã tóm được Barnaby trong đầm lầy tối hôm qua rồi!

Sếp Underbeck không phải típ người dễ bị kích động. Những lời lẽ thống thiết tuôn trào của lão Gowse làm cho ông ta phát cáu nhưng cũng chẳng gây được ấn tượng gì.

Ông ta cộc cằn hứa sẽ xem xét vấn đề nếu tối nay Barnaby không trở về. Ông tuyên bố, Barnaby biết rành cái đầm này hơn bất kỳ ai trong quận. Và anh ta hoàn toàn có khả năng để tự bảo vệ bản thân mình. Có lẽ, ông Cảnh sát trưởng giả thiết, anh ta

đã ra lệnh cho con chó trông nhà còn mình thì đi đâu đó sau khi đã đi sẵn về vào tối hôm trước. Cứ chờ thêm một chút là nhiều khả năng anh ta sẽ xuất hiện.

Ông lão Gowse lắc đầu với cái vẻ của kẻ hoài nghi thâm căn cố đế. Khăng khăng rằng thực tế sẽ chứng minh cho nỗi lo sợ của ông, ông lão càu nhàu lê bước ra khỏi đồn cảnh sát.

Ngày hôm đó qua đi mà chẳng có dấu hiệu gì của Barnaby. Vào lúc sáu giờ chiều, ông lão Gowse quả quyết tiến thẳng vào khách sạn Crown, cái khách sạn hai sao độc nhất của Clinton Center, để đăng ký một phòng, ông lão không dám về nhà. Vào lúc bảy giờ, ông Cảnh sát trưởng cử một chiếc xe tuần tra đến nhà của Barnaby. Ông ta sốt ruột chờ nó trở về, ngón tay gõ liên tục vào mặt bàn, hay xếp tới xếp lui một cách lơ đãng đồng hồ sơ chất đồng, ở đó suốt cả ngày.

Chiếc xe tuần tra quay về trước tám giờ tối một tý. Trung sĩ Grimes báo cáo.

— Chẳng có ai cả, thưa sếp. Nhà khóa chặt. Chúng tôi đã tìm kiếm. Nhưng chỉ thấy có con chó của Barnaby. Nó tru lên và bỏ chạy cứ như bị ma đuổi vậy!

Sếp Underbeck bối rối. Nếu Barnaby mất tích thật, thì nên bắt đầu cuộc tìm kiếm ngay lập tức. Nhưng lúc này trời đã tối rồi mà nhiều vùng trong đầm lầy Wharton thì ngay giữa ban ngày cũng không ai có thể đi qua được. Ngoài ra cũng không có gì đảm bảo là Barnaby không đi thăm ai đó, ở gần Stantonville chẳng hạn, để tán gẫu với bạn và ở lại qua đêm.

Vào lúc chín giờ ông ta quyết định hoãn mọi hành động lại cho đến sáng mai. Một cuộc tìm kiếm ngay bây giờ dù thế nào cũng sẽ là vô ích. Trong đầm lầy có quá nhiều chướng ngại. Nếu sáng mai mà Barnaby không quay về, và không có báo cáo nhìn thấy anh ta ở đâu cả, thì một cuộc truy tìm trong đầm lầy sẽ có thể bắt đầu.

Không lâu sau khi ông ta đi đến quyết định này, khi ông ta đang sửa soạn quần áo để về nhà, thì xảy ra một sự kiện mới, đáng báo động thật sự.

Ngay trước chín giờ tối, một chiếc xe thẳng gấp bên ngoài đồn cảnh sát. Một ông lớn tuổi vội vàng chạy vào, tay dìu một cô gái trẻ đang hoảng loạn sụt sùi. Váy áo và tất của cô ta rách bươm, trên mặt có nhiều vết cào.

Sau khi đỡ cô ta ngồi xuống ghế người đàn ông quay về phía Cảnh sát trưởng Underbeck và các nhân viên cảnh sát đang xúm lại xung quanh.

— Tôi nhặt cô ta ở trên xa lộ gần đầm Wharton. Cô ta gào vỡ cả phổi! - Ông ta xoa trán - Cô ta chạy như ma đuổi ngay trước mũi xe tôi. Suýt nữa thì tôi cán phải. Cô ta sợ phát điên lên nên tôi chẳng thể hiểu cô ta nói cái gì. Hình như có ai bắt cóc bạn trai cô ta lôi vào mấy bụi cây ở đó. Mãi tôi mới lôi được cô ta vào xe và tôi phóng bạt mạng đến đây.

Cảnh sát trưởng Underbeck xoi mói quan sát người đàn ông. Ông ta rõ ràng là đang bàng hoàng sửng sốt, và không che giấu điều gì nên ông Cảnh sát trưởng lại quay về phía cô gái.

Ông ta cố nói thật dịu dàng để trấn an cô ta, và cuối cùng cô ta cũng lấy lại được can đảm để kể cho ông ta nghe câu chuyện của mình.

Cô ta tên là Dolores Rell và cô sống ở ngoại ô Stantonville. Lúc sắp tối cô lái xe đi cùng anh chồng chưa cưới là Jason Bukmeister sống ở Clinton Center. Khi Jason lái xe trên đoạn xa lộ sát vùng đầm lầy Wharton, cô ta nói cảnh đầm lầy trông rất thơ mộng trong đêm sáng trăng. Jason liền dừng xe lại, và sau khi họ quan sát cảnh tượng đó trong vài phút thì anh ta bảo vì tối nay trời ấm nên “đi dạo dưới ánh trăng” sẽ rất thú vị.

Dolores lưỡng lự không muốn rời khỏi xe nhưng cuối cùng cô cũng miễn cưỡng đi dạo một đoạn ngắn dọc bờ đầm lầy, nơi đất dưới chân còn khá cứng.

Khi cặp tình nhân đang đi dưới tán những hàng cây, cách chiếc xe chừng 15 mét, thì Dolores ngửi thấy một mùi hôi thối rất khó chịu và cô ta muốn quay về xe. Nhưng Jason bảo cô chỉ là mùi đầm lầy thôi chứ có gì đâu và cứ khăng khăng đòi đi tiếp. Vì cây mọc rất sát nhau, nên họ đi thành hàng dọc, Jason đi trước.

Thình lình, cô kể, cả hai nghe thấy có cái gì đó đang bò sột soạt qua các bụi cây phía trước họ. Jason bảo cô đừng sợ, rằng có lẽ đó là con bò của ai đó đi lạc. Nhưng khi đến gần hơn thì hình như nó đang lao đến với tốc độ nhanh khủng khiếp. Và tiếng động của nó cũng không giống như tiếng bước chân của con bò.

Vào giây cuối cùng Jason quay vụt lại và thét lên sợ hãi, kêu cô chạy đi. Trước khi kịp chạy cô còn nhìn thấy một vật gì đó đen ngòm, khổng lồ đang lao đi dưới lùm cây trong ánh trăng mờ mờ. Trong một thoáng, cô ta đứng như trời trồng vì kinh hoàng; rồi cô ta quay lưng bỏ chạy. Cô ta nghĩ là đã nghe thấy tiếng Jason chạy đằng sau cô. Cô ta không chắc lắm. Nhưng ngay sau đó cô nghe thấy tiếng anh thét lên.

Dù kinh hoàng nhưng cô vẫn cố quay lại nhìn về phía sau.

Kể đến đây, cô ta lại bắt đầu lên cơn nức nở, phải vài phút sau cô mới có thể tiếp tục.

Cô ta không thể miêu tả chính xác cái mà cô đã trông thấy khi ngoảnh đầu nhìn lại. Cái vật mà cô thoáng thấy đang lao ra dưới hàng cây trước đó đã đuổi kịp Jason. Nó gần như trùm lên anh ta. Tất cả những gì mà cô ta có thể nhìn thấy là bộ mặt đau đớn và một phần cánh tay của anh ta, gần sát mặt đất, dường như cái vật đó đang ngồi đè lên anh ta vậy. Cô không thể bảo vật đó là cái gì. Nó có màu đen, không ra hình thù gì, như một con thú mà cũng không giống hẳn là con thú. Nó có vẻ như một thứ quái vật bò sát khủng khiếp không thể tả được, thứ quái vật từng làm cô rùng mình kinh sợ hồi cô còn bé phải ở một mình trong bóng tối của phòng nuôi trẻ.

Lúc này cô ta rùng mình và lấy tay che mặt khi cô cố mô tả lại cái vật mà cô nhìn thấy.

— Ôi, Chúa ơi! Một bóng đen còn sống! Một bóng đen còn sống!

Bằng cách nào không rõ, cô ta kể tiếp, cô ta lấp vấp chạy qua các bụi cây và lên đến mặt đường. Cô ta kinh hoàng đến nỗi hầu như không nhận thấy chiếc ô tô đang lao đến.

Không nghi ngờ gì là Dolores đang bị một nỗi kinh hoàng thực sự chế ngự. Cảnh sát trưởng Underbeck tỏ ra rất sốt sắng. Sau khi cô gái với khuôn mặt tái nhợt được đưa đến bệnh viện gần đó để băng bó các vết trầy xước và làm dịu thần kinh, Underbeck tập hợp tất cả các cảnh sát có mặt, trang bị cho họ súng ngắn, súng trường và đèn pha, ông ta lùa họ lên bốn chiếc xe tuần tra và nhắm hướng đầm lầy Wharton lên đường.

Chiếc xe của Jason được tìm thấy tại nơi anh ta dừng xe. Nó không hề hấn gì cả. Một cuộc lục soát khu vực đầm lầy quanh đó dưới ánh đèn pha không mang lại kết quả gì hết. Cái vật tấn công Jason có lẽ đã lôi anh ta vào một góc hẻo lánh xa tít giữa những ao hồ la liệt trong kia.

Sau hai giờ chà sát các bụi rậm và sục bùn loãng dưới ao hồ mà không có kết quả, Cảnh sát trưởng Underbeck mệt mỏi thu quân và lui cuộc săn lùng lại đến sáng.

Khi những tia nắng bình minh nhợt nhạt đầu tiên xuất hiện trên bầu trời của đầm lầy Wharton, cuộc lùng sục lại bắt đầu. Lực lượng tăng cường gồm những thường dân tình nguyện từ Clinton Center đã đến. Và một cuộc rà soát kỹ lưỡng toàn bộ vùng đầm lầy Wharton bắt đầu mở màn.

Đến giữa trưa, việc tìm kiếm vẫn không đem lại kết quả gì - hay cũng gần như vậy. Một trong những người lùng sục mang đến cái mũ chơi bóng chày và một chai rượu whisky lúa mạch mà anh ta tìm thấy dưới gốc cây nhựa ngọt. Cái mũ bằng nỉ không ra hình thù gì đã cũ và sờn rách, nhưng nó vẫn khô

nguyên. Điều đó chứng tỏ rằng nó bị vớt trong đầm lầy sau cơn bão mấy ngày trước. Chai whisky trông còn rất mới thậm chí trong chai vẫn còn sót lại vài giọt rượu. Người tìm thấy nó báo cáo lại rằng dưới gốc cây nhựa ngọt còn có một đồng lửa nhỏ đã tắt.

Hy vọng rằng những chứng cứ này có lẽ sẽ mang lại lời giải thích cho sự biến mất của Jason, Cảnh sát trưởng Underbeck ra lệnh tập hợp tất cả các chủ tiệm rượu ở Clinton Center lại, nhằm truy cho ra tên của những người mới đây đã mua một chai rượu Whisky lúa mạch như cái chai đã tìm thấy dưới gốc cây.

Cuộc tìm kiếm lại tiếp tục, và đến giữa buổi chiều thì người ta lại có một phát hiện khác đáng ngại hơn. Một người lòng sục sốt sáng, trong khi sục sạo một vùng đất bị giẫm nát giữa một đám cỏ đuôi mèo mọc cao, đã lồi lên được từ dưới bùn một cây súng.

Sau khi chùi sạch các vệt nhớt và bùn bần bám quanh, hai người tìm kiếm đã xác nhận rằng đó là khẩu súng của Barnaby. Một người đã từng đi săn với Barnaby còn nhớ rõ cái vết khắc trên báng khẩu súng của anh ta.

Trong khi Cảnh sát trưởng Underbeck còn đang cân nhắc cẩn thận cái thông tin không mấy dễ chịu này, thì đã có thêm tin tức đến từ cuộc thẩm vấn các chủ tiệm rượu ở Clinton Center. Tất cả những ai mới đây từng mua rượu whisky lúa mạch đóng trong chai một lít như cái chai được tìm thấy đều bị thẩm vấn. Chỉ duy nhất một người còn chưa xác định được - đó là một gã lang thang từng lượn lờ quanh thị trấn này mấy ngày trước đây và đã được lệnh phải cắt xéo.

Đến tối thì có một cuộc họp nhằm xem xét kỹ lưỡng mọi yếu tố đã thu thập được, nó cho phép người ta kết luận rằng gã lang thang đó, trong cơn cuồng loạn sẵn sàng giết người do say rượu quá độ, có thể đã giết cả Barnaby và Jason rồi vùi xác họ dưới một trong những chiếc ao sâu có vô số trong đầm lầy. Rất có thể

tên giết người vì say quắc cần câu vẫn còn đang ngủ vùi đầu đó trong những đám bụi gai rồi bởi trong vùng đầm lầy.

Hầu hết các nhân viên điều tra đều coi câu chuyện ly kỳ của Dolores là sản phẩm của một đầu óc hoang loạn. Dưới ánh trăng mờ mờ, họ phân tích, một gã lang thang điên khùng cặp mắt dại đi có ý muốn giết người rất có thể bị nhận lầm như một con quái vật. Thêm nữa, trong cơn hoang loạn cô gái rất có thể đã phóng đại quá đáng những gì cô ta nhìn thấy.

Và khi màn đêm đã trùm xuống trên bãi lầy tăm tối ẩm ướt thì Cảnh sát trưởng Underbeck miễn cưỡng đình chỉ cuộc săn lùng. Tuy vậy, vì xét đến khả năng kẻ sát nhân có thể vẫn còn ẩn nấp trong rừng cây, nên ông ta quyết định thiết lập một hệ thống tuần tra suốt đêm dọc theo đoạn xa lộ chạy ngang qua đầm lầy. Nếu kẻ bị truy nã thực sự ẩn nấp trong đám bụi cây phản phúc kia, thì hẳn không thể nào đào thoát theo xa lộ mà không bị một trong những tổ tuần tra này phát hiện. Một lối thoát duy nhất khác là băng qua vài dặm bãi lầy đầy lau lách nối đầm lầy với biển. Mà xem ra kẻ chạy trốn khó có thể tính đến chuyện đào thoát theo ngã này.

Các tổ tuần tra được quy định mỗi phiên ba giờ, cứ hai người một tổ, được trang bị đầy đủ vũ khí và đèn pha cực mạnh. Họ được lệnh tìm hiểu từng tiếng động, từng chuyển động mà họ nghe thấy hay nhìn thấy trong đám bụi rậm ven xa lộ. Sau khi hô to một lần “đứng lại” là họ có quyền bắn hạ kẻ tình nghi. Những người đi ô tô hiếu kỳ dừng lại trên xa lộ để hỏi xem người ta đang lùng sục ai đều bị vẫy tay mời đi chỗ khác chơi, sau khi được cảnh cáo không nên cho ai đi nhờ và phải báo cáo cho cảnh sát mọi vụ cho đi nhờ.

Fred Storr và Luke Matson trong phiên trực từ nửa đêm đến ba giờ sáng đã trải qua hơn hai tiếng đồng hồ mà không có chuyện gì xảy ra trên tuyến đi tuần của họ. Cuối cùng Luke

Matson ngồi xuống một thân cây đổ ngang nằm cách vệ đường vài mét.

— Nghỉ chân tí đã, mỏi quá - Anh ta nhả nhó, tựa cây súng vào gốc cây - Chỉ vài phút thôi.

Fred cà rà bên cạnh.

— Tớ cũng nghĩ thế, Luke ạ. Cậu có thấy - Thành linh anh ta cau mặt nhìn về phía mép đầm lầy - Cậu có nghe thấy gì không, Luke?

Luke lắng nghe, xoay người một vòng trên thân cây.

— Ừ, có lẽ. Nghe như tiếng lạo xạo đầu đó.

Anh ta đứng dậy, nhắc khẩu súng lên

— Cố nhìn xem. - Fred thì thảo bảo Luke.

Anh ta bước qua thân cây và Luke đi theo dò dẫm tiến về phía các bụi cây rậm tạo thành đường biên của đầm lầy.

Cách những bụi cây rậm chừng hai ba chục mét họ lại dừng lại. Tiếng động đã rõ hơn. Nghe như tiếng vật gì đang trườn sột soạt, như có một con vật lớn nào đó đang kéo lê mình trên mặt đất mấp mô.

— Hình như một... con rắn - Luke đánh bạo nói - Một con rắn to tổ bố!

— Ta đến gần tí nữa đi. - Fred thì thảo.

— Cậu giữ súng sẵn sàng nhé, còn tớ sẽ bật đèn!

Họ tiến tới thêm vài mét. Rồi một luồng ánh sáng vàng rực chiếu thẳng vào bụi cây rậm đằng trước khi Fred bật cây đèn của anh ta lên. Luồng sáng xuyên qua màn đêm, chiếu từ hướng này rồi sang hướng khác.

Luke cau mày hạ thấp đầu súng xuống.

— Chẳng thấy gì cả. Chẳng có gì ngoài cái lớp váng to đen thui kia.

Trước khi Fred kịp đáp lại thì cái lớp váng đen thui đó bỗng dựng một bên lên và trở thành một sinh vật sống kinh tởm. Trong một khoảnh khắc, nó co mình lại thành một cái ụ to, rồi

nhô cao lên trông như một cái áo thụng đen lấp loáng thật khó tả. Thành hình nó thụp xuống thành một khối tròn rồi lao về phía trước với tốc độ nhanh khó tả.

Luke thét lên và bắn liên hồi khi cái vật quái gở đó lao như tên bắn về phía họ. Chỉ trong một tích tắc nó đã chồm lên người anh ta. Anh ta lại bắn, nhưng cái vật đó đã trùm kín lấy thân hình anh ta trong một đám nhầy nhớt đặc quánh và hôi thối đến ghê tởm.

Fred thì đã ba chân bốn cẳng bỏ chạy ngay khi con quái vật lao đến. Anh ta ngã cắm đầu xuống, rồi chồm dậy vừa đúng lúc để chứng kiến một cảnh tượng làm máu trong người anh ta như ngừng chảy.

Con quái vật đã chồm lên Luke. Fred kinh hoàng chứng kiến sự việc đang diễn ra: con quái vật như rơi xuống đầu Luke nghe “bộp” một tiếng, còn anh chàng bất hạnh thét lên trong một nỗi khủng khiếp cùng cực. Rồi từ trên đầu anh ta, cái khối đen ngòm hôi thối đó trong chớp mắt đã chảy tràn xuống người Luke. Tiếng thét tắt nghẹn nửa chừng. Nó lựa theo thân hình Luke mà chảy xuống cho đến khi bao kín hoàn toàn anh ta trong một lớp nhầy nhớt đen thui. Có thể nhận thấy thân hình anh ta đang quằn quại đau đớn bên trong cái áo thụng đen ghê rợn kia. Rồi tiếp theo là một cảnh tượng còn rùng rợn hơn: cái khối đen thui đó đột ngột co rút lại, có tiếng kêu rào rạo bên trong, rồi nó lại phồng lên như một cái bao tải lồi lõm đang quằn quại. Một vài giây trôi qua, rồi nó đổ xuống mặt đất và thân hình nó lại trải ra như một lớp váng dầu nhầy nhụa hôi thối hơi nhô lên ở giữa, những chuyển động quằn quại cũng chấm dứt. Trong khoảnh khắc, nó lại nhổm lên như để chuẩn bị lao tới con mồi còn lại.

Ngay khi cái vật đó nhổm lên, thì nỗi sợ hãi điên cuồng đã kích thích Fred, giúp anh ta thoát khỏi tình trạng mụ mị bất động vì kinh hoàng. Chộp lấy khẩu súng rơi bên cạnh, anh ta

nhằm vào cái khối nhầy nhụa đặc quánh đó mà nã đạn liên hồi. Nhưng anh ta lại càng kinh hoàng hơn khi nhận thấy những phát súng đó cũng giống như bắn vào đồng bùn, chẳng có tác dụng gì hết ngoài việc để lại mấy vết như vết bùn tóe lên trên cái khối nhầy nhớt kinh tởm kia. Cái vật đó lại lao tới anh ta.

Hành động theo một thứ bản năng nào đó mà anh ta không thể gọi tên ra được, Fred quăng khẩu súng vào con vật và chộp lấy cây đèn pha. Và trong khi con vật đang mải vô lấy khẩu súng thì anh ta đã bật công tắc đèn, chiếu luồng sáng cực mạnh của cây đèn vào cái vật đang lao tới.

Nó lập tức dừng lại, chỉ cách vài bước chân, và lộ vẻ chần chừ. Rồi thoắt cái nó trườn sang một bên để tránh luồng ánh sáng, nhưng ngay lập tức anh ta xoay cây đèn bám theo. Cuối cùng cái vật đó lùi lại và nằm ẹp xuống mặt đất như một tấm áo mưa to tướng đen thui, nó làm thế dường như để tránh luồng ánh sáng. Nhưng Fred vẫn giữ nguyên luồng ánh sáng chiếu vào nó, anh ta cảm thấy trong từng đường gân thớ thịt rằng luồng ánh sáng màu vàng chói này là cái duy nhất cứu được anh ta khỏi cái chết thê thảm mười mười.

Lúc này đã nghe thấy nhiều tiếng gọi và nhiều luồng ánh sáng khác nữa cắt vào bóng tối. Tiếng súng nổ trong đêm tối đã kéo những toán tuần tra khác đến đây.

Thình lình con quái vật vô danh vặn vẹo thân hình để thoát khỏi luồng ánh sáng và băng mình biến vào trong bóng đêm.

Trong ánh sáng xám xịt của buổi bình minh, Cảnh sát trưởng Underbeck leo lên chiếc xe cảnh sát đang chờ trên xa lộ gần đầm lầy Wharton và quay trở về Clinton Center. Ông ta đã có một quyết định và ông nhất định phải thi hành nó ngay lập tức.

Khi đến Trụ sở Cảnh sát ông ta gọi hai cú điện thoại khẩn cấp, một cho ông Thống đốc bang và một cho viên chỉ huy của Căn cứ quân sự Camp Evans gần đó.

Không thể đối phó với con quái vật trong đầm lầy Wharton bằng lực lượng có hạn của mình được - ông ta kết luận như vậy.

Ruper Barnaby, Jason Bukmeist và Luke Matson không nghi ngờ gì nữa đã bỏ mạng trong đầm lầy này rồi. Và gã lang thang vô danh, bây giờ đã rõ là không phải kẻ giết người, chắc chắn là một nạn nhân nữa. Còn Fred Storr - hừ, anh ta không mất tích. Nhưng các cảnh sát tuần tra đã tìm thấy anh ta ngồi trên mặt đất gần mép đầm lầy, hoảng loạn đến mức gần như ngớ ngẩn. Đã mấy tiếng đồng hồ sau khi được đưa về nhà và đặt lên giường nhưng anh ta vẫn ôm khư khư cây đèn pin cảnh sát và nhất định không rời tay khỏi cái nút bấm trên cây đèn. Khi người ta tắt nó đi thì anh ta gào lên, nên họ đành phải bật nó trở lại. Câu chuyện của anh ta nghe quá đỗi hoang đường đến nỗi một người có đầu óc bình thường khó mà có thể chấp nhận được. Thêm nữa, chúng rất giống với câu chuyện trong cơn động kinh của Dolores Rell. Nhưng Fred không phải là một cô gái trẻ dễ bị kích động; anh ta vốn có tiếng là lý lợm, rắn như đan và rất thật thà, một đức tính vẫn bị coi thường hơn là thói huênh hoang khoác lác. Khi Cảnh sát trưởng Underbeck đứng lên để quay lại đầm lầy Wharton thì ông ta nhận thấy ông lão Gowse đang đứng bên hè đường.

Thình lình ông ta sồn cả gai ốc lên khi nhớ đến con bò cái mất tích của ông lão đỡ người kia. Trước khi ông lão kịp đến nơi, ông ta đã sập mạnh cửa xe và cộc lốc ra lệnh cho anh lái xe đang chờ. Khi chiếc xe vọt đi, ông ta liếc nhìn vào kính chiếu hậu. Ông lão Gowse đứng im bất động trên vỉa hè trước cổng Trụ sở Cảnh sát.

“Lão già lảm chuyện”, ông ta lẩm bẩm. Anh lái xe liếc nhìn ông sếp và nhún thêm ga.

Chưa đầy hai giờ sau khi Cảnh sát trưởng quay lại đầm lầy Wharton, trên xa lộ cạnh đầm lầy đã đậu đầy xe - xe tuần tiểu

của cảnh sát, xe của những người dân địa phương tò mò và xe tải của Căn cứ quân sự.

Đến chín giờ thì hơn ba trăm người gồm binh lính, cảnh sát và những người tình nguyện, tất cả đều được vũ trang, đồng loạt tiến vào trong đầm để bắt đầu một cuộc lục soát kỹ lưỡng.

Quá trưa thì phần lớn trong số đó đã tới được bờ biển ở phía bên kia đầm lầy. Những nỗ lực đủ kiểu của họ chẳng đem lại kết quả gì. Một người lính phát hiện được một cặp mắt dữ tợn đang theo dõi anh ta trong lùm cây rậm, anh ta lập tức bắn hạ và rồi nhặt được một con cú lớn. Một cảnh sát suýt nữa thì bị một con linh miêu cào rách mặt. Một người khác giẫm phải con rắn chuông và phải đi cấp cứu vì bị rắn cắn. Nhưng không hề có bất kỳ một dấu hiệu nào về một con quái vật, một gã sát nhân lang thang, hay bất kỳ ai trong số những người bị mất tích.

Cảnh sát trưởng Underbeck đứng im lìm với vẻ mặt rầu rĩ ủ dột. Khi đã rõ là theo tất cả những thông tin mà họ biết được cho đến giờ thì tên giết người chỉ rình mò các nạn nhân vào ban đêm, ông ta bên ra lệnh cho mọi người nghỉ ngơi và ăn uống trong bốn tiếng đồng hồ rồi sẽ tiếp tục cuộc tìm kiếm.

Một vài chiếc trực thăng đã quần đảo trên vùng đầm lầy suốt buổi chiều giờ đậu xuống bên bờ biển, mang thức ăn và đồ tiếp tế cho đội quân dưới đất. Theo sự nài nỉ của Underbeck, một dãy hàng rào dây thép gai được dựng lên dọc theo bãi biển. Các trạm gác được thiết lập dọc theo xa lộ, người ta lắp đặt các đèn pha cực mạnh ở mỗi trạm gác. Những xe tải từ căn cứ quân sự chở đến súng máy và một số súng phun lửa.

Đến mười một giờ đêm cuộc tấn công lại tái diễn. Các hàng rào đã được dựng lên, lính gác được bố trí, những luồng ánh sáng cực mạnh từ phía xa lộ chiếu thẳng vào đầm lầy.

Đến mười một giờ mười lăm, các nhóm lùng sục, mỗi nhóm mười người vũ trang đến tận rặng, bắt đầu tiến vào đầm lầy.

Nổi khùng lên vì cơn đói, con thủy quái rời khỏi lớp bùn dưới đáy cái hồ tù hoi thối và ngoi lên mặt nước. Phóng lên bờ hồ trong bóng đêm, nó lướt đi rất nhanh trên các bụi cỏ rải rác trong vùng đầm lầy. Như thường lệ, nó đang bị thúc dục bởi cơn đói hoang dã và tàn bạo.

Mặc dù việc săn mồi trong môi trường mới của nó rất thành công, nhưng sự phàm ăn của nó dường như không hề giảm đi. Nó càng ăn nhiều thì lại càng muốn ăn thêm nữa.

Khi nó đang nổi giận, sục sạo tìm những xung động nhỏ nhất báo hiệu có thức ăn, thì nó bắt đầu ý thức về sự có mặt của những kẻ phá đám. Mặc dù đang là khoảng thời gian của đêm tối trong cái thế giới xa lạ này, nhưng bóng tối trong thời điểm đi săn của nó hôm nay bị chọc thủng một cách kỳ quặc bởi những kẻ thù mà con thủy quái này ghét nhất - những luồng ánh sáng. Những xung động của thức ăn lúc này mạnh hơn hẳn so với những gì mà nó từng biết. Chúng hiện diện ở khắp nơi, rất mạnh, rất rõ rệt, chúng đang chuyển động theo đủ mọi hướng, xuyên qua những tầng thấp hơn của bóng tối bí ẩn đang bị cắt xé bởi những luồng ánh sáng kia.

Nhắc mình khỏi mặt bùn, con thủy quái bám vào một thân cây nghiêng ngả cạnh đầm lầy và treo mình bất động ở đó, nước bùn cứ chảy xuống dọc theo bề mặt phát sáng trên thân hình nó và nhỏ giọt xuống đất. Những cơ quan cảm giác của con vật báo cho nó biết những luồng sáng đáng ghét kia hiện diện ở khắp mọi nơi.

Và thậm chí khi nó đang treo mình lơ lửng trên thân cây giống như một tấm thảm lớn bản thủ nhốt nhất, thì một luồng sáng nóng bỏng đã xé rách bóng tối bao quanh và chiếu thẳng vào nó.

Ngay lập tức nó buông mình khỏi thân cây, rơi xuống đám bùn kêu đánh bộp một tiếng khá to. Cường độ của những xung động gần đó thành linh mạnh lên dữ dội. Những luồng ánh sáng

diện không chiếu xuyên màn đêm từ khắp mọi phía đổ về nơi vừa phát ra tiếng động.

Nổi giận vì bị ngăn trở, sinh vật nọ phóng mình xuống đầm và lao về phía bờ bên kia.

Nhưng điều đó chỉ có tác dụng trì hoãn tạm thời. Những xung động tăng lên rất mạnh. Bóng tối hầu như biến mất, bị cắt vụn và xé toang bởi những luồng sáng chiếu từ khắp mọi nơi.

Lần đầu tiên trong cuộc sống kéo dài từ thừa hồng hoang của nó, sinh vật này trải qua một thứ cảm giác mù mờ giống như sợ hãi. Nó không thể tóm được ánh sáng, không thể nghiền nát hay làm cho nó chết ngạt. Đó là một kẻ thù xa lạ mà để chống lại nó, con thủy quái này chỉ biết có mỗi một cách là bỏ chạy, trốn đi.

Và bây giờ khi cái thế giới bóng đêm của nó bị xé toạc ra thành từng mảnh bởi vô số những luồng ánh sáng từ khắp nơi đổ đến, con thủy quái theo bản năng tìm kiếm chỗ ẩn náu ở cái nơi đen ngòm khổng lồ, nơi mà từ đó nó đã đến đây.

Lao mình qua khu đầm, nó hướng về phía biển cả.

Những người lính gác tại các trạm gác dọc bờ biển được báo động bởi tiếng súng và những tiếng la hét thúc giục từ phía trong đầm lầy, họ vội đứng dậy hay quỳ gối với vũ khí sẵn sàng khi tiếng động âm ỹ lan nhanh đến bờ biển.

Bờ biển đầy lau lách ẩm đậm nằm nhô hẳn ra dưới ánh đèn pha gay gắt. Những con sóng lao vào bờ đá, làm tung tóe những bọt nước trắng lên bờ cát. Dưới ánh sáng đèn pha, làn nước đen ngòm phát ra những tia sáng nhiều màu sắc.

Tiếng gào thét vang lên đỉnh tai nhức óc. Những người đứng theo dõi căng thẳng chờ đợi. Thành linh, dọc theo những vạt đất phẳng ẩm đậm chạy dài với những lùm cây rậm và những hố trũng rải rác, vọt ra một hình thù kỳ quái làm cho những người đứng canh dường như hóa đá.

Một sinh vật giống như một khối nhầy nhựa đen thui, không ra hình thù gì, không giống một sinh vật nào từng được biết trên trái đất, nó lao qua các bụi gai rậm rì và tiến vào vùng đất bằng phẳng. Nó là một khối đen thui thui, thoát cái lại biến thành một tấm áo thụng lớn, tiếp theo thành một thứ như con sên nước lầy nhầy khổng lồ, nó lướt về phía trước với một tốc độ chóng mặt.

Một số lính gác đứng chôn chân một chỗ, vì quá kinh hãi không kéo nổi cò súng. Những người khác vượt qua được cơn sợ hãi và bắt đầu bắn. Đạn từ hàng chục khẩu súng vãi vào con quái vật màu đen đang phóng qua bãi bùn bằng phẳng.

Khi cái sinh vật đó gần chạm đến cuối bãi bằng và tiến tới đụn cát đầu tiên trên đường ra biển thì những người lính gác đuổi nó khỏi đầm lầy đã cắt ngang đường đi của nó.

Một người trong số họ dừng lại, gào lên với những người gác ở bờ biển. “Nó chạy về phía biển! Vì Chúa, đừng để nó thoát!”

Những lính gác bờ biển lại càng nổ súng mạnh hơn, rồi thành linh họ hoảng sợ mà nhận ra rằng con quái vật này dường như chẳng hề hấn gì với những tràng đạn của họ cả. Không hề giảm tốc độ, nó xuyên qua bụi cỏ mè cuối cùng và phóng vào bãi cát.

Như đang trong cơn ác mộng, những người lính gác nhìn thấy nó đập mình đen đét trên đụn cát gần nhất và đang lướt về phía biển. Tuy vậy, vào khoảnh khắc cuối cùng họ nhớ đến cái hàng rào dây thép gai dọc bờ biển mà ông Cảnh sát trưởng Underbeck cứ khẳng khẳng nhất định đòi dựng lên cho bằng được.

Lấy lại tinh thần, họ ngừng bắn và chạy qua đụn cát hướng tới cái nơi mà con quái vật màu đen kia nhất định sẽ đụng phải hàng rào.

Một ai đó chạy đằng trước thành linh kêu lên đặc thẳng.

— Nó bị bắt rồi! Nó mắc dây thép gai rồi!

Những chiếc đèn pha tập trung chiếu vào hàng rào.

Cái sinh vật đó đang bầu lấy hàng rào dây thép gai và hình như định vận mình để dứt đứt những dây thép xoắn vào nhau trên hàng rào. Lúc này dường như nó đang tuyệt vọng. Nó vận vẹo, nhảy chồm chồm và uốn éo giống như một con sứa khổng lồ đen thui đang mắc trong lưới. Những lính gác lao lên phía trước, trong lòng tin tưởng vào thắng lợi của họ. Tuy vậy, có một lần, người lính đi đầu bỗng gào lên.

— Coi chừng! Nó dứt đứt dây thép đấy! Nó đang thoát ra đấy!

Dưới ánh đèn sáng rực, họ khiếp đảm nhìn thấy con quái vật dường như đang ép mình chẩy qua các mắt lưới bằng dây thép gai giống như một khối bùn lỏng.

Cách đó chỉ vài mét về phía trước đã là bãi biển dốc xuống và những con sóng đang ì ầm vỗ vào bờ.

Ai nấy đều há hốc mồm, sợ hãi mất hết hồn vía khi con quái vật bằng một cú giật mạnh về phía trước đã ép mình trôi qua hàng rào. Nó làm hàng rào đổ nghiêng hẳn đi, dây thép bị gấp lại, và dường như một vài mảnh thân thể của nó vẫn còn bỏ lại trên dây thép gai.

Khi nó di chuyển ra xa và lao vào vùng cát ướt nối liền với mặt biển thì một người trong số lính gác lao tới cho đến khi anh ta chạm vào hàng rào. Quỳ gối, anh ta nhắm vào con quái vật đang chạy trốn.

Một giây sau, một vòi lửa lớn phụt ra từ khẩu súng của anh ta và làm bùng lên một đám lửa đỏ ngay chỗ sinh vật nọ ở bên kia hàng rào.

Một đụn khói đen kịt bốc lên cuộn cuộn trong đêm tối. Mùi hôi thối nồng nặc kinh khủng lan ra khắp bãi biển. Những người gác nhìn thấy một khối cầu cháy sáng đang vận vẹo bò đi phía bên kia hàng rào. Người lính bắn súng phun lửa vẫn ghì cò súng không thương xót.

Có những tiếng nổ lụp bụp, tiếng xèo xèo. Những cuộn khói lớn dày đặc bốc lên bầu trời đêm. Cái mùi không thể tả được giờ

đây càng trở nên không chịu nổi.

Khi người lính bắn hết nhiên liệu trong khẩu súng thì ở đó không còn nhìn thấy cái gì ngoài những sợi dây thép gai nóng chảy trên hàng rào, và một khoảng cát lớn cháy xém, và tất nhiên là cả cái mùi hôi thối đặc quánh đang quyện lại trong không gian.

Con quái vật thân mềm nhầy nhụa này ghét ánh sáng là phải - vì cái điểm kết thúc cuối cùng của nó là ngọn lửa - kẻ thù vô danh tối hậu mà ngay cả con thủy quái này cũng không thể nào quật ngã và nuốt sống được.

GIÁ CỦA CÁI ĐẦU

John Russell

Tòan bộ tài sản của Christopher Alexander Pellett bao gồm: tên họ của gã mà gã luôn cẩn thận giữ gìn không để cho ai biết; một chiếc áo khoác lính thủy mà gã sống và ngủ ở trong đó - nó vừa là nhà cũng vừa là giường của gã; một cơn khát rượu không bao giờ nguôi nghỉ; và một bộ râu đỏ quạch. Gã cũng có một người bạn. Ở đây không người đàn ông nào có được bạn bè, ngay cả trong số những người dân đảo Polynesia hiền lành, nếu như anh ta không có một phẩm chất nổi bật nào đó. Mạnh mẽ, hài hước, hung hăng: anh ta cần phải có những tính cách nào đó có thể gây sự chú ý và lôi cuốn người muốn kết bạn với anh ta. Vì thế, giải thích bằng cách nào đây sự tận tâm đầy yêu thương mà Karaki, cậu trai thổ dân đi ở cho công ty thương mại, vẫn hào phóng dành cho Alexander Pellett? Đó vẫn là một điều bí ẩn với những người trên đảo Fufuti.

Pellett là một người hiền lành, chẳng bao giờ làm hại đến ai. Gã chẳng bao giờ cãi nhau với ai. Gã chẳng bao giờ giơ nắm đấm lên. Hình như gã cũng chẳng bao giờ hiểu được một điều rất sơ đẳng, rằng cặp giò của một người đàn ông da trắng như gã, dù cho chúng có xiêu vẹo lão đảo đi nữa, thì cũng vẫn có quyền thỏa thích đá vào mông những người thổ dân xứ này. Gã thậm chí chẳng bao giờ chửi ai, ngoài chửi rửa bản thân mình và tay Tàulai vẫn bán rượu brandy dỏm cho gã: riêng chuyện này thì có thể tha thứ được vì rượu brandy của hắn dở tệ hại.

Mặt khác thì gã cũng chẳng có đức tính tốt nào khả dĩ chấp nhận được. Từ lâu gã đã mất ý thích làm việc chăm chỉ, và gần đây thì thậm chí mất cả kỹ năng cầu xin. Gã không bao giờ cười, không nháy nhót, cũng chẳng biểu lộ những tính cách lập dị dễ

thương mà đôi khi vẫn được người ta khoan dung gán cho những người nghiện rượu. Gã chắc đã sống qua nhiều vùng đất khác trên thế giới mà chẳng phải cố gắng gì. Nhưng một sự ngẫu nhiên nào đó đã khiến gã trôi dạt đến bờ biển này, nơi mà cuộc sống dễ chịu như một bài ca và số phận lạ lùng đã đem lại cho gã một người bạn. Và gã vẫn cứ thế. Đó là tất cả. Gã cứ như thế, một gã lang thang câu bơ câu bắt, một gã ù lỳ, chậm chạp luôn đắm chìm trong rượu...

Karaki, bạn gã, là một thổ dân bán khai đến từ Bougainville, ở đó một số người thì bị hun khói còn một số khác thì bị chén thịt. Là một thổ dân Melanesie da đen, cậu ta là một kẻ xa lạ trong cộng đồng những người Fufuti da nâu cũng y những người da trắng vậy. Cậu ta là một chàng trai nhỏ thó, nghiêm túc và rất thạo việc. Cậu có cặp mắt lõm sâu, những túm tóc lớn xoắn tít và cái vẻ ngoài hoàn toàn không gây ấn tượng gì. Khẩu vị của cậu cũng rất đơn giản. Cậu thắt một chiếc khăn bằng vải bông màu đỏ quanh eo và trên cánh mũi có đeo một chuỗi vòng bằng đồng thau rủ xuống.

Một vị tù trưởng có thể lực trên hòn đảo quê cậu đã bán Karaki làm thằng hầu cho công ty thương mại nọ đã ba năm nay, ông ta đã nhận trước tiền công 5 năm của cậu bằng thuốc lá và các chuỗi hạt thủy tinh. Khi đã hoàn thành xong thời hạn làm công, cậu sẽ được chở trả về Bougainville, cách xa đây chừng 800 dặm, lúc đó cậu cũng sẽ chẳng giàu có gì hơn trước ngoại trừ có thêm chút ít kinh nghiệm. Đó là một tập tục ở đây. Nhưng Karaki có lẽ có kế hoạch của riêng cậu.

Chẳng có mấy chủng tộc da đen ở Thái Bình Dương lại có những đức tính vốn vẫn được người ta ngưỡng mộ như thế. Về lòng trung thành và tính khiêm nhường thì cả người da đen và người da nâu đều giống như nhau. Nhưng người da đen vẫn còn là những con người dã man bí hiểm. Trái tim bí mật là thứ của chỉ riêng họ, không hề chia sẻ cho ai. Vì thế mà những người

Fufuti, vốn biết rõ cách sống của những thổ dân da đen, vô cùng ngạc nhiên khi thấy Karaki chấp nhận cái gã ăn mày phiêu bạt chẳng đáng một đồng kia vào trái tim của cậu.

— Này Johnny - Gã Tàu lai Moy Jack gọi - tốt hơn là mày đi lôi cái thằng chủ của mày về đi. Gã đã uống quá nhiều rồi, đồ chết treo.

Karaki rời cái mái che bằng lá dừa nước nơi cậu đã kiên nhẫn ngồi chờ hơn một tiếng đồng hồ, cậu tiến đến để nhận lấy cái đồng người nhão nhoẹt đang bị tên Tàu lai xô đẩy ra khỏi cửa. Cậu thành thạo tóm lấy cổ tay và đỡ vào nách gã, rồi lão đảo đui gã ra bến tàu. Moy Jack đứng ở ngưỡng cửa cái quán theo dõi hai thầy trò với vẻ quan tâm cay độc.

— Này thằng nhỏ - Hấn bảo - việc quái gì mà mày phải chiều chuộng cái thằng chủ đó như thế? Nếu mày đưa thằng cho tao những viên ngọc trai kia hử, tao sẽ trả mày khối tiền - tao thề đấy!

Điều khiến Moy Jack bức bối nhất là hấn phải cung cấp rượu uống hàng ngày cho cái gã da trắng này để đổi lấy một vài viên ngọc trai mà Pellett vẫn kiếm được luôn. Hấn biết những viên ngọc đó từ đâu ra. Karaki đã lặn trộm xuống vịnh, nơi không được phép, để lấy chúng. Moy Jack bán lậu những viên ngọc này vớ được vô khối lãi, nhưng hấn biết sẽ kiếm được khá hơn nhiều nếu như hấn có thể làm ăn trực tiếp với Karaki không qua Pellett, mà chỉ cần vài bó thuốc lá là đủ.

— Việc quái gì mà mày phải đưa cho gã tất cả những viên ngọc trai ấy thế hử? - Moy Jack hung hăng căn vặn - Cái thằng ấy xấu lắm, đồ chết treo. Kệ mẹ cho nó chết đi.

Karaki không đáp. Cậu ta nhìn Moy Jack một cái và gã Tàu lai lăm bằm bỏ đi. Trong một thoáng có một tia sáng lạ lùng lóe lên trong cặp mắt lơ đãng của Karaki, giống như ánh chớp xanh xăm

vẫn lóe lên trên mặt biển rực ánh nắng, khi có một con cá mập đang xoay mình tấp mỗi dưới độ sâu mười sải nước...

Karaki chán ngán cái việc phải đi xuống bờ biển, đến cái chòi nhỏ lợp lá dừa sơ sài vốn là nhà ở của cậu hiện giờ. Cậu nhẹ nhàng đặt Pellett lên tấm bạt buồm cũ, kê đầu gối lên một cái gối, lau rửa cho gối bằng nước lạnh, chăm chút chải sạch rác bẩn trên mái tóc và bộ râu quai nón của gã. Bộ râu của Pellett mới thật là râu chứ, chúng chìa ra giống như râu cá trê, có màu đỏ rực như đồng thau với ánh vàng lộng lẫy. Karaki âu yếm chải bộ râu bằng một cái lược gỗ. Sau đó cậu ngồi bên cạnh phe phẩy cái quạt lá dừa, để đuổi không cho lũ ruồi bâu vào bộ mặt ềnh ệnh nước của gã nghiện rượu.

Khoảng quá giữa trưa một tý thì có điều gì đó khiến cho cậu chạy vội ra nhìn trời. Vài tuần nay cậu đã nghiên cứu mọi dấu hiệu của thời tiết. Cậu biết rằng sự thay đổi này xảy ra khi gió mùa đông nam bắt đầu thổi mạnh lên, xuyên qua vành đai biển lạnh và các cơn gió chướng. Trong khi cậu đang theo dõi luồng gió thì bóng râm bắt đầu mờ đi dọc theo bờ cát và một màng sương mỏng phủ lên bề mặt mặt trời.

Tất cả dân chúng Fufuti đều đã thiếp ngủ. Những gã trai trong đội gác đang ngáy ở hiên sau. Nằm trong màn, ông chủ đại lý vui sướng mơ thấy những chuyến tàu chất đầy cùi dừa mang lại bao nhiêu lợi lộc. Moy Jack đang chiết thứ rượu dỏm của hắn vào chai. Chẳng có ai lại điên đến mức đi lại ngoài trời vào giờ nghỉ giữa trưa nắng như đổ lửa này: chẳng có ai ngoài Karaki, cậu trai da đen hoang dã, người chẳng bận tâm gì đến các bạn hàng hay các giấc mơ. Bước chân nhẹ nhàng của cậu chìm đi trong tiếng sóng vỗ đều đều vào kè chắn sóng. Cậu đi tới đi lui như một bóng ma. Và trong khi cả Fufuti ngủ say, cậu cảm cú làm cái công việc mà chẳng có ai thuê cậu cả...

Từ lâu Karaki đã biết rõ hai điều sống còn đối với cậu: đó là nơi để cái chìa khóa cửa hàng và nơi cất súng đạn. Cậu lấy chìa

khóa, mở cửa hàng và chọn lấy ba súc vải màu đỏ Thổ Nhĩ Kỳ, một vài con dao, hai hộp thuốc lá và một cây rìu nhỏ rất bén. Nếu là người khác thì hẳn cậu đã lấy thêm một vài thứ khác nữa, nhưng Karaki là một cậu trai có nhu cầu đơn giản và biết làm nhiều việc.

Tiếp theo, cậu dùng chiếc rìu phá cái hòm đựng súng và lấy ra một khẩu Winchester với một hộp đựng đầy các băng đạn. Cậu lại dùng rìu phá cửa cái nhà kho cất thuyền. Cuối cùng, cũng bằng cái rìu đó, cậu phá tan đáy của con thuyền săn cá voi và hai chiếc thuyền một buồm khác để không ai có thể sử dụng được chúng trong nhiều ngày sắp tới. Đó quả là một cái rìu rất vừa tay, tiện lợi, giống như cái rìu của thổ dân da đỏ, lưỡi uốn cong và rất sắc bén. Karaki gại gại cái lưỡi rìu sắc, rồi chém xuống từng nhát mạnh với cái vẻ hài lòng của một tay thợ thành thạo. Cái rìu dường như là chiến lợi phẩm ưng ý nhất của cậu.

Chiếc proa đậu bên bờ biển, đó là một loại bè nhỏ kết bằng cây sậy có buồm sử dụng mái chèo, bụng phình ra mà những người dân ở Bougainville quê của Karaki vẫn quen dùng, mũi và đuôi thuyền cong vút lên như hình lưỡi liềm. Đợt gió mùa tây bắc mới đây đã đánh giạt nó vào bờ biển Fufuti, và Karaki đã sửa sang lại nó bằng những phương tiện của ông chủ hiệu buôn. Chiếc bè bây giờ được cậu kéo xuống cái vịnh nhỏ, và cậu chất lên bè những thứ chiến lợi phẩm mà cậu vừa kiếm được.

Cậu vội vã thu thập các thứ đồ ăn thức uống. Cậu lấy một bao gạo và một bao khoai tây. Cậu cũng khuân theo thật nhiều dừa, cậu lấy một cái túi lưới bỏ dừa vào và phải đi ba chuyến mới mang hết. Cậu lấy một thùng nước và một thùng bánh bích qui. Và lúc đó xảy ra một chuyện kỳ cục.

Khi đi tìm thùng bánh bích qui, cậu mò vào trong kho đựng rượu của ông chủ cửa hàng, ở đó có một tá chai whisky Allen loại hiếm. Cậu liếc nhìn và bỏ qua chúng. Cậu biết chúng đáng

giá như thế nào, và cậu là một gã mọi rợ, một người da đen, với họ những chai whisky đó đáng giá cả một gia tài. Nhưng cậu bỏ qua chúng. Sau này, khi Moy Jack nghe thấy chuyện đó, gã nhớ lại cái ánh mắt của Karaki mà có lần gã đã bắt gặp, và đánh bạo tiên đoán một điều là Karaki sẽ chẳng bao giờ chịu để cho ai bắt sống mình cả.

Khi mọi thứ đã sẵn sàng, Karaki trở về túp lều của cậu và dựng Pellett dậy.

— Nào, ông chủ, ông đi theo tôi.

Pellett ngồi dậy chờ dẫn nhìn cậu ta. Gọi là nhìn thế thôi, còn gã có nhìn thấy cái gì hay không thì đó thuộc vào số những vấn đề mà khoa tâm thần học còn chưa giải đáp được.

— Muộn quá rồi hả - Pellett làm ra vẻ vẫn còn tỉnh táo - Quán đóng cửa hả. Anh bạn tốt bụng. Chúc ngủ ngon, cái lũ lười nhác này. Tớ... tớ... đi ngủ đây!

Và rồi gã nằm vật xuống nền nhà.

— Dậy đi, ông chủ - Karaki giục giã, cố lay gã dậy - Ông chủ say quá rồi. Này này, ông chủ! Rum! Ông có muốn rượu rum không? Ông sẽ uống tha hồ, tôi thề đấy! Tha hồ rum, ông chủ!

Nhưng ngay cả câu thần chú đó, vốn chưa bao giờ thất bại trong việc dựng Pellett dậy khỏi cái sập giường của gã vào mỗi buổi sáng, thì lúc này cũng dường như rơi vào khoảng không. Pellett đã nốc đầy bụng, và mọi biểu hiện đều cho thấy rằng có lẽ gã sẽ còn say như thế suốt cả ngày.

Karaki quỳ bên cạnh gã, cô vẫn gã ngồi dậy để cậu có thể ghé được một bên vai xuống giữa thân người gã. Rồi cậu vác gã lên như vác một tảng thịt bùng nhùng. Pellett nặng hơn chín mươi ký; còn Karaki thì chỉ hơn năm mươi một tý. Nhưng với sự khéo léo bẩm sinh của một cu li khuôn vác, cậu trai da đen bé nhỏ này vác cái gánh nặng của cậu, chân gã say kéo lết ở phía sau, đi thẳng một lèo xuống bãi biển. Hơn nữa, cậu còn xoay xở để đặt

được gã lên sàn chiếc bè. Pellett ngấp nửa người dưới nước và chiếc bè cũng thế. Nhưng Karaki vẫn lo liệu ổn thỏa.

Không ai nhìn thấy họ rời bến cả. Cả Fufuti vẫn còn đang thêm thiếp ngủ. Và nhờ luồng gió mùa thổi mạnh, chiếc bè có hình dáng cong vút như lưỡi liềm đã ra khỏi con vịnh và nhặt nhòa bóng dáng tí ngoài biển khơi từ lâu trước khi những người ở văn phòng hãng buôn kịp thức dậy và tỉnh ngủ hoàn toàn.

Trong ngày đầu tiên, Karaki đã làm hết sức để giữ cho chiếc bè đi thẳng dưới cơn gió mạnh. Những con sóng lớn đầy bọt trắng cứ dồn đuổi nhau từ phía Đông nam tới và sẵn sàng tràn qua mặt bè nếu cậu cho chúng cơ hội để làm thế. Cậu chỉ là một kẻ bán khai không biết dùng la bàn để đo kinh tuyến. Nhưng tổ tiên của cậu vốn là những người đã quá quen thuộc với những chuyến du hành tại vùng biển này, trên những chiếc bè nhỏ những mảnh vỏ hến, mà so sánh với chúng thì chuyến đi của Côlômbô chẳng khác nào cưỡi phà qua sông. Karaki tát nước bằng một cái lon thiếc và điều khiển bè bằng một cánh buồm, cậu lái nó bằng chiếc mái chèo: nhưng cậu vẫn tiến lên.

Mãi cho đến lúc mặt trời mọc, Pellett mới bắt đầu cựa quậy dưới đáy chiếc bè và ngẩng bộ mặt xanh lè lên. Gã bối rối nhìn lướt qua quang cảnh ngổn ngang xung quanh, rồi lại ngã vật xuống cùng với một tiếng rên rĩ. Sau một lúc gã lại cố nhồm dậy nhìn một lần nữa, nhưng cái cảnh tượng mà gã nghĩ là do ảo giác đó vẫn không qua đi. Gã vặn vẹo trườn đến chỗ Karaki, cậu đang ngồi gập mình, toàn thân bóng loáng vì những bụi nước bắn lên ở đuôi chiếc bè.

— Rum! - Gã nài nỉ.

Karaki lắc đầu, với ánh mắt của con thú sẵn mồi làm Pellett rùng cả mình.

— Đẹp... đẹp hết cái đồng lộn xộn này đi. - Gã van nài thăm thiết, chỉ tay ra biển...

Trong hai ngày tiếp theo gã cảm thấy rất khó ở. Gã biết trong vùng biển này, chiếc bè nhỏ tí tẹo có tới 47 hướng khác nhau để mà đi. Đó không phải là một hiểu biết vớ vẩn, những ai rành vùng biển này vẫn thường nói thế. Lúc này đây, chuyện đó gần như do một định mệnh nào đó mách bảo cho Pellett.

Vào ngày thứ ba gã thức dậy với cái miệng đầy mùi da thuộc và rất đói sức, nhưng gã đã có thể điều khiển được cơ thể với những sức lực ít ỏi của gã. Gió đã ngừng và Karaki đang im lặng chặt mấy quả dừa tươi. Pellett háo hức uống nước từ hai quả dừa trước khi gã kịp nhớ đến rượu brandy, thứ mà gã luôn luôn pha vào sữa dùng cho bữa sáng. Nhưng khi nhớ đến thì nước dừa nghẹn lại trong cổ gã.

— Tao muốn rum.

— Không uống rum.

Pellett ngó trước ngó sau, nhìn lên cánh buồm rồi nhìn xuống chiếc bè. Lần đầu tiên từ mấy bữa nay, gã mới ý thức được sự lạ lẫm của hoàn cảnh hiện tại.

— Mà đang làm cái quái gì thế? - Gã hỏi.

— Ta bị một cơn bão mạnh cuốn ra biển. - Karaki giải thích.

Pellett không đủ khả năng để nhận thức được tình trạng của gã. Gã cũng không đủ khả năng để nhận ra, từ những thứ đồ đạc được chuẩn bị cẩn thận trên bè, rằng họ không phải tình cờ bị cuốn ra biển trong một chuyến đi mò ngọc trai bình thường. Pellett đang còn có nhiều thứ khác để suy nghĩ. Có một số thì màu hồng, một số khác màu tím, và cũng những thứ có sọc sặc sỡ như màu sắc cầu vồng theo một kiểu cách lạ đời nhất, và tất cả đều rất mới lạ và thú vị. Chúng ủa ra từ trong tâm hồn sâu thẳm như để chuyện trò với gã. Đó là điều chúng làm.

Anh không thể nào bắt một người đàn ông đã say xỉn liên tục trong suốt hai năm, giờ phải nhịn uống trong nhiều ngày liền

mà không gây ra những hiệu ứng phụ ít nhiều khác thường. Đó là những ngày của những bài thơ tình và những bản Thánh ca, khi chiếc bè chạy phăng phăng qua vùng biển phương nam vắng lặng. Tay chân bị ràng và bị cột vào một chiếc đà ngang, Pellett như mê sảng với những vần thơ thời tuổi trẻ ngây thơ của gã. Có điều là chẳng có ai nghe gã, trừ mỗi mình Karaki. Nhưng cậu nào có quan tâm gì đến các bài thơ tình ngắn ngủn, đọc cho cậu nghe những vần thơ “Atalanta ở Calydon” thì chẳng khác gì đem đàn mà gảy tai trâu. Thỉnh thoảng cậu lại té một ít nước biển lên người gã đàn ông da trắng, hay căng cánh buồm để che nắng cho gã, hay buộc gã phải uống một ít nước dừa. Karaki là một thánh giả tồi, nhưng lại là một hộ lý xuất sắc. Cậu vẫn cẩn thận chải chuốt bộ râu của Pellett mỗi ngày hai lần.

Họ bơi đi trên biển lặng thanh bình. Nhưng những cơn gió mùa lại thổi mạnh hơn, vậy nên Karaki phải đánh liều đi về hướng tây, và chiếc bè lướt đi dưới bầu trời sáng chói như màu đồng thau.

Ôi trái tim, trái tim của tôi
Sao em lạnh như tro tàn trong lò sưởi
Hỡi những ai thấy tôi
Không sáo, không đàn
Hãy hát vì tôi những lời buồn rầu
Cho những gì tôi mong ước bấy lâu...

Đó là Christopher Alexander Pellett đang hát. Bộ mặt gã bắt đầu tươi tỉnh hơn một chút, không còn trông như lá tảo héo nữa..

Cứ khi nào có cơ hội là Karaki lại ghé vào một cái vụng nhỏ giữa những hòn đảo tí xíu mà công ty Santa Cruz trồng hạt tiêu. Cậu ghé vào đó để tranh thủ nấu cơm và luộc khoai trong cái lon thiếc. Làm như thế rất mạo hiểm, vì một hôm họ vớ phải một hòn đảo có người ở. Hai người đàn ông da trắng bơi xuống ra chặn họ lại. Karaki không thể che giấu cái bộ dạng một gã da

đen bỏ trốn của cậu, và cậu cũng không định làm thế. Nhưng khi chiếc xuồng đến gần khoảng 15 mét, cậu thỉnh linh chứng tỏ mình là một người da đen bỏ trốn bằng một khẩu súng. Cậu bắn chìm chiếc xuồng và giết chết một người đàn ông.

— Có một lỗ đạn bên cạnh tao đây này - Pellett nói vọng ra từ dưới tấm ván ngang - tốt hơn là mày trám nó lại đi.

Karaki trám lỗ thủng lại và cởi trói thả người hành khách bất đắc dĩ của cậu ra. Gã ngồi dậy và vươn vai với một vẻ tò mò ngây thơ.

— Đúng là mày rồi - Pellett kêu lên, mắt nhìn chăm chú vào Karaki - Lạy thánh George, phải mày mà, thật may quá.

Gã nói đúng. Đúng là Karaki thực.

— Mày đưa cái bè này đi đâu thế?

— Balbi - Karaki đáp, dùng tên của thổ dân chỉ Bougainville để trả lời.

Pellett huýt gió. Một cuộc đào thoát tám trăm dặm trên biển khơi trên một chiếc bè như thế này thì quả là một công việc đáng nể. Nó buộc gã phải tỏ lòng kính trọng Karaki. Hơn nữa, gã vừa có bằng chứng rõ ràng về khả năng của cậu trai da đen nhỏ thó này.

— Balbi có phải là quê mày không hả?

— Phải.

— Được thôi, thuyền trưởng ạ. - Gã bảo - Tới đi. Tao không biết tại sao mày lại lôi tao đi cùng, nhưng tao thì tao biết tổng mày rồi.

Thật lạ lùng, hay có lẽ cũng không lạ lùng cho lắm, là toàn bộ quãng thời gian ở Fufuti trong cuộc đời gã đang mờ dần đi trong ký ức, khi chất độc của rượu cồn đang bắt đầu đi từ cơ thể gã. Cái gã Christopher Alexander Pellett đã từng tồn tại trong những năm nào đó ngày xưa lại xuất hiện: một gã khá hư hỏng, đúng thế, một kẻ vô trách nhiệm, lười biếng, đáng khinh bỉ,

nhưng có những tình người bình thường và có trí thông minh hơn người thường.

Thoạt đầu gã rất yếu, nhưng món nước dừa và khoai lang luộc của Karaki quả là có tác dụng kỳ diệu đối với gã. Và rồi đến một lúc gã lại có thể thấy vui thích với vị mặn của muối biển trên môi và quên bẵng đi trong nhiều giờ cái ước muốn điên cuồng muốn được kích thích bằng rượu. Họ làm thành một thủy thủ đoàn kỳ quặc, cái cặp này - một cậu thổ dân bán khai giản dị và một gã nghiện rượu ốm dở - nhưng cũng chẳng có vấn đề gì về chuyện ai thầy ai tớ cả. Điều này có thể thấy rõ vào tuần lễ thứ ba, khi mà thức ăn dự trữ trên bè bắt đầu cạn và Pellett nhận thấy Karaki hầu như chẳng ăn gì suốt cả ngày.

— Coi này, không thể thế được. - Gã kêu lên - Mày đưa quả dừa cuối cùng cho tao, còn mày thì chẳng ăn miếng nào.

— Tôi không muốn ăn. - Karaki đáp cụt lủn.

Christopher Alecander Pellett đã nghiền ngẫm nhiều chuyện trong những giờ vắng lặng dài dằng dặc, khi mà âm thanh duy nhất giữa trời nước mênh mông là tiếng bọt nước chảy ào ào dưới đáy bè và tiếng kèn kẹt của những mái chèo. Thỉnh thoảng nỗi đau của quá khứ lại làm cho trán gã nhăn lại. Không phải lúc nào người ta cũng dễ chịu khi phải lội ngược dòng về với những ký ức của mình. Những suy tư không phải là người đồng hành dễ chịu để tiêu nỗi sầu. Gã đã từng có những cơn mê cuồng ghê sợ. Giờ đây gã phải đối mặt với những điều khủng khiếp còn hiện thực hơn nhiều trong quá khứ của gã. Trước đây gã đã chạy trốn chúng.

Nhưng gã chẳng trốn được bất cứ cái gì. Và giờ đây gã quay lại tóm lấy chúng và mổ xẻ chúng lần lượt từng cái một.

Khi họ đã ở trên biển được hai mươi chín ngày thì đồ dự trữ chẳng còn lại gì ngoài một ít nước. Karaki dè xẻ từng chút một bằng cách nhỏ vài giọt lên một mảnh xơ dừa rồi đưa cho Pellett

mút. Bất chấp sự phản đối quyết liệt của Pellett, cậu ta chẳng động đến một giọt nước nào. Lại là cậu trai thổ dân chăm chút cho gã rác rưởi kia, lần này là trong cơn khát đã đến những giới hạn cuối cùng, cậu chắt ra từng giọt nước trong thùng vào miếng xơ dừa và vắt cho gã uống cho đến giọt cuối cùng.

Vào ngày thứ ba mươi sáu rời khỏi Fufuti, họ nhìn thấy đảo Choiseul, một bức tường màu xanh từ từ hiện lên ở phía tây.

Khi nhìn thấy những mũi đất xanh rờn của hòn đảo, Karaki dường như đang tận hưởng một sự đắc thắng ngấm ngấm nào đó. Cậu đã nhắm làm đích toàn bộ chiều dài của quần đảo Solmons, đâu chừng sáu trăm dặm. Nhưng để đến được dù bất cứ hòn đảo trải dài theo chiều ngang của nó, trên một chiếc bè như mảnh vỏ hến, vượt qua bão tố và những luồng biển chảy xiết, mà trong tay chẳng có lấy một dụng cụ hàng hải hay một tấm bản đồ nào cả thì đó quả là một kỳ công. Nhưng Karaki chẳng lấy đó làm vui mừng. Thay vì thế, cậu cứ ngoái nhìn mãi qua vai một cách lo âu về hướng đông.

Gió đã giật lên từng cơn từ sáng sớm. Đến trưa nó dịu đi trên mặt biển lặng yên như tờ. Nếu có phong vũ biểu thì nó đã báo hiệu nguy hiểm, nhưng Karaki chắc chắn đã đoán được điều đó, vì cậu vẫn díc dắc bơi tiếp và không hạ lá buồm nhỏ xuống. Rồi cậu xếp buộc lại tất cả đồ đạc cho an toàn dưới lớp ván bè và dồn hết sức đẩy mái chèo, hướng bè tới một hòn đảo nhỏ phía trước, nơi hiện ra một đường bờ biển màu trắng. Cho đến giờ họ đã rất may mắn, nhưng họ vẫn còn cách bờ biển hai dặm khi những cơn cuồng phong đầu tiên tóm được chiếc bè.

Karaki đã gầy rộc đi chỉ còn da bọc xương, còn Pellett thì hầu như không nhắc nổi chân tay. Nhưng Karaki vẫn chiến đấu bảo vệ cho Pellett giữa các đợt sóng đang dựng lên giống những bức tường nước chồm qua cánh buồm. Không thể nói vì sao và bằng cách nào mà họ qua được cơn bão. Có lẽ đó là vì định mệnh đã ghi rõ ràng, sau khi say xỉn, ốm yếu, điên loạn và đói khát, gã da

trắng sẽ phải được cậu da đen cứu thoát thêm một lần nữa và là lần cuối cùng khỏi vùng biển đói mồi này. Khi cập vào được bờ hòn đảo thì cả hai gần như tuột hết cả da, nhưng họ vẫn còn sống, và Karaki vẫn còn túm chặt lấy áo của Pellett...

Họ ở lại trên đảo khoảng một tuần, trong khoảng thời gian đó Pellett vỗ béo thỏa thích bằng dừa tươi còn Karaki cặm cùi sữa sang lại chiếc bè. Nó giạt vào bờ trong tình trạng tươi tắn sũng nước, nhưng những tài sản quý giá của Karaki vẫn an toàn. Cậu kiếm được đồ sữa bè từ một người thổ dân đánh cá bơi ngang qua đảo, và rồi cậu biết rằng tất cả kho báu của cậu đều an toàn. Hòn đảo quê cậu nằm bên kia vịnh Bougainville, chỉ qua một vùng nước nữa là đến.

— Balbi ở đằng kia hả? - Pellett hỏi.

— Phải. - Karaki đáp.

— Như thế thì lại càng hay - Pellett hào hứng kêu lên - Đây là ranh giới cai trị của nước Anh, anh bạn nhỏ ạ. Lão chủ béo ị người Anh của cậu phải dừng lại ở đây, không được sang bên kia.

Karaki biết rất rõ điều đó. Nếu mà cậu phải sợ thứ gì nhất trên đời này thì đó chính là Tòa án Tối cao Fiji và ông Cao ủy vùng miền Nam quần đảo Solomons, người có quyền xét xử tất cả những ai vi phạm pháp luật ở đây. Chừng nào còn chưa qua được bên kia con vịnh thì cậu còn phải chịu trách nhiệm về việc lấy cắp hàng hóa, phá vỡ hợp đồng, phá hỏng thuyền bè và giết một người da trắng. Nhưng vấn đề là ở bên kia vịnh, ở Bougainville, cậu sẽ không bao giờ, phải, không bao giờ bị trừng phạt vì những gì mà cậu đang định làm.

Và thế là Karaki sẽ được thỏa lòng.

Và Christopher Alexander Pellett cũng thế. Thân thể gã đã được chà xát, giặt tẩy, gột rửa. Gã đã gạt bỏ những cái ác trong con người gã. Không khí mát lành và ánh nắng mặt trời đang đọng trên môi và trong trái tim gã. Gã như có được một cơ thể

mới trong con người gã. Vì sức sống đã trở lại nên gã vui thích bơi lội trong con vịnh hay giúp Karaki sửa chữa chiếc bè. Gã đã bỏ nhiều giờ để lăn lộn trên cát ấm hay thưởng thức những hoa văn kỳ lạ trên vỏ các loài ốc biển, luôn miệng hát khe khẽ, trong khi các con sóng đang lặng dần đi dọc bờ biển, gã tận hưởng cuộc đời cứ như chưa từng được hưởng bao giờ.

—Ồ, đúng thế, chuyện đó hay lắm! - Gã lại kêu lên.

Karaki làm gã phải bối rối. Không phải vì cái vẻ cười cợt lạ lùng với mọi thứ, giống như trẻ con, luôn đọng trên nét mặt của cậu ta suốt mấy hôm nay làm gã bức mình. Nhưng gã cứ nghĩ mãi về cái cậu trai bán khai lăm lì, làm sao mà cậu ta lại có thể dành cho gã sự chăm sóc ân cần không hề vụ lợi, cùng với sự hy sinh tận tụy hiếm thấy như thế. Bây giờ là lúc gã có thể xem xét một cách tỉnh táo lý do của chuyện đó, điều vốn vượt quá sự hiểu biết của gã. Tại sao? Thương hại ư? Hay là tình bạn? Chắc là thế rồi. Và gã nhận thấy một tình cảm ấm áp với cậu trai nhỏ thó lăm lì có cặp mắt lõm sâu và bộ mặt đờ đẫn, một điều mà trước đây có lẽ gã chưa bao giờ buồn để ý tới.

—Này, Karaki, thế quái nào mà mày chẳng chịu cười như tao thế hả? Sao? Mày quá sợ vì chuyện ăn cắp ba cái thứ tạp nhạp này à? Quên chúng đi, đồ quỷ đen. Nếu họ rầy rà mày thì tao sẽ lo cho. Thế có thánh George, tao sẽ bảo là chính tao lấy đấy, được chưa!

Karaki chỉ lăm bằm, rồi cậu ngồi xuống lau chùi khẩu Winchester bằng một miếng giẻ, nhỏ cho nó vài giọt dầu mà cậu ép được từ những mảnh cùi dừa khô.

—Không phải, chuyện đó chẳng ăn nhằm gì với nó cả, - Pellett lăm bằm chịu thua - tao chẳng hiểu có cái gì đang diễn ra trong cái đầu của mày thế, nhóc ạ. Mày giống như con mèo của Kipling, lúc nào cũng một mình. Có Chúa biết cho, tao không phải loại người vô ơn. Giá như tao có thể cho mày hiểu...

Gã chồm dậy.

— Karaki! Mà y là một thắg bạn tốt, hả? Mà y là thắg bạn tốt của tao, hả? Hai thắg mình sẽ là bạn tốt, hả? Tao thể đấy!... Sao hả?

— Phải! - Karaki đáp. Không thêm một lời nào nữa. Cậu nhìn Pellett rồi quay đi, hướng mắt về phía Bougainville - Phải, tôi cũng thể đấy.

Và cậu tiếp tục lau chùi khẩu súng của cậu - cậu thổ dân trên đảo nước da đen đúa, lăm lì, không thể hiểu nổi, luôn luôn bí ẩn cho đến tận cùng.

Cái tận cùng đó đến vào hai ngày sau tại Bougainville.

Dưới ánh nắng ban mai rực rỡ, họ tiến vào một cái vụng đang mở ra trước mũi chiếc bè, bãi cát hai bên vụng những cánh tay lấp lánh đón chào. Đất liền phủ tấm áo sáng màu như đang mơ màng nửa thức nửa ngủ, mọi vật đều sum suê rạng rỡ, có thể cảm nhận được, thân thiết gần gũi, đầy xúc cảm với cuộc đời, đầy hương thơm ấm áp...

Đó là những câu cú lộn xộn, ngớ ngẩn mà Pellett lắm nhảm với mình khi gã nhảy lên bờ cát và chạy lên một mũi đá chìa ra biển để nhìn, để cảm và để hút lấy cho mình tất cả những gì say mê quyến rũ của nơi này.

Trong khi đó Karaki, cái cậu nhỏ giản dị và thạo việc, đang tiến hành một cách có phương pháp những công việc của chính cậu. Cậu chuyển lên bờ mấy bó quần áo, thuốc lá, những con dao và các thứ chiến lợi phẩm khác. Cậu mang lên bờ thùng đạn, khẩu súng và cái rìu tay bén ngọt của cậu. Hàng hóa hơi bị hư hại một chút vì nước biển, nhưng vũ khí thì được giữ gìn rất cẩn thận, chúng đều sạch sẽ và bóng loáng...

Pellett đang mãi cao giọng đọc thơ cho cái nơi hoang vu quyến rũ này thì bỗng gã nghe thấy có tiếng bước chân nhẹ nhàng phía sau. Gã quay người lại và ngạc nhiên nhìn thấy

Karaki, đứng ngay đằng sau gã với khẩu súng tựa ngang hông và lưỡi rìu bén ngót trong tay.

— Ủa - Pellett thân ái hỏi - mày muốn gì à, anh bạn nhỏ?

— Tôi muốn, tôi rất muốn - Karaki đáp, còn trong mắt cậu lóe lên cái tia sáng kỳ dị mà Moy Jack đã một lần bắt gặp ở Fufuti, nó giống như ánh chớp xanh xăm lóe lên trên mặt biển rực nắng, khi có một con cá mập đang xoay mình dưới độ sâu mười sải nước - cái tôi rất muốn là cái đầu của ông chủ đấy!

— Hả? Đầu! Mày nói cái đầu của tao?

— Phải. - Karaki đáp cụt lủn.

Thì ra chuyện là thế. Mọi điều bí ẩn té ra là thế. Thằng mọi này mê mẩn cái đầu của gã. Và Christopher Alexander Pellett đã bị bộ râu quai nón định mệnh đỏ rực như lửa của mình phản bội. Ở quê của Karaki, một cái đầu của người da trắng, được sấy khô và hong khói kỹ càng, là thứ còn được ao ước hơn cả của cải, hơn cả đất đai, hơn cả vinh quang quyền lực và hơn cả đàn bà nữa. Cả vùng đảo quê của Karaki chẳng ai có được cái đầu đẹp như cái đầu với hàm râu quai nón đỏ như lửa của Pellett. Vì thế Karaki đã sắp xếp một âm mưu để giành cho được nó với một sự kiên nhẫn và một niềm tin kiên định chẳng kém gì thánh Jacob. Vì nó mà cậu đã bố trí một kế hoạch và kiên nhẫn chờ đợi, đã phạm tội ăn cắp và giết người, đã tiêu tốn biết bao mồ hôi và thi thố biết bao mưu mẹo xảo quyệt, nhịn đói nhịn khát, quên cả bản thân mình, chăm nom, theo dõi, vỗ về, nuôi nấng và cứu sống cái người da trắng của cậu, cốt để mang bằng được cái đầu đẹp để đó, còn sống, còn nhảy nhót, về cái nơi mà cậu có thể hài lòng cắt nó ra và tận hưởng thành quả lao động của cậu một cách an toàn mà không phải lo sẽ bị trừng phạt.

Pellett hiểu ra tất cả những chuyện đó trong một khoảnh khắc, hiểu trong chừng mực mà bất kỳ một người da trắng nào cũng có thể hiểu được với toàn bộ sự đơn giản sơ đẳng và ngu xuẩn của nó. Đứng đó dưới bầu không khí ban mai trong lành

đầy hứa hẹn, với một sức mạnh và sự sáng suốt vừa mới được hồi sinh, gã bật lên tiếng cười lạnh lạnh vang xa trên mặt nước làm cho những con chim biển hoảng hốt bay khỏi vách đá, tiếng cười sâu từ ngực phát ra của người đàn ông đã hiểu ra và chấp nhận trò đùa cợt tối hậu của số phận của mình.

Để kết thúc bằng một bảng liệt kê chính xác, tất cả tài sản của Christopher Alexander Pellett là như sau: cái tên của gã mà cho đến giờ vẫn chưa bị sút mẻ, một chiếc áo khoác kiểu lính thủy, một bộ râu quai nón đỏ rực chói mắt - và một linh hồn vừa mới được anh bạn nhỏ Karaki tẩy rửa phục hồi, trả lại sinh khí, làm cho sống lại.

“Sẽ có một ngày
Anh vui mình trong lòng đất lạnh
Sẽ không có ai
Nhỏ cho anh một giọt nước mắt khóc thương
Sẽ không có ai
Lấp đầy tai anh những lời tâng bốc
... một tài hoa sáng chói
... đang tuổi thanh xuân”

Đó là Christopher Alexander Pellett đang hát trên mặt nước thanh bình của con vịnh rồi gã vung vít và dang rộng hai cánh tay.

— Bắn đi, đồ chó! Giá rẻ quá mà!

MỐI TÌNH ĐẦU CỦA LUCY

Q. Patric

Họ ngồi quanh chiếc bàn tròn ăn sáng, khoác đen vắt hồ hững ngang vai theo kiểu của khách du lịch đến Mêhicô. Họ có vẻ bề ngoài đúng như bản thân họ - ba quý bà ở độ tuổi trung niên đến từ một trong những vùng ngoại ô danh giá nhất của Philadelphia.

“Mas cafe”, Miss Ellen Yarnell ra lệnh cho cô hầu bàn khứng khỉnh quay lại. Miss Ellen trước đây đã từng đi du lịch ở nước ngoài, vì thế bà biết cách xử sự trong những trường hợp khó chịu như thế này.

“Và mas caliente nóng cho tôi”, Mrs. Vera Truegood, người già nhất trong số các quý bà nói thêm, bà ta cảm thấy lạnh trong không khí buổi sáng ở Mexico City.

Miss Lucy Bram không nói gì. Bà nhìn đồng hồ xem đã tới giờ Mariô đến chưa.

Cô hầu bàn đặt phịch xuống bàn cái bình cà phê bằng thiếc chỉ hơi âm ẩm.

“Cô có cho là bảo Mariô đến sớm là một ý hay không, Lucy? Cậu ta có thể đưa chúng mình đi đâu đó và ta sẽ có bữa sáng nóng sốt tử tế hơn đấy”.

“Mariô đã làm đủ thứ cho chúng ta rồi”. Miss Lucy hơi đỏ mặt khi nói đến chàng trai hướng dẫn người Mêhicô. Bà đỏ mặt vì các bà bạn hay trêu chọc bà về chuyện chàng trai, và bởi vì bà chột nghĩ đến đôi chân cứng cáp, thậm chí gân guốc của cậu ta mà bà đã nhìn thấy hôm qua khi cậu dắt các bà đi qua những khu vườn nổi ở Xochimilco.

Bà Lucy có lẽ chưa từng bao giờ tơ tưởng đến một cặp đùi đàn ông trong suốt cuộc đời 52 năm của một bà cô chưa chồng theo

đạo Quaker^[1]. Đó lại là một dấu hiệu đáng lo ngại khác về sự thay đổi đã xảy ra trong con người bà từ khi bà đến Mêhicô một tháng trước. Thực ra sự thay đổi này có lẽ đã diễn ra sớm hơn, từ khi cái chết của ông bố ốm yếu khiến cho bà bất ngờ trở nên giàu có, cả về tín phiếu lẫn tài sản cầm cố. Nhưng chỉ sau này, chỉ ở đây - ở Mêhicô - bà Lucy mới ý thức được rõ ràng về sự thay đổi đó, vào cái ngày bà gặp Mariô ở Taxco.

Đó là một ngày đầy sự kiện với Miss Lucy, có lẽ là nhiều sự kiện nhất trong những ngày đầu ở Mêhicô. Cảm giác về tự do, dù vẫn kèm với cú sốc đau thương, đã thức tỉnh cùng với bà trong căn phòng ngủ ở cái khách sạn đầy ánh nắng. Nó bay lượn trên đầu bà khi ngồi ăn sáng ngoài hiên cùng với hai bà bạn đồng hành (mà chi phí cho họ do bà ngầm trả). Nó dịu đi nhanh chóng dĩ nhiên không phải vì những lời phàn nàn không ngớt của Vera về không khí lạnh lẽo vùng núi, cũng không phải vì những nhận xét trưởng giả hợm hĩnh của Ellen rằng Taxco quả thật dễ thương, mà là vì phong cảnh đẹp như tranh vẽ của những thị trấn vùng Tuscany.

Với Miss Lucy, người cả đời chỉ quanh quẩn ở Philadelphia và hội quán Harbor, thì những mái nhà lợp ngói đỏ và nhà thờ với các tháp chuông nhô cao màu hồng quả là một giấc mơ tưởng chừng không có thực.

Cảm giác hài lòng vì là một “bà ngoại quốc” được người ta chiều chuộng ra mặt, là bà chủ của chính mình đã lên đến đỉnh điểm khi bà nhìn thấy Chiếc Nhẫn.

Bà nhìn thấy nó ở một trong những hiệu kim hoàn phía dưới cái quảng trường nhỏ phủ đầy bóng cây. Nó khiến bà chú ý trong khi Vera và Ellen đang mặc cả với ông chủ hiệu về một cái trâm cài đầu. Nó không phải là một cái nhẫn quý. Với con mắt của một người Quake như bà, vốn được dạy dỗ nghiêm khắc chống lại mọi sự khoa trương, thì cái nhẫn quá lòe loẹt đến độ

tâm thường. Một viên saphia to màu trắng gắn trên cái vòng bạc mỏng mảnh. Nhưng có một cái gì đó cảm dỗ trong cái vẻ lóng lánh phô trương của nó. Bà thử đeo nó vào ngón tay và nó phản chiếu ánh nắng mặt trời vào bà. Nó làm cho cái nhẫn hứa hôn đứng đắn của mẹ bà, mà giá trị chắc chắn gấp năm mươi lần hơn, cũng phải mờ nhạt đi. Miss Lucy cảm thấy rất vui thích, nhưng rồi bà chợt tỉnh táo lại. Liếc nhìn tấm lưng đứng đắn của Hellen, bà cô gỡ nó ra khỏi ngón tay.

Nhưng không ăn thua. Và trong khi bà còn đang cố tháo thì Vera và Hellen đã đến với bà. Họ ngắm nghía cái nhẫn mà kêu lên với vẻ khâm phục ngưỡng mộ.

“Ôi, Lucy, dễ thương quá!”

“Xinh như chiếc nhẫn hứa hôn ấy!”

Miss Lucy đỏ mặt. “Đừng trêu tôi nữa. Nó quá trẻ đối với tôi. Tôi chỉ muốn đeo thử một tý thôi. Hình như tôi không thể...”. Bà lại cố rút cái nhẫn ra. Còn cái ông Mêhicô chủ hiệu cứ xoắn lấy bà, tuôn ra những lời tâng bốc.

“Tới đi, Lucy”, Ellen làm ra vẻ táo tợn “Mua nó đi”.

“Thật bức mình quá. Nhưng có vẻ tôi không tháo nó ra được mất, tôi... có lẽ tôi phải...”.

Miss Lucy mua chiếc nhẫn saphia trắng với cái giá cao hơn giá trị thật của nó, nhưng cũng chẳng đáng gì đối với bà. Trong khi Ellen, người chuyên xử lý những vấn đề tài chính của chuyến đi, vì bà ta “quá rành” những chuyện này, tính tiền với ông chủ hiệu thì Miss Lucy nói với Vera, “Về khách sạn tôi sẽ tháo nó ra bằng xà phòng”.

Nhưng rồi bà cũng không tháo nó ra. Vì sao đó, một niềm hạnh phúc mới mẻ xao động trong bà mỗi khi bà ngắm nghía nó.

Ở Taxco, Miss Lucy cảm thấy mình tràn trề sức lực. Chiều hôm đó, trước khi ăn tối, trong khi Vera và Ellen đang cho những cặp chân đau được nghỉ ngơi trong phòng, thì bà quyết

định đến thăm nhà thờ Santa Prisca ở chỗ quảng trường công cộng một lần nữa. Lần tham quan đầu tiên của bà đã bị phá hỏng vì những lời chỉ dẫn liên thoảng theo sách của hai bà bạn. Bà muốn ở một mình trong nội thất menh mông mát lạnh của ngôi thánh đường, để cố cảm nhận được bầu không khí của nó, cảm nhận sự khác biệt với nhà họp đạo Quaker thành kính chân phương ở quê hương bà.

Khi bà bước chân qua cánh cửa gỗ trang hoàng lộng lẫy, cái bệ thờ Churrigueresque kỳ lạ đầy những bông hoa dát vàng với các tượng hài đồng và thiên sứ làm bà lóa cả mắt. Một bà nông dân cổ lỗ, bao kín người trong bộ đồ đen, đang dâng một cây nến cháy chập chờn cho bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh. Một con chó lai chạy ngang qua bà vào trong nhà thờ, nhìn quanh rồi lại chạy ra. Trong khung cảnh đó, sự tương phản giữa vẻ hoành tráng kỳ vĩ của bệ thờ với cái con người nhỏ nhoi đáng thương tác động một cách kì lạ lên Miss Lucy. Nó đứng đó như là hiện thân của Thiên Chúa giáo với một sức mạnh xa lạ và dường như nó còn đang kêu gọi bà. Bởi một sự thôi thúc mà bà chỉ hiểu lơ mờ, bà khuyu xuống quỳ trên đầu gối, viên ngọc saphia trên ngón tay cũng lóe sáng một cách lạ kỳ tương ứng với sự kỳ diệu của chính ngôi thánh đường.

Miss Lucy chỉ quỳ một chốc, nhưng trước khi đứng dậy, bà ý thức được sự hiện hữu của một ai đó phía bên phải bà. Bà liếc mắt nhìn sang và thấy một chàng trai trẻ Mêhicô bận bộ đồ trắng tinh vừa đi vào nhà thờ và quỳ xuống cách bà vài mét, mái tóc đen rậm ánh lên trên cái đầu cúi thấp sùng kính của chàng trai. Khi bà đứng dậy, ánh mắt của cậu bắt gặp ánh mắt của bà. Chỉ là một cái nhìn thoảng qua, nhưng bà vẫn giữ được cái ấn tượng sống động trên khuôn mặt cậu ta. Nước da nâu như mật ong và đôi mắt - đặc biệt là đôi mắt - đen và nhẵn nại với một vẻ đẹp dịu dàng, thụ động. Vì sao đó mà sự tiếp xúc ngắn ngủi này đem lại cho bà một cảm nhận sâu lắng hơn trong

tâm linh với cái thành phố xa lạ và những con người xa lạ này. Nghĩ đến anh ta, bà lại thấy cái việc quỳ gối không bình thường của bà dường như là một việc làm đúng. Không, tất nhiên là bà sẽ chẳng bao giờ nói chuyện đó với Vera và Ellen.

Bà rời nhà thờ, rất vui vẻ và sẵn sàng đi ăn bữa tối. Dưới ánh đèn nhợt nhạt, bà đi qua phố Xocalo đông đúc, và khi bà rẽ qua con đường vắng vẻ dẫn đến khách sạn thì trời đã tối hẳn. Tiếng bước chân của bà vang lên một cách khác thường trên những tảng đá lát đường gồ ghề. Tiếng động như làm tăng thêm sự cô độc của bà. Một bóng đàn ông đơn độc, hơi lão đảo, xuất hiện nơi đỉnh đồi và tiến đến phía bà. Miss Lucy không phải là người nhát gan, nhưng với một linh tính cảnh giác mơ hồ, bà nhận thấy người đó đang say. Bà nhìn quanh. Xung quanh chẳng có lấy một bóng người. Bà cảm thấy một sự thôi thúc yếu ớt giục bà quay lại đường Xocalo, nhưng bà đã đè nén được nó. Rốt cục, bà là một người Mỹ không ai có thể làm gì gây hại cho bà được. Bà lại tiếp tục bước nhanh.

Nhưng cái mầm sợ hãi vẫn còn đó, và khi bà đi ngang qua người đàn ông, ông ta nhìn lom lom vào bà và lao đến chỗ bà. Ông ta để râu, ăn mặc tồi tàn, hơi thở nồng nặc mùi rượu tequila. Ông ta tuôn ra một tràng tiếng Tây Ban Nha mà bà không thể hiểu lấy một chữ. Bà biết ông ta đang xin xỏ, nhưng vốn được dạy dỗ làm các việc từ thiện có tổ chức, Miss Lucy không cảm thông được với những người ăn mày trên hè phố. Bà lắc đầu một cách cương quyết và định đi tiếp. Nhưng bàn tay bẩn thỉu đã tóm lấy ống tay áo của bà, và những lời than vãn lại tiếp tục. Bà giằng tay ra, một cách quyết liệt hơn là bà muốn. Một tia giận dữ lóe lên trong mắt gã. Hắn ta giơ tay với vẻ phần nộ.

Dù rõ ràng hắn không định đánh thật, nhưng Miss Lucy bước lui lại theo bản năng, và khi làm như thế, gót giày cao của bà bị mắc vào một phiến đá lát đường và bà ngã xuống mặt đất trong

một tư thế khá kỳ cục. Bà nằm đó, cổ chân gập dưới thân người trong khi hẳn ta dường như chồm lên người bà vẻ đe dọa.

Trong một thoáng, Miss Lucy cảm thấy hoảng loạn - một nỗi sợ hãi quá lớn không thể hiểu nổi, không thể giải thích chỉ bằng tình huống lộ bịch như thế này.

Lúc đó từ trong bóng tối, một người đàn ông khác xuất hiện. Một người mảnh mai mặc bộ đồ trắng. Miss Lucy không nhìn rõ mặt anh ta nhưng bà biết đó chính là chàng trai trẻ ở nhà thờ. Bà nhận thấy cánh tay áo trắng của chàng trai vung lên về phía gã ăn mày và đuổi hẳn đi.

Bà nhìn thấy gã ăn mày bước lui về phía sau, lí nhí và lê bước bỏ đi. Rồi bà thấy một khuôn mặt trẻ trung kề sát mặt bà, rồi một cánh tay khỏe mạnh đỡ bà đứng lên. Bà không thể hiểu được tất cả những lời mà chàng trai ân nhân cứu bà đã nói, nhưng giọng cậu ta thật êm ái và đầy quan tâm.

“Qué malo (đồ lưu manh)”, cậu ta nói, nhe răng khinh bỉ về phía gã ăn mày đang bỏ đi. “Malo Mexicano (một gã Mêhicô xấu)”. Hàm răng lóe sáng dưới ánh trăng. “Tôi Mariô, từ nhà thờ, nhớ không? Để tôi giúp senora (quý bà), được không?”

Cậu ta gần như phải dìu Miss Lucy đi, hai cổ chân bà bị trầy xước rất đau. Họ đi về khách sạn và lên thẳng phòng bà, ở đó bà được hai bà bạn Vera và Ellen rồi rít chăm sóc.

Vì Mariô cứ lượn xung quanh một cách lo âu, Ellen vớ lấy cái túi xách và thì thầm “Bao nhiêu, Lucy?”.

Nhưng trong chuyện này thì Miss Lucy thể hiện ý chí của chính bà: “Không. Cho tiền có lẽ sẽ xúc phạm cậu ấy đấy”.

Và Mariô, dường như hiểu câu chuyện, liền nói “Gracias, Senora”. (Cám ơn, thưa bà). Và sau vài câu, mà trong đó Miss Lucy chỉ hiểu mỗi một từ “madre” (bà chủ), cậu nâng bàn tay trái của Miss Lucy lên hôn - bàn tay đeo chiếc nhẫn saphia mới mua - rồi tươi cười bước ra.

Mariô bước vào cuộc sống của họ như thế đấy. Và khi đã bước vào rồi thì rõ ràng là cậu ta định ở lại đó. Sáng hôm sau, cậu ta đến khách sạn và đòi gặp Miss Lucy, và bà lần đầu tiên mới nhìn rõ mặt cậu. Cậu ta không thật đẹp trai. Cặp mắt có đuôi dài có lẽ nằm quá gần nhau. Bộ ria mép lún phún trên đôi môi dày có lẽ quá dài. Nhưng thân hình cậu, dù mảnh mai, nhưng đầy sức lực. Và có cái gì đó trong con người cậu gợi lên vẻ dễ mến và đáng tin cậy.

Cậu bảo cậu là một sinh viên đang lo kiếm ít tiền nhân dịp nghỉ hè. Cậu muốn làm người hướng dẫn cho các Senora, và vì Miss Lucy không thể nào đi bộ với cái cổ chân bị đau, cậu đề nghị thuê một chiếc xe và cậu sẽ là người lái xe cho họ. Thù lao mà cậu yêu cầu ít một cách buồn cười và cậu khẳng khẳng từ chối nhận thêm.

Ngày hôm sau cậu thuê một chiếc xe giá rẻ đến nỗi ngay cả Miss Ellen khó tính riết róng cũng phải vừa lòng, và từ lúc đó cậu lái xe chở các bà đi vòng quanh các nơi danh thắng với sự quan tâm và ân cần cứ như họ thực sự là ba “madre” của cậu vậy.

Sự xuất hiện hàng ngày của cậu, luôn luôn trong bộ đồ trắng tinh, trở thành một niềm vui thường xuyên đối với Miss Lucy - và dĩ nhiên với cả ba người bọn họ. Cậu ta có vô số kế hoạch cho họ giải trí. Một hôm, cậu lái xe đưa họ đi vòng quanh chân núi Popocatepetl, và vài giờ sau họ đã có thể hào hứng trầm trồ về ngọn núi chắc chắn là một trong những ngọn núi đẹp nhất và bí hiểm nhất trên thế giới. Và trong một thoáng khi họ còn lại một mình bên nhau, bàng hoàng ngắm nhìn cái đỉnh núi bí ẩn phủ đầy tuyết trắng, Miss Lucy cảm thấy bàn tay nâu khỏe của Mariô đang cầm tay bà và nắm nhẹ nhẹ.

Rõ ràng đó là cái cách cậu ta nói với bà, mặc dù có trở ngại vì ngôn ngữ bất đồng, rằng họ đang hưởng những ngày tuyệt vời ở Mêhicô, và cậu rất mừng là họ chia sẻ nó cùng với nhau. Sự

đụng chạm của cậu làm viên ngọc saphia ép vào ngón tay bà hơi đau, nhưng một cảm giác lạ, khác với sự đau đớn, đã trỗi dậy bên trong con người bà.

Sau chuyến đi vòng quanh núi Popocatepetl, Miss Lucy quyết định rằng đã đến lúc phải rời Taxco và trở về nơi trú ngụ của họ ở Mexico City.

Bà chỉ thị cho Ellen làm việc với Mariô - đưa thêm cho cậu ta một trăm pêsô phụ trội ngoài tiền công, và báo cho cậu ta, nhã nhặn nhưng cương quyết, rằng công việc của cậu đến đây là chấm dứt. Nhưng Ellen có lẽ đã làm một việc giống như chuyển núi Popocatepetl hay ra lệnh cho nó biến thành biển vậy. Mariô chỉ cười vào mặt bà ta, quảng trả năm tiền một trăm pêsô và đòi tự mình phải nói chuyện trực tiếp với Miss Lucy. Ở Mexico City có rất nhiều những tên Mêhicô bất lương. Cậu có những cánh tay mạnh khỏe, lương thiện. Cậu sẽ có thể chăm sóc cho họ. Không, không quan trọng chuyện tiền bạc của Senora Ellen - hai bà này luôn luôn là senora đối với cậu, chỉ mỗi mình Miss Lucy là senorita (quý cô). Điều quan trọng là cậu cần chỉ dẫn cho họ mọi thứ. Hai cánh tay khỏe mạnh của cậu dang ra như để ôm mặt trời, mặt trăng, núi non và tất cả đất nước Mêhicô. Và cặp mắt tối sẫm với hàng mi dày rậm cũng như ôm lấy Miss Lucy nữa.

Và Miss Lucy, trái với bản năng sâu thẳm mơ hồ mách bảo, đã chịu đầu hàng.

Mariô đi cùng với họ đến Mexico City.

Đó là tuần lễ thứ hai họ ở lại Mexico City và họ quyết định đi một chuyến đến thăm các Kim tự tháp ở Teotihuacan. Như thường lệ, Miss Lucy ngồi đằng trước với Mariô. Cậu là người lái xe tài ba và bà thích nhìn bộ mặt cậu trông nghiêm khi cậu tập trung vào con đường; thích cái cách cậu lăm bắm với mình khi có điều gì đó làm cậu phật ý hay vừa lòng. Bà không thích lắm

khi cậu quay sang nhìn bà, ánh mắt đen như vuốt ve trèo lên khuôn mặt và chuyển dần xuống ngực bà.

Cái nhìn của cậu khiến bà bối rối, và hôm nay không hiểu có điều gì xúi giục mà bà nói với cậu bằng tiếng Anh, “Mariô, cậu là cái thứ người mà ở Mỹ người ta gọi là sát gái. Tôi nghĩ cậu phải quen rất nhiều cô gái ở Mêhicô này đấy”.

Thoạt đầu cậu dường như không hiểu lời nhận xét của bà. Sau đó cậu bùng ra, “Con gái - muchachas . Para tôi, không”. Tay cậu thò vào túi áo ngực và lấy ra một tấm ảnh đã cũ mờ. “Mi muchacha. Cô gái của tôi, mi unica muchacha... Una sola...” (người phụ nữ duy nhất... độc nhất...)

Miss Lucy cầm lấy tấm ảnh. Đó là một người phụ nữ còn già hơn cả bà với mái tóc xám và cặp mắt to buồn rầu. Có những nét lo buồn và ốm yếu trên khuôn mặt bà ta.

“Mẹ cậu phải không?” Miss Lucy âu yếm hỏi. “Kể cho tôi nghe về bà ấy đi”.

Mariô nói huyên thiên, không phải bằng thứ tiếng Tây Ban Nha chậm rãi cẩn thận mà cậu thường nói với các quý bà, mà là một màn độc thoại rất nhanh mà Miss Lucy chỉ hiểu lờ mờ. Bà chấp nhận và hiểu rằng mẹ của Mariô rất đáng thương, rằng bà ta đã dành cả cuộc đời trong cái làng Guereros heo hút khốn khổ để nuôi nấng những đứa con không cha, bà là một bà thánh trên mặt đất này. Rõ ràng là Mariô có một tình yêu gần như sự tôn thờ đối với mẹ cậu, một điều cũng thường gặp ở những người đàn ông Mehicô trẻ tuổi.

Trong khi cậu đang nói với vẻ kích động thì Miss Lucy đã đi đến một quyết định. Bằng cách nào đó, trước khi kỳ nghỉ kết thúc, bà sẽ lấy được từ Mariô địa chỉ của mẹ cậu; bà sẽ viết thư và gửi tiền cho bà ta, một số tiền đủ để cho Mariô học xong Đại học. Một người mẹ chắc chắn sẽ nhận số tiền đó cho dù con trai bà có lẽ không chấp nhận vì quá tự trọng.

“Kia có phải là Kim tự tháp không?” giọng nói đầy thất vọng của Ellen đã cắt ngang luồng suy nghĩ của Miss Lucy. “Ôi dào, thế này thì làm sao mà sánh được với Kim tự tháp Ai Cập!”.

Tuy vậy, Miss Lucy thật sự xúc động trước các Kim tự tháp Mặt trời và Kim tự tháp Mặt trăng. Rồi khi bà nhìn thấy những chiếc nón sombre trên đầu họ, nhìn vẻ lộng lẫy huy hoàng cổ xưa của các kim tự tháp, bà lại cảm thấy cái cảm giác phấn chấn lạ lùng bên trong mà bà đã từng có khi quỳ gối trong ngôi thánh đường ở Taxco.

“Tôi chẳng trèo lên những cái bậc gập gềnh này đâu” Ellen cáu kỉnh nói “Tôi già quá rồi mà trời lại nóng quá thế”.

Còn Vera, dù không quá nóng nhưng lại còn già hơn. Bà ta đứng ở chân kim tự tháp. Cái áo choàng khoác hờ hững qua vai, điều thuốc lá muôn thuở giữa những ngón tay cong queo như chân chim. “Cô đi đi, Lucy - cô còn trẻ mà lại hăng hái nữa”.

Thế là Lucy đi.

Với sự giúp sức của Mariô, bà trèo lên Kim tự tháp Mặt trời và hầu như nghệt thở khi lên đến đỉnh, cảm giác phấn khích huyền bí trong bà mới thật tuyệt vời làm sao.

Họ một mình ngồi sát bên nhau trên đỉnh Kim tự tháp, người phụ nữ vẫn minh đã quá ngũ tuần có địa vị đáng trọng ở Bryn Mawr, và một cậu trai hầu như ngây thơ xuất thân từ túp lều đất rách nát trong một ngôi làng heo hút ở Guerreros. Họ nhìn xuống quang cảnh mênh mông của cái quảng trường, nơi đã từng có những ngôi làng cổ xưa với ngôi đền Quetzacoatl, thờ Rắn thần lông chim đang nhìn xuống Con đường Tử thần dẫn từ ngôi đền đến Kim tự tháp Mặt trăng.

Mariô bắt đầu kể cho bà nghe những nghi thức hiến tế trong ngày lễ Toxcatl thời xưa, được tổ chức mỗi năm một lần.

Khi cậu đang kể, Miss Lucy mắt lim dim tưởng tượng ra quang cảnh lúc đó: những đám đông dân chúng xô đẩy chen lấn nhau trên cái quảng trường khổng lồ dưới kia; các pháp sư, mỗi

người theo vị trí của mình đứng trên một bậc thang của Kim tự tháp; còn chàng thanh niên trông sạch sẽ được hiến tế cho Thần linh kia, dĩ nhiên, là Mariô.

Và bởi vì Mariô là người sẽ bị hiến tế trong suy tư của bà, bị hiến tế cho sự vô nghĩa lý của cuộc đời và sắc đẹp, nên bất giác bà cảm thấy một nỗi thương xót rất người đối với cậu và bất giác bàn tay bà - bàn tay có chiếc nhẫn saphia không tháo ra được - giơ ra tìm tay cậu, và ngay lập tức đã nằm gọn trong những ngón tay nâu ấm và cứng cáp của cậu.

Miss Lucy hầu như không ý thức được chuyện đó khi hai cánh tay Mariô ôm choàng lấy bà, và mái đầu đen nhánh của cậu ngả vào ngực bà. Bà cứ ngỡ ngẩn như thế cho đến khi cảm thấy cái mùi vị nâu râm ngọt ngào trên làn da của cậu, ngửi thấy mùi nước hoa mà cậu đã bôi lên tóc. Rồi toàn bộ Philadelphia đổ xô đến đằng sau. Bà vội nhảy dựng lên - một bước nhảy vượt qua nhiều thế kỷ, từ buổi lễ hiến tế trở về với khoảnh khắc thực tại, khi mà hai bà bạn có lẽ còn đang chờ bà dưới chân kim tự tháp, bụng đói cồn cào chờ bữa ăn trưa - và thế là bao nhiêu bậc thang lại đi qua khi họ cùng bước xuống.

Trên đường về, Miss Lucy quyết định bà sẽ cùng Vera ngồi ở băng sau, để cho Ellen ngồi phía trước cãi nhau với anh chàng Mariô đang hờn dỗi.

Khi họ về đến nhà nghỉ, Miss Lucy nói nhanh, “Mai là chủ nhật, Mariô. Tốt hơn là cậu nghỉ một ngày đi”.

Cậu bắt đầu phản đối. Nhưng Lucy nhắc lại, “Không, sáng mai không, Mariô”, mặt cậu xị ra như một đứa bé đang giận dỗi. Sau đó vẻ mặt cậu thay đổi, cặp mắt đen của cậu nhìn thẳng vào mắt bà với vẻ thách thức và khiêu khích.

Khi quay người đi vào nhà, Miss Lucy cảm thấy trái tim mình đang đập thình thịch nặng triu. vẻ gần gũi riêng tư của cái nhìn đó đã công khai để lộ cái điều mà trước đó bà không dám nghĩ đến. Nhưng bây giờ thì bà hoàn toàn biết chắc.

Vì sao đó - vì một lý do nào đó mà bà không hiểu và theo một cách nào đó mà trí óc đơn giản của bà chưa bao giờ dám mơ đến - Mariô thèm muốn bà.

Cậu ta thèm muốn thân thể của bà.

Tối hôm đó, trước khi đi ngủ, Miss Lucy đã làm một điều mà trước đây bà chưa từng làm trong suốt cuộc đời. Bà ngắm mình vài phút đồng hồ trước cái gương đứng kiểu Venise trong căn phòng lộng lẫy, mình mặc chiếc áo ngủ mỏng bằng vải bông, và bà tự đánh giá mình như một người đàn bà.

Bà chẳng thấy có điều gì mới mẻ hay đáng chú ý - không có gì trong vẻ bề ngoài để cân bằng với những thay đổi rõ ràng đang diễn ra bên trong con người bà. Khuôn mặt bà không, đẹp. Nó cũng chưa bao giờ đẹp, ngay cả khi bà còn trẻ, và bây giờ nó đã là khuôn mặt của một người đàn bà đang về già. Mái tóc bà đã bắt đầu bạc cho dù chưa nhiều lắm. Chúng vẫn còn mềm và dày, và ở phía trước trán trông vẫn còn duyên dáng. Mắt bà vẫn còn sáng và trông không đến nỗi, nhưng xung quanh đã có những đường rạn chân chim và những quầng đen tự nhiên ở độ tuổi của bà. Ngực bà vẫn rắn chắc dưới lớp áo ngủ vải bông, nhưng thân hình bà rõ ràng không có gì nổi bật. Vẻ bề ngoài của bà thực sự không có gì đáng ao ước, cả khuôn mặt cũng như thân hình. Thế mà bà vẫn được thèm muốn. Bà biết điều đó. Vì một lý do nào đó mà một chàng thanh niên Mêhicô đẹp trai lại thấy bà quyến rũ.

Miss Lucy tin chắc vào điều này.

Chuyện này với Miss Lucy cũng chẳng có gì phi lý, vì bà cũng biết nhiều gã trai trẻ thường theo đuổi tán tỉnh các bà cô giàu có, với hy vọng cuối cùng sẽ kiếm được một ít tiền của họ. Nhưng Mariô, không kể đến chuyện cậu ta đã từ chối tất cả những món tiền tặng, thì cậu thậm chí cũng không biết rằng Miss Lucy giàu có hơn rất nhiều so với hai bà kia. Chỉ có viên luật sư ở Philadelphia và những thành viên trong cái cộng đồng

Quaker nhỏ bé của họ mới có thể biết được Miss Lucy thực sự rất giàu. Không, nếu Mariô cân tiên thì hẳn cậu phải chú ý đến Ellen, người nắm tất cả các khoản chi tiêu trong chuyên đi, mà chẳng may để cho người ngoài biết là bà ta thực ra đang tiêu tiền của Miss Lucy.

Chẳng có gì về Miss Lucy, Miss Lucy buồn tẻ luôn mặc đồ đen, cho thấy là bà có của. Thực ra, chiếc nhẫn hứa hôn của mẹ bà có gắn một viên kim cương khá quý giá. Nhưng chỉ một chuyên gia về kim cương mới có thể nhận thấy giá trị của nó. Còn về cái nhẫn saphia trắng lòn lợt kia thì chẳng đáng cho ai phải phí thời gian và công sức, và Miss Lucy sẽ rất lấy làm thích thú tặng nó cho Mariô để tỏ lòng biết ơn nếu như bà có thể rút được nó ra khỏi ngón tay.

Không, còn có hàng ngàn người phụ nữ khác ở Mexico City có vẻ ngoài giàu có hơn bà rất nhiều. Còn có những người đàn bà trẻ, đẹp mà ai trong số họ cũng sẽ lấy làm hài lòng và hãnh diện nếu có Mariô là vệ sĩ, và - phải, Miss Lucy ý thức rõ ràng điều này - là một cái gì hơn thế nữa.

Và còn... đột nhiên Miss Lucy thấy hoảng sợ vì sự phi lý trong toàn bộ câu chuyện này.

Một bản năng trinh nữ mơ hồ trỗi dậy trong con người bà và cảnh báo với bà về sự nguy hiểm.

Và bởi vì điều đó không phải là không có lý với Miss Lucy, nên bà quyết phải làm một điều gì đó tối hậu đôi với chuyện này. Nằm im lặng dưới tấm chăn, bà đi đến một quyết định quan trọng.

Miss Lucy và bà Vera đang chờ ở bến xe bus, cả hai choàng áo khoác quanh người, dường như họ bị lạnh. Vera thì dĩ nhiên lúc nào mà chả lạnh. Nhưng hôm nay Miss Lucy cũng thấy lạnh mặc dù xung quanh tràn đầy hơi ấm của mặt trời mùa xuân. Mắt bà - và cả mũi bà nữa - đỏ mọng lên.

Họ đang chờ Ellen, người ở lại sau để thực hiện cái coup de grâcen^[2] tối hậu với Mariô. Xe bus đi Patzcuaro sẽ khởi hành trong hai mươi phút nữa.

Cuối cùng Ellen cũng xuất hiện. Mắt bà ta đỏ mọng.

“Lẽ ra cô không nên làm như thế, Lucy”, bà ta bẻ các ngón tay lục khục “Thật quá tàn nhẫn”. Bà ta nhét trả mấy tờ hai trăm pêsô vào tay Lucy. “Tôi cứ nghĩ cậu ấy định đánh tôi khi tôi đưa tiền cho cậu ấy”. Bà ta sụt sịt. “Cậu ấy bật khóc như một đứa trẻ khi đọc thư của cô”.

Miss Lucy không nói gì. Quả thực bà nói rất ít trong suốt quãng hành trình xe bus dài lê thê đến Patzcuaro.

Ba người đàn bà lại ngồi quanh chiếc bàn ăn tối ngoài gian sảnh nhìn ra mặt hồ Patzcuaro mênh mông yên bình. Ellen, vẫn liến thoắng luôn mồm, đang bàn bạc kế hoạch cho những ngày sắp tới. Miss Lucy rõ ràng là chẳng để ý gì cả. Bà còn mãi trầm ngâm nhìn mặt nước hồ xanh thẫm trong buổi chiều muộn, với những hòn đảo nhỏ rải rác, và những con chim kên kên đầu trọc ghê tởm đang quang quác và đánh nhau chí tử giành giật những con cá chết trên bờ hồ.

Sau một lúc, bà đứng dậy nói, “Trời hơi lạnh. Tôi muốn về phòng. Chúc ngủ ngon”.

Phòng của Miss Lucy cũng có một ban công nhỏ nhìn ra hồ từ một phía khác. Phía dưới chân bà, trong bóng đêm đang đổ xuống, những người đánh cá đang bơi thong thả trên những chiếc thuyền nhỏ của họ, nói chuyện với nhau với giọng trầm đầy những âm gió, hay hát những đoạn ngắn trong các bài ca vùng Michoacan.

Miss Lucy ngồi nhìn họ. Bà đang nghĩ về Mariô, đang nhớ cậu da diết đến độ gần như đau đớn. Bà luôn nghĩ đến cậu kể từ lúc rời Mexico City, và giờ đây bà thấy kinh hãi vì sự tàn nhẫn của mình trong việc phò thác cho Ellen sa thải cậu. Lẽ ra bà phải tự

mình nói với cậu. Bà không muốn phải nghĩ đến cậu... Nhưng ý nghĩ vẫn cứ tiếp tục với một sự dai dẳng trên người. Bà đã cư xử không đúng với cậu, bà đã làm cậu đau lòng.

Vào một thời điểm không rõ trong giấc mơ màng của bà, bà bỗng nhận thấy một bóng người mặc đồ trắng đang chuyển động giữa những người đánh cá ở bên dưới. Mắt bà dán chặt vào anh ta và rồi tim bà bỗng đập thình thình. Bà chồm người ra phía trước và nhìn chăm chăm vào màn đêm. Chắc chắn, hoàn toàn chắc chắn là có một cái gì đó rất quen thuộc trong những chuyển động nhẹ nhàng, duyên dáng của cái thân hình gọn ghẽ, nhỏ bé kia.

Nhưng không thể là Mariô! Bà đã bỏ cậu ta lại Mexico City và đã rời xa nơi đó mấy trăm dặm. Và Ellen đã được dặn kỹ để không cho cậu ta biết nơi họ sẽ đến.

Bóng người mặc đồ trắng rời khỏi bờ hồ và tiến đến cửa sổ của bà. Anh ta đi ngang qua một vùng ánh sáng hắt ra từ một chiếc cửa sổ để mở. Giờ thì không còn nghi ngờ gì nữa.

Đó chính là Mariô.

Bà ngả người qua ban công, trái tim bà đập loạn như con chim nhỏ đang diên cuồng vùng vẫy. Cậu đang đứng phía dưới bà, chỉ cách khoảng năm mét.

“Ôi, Miss Lucy, tôi đã tìm được bà”. Cậu nói bằng thứ tiếng Tây Ban Nha chậm rãi mà cậu vẫn thường nói với bà. “Tôi biết sẽ tìm được bà”.

“Nhưng, Mariô, làm sao mà...?”.

“Công ty xe bus đã bảo với tôi là bà đã đến đây. Tôi đã mua vé và phải chờ rất lâu”.

Bà nhìn thấy hàm răng của cậu lóe lên khi cậu cười với bà. “Miss Lucy, tại sao bà bỏ đi mà không nói adios? (tạm biệt)”

Bà không trả lời.

“Nhưng bây giờ tôi đã đến đây để chăm nom cho bà. Và ngày mai bà với tôi sẽ đi chơi trên hồ. Trước khi hai bà kia thức dậy.

Bà và tôi sẽ một mình với nhau. Ta sẽ ngắm trăng và sau đó ngắm mặt trời mọc”.

“Vâng...”.

“Tôi sẽ đến lúc năm giờ sáng. Tôi sẽ kiếm một cái thuyền. Tôi sẽ chờ ở đây trước khi lũ chim thức dậy”.

“Vâng, vâng...”

“Chúc ngủ ngon, carissima (em yêu)”.

Miss Lucy trở vào phòng ngủ. Tay bà run lấy bầy khi bà cởi quần áo và chui vào giường.

Và bà vẫn còn run khi - vào lúc nửa đêm, hình như thế - có tiếng huýt sáo nhỏ nhỏ bên dưới cửa sổ phòng bà bảo cho bà biết rằng Mariô đã đến đón bà.

Bà vội mặc quần áo, vuốt lại mái tóc mềm, choàng áo khoác qua vai và vội vàng đi xuống cầu thang. Khách sạn hoàn toàn yên lặng. Không ai nhìn thấy bà đi qua hành lang vắng vẻ và cũng không ai nhìn thấy bà đi xuống bậc thềm dốc xuống bờ hồ nơi Mariô đang chờ bà với chiếc thuyền.

Cậu cầm tay bà và ép nó lên môi. Rồi cậu nhẹ nhàng kéo bà lên thuyền.

Bà không chống lại. Ngay cho dù cậu có là hiện thân của Định mệnh đang hướng bà đến với điều không tránh khỏi.

Mariô đã đứng. Trăng đang treo trên bầu trời - tròn đầy và vàng tươi - chiếu những tia sáng lạ kỳ lên mặt nước hồ màu ngọc bích.

Miss Lucy ngồi trong lòng thuyền, ngả người trên chiếc áo khoác. Trời đêm khá lạnh, nhưng dường như bà không nhận thấy. Bà ngắm nhìn Mariô đứng trên chiếc thuyền, điều khiển nó một cách thành thạo lách qua những chiếc bè xung quanh và tiến vào vùng nước sâu trong hồ. Cậu xắn quần quá trên đầu gối và hai bắp chân cậu trông thật khỏe mạnh và có vẻ gì đó dễ sợ dưới ánh trăng. Và cậu hát.

Trước đó Miss Lucy đã không nhận thấy cậu có chất giọng mới đẹp làm sao. Bài ca dường như một nỗi buồn ngọt ngào không nói nên lời. Ánh mắt Mariô như đang vuốt ve bà khi cái nhìn của cậu lướt từ khuôn mặt xuống và dừng ở đôi bàn tay đang nằm hờ hững trên lòng bà. Viên ngọc saphia rỏ tiền lấp lánh dưới ánh trăng.

Miss Lucy không còn ý thức được thời gian cũng như nơi chốn khi chiếc thuyền di chuyển chậm chậm hướng đến một nơi bí ẩn, nơi có rất nhiều những hòn đảo nhỏ xíu giữa lòng hồ. Bà cũng không ý thức được những ngôi sao mờ mờ và mặt trăng đang nhạt nhòa dần trước lúc rạng đông. Bà chỉ cảm nhận được một sự yên tĩnh sâu lắng tốt cùng, cho dù con thuyền vẫn đang tiếp tục chuyển động nhẹ nhàng, hầu như không nhận thấy được. Bà giật mình khi nghe giọng nói của Mariô.

“Bà có nghe thấy không, tiếng chim đấy”.

Bà nghe thấy tiếng chim trong chùm đảo nhỏ đang vây xung quanh bà, nhưng bà chỉ có thể nhìn thấy những con kên kên đang im lặng bay lượn trên cao.

Mariô dừng chèo và lấy ra một cái bọc, trong đó có tortas, bơ và pho mát sữa dê. Cậu cũng lấy ra một chai vang đỏ Mêhicô.

Cậu phết bơ lên một miếng torta bằng con dao xếp to bản và đưa nó cho Miss Lucy. Bỗng nhiên bà nhận thấy rằng bà đang rất đói. Bà ăn nghiêng ngấu và uống rượu vang từ cái chai. Nó bốc thẳng lên đầu và làm cho bà cảm thấy mình trẻ trung và hạnh phúc. Bà cười vang với mọi điều mà Mariô nói và cậu cũng cười trong khi ánh mắt cậu vẫn tiếp tục vuốt ve bà.

Và thế là họ cùng ăn bữa sáng giống như một cặp tình nhân đang tuần trăng mật, khi bình minh chiếu những tia nắng vàng đầu tiên lên mặt hồ, xung quanh mấy dặm không một bóng người, chỉ thấy bóng những con kên kên và và những con chim ẩn mình đang hát làm chứng nhân cho họ.

Khi miếng torta cuối cùng đã ăn hết và chai rượu vang đã uống cạn, Mariô lại cầm mái chèo lên và đẩy chiếc thuyền sâu hơn vào giữa hồ, cậu cứ chèo, chèo mãi mà không nói lời nào.

Ngay khi nhìn thấy hòn đảo, Miss Lucy biết ngay đó chính là nơi mà Mariô đã chọn. Nó trông có vẻ hoang vắng, hiu quạnh hơn, lạnh lẽo hơn những hòn đảo khác, và có một vòng lau sậy cao mọc dày xung quanh.

Cậu lái chiếc thuyền một cách thận trọng, lách qua đám lau sậy mọc cao đến nỗi họ hoàn toàn bị che khuất trong cái thế giới nhỏ bé của riêng họ. Khi họ cập bờ, cậu nắm lấy tay bà, nâng nó lên một cách nhẹ nhàng với chỉ nói một lời “Lên đây”.

Bà đi theo cậu giống như một đứa trẻ. Cậu tìm được một chỗ khô ráo và trải chiếc áo khoác lên mặt đất cho bà. Rồi, khi bà đã nằm xuống, cậu ngồi xuống bên cạnh và đặt đầu bà lên lòng cậu. Bà có thể nhìn thấy khuôn mặt cậu ở rất gần; thấy đôi mắt đen hơi quá gần nhau; có thể cảm thấy hơi thở ấm áp, vương mùi rượu vang từ đôi môi của cậu.

Bà nhắm mắt lại, biết rằng đây chính là cái khoảnh khắc mà mọi chuyện rồi sẽ dẫn đến nó - ngay từ cái ngày ở trong ngôi thánh đường Santa Prisca khi lần đầu tiên bà gặp Mariô. Bà cảm thấy hai bàn tay cậu đang khẽ khàng, rất khẽ khàng vuốt ve mái tóc của bà, khuôn mặt của bà. Bà cảm thấy cậu cầm tay bà, cảm thấy cậu chạm vào chiếc nhẫn saphia.

Cái khoảnh khắc mà cậu chạm vào chiếc nhẫn, bà liền hiểu. Bà có thể cảm thấy nó trong những ngón tay của cậu - đó là nỗi thèm khát chiếm đoạt đang trào ra. Toàn bộ những điều đó có vẻ như quá đổi phức tạp nhưng hoàn toàn rõ ràng.

Bàn tay cậu đưa dần lên trên. Những ngón tay của cậu, vẫn rất nhẹ nhàng, chạm vào cổ bà. Bà không thét lên. Bà thậm chí không còn thấy sợ hãi.

Hai bàn tay cậu xiết chặt lại, miệng cậu ghì lên miệng bà, và môi họ gặp nhau trong nụ hôn đầu tiên và duy nhất của họ.

Mariô quăng con dao vấy máu đi. Cậu không thích nhìn thấy máu, cậu thấy ghê tởm vì phải cắt ngón tay bà để lấy chiếc nhẫn.

Cậu chẳng buồn quan tâm đến chiếc nhẫn hứa hôn của bà mẹ Miss Lucy. Nó rõ ràng là thứ rẻ tiền, chẳng đẹp đẽ gì. Còn chiếc nhẫn saphia, suốt mấy tuần nay vẻ đẹp long lanh của nó luôn hút hết hồn vía của cậu, nó làm cậu lóa mắt hơn bất cứ một thứ gì khác.

Cậu cẩn thận phủ cái áo khoác lên xác Miss Lucy. Có một lúc cậu muốn nhét cái xác vào giữa đám lau sậy, nhưng nó có thể trôi ra ngoài và những người đánh cá sẽ phát hiện ra. Còn nơi đây, trên hòn đảo tí xiu này, có thể phải nhiều năm nữa mới có người tình cờ ghé đến. Mà trong thời gian đó - cậu nhìn lên những con kên kên đang bay lượn không ngừng nghỉ trên đầu...

Không ngoái đầu nhìn lại, Mariô bước xuống chiếc thuyền và chèo đi hướng về nơi bờ hồ vắng vẻ. Khi cập bờ, cậu lật úp chiếc thuyền và đẩy nó trôi tự do để nó có thể chìm xuống ở chỗ nước sâu.

Mariô tìm về hướng đường xe lửa. Cậu sẽ đu lên một toa chở hàng và sáng mai, có lẽ, cậu đã ở Guerreros.

Cậu tin chắc là mẹ cậu sẽ rất thích chiếc nhẫn.

CONGO

Stuart Cloete

Những chuyện mà tôi phải kể dưới đây cứ để mặc ai muốn nghĩ gì thì nghĩ; nhưng còn anh, Retief, tôi viết những điều này cho anh và anh phải tin nó, vì khi những dòng này đến tay anh thì cuộc sống của cô ấy đang bị nguy hiểm. Tôi, người đang viết đây, đã chứng kiến chuyện này, ngay từ khi nó mới chỉ bắt đầu, tôi đã thấy nó diễn tiến như thế nào, rồi bị lôi cuốn vào đó, thoát đầu chỉ như một khán giả, rồi sau đó trở thành người trong cuộc. Vì thế đây không phải là bịa đặt mà là chuyện riêng của tôi, chẳng liên quan gì đến chuyện người ta có tán thành với tôi hay không, và cuối cùng nó hầu như quá sức chịu đựng của tôi. Dĩ nhiên khi tôi đang viết đây thì vấn đề vẫn đang còn bỏ ngỏ.

Khi còn trẻ, tôi là học trò của giáo sư Le Grand nổi tiếng ở Đại học Brussels. Do một sự tình cờ may mắn, ông ấy đã chọn tôi để giúp ông trong một thí nghiệm nhỏ. Và ông thấy tôi có nhiều điều đồng cảm với ông. Tôi cũng nhìn cuộc đời theo một góc độ giống như ông. Chúng tôi cùng có cách nhìn giống nhau, dù với những cặp kính khác nhau; tầm nhìn của ông thực bao quát, bao gồm rất nhiều đối tượng rộng lớn, cứ như những dãy núi liên tiếp nhau; trong khi tôi chỉ nhìn thấy một mảnh nhỏ xíu, nhưng thay vì thế, tôi nhìn thấy rất rõ ràng và thấu suốt. Chính là sự cảm mến chứ không phải vì tôi thông minh đặc biệt gì mà ông đã chọn tôi làm phụ tá cho ông, vì thế tôi có điều kiện để cùng ông đi đến Côngô để tiếp tục công việc nghiên cứu của chúng tôi.

Chúng tôi làm việc tại một vùng rừng rậm ở đất nước này. Nơi đây có rất nhiều cây to, ông Le Grand nói nhiều cây trong số đó đã có hàng ngàn năm tuổi. Ánh nắng mặt trời hầu như

không bao giờ xuyên đến được mặt đất dưới gốc của chúng. Rừng rậm mở ra bên trong chúng nhiều khoảng rừng thưa, nơi đây những thổ dân thực hiện một hình thái nông nghiệp nguyên thủy. Họ trồng chuối, kê, ngô, khoai lang, bí đỏ, lạc và một số giống đậu. Đất đai ở đây rất màu mỡ, và thu hoạch luôn luôn khá; điều này thật lạ lùng vì cây trồng hầu như chẳng được chăm sóc gì cả.

Thỉnh thoảng bầy voi lại đến phá hại ruộng vườn, nhưng lũ khỉ đột gorilla mới là nỗi lo lắng chính và những người thổ dân vừa ghét lại vừa sợ hãi chúng. Sự tàn phá do chúng gây ra không thấy ngay lập tức, vì những con vật rất tinh quái này chỉ ăn trộm mỗi lần một ít, và chúng ăn trộm tài tình đến mức trừ phi anh đi đếm từng quả đậu, nếu không thì anh sẽ chẳng nhận thấy gì hết cho tới tận mùa thu hoạch.

Khi tôi nói chúng tôi, thì cần phải hiểu chúng tôi ở đây là ba người. Vì trước khi đi, Le Grand đã cưới một cô gái trẻ. Cô ấy biết đánh máy và ghi tốc ký, cô rất quen thuộc với các bản thảo của Le Grand và là một trong số rất ít người có thể đọc được chữ viết của ông ta. Tên cô gái là Helena Magrodvata. Cô có dòng máu lai Hy Lạp - Nga, có mái tóc rất đẹp, vì thiếu sắc tố nên nó có màu hầu như trắng. Khi không đeo kính thì trông cô khá xinh đẹp. Có thể đám cưới của Le Grand là một kết quả lôgích từ ước muốn của một người đàn ông muốn chiếm hữu một người đàn bà, hoặc cũng có thể chỉ là một thí nghiệm khác của ông Giáo sư; tôi không tìm thấy một ghi chép nào của ông có khuynh hướng phủ nhận giả thuyết này, và nếu thế thì đây có lẽ là thí nghiệm duy nhất mà ông không bao giờ thảo luận với tôi.

Chúng tôi ở trong một căn lều tròn làm bằng đất sét trắng. Và theo đúng quy trình, Helena sinh một cậu con trai. Chẳng có gì khó khăn trong việc này cả, vì Le Grand và tôi là các bác sĩ, còn Helena là một cô gái khỏe mạnh.

Chúng tôi phải sống và giữ sức khỏe trong cái khí hậu rất khó chịu đó cũng là vì ngài Giáo sư. Chắc chắn chúng tôi là những người da trắng đầu tiên đối mặt với vô số những con muỗi anopheles mà không lo sợ bệnh sốt rét hay bệnh ngã nước: hai căn bệnh đặc biệt nguy hiểm ở vùng này mà ngay cả thổ dân cũng chết vì chúng rất nhiều.

Chính vắc xin của Le Grand, khi được tung ra thị trường, cuối cùng đã mở ra những vùng đất rộng lớn mà cho đến nay vẫn chưa có người ở. Đó có thể là lý do thứ hai khiến ông ấy đi đến Côngô, nơi ông có thể thử những loại vắc xin còn đang thí nghiệm với ba người thuộc ba kiểu loại, giới tính và dân tộc khác nhau. Chúng tôi không chỉ khỏe mạnh mà một trong ba loại vắc xin ông sử dụng chúng tỏ có hiệu lực rất mạnh.

Đứa bé lớn rất nhanh, tăng cân hàng ngày, còn Helena vô cùng vui sướng. Tình mẫu tử trong cô lên đến mức cô không còn làm việc gì khác ngoài những báo cáo tuần, và cũng chỉ những khi khẩn cấp.

Mối quan tâm của ông Giáo sư đối với thằng bé có vẻ mang nhiều chất khoa học hơn là tình cha con, mặc dù khi thằng bé chết ông cũng có dấu hiệu đau buồn. Chúng tôi cùng đi ra rừng, đang đo đạc và cân lượng mủ cao su thì có một thổ dân chạy đến báo tin thằng bé bị rắn cắn. Khi chúng tôi chạy về đến nhà thì thằng bé đã chết, Helena gần như hóa điên. Không sao an ủi được cô ấy, cũng không thể để cô ấy ở một mình. Ngay cả Le Grand cũng phải thừa nhận điều này sau lần đầu tiên cô cố tự sát. Vì vậy cần phải sắp xếp lại lịch làm việc. Vì chúng tôi làm việc ở những khu vực khác nhau của cánh rừng, công việc ngoài đồng cũng như ở văn phòng đều không bỏ bê được, chúng tôi cũng không thể làm thay hoàn toàn công việc của nhau. Tuy vậy, việc chậm trễ cũng không gây tác hại gì nghiêm trọng đến các thí nghiệm của chúng tôi. Vì thế chúng tôi thay phiên nhau đi, Giáo sư đi vào một ngày, còn ngày hôm sau đến phiên tôi.

Khoảng một tháng sau, một hôm khi chúng tôi đang ăn sáng thì có người báo tin có một con gorilla bị sập bẫy. Để Helena lại nhà, cô ấy vẫn đang ngủ, chúng tôi chạy đến xem.

Đường đi không xa lắm, và chúng tôi chẳng mấy chốc đã đến mảnh rẫy của thổ dân nơi người ta bắt được nó. Chiếc bẫy, giống như một chiếc lồng thú khổng lồ buộc bằng dây thép và đóng đinh đặt ở giữa ruộng ngô xanh tốt, nhưng giờ đây đã bị các thổ dân vây xung quanh dẫm nát. Mỗi nhử là mấy nải chuối, thứ trái cây mà các con thú này rất thích. Con gorilla đã bị nhiều vết thương rất nặng ở khắp nơi trên cơ thể và máu đang tuôn ra như suối; cái trò tra tấn này không hẳn chỉ là để tiêu khiển mà là một nghi lễ mê tín của thổ dân. Họ tin rằng làm như thế họ sẽ xua đuổi được ma quỷ nhập trong con thú, và vì thế sẽ giảm bớt sự phá hoại của bầy đàn nó trong một thời gian.

Chen qua đám đông, chúng tôi đến gần cái cũi. Con gorilla đang rống lên vì đau đớn và tức giận. Đó là một con gorilla cái còn trẻ và đang có mang rất to, chỉ cần nhìn thoáng qua cũng đủ thấy. Việc xem xét kỹ càng hơn cho cả hai chúng tôi thấy rằng nó đã đến kỳ sinh, và thế là Le Grand nảy ra một ý kiến.

“Harry,” ông nói, “tôi sẽ mổ lấy con nó ra, nó không còn sống được lâu nữa đâu”.

Điều này là rõ ràng, một mũi giáo đã đâm thủng phổi nó.

“Chạy về nhanh lên, lấy dụng cụ cho tôi, và cả thuốc mê nữa. Tôi sẽ chấm dứt cảnh tượng này”. Ông nói thêm.

Đó là cái cách con gorilla con, mà sau này chúng tôi gọi là Congo, được sinh ra. Le Grand đã thành công trong việc thuyết phục các thổ dân thôi hành hạ con vật. Trong lúc tôi chạy về lấy dụng cụ, con vật nằm duỗi dài, nghiêng răng kèn kẹt trong cơn giận dữ. Trói được nó lại đã là cả một kỳ công, nhưng bước vào cái cũi nơi nó bị trói là một việc mà tôi chỉ dám làm một lần và không bao giờ định thử lại nữa. Sức mạnh của loài thú này thật

là kinh khủng. Chúng có thể vặn xoắn nòng súng còn dễ dàng hơn ta uốn một cây kim.

Nó nằm đó găm gù với chúng tôi, máu và nước dãi chảy đầy mặt. Hàm răng lởm chởm nhe ra như giống chó đang găm gù khi nó gào thét hết đợt này đến đợt khác. Đồng tử trong mắt nó mở rộng hết cỡ dưới hàng lông mày rậm.

Tôi đã từng nhìn thấy điều đó trước đây, trên mặt của một kẻ tâm thần sát nhân đã giết mấy mạng người. Nó là sự pha trộn giữa bản tính hung ác và sự tinh khôn. Người ta cảm thấy dù nó có vùng vẫy mạnh đến đâu, nó cũng vẫn còn chưa tung ra hết cái sức mạnh siêu nhiên của nó. Nó đã làm như vậy khi chúng tôi bước vào trong. Cả cái cũi rung lên chao đảo khi nó vùng vẫy, những cơ bắp rất khỏe của nó căng lên như dây chảo, sữa phun ra từ ngực nó. Có lúc tôi đã nghĩ nó sẽ dứt tung dây trói; mà nếu thế thì nó sẽ chẳng cần nhiều thời gian để xé chúng tôi ra thành từng mảnh. Từ trước đến giờ tôi vẫn tưởng mình đã trở nên chai lì với mọi chuyện vì tôi đã từng nhìn thấy cơ man những cảnh tượng khủng khiếp; nhưng cái con thú khổng lồ đó nằm ở đây, gào thét và ho khạc trong cơn giận dữ, thân hình nhuộm đầy máu, quả thực đã làm tôi sồn lòng. Bên cạnh nó có một cánh tay đàn ông. Chúng tôi đã đến quá muộn để cấp cứu cho anh ta và anh ta đã chết. Chắc chắn là anh ta đã đến quá gần cái cũi để nó tóm được tay, và nó đã vặn đứt tay anh ta khỏi thân người như bẻ gãy một cành nhỏ khỏi thân cây. Đây chẳng phải là một cuộc phẫu thuật được tiến hành có ngăn nắp trật tự mà là một ca xô bồ đầm máu; và giáo sư Le Grand mặc áo blu trắng, dao cầm trong tay, vẫn bình tĩnh lạnh lùng cứ như ông đang xem xét vi trùng qua ông kính hiển vi vậy.

Tôi không tin là trái tim ông ta không đập nhanh hơn, hay ông thậm chí có giây phút nào nghĩ đến khả năng xảy ra thảm họa. Với ông thì con linh trưởng dạng người khổng lồ này chỉ thuần túy là một vấn đề khoa học, nhưng tôi thì không cảm

thấy như thế. Ngay từ lúc đó, có lẽ tôi đã biết điều ác sẽ đến từ cái sinh vật phi tự nhiên này.

Tôi không biết chắc là chúng tôi đã sử dụng bao nhiêu thuốc mê; chúng tôi cũng đánh đổ mất một ít, nhưng khi xong việc thì chai thuốc mê nửa lít đã chẳng còn lại bao nhiêu. Không cần phải nói, chúng tôi đã giải thoát nó vĩnh viễn khỏi sự đau đớn cực độ. Nó chẳng bao giờ thức dậy sau giấc ngủ đó nữa. Con gorilla con được lấy ra khỏi bụng mẹ và trao cho một người phụ tá nửa mùa của chúng tôi (chúng tôi đã thành lập một bệnh xá nhỏ gần nơi chúng tôi ở). Ông Giáo sư cúi người trên cái xác con mẹ với các dụng cụ đo đạc trong tay trong lúc tôi tiến hành việc phẫu tích trước khi cái xác bị cứng lại. Khi tôi tò mò quay đầu nhìn quanh, tôi thấy Helena đã đứng đó tay bế con gorilla con trước ngực.

Chuyện xảy ra như thế nào tôi chỉ có thể đoán phỏng. Tôi nghĩ cô ấy đã nhìn thấy chúng tôi khi thức dậy, đã đến đây và lại gần người thổ dân đang bế con gorilla con. Nét mặt nhăn nhúm của nó trông cũng giống như một đứa bé mới đẻ, và theo bản năng, cô ấy bỗng lấy con vật từ tay anh ta. Có vẻ như Salomon, tên người thổ dân đó, hành động như người chăm sóc con cho cô ấy, và để cho bức tranh thêm hoàn chỉnh, con gorilla con, khỏe hơn một đực trẻ bình thường nhiều, cứ đeo riết lấy cổ cô. Dù thế nào đi nữa, khi tôi nhìn thấy cô ấy thì mọi việc đã xong xuôi.

“Nhìn xem” tôi nói với ông Giáo sư khi ông đứng dậy với một mảnh cơ bắp trong tay.

“Vậy là,” ông ta nói, “cô ta đã nhận nó”.

Ông ta định làm gì tôi cũng chẳng hiểu nữa. Hay ông ta sẽ thực hiện một cuộc phẫu thuật cho thỏa trí tò mò? Tôi nghi ngờ điều đó. Hay là ông muốn giao nó cho một người phụ nữ thổ dân nuôi? Hay là ông định giết nó, giữ lại như một mẫu vật; bổ sung thêm cho bộ sưu tập vốn đã nổi tiếng của ông?

Còn Helena có biết cô ấy đang làm gì hay không? Còn nữa, chúng tôi đã biết gì về Helena, với giòng máu lai của cô, với bản năng mạnh mẽ của cô, và những chất vắcxin thử nghiệm đầy trong mạch máu của cô? Đó là vấn đề cần được giải quyết sau này, Le Grand cần phải suy nghĩ.

“Đưa cô ấy về đi,” ông nói, “và đem cho tôi mấy cái lọ”. Chúng tôi vẫn cất giữ mẫu vật trong lọ. “Và ít còn nữa”, ông kêu với theo khi chúng tôi đã rời đi.

Khi ông trở về thì mặt trời đã sắp lặn, còn Helena chỉ nói có một lần. “Nó là của em”, cô ấy nói có vậy.

Một năm sau chúng tôi quay trở về Brussels. Ông Giáo sư, trợ lý của ông, vợ ông và đứa con của cô ấy. Vì cô ấy cứ khăng khăng như thế. Nó không phải là một con gorilla, mà là một đứa trẻ, và nó ăn mặc như một đứa trẻ. Phải sử dụng đến những thế lực quen biết chúng tôi mới kiếm được cho nó một phòng trên tàu; công ty tàu biển chỉ coi nó là một con vật, họ chỉ nhượng bộ khi Helena giận điên lên. Cô ấy mang bữa ăn về phòng, vì con vật gây náo loạn và gào thét ầm ĩ mỗi khi cô rời nó đi đâu.

Thật khó mà miêu tả chuyến hành trình, nhất là từ những sự kiện diễn ra sau này. Helena gọi nó là Baby. Ông Giáo sư đôi khi cũng gọi thế, còn tôi cố tránh hết sức để không nhắc đến nó. Nếu cô ấy nuôi nó như một con vật cảnh thì là một chuyện, nhưng nó ngủ cùng giường với cô, còn Le Grand và tôi ở trong cabin cạnh đó. Khi đó Helena đã hai mươi.

Tôi bỏ qua tám năm kế tiếp vì chẳng có gì đặc biệt để nói. Công việc của chúng tôi, của Giáo sư và của tôi, thành công ngoài sức tưởng tượng. Tôi sẽ không nói gì về cuộc sống chung của chúng tôi với “nó” đến nay đã gần chín năm. Tôi đã nói rằng Helena rất đẹp, còn Giáo sư thì không còn trẻ nữa, đôi khi ông đăng trí; còn tôi thì chẳng khác gì những người đàn ông khác. Tuy vậy tôi biết chắc một điều là nó ghét cả hai chúng tôi; mà nó thì còn khỏe hơn cả một người đàn ông.

Tại sao tôi lại nói vậy. Nó ăn mặc như một đứa con trai, áo thủy thủ, quần soọc và đi dép, ăn cùng bàn với chúng tôi, khuôn mặt nó giống như mặt một ông già. Nó vẫn ngủ cùng phòng với Helena còn ông Giáo sư thì ngủ ở phòng thay quần áo liền đó. Nó có một cái giường rộng trải drap và có cái chăn để trong góc. Nếu nó là một đứa trẻ thì những chuyện như thế này là không được phép, nhưng với tính cố chấp của đàn bà, Helena đôi khi đối xử với nó như những người đàn bà khác âu yếm con chó cưng của họ vậy. Nhưng nó, cái “thằng” đó, không phải là một con chó.

Congo trong chuyện yêu ghét của nó giống như một người nguyên thủy; vì nếu nó vốn là một loài linh trưởng dạng người, thì cái môi trường sống mà Helena áp đặt lên nó làm cho nó có sự tiến hóa nhảy vọt, và về mặt tâm thần nó phải tương ứng ít nhất với người vượn Neanderthal. Và nó rất yêu Helena.

Tôi dùng chữ “yêu” ở đây là có cân nhắc. Chuyện nó yêu mến Helena là điều tự nhiên, vì cô ấy là người mẹ nuôi nấng và dạy dỗ nó, nhưng chuyện còn đi xa hơn thế. Sự sớm phát triển của nó một phần có thể là vì nó được ăn uống tốt, nó ăn những thứ mà chính chúng tôi ăn, giàu chất protein hơn những thức ăn trong thiên nhiên; nhưng sự sớm phát triển đó là một điều rất đáng sợ. Nhìn bề ngoài, thái độ của nó với Helena giống một đứa trẻ được nuông chiều. Nó đeo lên tay cô, trèo lên cổ cô, quàng tay quanh cổ và hôn vào miệng cô bằng cặp môi dày của nó. Nhưng vấn đề là cái ánh mắt của nó khi nó nghĩ rằng không bị ai trông thấy; đã một vài lần tôi thấy rằng nó đang thử sức mạnh của mình. Nó không đập vỡ đồ đạc, nó đã được dạy dỗ chuyện đó từ khi còn bé, nó chỉ di chuyển chúng. Một hôm tôi bắt gặp nó đang nâng cái tủ quần áo lên khỏi đầu bằng hai tay. Vì tò mò tôi đã cân thử cái tủ, đúng 95 kilôgam. Thế mà nó nâng dễ dàng như một người đàn ông xách một gói bưu kiện nhỏ. Chúng tôi còn giữ những số đo chính xác của nó lúc đó: lồng

ngực nó rộng một mét hai, cao một mét hai, nặng một trăm chín mươi pao (khoảng chín mươi ký). Còn bây giờ nó đã lớn hơn nhiều.

Họ bảo rằng đó là một tai nạn, cho dù thoát đầu họ cho là tôi có dính líu vào đó. Họ nói động cơ giết người là ghen tuông, cả về chuyện cô vợ ông, cả chuyện địa vị trong giới khoa học, dù họ cố tử tế bảo là tôi ganh đua với ông. Thật may, tôi có thể chứng minh là vào thời điểm đó tôi đang lên lớp giảng bài, nếu không thì chẳng gì có thể cứu được tôi, nhất là khi họ phát hiện ra ông đã ủy thác cho một mình tôi trông nom tài sản cũng như công việc của ông, để lại cho tôi tất cả sách vở, mẫu vật và các bản thảo của ông. Vậy là tôi không chỉ mất đi một người bạn, mà còn suýt nữa bị tội giết người.

Chuyện Helena sẽ lấy tôi là không tránh khỏi; đó chỉ là chuyện thời gian - nhưng tại sao lại thế? Bất cứ người đàn ông nào từng sống trong ngôi nhà đó, trong một hoàn cảnh lạ lùng như thế mà lại không xử sự như tôi? Tôi nghi ngờ chuyện đó. Làm sao Helena có thể không có tôi làm bầu bạn khi ông Le Grand bất hạnh còn sống hay làm một tấm đệm giữa thế giới bên ngoài và Congo của cô sau khi ông chết? Tôi cũng nghi ngờ chuyện đó. Hay làm sao tôi có thể không hiểu và yêu Helena sau chừng ấy năm? Nhưng cô ấy vẫn còn điên đầu vì một chuyện. Đó là con khỉ đột. Không có gì, kể cả khi cô ấy yêu tôi đi nữa, có thể tách rời nó khỏi cô ấy.

Le Grand rơi xuống từ cửa sổ. Căn hộ chúng tôi ở cao trên mái lâu năm. Ông ấy còn cầm một chiếc bình tưới cây trong tay khi rơi xuống. Tôi như vẫn nhìn thấy cảnh tượng đó hàng trăm lần mỗi ngày. Ông lão đáng yêu, vì ông già đi rất nhanh, đang rờ rẫm từng chiếc lá trong cái bồn cây bên cửa sổ bằng những ngón tay hiếu kỳ. Nó lén đến gần, vì Congo có thể di chuyển yên lặng như một con mèo và sà lại trải thảm rất dày. Hai cánh tay siết lại, bầu trời đảo lộn, tiếng thét, tiếng va đập.

Tôi tin chắc là Helena đã đoán biết, nhưng cả hai chúng tôi không ai dám nói ra. Cô ấy thì vì yêu quý Congo, còn tôi thì vì tôi yêu cô ấy. Nhưng trong tiềm thức, cô biết điều đó, và cô sợ cho tôi. Bây giờ, cô ấy không bao giờ để chúng tôi ở lại một mình với nhau; nhưng cô ấy sẽ phản đối đến cùng, vì tôi đã nghĩ ra một cách khôn khéo để đầu độc nó. Làm chuyện này với thạch tín hay một thứ gì đó sẽ tố cáo tôi ngay lập tức vì Helena biết khá rành về chuyện thuốc men. Dù về mặt luật pháp cô chẳng có gì trách cứ được, nhưng về mặt đạo đức cô sẽ coi tôi như kẻ đã giết con cô. Tôi sẽ dùng lòng trắng trứng; chỉ 5cc là đủ.

Nhưng đây là một trò chơi nguy hiểm, trong đó yếu tố thời gian đóng vai trò quyết định. Chừng nào tôi vẫn mang theo súng, lấy cớ không an toàn khi đi lại làm việc ở những khu vực hoang vắng trong thành phố thì còn được. Nhưng cô ấy bảo: “Khẩu súng bỏ trong túi áo sẽ rất bất tiện, mà tại sao lại phải đeo súng khi ở nhà? Nó sẽ làm nhàu quần áo anh”. Đó là một khẩu Browning cỡ nòng 32, nhưng tôi vẫn nghi ngờ không biết những viên đạn nhỏ xíu này có ngăn chặn được nó không. Hôm nay tôi cảm thấy một cơn khủng hoảng đang đổ lên đầu tôi; vì thế tôi viết những dòng này. Nó thật quá khủng khiếp, tay tôi đã bị số phận trói chặt. Nhưng có ai đó cần phải biết. Cô ấy, một cô bé bất hạnh, cô ấy bảo, “Nó yêu em như một đứa con yêu mẹ vậy”.

Tôi đã gác lại cuốn sách của tôi để viết những dòng này. Tôi chỉ còn biết hy vọng.

CHIẾC VÒNG TRINH NỮ

Jeremiah Digges

Tôi còn nhớ, ông Thợ cả Morgan đúng là một người khổng lồ”, thợ thổi thủy tinh Tom nói. “Cao sáu feet^[3], bề ngang cũng thế - nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ là ông ấy béo cả. Với tôi, khi đó còn là một gã làm chân đế ranh con lãnh lương sáu đô la một tuần, thì Shebnah Morgan khổng lồ chính là Chúa Trời hiện thân, cho dù ông ấy chỉ là một người thợ bình thường”.

Poley, thợ kéo thủy tinh, kể cho họ nghe về bông hồng trinh nữ của ông Thợ cả Morgan, một bông hoa bằng pha lê hồng ngọc. Bông hoa sẽ trong suốt như nước trong đầm Shawme khi được cầm trong tay một trinh nữ, nhưng nó sẽ mờ đục đi ngay lập tức nếu cô gái hóa ra lại là thứ gái bờ bụi. Lúc này, trước khi tiếng còi tầm gọi họ trở về làm việc, những người thợ tụ tập trong các quán ăn tồi tàn quanh khu xưởng thủy tinh Sandwich muốn già Tôm tiếp tục câu chuyện về ông già Morgan huyền thoại kia.

Ông ấy có một bộ râu quai nón trắng như cước, già Tôm tiếp tục, và nó làm cho ông ấy càng giống Chúa Trời hơn, ông ấy đi cũng giống Chúa, ăn trưa cũng giống Chúa. Điểm thiếu sót duy nhất của ông Thợ cả là ông hiền lành quá. Ông ấy chẳng làm hại ai dù đó chỉ là một con rệp. Nói năng thì nhỏ nhẹ, từ tốn.

Ai dà, nhưng họ, các ông thợ cả thời đó ấy mà, đều là những người quân tử và đáng kính hơn cái gã Truro sọc dưa với cái văn phòng khốn kiếp của gã. Vũ hội Pha lê là đêm quan trọng nhất trong năm ở thị trấn Sandwich. Đêm đó, vợ của các ông thợ cả đến dự vũ hội sẽ đeo món đồ trang sức bằng thủy tinh mà đức ông chồng đã làm cho họ. Món đồ trang sức nào nổi trội hơn tất cả sẽ được giải thưởng.

Thời đó trong xưởng thủy tinh này còn có hơn năm trăm thợ làm việc, mà ở đây có tất cả bốn mươi tám lò nấu trong những ngôi nhà cao thấp lô nhô kia. Mà ở Sandwich khi đó chẳng có ai lại so bì tiền công với Pittsburgh hay West, chẳng ai bàn chuyện bãi công, mà cũng chẳng kéo lên Quốc hội để nêu thỉnh nguyện như ở Bồ Đào Nha. Chỉ có thủy tinh, thủy tinh và đôi tay, và vẻ lộng lẫy huyền bí của những món đồ thủy tinh mà những người thợ cả đã làm; và nhiều khi họ còn làm ra những thứ kỳ lạ khác nữa.

Nhưng không có ai trong số họ có thể làm ra thứ thủy tinh mà Shebnah Morgan đã làm, không ai là người biết yêu quý thủy tinh như ông ấy, biết cách âu yếm mài bóng các mặt thô ráp xù xì của thủy tinh như ông ấy. Thậm chí chẳng có ai nghĩ đến việc ganh đua với các món đồ trang sức mà vợ Shebnah Morgan sẽ đeo trong đêm Vũ hội Pha lê. Chuyện cứ như là cá thì phải vào lưới của người đánh cá. Đến nỗi chỉ sau khi Maria Morgan, vợ ông ấy chết và ông Thợ cả bỏ không làm những đồ vật vốn quen tay này nữa thì giải thưởng pha lê mới được chuyển tay nhau giữa những thợ cả còn lại.

Tất cả chúng tôi đều nghĩ ông Thợ cả Morgan sẽ chẳng bao giờ gượng lại được sau cái chết của vợ ông. Tôi từng biết có những người đàn ông rất sung sướng chăm lo cho hạnh phúc của bà vợ họ, nhưng tôi chưa từng nhìn thấy ai như ông ấy. Tôi cũng chưa nhìn thấy người đàn ông nào lại tan vỡ trái tim như Morgan khi ông mất bà ấy - anh không thể hiểu chuyện này đâu nếu anh không gần gũi với ông ta... Qua những chuyện nhỏ, những chuyện mà một người lạ chắc chắn sẽ bỏ qua, mà tôi có thể nói ông ấy đau khổ đến mức nào. Nếu không phải vì cậu con trai Slade thì ông ta chắc cũng biến thành đồ phế phẩm rồi.

Slade là con trai ông ấy, một bản sao y như đúc của bà mẹ cậu. Khuôn mặt đẹp, sắc nét, tính khí nóng nảy và nhẹ dạ, mà điều này cũng giống bà ta nữa. Cậu ta mới mười lăm tuổi khi mẹ

cậu lìa đời, và từ ngày đó toàn bộ mục đích cuộc sống của ông già là trông vào cậu.

Shebnah sống cũng vì cậu - mà hơn nữa tôi cho đó là điều tốt cho chàng trai trẻ này. Từ ngày đó nếu ông Thợ cả có chuyện gì để nói - mà chuyện để nói của ông già còn ít hơn cả thiên thạch trên trời rơi xuống - thì thể nào cũng là chuyện về Slade, Slade thế này, Slade thế nọ.

Phải, Slade Morgan là cái thứ cậu ấm được chiều chuộng chăm bẵm, cũng đền đáp được nhiều cho sự quan tâm lo lắng của ông già đối với cậu. Cho dù tôi nghĩ là vẫn chưa đủ, cậu lẽ ra phải lo liệu những công việc của chính cậu tốt hơn những gì cậu đã làm.

Điều mà tôi định nói là nếu Slade Morgan gần gũi với Chúa hơn và tin vào Chúa hơn như ông già Shebnah cha cậu, thì lẽ ra cậu thà phải đi chèo thuyền khổ sai còn hơn là cưới cái cô Delly Hodges, cầu Chúa cứu vớt linh hồn cô ta!

Còn nữa, với tư cách và đạo đức của Delly, tôi không nghĩ anh lại sai lầm là quá khắt khe với chàng trai kia. Bất cứ ai đã nhìn Delly hai lần, và thử thêm lần thứ ba thì thể nào cũng được cô ả liếc mắt đưa tình trả lại. Rất nhiều người đã thử, và trăm lần đúng cả trăm! Chính ông già Shebnah cũng biết cô ả là loại gái hay thay lòng đổi dạ, nhưng vào thời gian đó ông chiều chuộng Slade đến mức cậu làm mọi việc hoàn toàn theo ý cậu, ông uốn đầu óc ông theo cách nghĩ của cậu. Chuyện đó tốt thôi nếu Slade con ông nói như vậy. Những nốt rộp trên cái bình thủy tinh sẽ chẳng là gì nếu người thổi nó là Slade Morgan.

Vì thế, trái với ý nghĩ của mình, Thợ cả Morgan nói cho cả thành phố biết rằng ông ấy coi Delly là một cô gái ngoan. Ông đã nói nhiều hơn thường lệ, chỉ cốt để chắc chắn là cả Sandwich biết rõ điều đó. Một hôm ông đi ngang qua bà Thankful Stocker trên đường Sagamore và ông giữ bà lại. Bà Thankful là người đàn bà có thể đếm những cọc rào bị mất trên hàng rào nhà hàng

xóm còn nhanh hơn là đếm hàng rào nhà bà; anh sẽ chẳng bao giờ thấy Shebna Morgan chặn đường hỏi chuyện bà ta sáng hôm đó nếu ông ta không quá quan tâm đến chuyện ngăn chặn những lời ngòi lê đôi mách.

“Tôi biết bà sẽ rất hài lòng khi nghe tin thằng Slade nhà tôi sẽ cưới Delly Hodges”, ông Thợ cả nói với bà ta bằng một giọng nhỏ nhẹ và mềm mỏng. “Hôm nay tôi là người hạnh phúc thứ nhì ở Sandwich này đây!”.

“Ai dà, ông Thợ cả!” bà Thankful đáp, dỏng tai hết cỡ để sẵn sàng nghe thêm.

Nhưng ông Thợ cả đã bỏ đi với nụ cười trên miệng giống như tia nắng mặt trời xuyên qua đám mây dày đặc. Và bà Thankful vội vàng tìm đến một cái tai khác cho cái tin sốt dẻo vừa mới biết được.

Rồi, sau đám cưới của Slade và Delly, ông già lại trở nên ít nói. Ông còn ít nói hơn trước, và nếu hai năm sau, Delly Morgan không thổi một làn gió nhẹ vào các cánh buồm của bà Thankful Stocker và những kẻ ngòi lê đôi mách khác trong thành phố, thì anh sẽ chẳng bao giờ biết được chuyện đó để nói với ông Thợ cả. Nếu không có câu chuyện về Nat và Delly Morgan, bắt đầu từ khi Nat Maddock đến Sandwich và vào làm việc ở xưởng thủy tinh, thì anh sẽ chẳng bao giờ có dịp hé răng lấy một lời với ông già.

Nat Maddock còn trẻ, phóng túng và không đi lễ nhà thờ. Còn Delly, như tôi đã nói, vốn chán neo lâu một chỗ. Chuyện bắt đầu từ từ, và nhiều khi tôi phải tự hỏi giữa họ thực sự có chuyện gì với nhau không, hay đó chỉ là do sự đa nghi muôn thuở của Slade, hay tính khí nóng nảy lớp lớp của hắn đã đẩy họ đến với nhau.

Dù sao thì ông Thợ cả Morgan cũng biết chuyện. Tất cả những gì người ta biết thì ông đều biết. Ông biết rõ gan ruột Delly Morgan, từ xương đến da, trong khi Slade vẫn sa đà vào

những chuyện rắc rối và vẫn mù tịt trước sự thay lòng đổi dạ của cô vợ.

Tôi cho rằng đó cũng là lý do tại sao mà cô ả lại ghét ông già thậm tệ. Cô ả to tiếng với ông cũng ngang với mức độ ả mê mết Nat Maddock, ả đổ những rắc rối của ả lên đầu ông già - dù ả vẫn nói năng ỏn thót với Nat. Vì một lý do nào đó, ả quy mọi tội lỗi lên đầu ông già trong chuyện ả ngừng ngẩng với con trai ông.

Vâng, ông Thợ cả Morgan hiểu phụ nữ. Ông sẵn sàng để cho cô ả trút những chuyện bực mình lên đầu ông cho hả tức, miễn là cô ả ngừng cái việc phá hoại và biến cuộc sống của con ông thành đồ phế thải. Ông chẳng bao giờ nặng lời với Delly.

Không, chính Slade mới là người làm bùng lên ngọn lửa từ đồng than đang âm ỉ. Tôi chẳng bao giờ quên được cái ngày hôm đó. Chuyện xảy ra ngay tại đây, trong xưởng thủy tinh này. Maddock là thợ lấy phôi còn Slade là thợ thổi. Chẳng ai trong hai người có cấp bậc thợ cả, và khi có một hợp đồng giao hàng bóng đèn khối lượng lớn - bình thường công việc này không cần nhiều thợ - thì cả Maddock và chàng trai Morgan được điều đến đó, và họ làm việc ở cùng một lò nấu thủy tinh.

Buổi chiều hôm đó, hoàn toàn bất ngờ, Slade giằng lấy cái ống thổi thủy tinh từ tay Maddock, đã có một cục thủy tinh lỏng sẵn sàng để thổi như vẫn luôn như vậy, nhưng thay vì thổi thành bóng đèn thì hắn quay lại và vung cái ống xung quanh Nat Maddock. Nat có lẽ đã đoán trước một chuyện gì tương tự, nên khi cái ống vừa vung lên kêu vù vù là gã đã cúi xuống rất nhanh. Thủy tinh nóng văng ra, bay vèo qua đầu hắn và đập vào bức tường gạch đối diện văng tung tóe.

Từ chỗ của mình, ông Thợ cả Morgan nhìn thấy hết tất cả và ông vội đứng dậy. Ông chạy đến vừa đúng lúc để giật cái ống khỏi tay Slade trước khi hắn có thời gian vung nó lên một lần nữa. Sau đó ông già đứng im nhìn Slade. ông thở nặng nhọc, bộ

mặt nặng nề ướt đầm mồ hôi. Slade nhìn thẳng vào mắt ông bố, sau đó quay người và chỉ vào cái lò nấu thủy tinh.

“Bố! Gã này định giết tôi”, hắn nói, “Bố nhìn đây!”.

Phải, có một vết nứt trên thân cái lò nấu thủy tinh, hướng về phía Slade đứng làm việc. Đó không phải lò kiểu mới có đai bảo vệ, và vết nứt cũng không phải là vết nứt tự nhiên, bất kỳ ai cũng có thể thấy có kẻ nào đó đã đục trên thân lò gây ra vết nứt. Vết nứt đang mở rộng dần ra, và khi nó bung ra thì sẽ có khoảng nửa tấn thủy tinh nóng chảy tuôn vào chỗ Slade.

Nat Maddock mỉm cười.

“Vậy anh nghĩ là tôi phá cái lò nơi chính tôi đang làm việc hả?” gã hỏi Slade.

“Còn mày thì né tránh cái chỗ đó suốt ngày” Slade nói “Chính vì thế mà tao mới nhìn thấy vết nứt. Và nếu nó giết chết tao...” hắn lại cố vùng ra khỏi cánh tay ông Thợ cả đang giữ chặt thẳng con, nhưng hai người thợ khác đã chạy lại giúp ông.

Mọi người ở Sandwich đều biết việc xảy ra ở xưởng thủy tinh, nhưng tôi cho rằng chẳng ai lại nghi ngờ Nat trong chuyện cái lò nứt. Vậy là một cái lò mới được thay vào, và vì Nat chứng tỏ là một tay thợ giỏi, nên toàn bộ câu chuyện này rồi cũng được bỏ qua. Riêng tôi thì tôi tin rằng Nat đã làm chuyện đó. Rõ ràng là một cơ hội tốt cho hắn khi cùng làm một chỗ với Slade, vì ai cũng biết cách làm nứt cái lò. Không có cái gì đau đớn hơn là bị bỏng vì thủy tinh lỏng, vì nó xuyên vào tận xương. Nhưng với Nat Maddock - một kẻ không đi nhà thờ, một kẻ muốn được bù đắp cho sự thiếu may mắn của mình - thì đây chính là kiểu chơi hợp với hắn.

Chiều hôm đó, ông Thợ cả Morgan không thể làm việc tiếp được nữa. Sam Dyer đưa ông ấy về nhà. Ông già đổ mồ hôi như tắm và cứ co giật từng cơn. Mấy ngày sau đó, trông ông giống như người mới nhận được bản án tử vậy. Dĩ nhiên đó chỉ là vì ông nghĩ là ông nhìn thấy điều gì sắp xảy ra. Ông yêu Maria

Morgan, nhưng ông cũng hiểu rõ tính khí bà ấy. Tay Slade Morgan sẽ nhuộm máu - đó là điều mà ông Thợ cả sắp nhìn thấy. Và ông làm sao mà có thể chịu đựng nổi cảnh tượng đó. Chính con trai ông là kẻ giết người! Mà đó là tất cả những gì ông còn lại từ Maria! Mà trong con mắt của ông Thợ cả thì dấu hiệu sát nhân dường như đã hiện rõ trên bộ mặt Slade rồi. Hàng đêm ông như nhìn thấy những hình ảnh làm ông đau đớn mà bất lực không thoát ra được, ông như nhìn thấy những cảnh hành hình khủng khiếp mà những kẻ tội đồ thường mơ thấy, những cuộc hành hình mà kẻ tử tội không được thấy nó kết thúc như thế nào.

Nhưng, khi một người đàn ông thấy trước cái điều còn tệ hơn cả cái chết của chính mình sắp xảy ra, thì cũng có một cái gì đó khiến ông không muốn tin vào nó. Có một điểm mờ trong các khả năng chọn lựa. Sau hôm sự cố trong xưởng thủy tinh, Shebnah Morgan bận bịu suy tính để thổi gió cho cánh buồm số phận của chính mình. Vũ hội Pha lê sẽ được tổ chức sau sáu tuần nữa. Ngày hôm sau, ông bảo với Slade rằng ông sẽ làm một món đồ trang sức cho Delly trong đêm vũ hội, một thứ sẽ khiến cả thành phố một lần nữa phải choáng váng, giống như Maria Morgan từng nhiều lần làm họ choáng váng với những món trang sức do ông làm.

“Nhưng, cha, Delly sẽ không đi dự vũ hội”. Slade sầm mặt lại.

Ông thợ cả làm bộ kinh ngạc:

“Hai đứa con sẽ không đến Vũ hội Pha lê à? Tại sao cơ chứ? Mọi người sẽ vẫn nghĩ cóc con, con và Delly sẽ đến cùng nhau đấy!”.

Slade thấy trong vẻ năn nỉ của ông già có gì đó còn hơn là sự mong muốn. Đúng, hẳn phải có mặt ở Vũ hội Pha lê dù chỉ để khóa những cái lưỡi chuyên ngồi lê đôi mách những chuyện đồn thổi bậy bạ.

“Nat Maddock cũng sẽ đến đó” Slade nói ra miệng những điều hăn đang nghĩ trong đầu. Sau đó hăn quay về phía ông Thợ cả. “Nếu gã cứ nhìn chăm chăm vào Delly thì, thể có Chúa, tôi sẽ giết gã!”

Ông Thợ cả Morgan đứng trước anh con trai và nhìn hăn một lúc lâu. Sau đó ông gật đầu nói, chậm rãi và lo âu.

“Con sẽ không giết nó!”

Những lời đó không giống như mệnh lệnh, mà như một lời cầu nguyện, một lời cầu nguyện đau đớn, tuyệt vọng. Ông Thợ cả Shebnah Morgan khổng lồ đã phải cầu đến quyền lực vô hạn của Thượng đế, cầu đến một bàn tay còn khổng lồ hơn cả tay ông. Và Slade Morgan đã nghe thấy điều đó, hăn đã nghe thấy lời cầu nguyện thay vì mệnh lệnh, lời cầu nguyện của một trái tim tan nát của một ông già vốn rất kiêu hãnh, của một ông già là cha của hăn. Hăn quy xuống và khóc.

Sau đó Shebnah đặt tay lên con trai và nói, “Hãy đưa cô ta đến Vũ hội, con ạ. Hãy mang nó đến đó và để cho nó đeo cái vòng mà cha sẽ làm cho nó. Nó sẽ làm cho cô ta rất vui”.

Đó là tất cả những gì ông Thợ cả Morgan đã nói với con trai ông. Nhưng ông biết Slade đã mất Delly, mất vĩnh viễn.

Đêm hôm đó ông Thợ cả ngồi làm việc. Và từ đó cứ đến đêm là ông lại ngồi làm việc. Và cứ mỗi sáng ra đi đến xưởng, ông lại như già đi trông thấy.

Phải nhiều ngày sau tôi mới biết điều gì đã làm cho ông ra nông nổi như vậy, dù đó chỉ là linh tính của tôi. Vâng, ông già Shebnah đang làm một cái gì đó bằng thứ thủy tinh của ông, một thứ thủy tinh như những giọt nước mắt chảy ra từ linh hồn bất tử của ông. Khi đó tôi còn trẻ và tôi rất ấn tượng trước nó. Tôi thấy ông sửa đi sửa lại ngày này qua ngày khác. Tôi nhìn thấy bóng tối u ám trong cặp mắt của ông. Tôi thấy ông như đang mê mải với cái thứ mà dường như ông muốn được mang nó theo xuống dưới mồ.

Vậy ra cái vật ông làm cho cô con dâu là một cái vòng thủy tinh trắng có hình những dây hồng leo, như ông gọi thế. Chúng tôi gọi đó là vòng hoa tháng năm, nhưng ông già là người Anh và nói giọng vùng Cape, giống như hầu hết các Thợ cả thời đó, và ông gọi đó là chiếc vòng hồng leo.

Chẳng có ai trên thế gian này có thể làm được một cái vòng như thế ngoài Shebnah Morgan. Tôi chưa từng bao giờ trông thấy thứ thủy tinh gì như thế, cũng chẳng hy vọng được nhìn thấy một lần nữa.

Nó trong suốt như kim cương, không hề có tí sắc vàng nào trong đó, không hề có tỳ vết, và nó tỏa ra những tia sáng như kim cương. Đó là một chiếc vòng cổ lớn, nó lớn đến nỗi Delly sẽ phải giữ đầu ngẩng cao khi đeo nó và cô ta sẽ phải cẩn thận khi ngồi xuống để không làm vỡ nó khi ngã người về phía sau. Nhưng cái vòng sáng lấp lánh và đẹp cứ y như một vòng hoa tháng năm thực sự, và nó bao lấy khuôn mặt nhỏ nhắn của cô ta theo cái cách khiến cho cô ta trông cứ như tiên nữ giáng trần. Chiếc vòng được tỳ nhẹ lên vai cô ta bằng một cái khung đỡ ở bên dưới, cuốn quanh cổ cao đến sát cằm, giống như cái cổ áo xếp nếp trong các bức tranh nước Anh ngày xưa. Mỗi chiếc lá, bông hoa trên chiếc vòng đều phản chiếu ánh sáng trong gian vũ hội của Tòa Thị chính, và chiếu chúng lên khuôn mặt Delly, cho dù cô ả có đi đến đâu thì cái vầng hào quang đó cũng luôn chiếu lên cô ta, thật kỳ lạ và không thể giải thích được, và cô ta trông khác hẳn với tất cả những người đàn bà khác trong buổi Vũ hội Pha lê tối hôm đó.

Ông Thợ cả Morgan tự mình mang chiếc vòng đến Tòa Thị chính, Slade và Delly đi đằng trước. Khi đến nơi, ông già đeo chiếc vòng lên cổ cho cô ả. Chiếc vòng mở ra với một cặp bản lề thủy tinh rất đẹp và sau đó đóng lại và được khóa ở phía sau. Không có một tí kim loại nào trên chiếc vòng.

Slade Morgan trở mắt ngắm cô vợ trẻ đứng ở mặt tiền Tòa Thị chính, khoác chiếc áo choàng không tay của cô ta và tất cả trang phục của ả đều may bằng sa tanh trắng. Cô ta không đeo một thứ đồ trang sức gì khác ngoài chiếc vòng đang thu hút ánh sáng từ các cây đèn đường và chiếu nó lên khuôn mặt cô nàng. Delly sung sướng ứa nước mắt. Tuyết trên đường cao tốc King's Highway và những nhũ băng treo trên gờ mái Tòa Thị chính đang lấp lánh. Chiếc vòng cổ cũng thu hút ánh sáng của tuyết cùng với ánh sáng đèn. Nó làm cho Delly trông giống như Nữ hoàng Băng giá trong cuốn truyện cổ tích mà thuyền trưởng Freeman mua về cho các con ông ta từ Copenhagen. Khi cô nàng cười với Slade thì đó là một nụ cười pha trộn với những sắc màu lạ lùng, với ánh bạc của thủy tinh Sandwich, một sự kết hợp kỳ lạ có một không hai.

“Em đừng mang mặt nạ! Em không cần phải đeo mặt nạ!” Slade kêu lên.

Và thế là cô ta không đeo. Cô ả đi vào trong phòng khiêu vũ mà không mang mặt nạ, khuôn mặt cô ta tự nó đã như mặt nạ với vầng ánh sáng chiếu lên đó. Ngay trước khi họ bước vào, ông Thợ cả lo lắng thì thầm vào tai cô ta.

“Con nhớ đừng tháo cái vòng cổ ra” ông bảo “Đừng cố tháo nó ra mà không có cha giúp, con ạ, nếu không thì con sẽ làm vỡ nó đấy. Để tháo ra cần có người thành thạo. Cha sẽ có mặt ở nhà ngay khi các con về, và cha sẽ tháo nó cho con”. Và ông già để họ lại ở cửa vào Tòa Thị chính.

Ông giống như một người đến từ thế giới khác, lưng còng xuống, đi trên con đường cao tốc trở về nhà, và ông không nhìn thấy, không nghe thấy gì hết, trong khi cả thành phố đang cười nói, hát hò xung quanh ông trên các đường phố Sandwich trong ngày lễ hội. Tôi vẫn nhớ những điệu nhảy thời đó; chẳng có lễ hội nào khác, từ Plymouth cho đến Provincetown có thể sánh được với Vũ hội Pha lê.

Tất nhiên là Nat Maddock cũng có mặt ở đó, nhưng khi Slade đến cùng với Delly và dẫn cô nàng đi xuyên qua đám đông, khi tất cả mọi người đều há hốc mồm ngạc nhiên trước sự xuất hiện của cô nàng, thì rõ ràng hẳn đã quên bằng về Nat. Hẳn quên hết mọi thứ chỉ trừ Delly, và tôi ngờ rằng chính cái vòng dây hồng leo là nguyên nhân. Tôi ngờ rằng có một thứ bùa mê trong cái vòng đó sai khiến những hành động của Slade!

Tất cả những gì hẳn muốn là khoe Delly với cả thành phố, là để cho tất cả những gã đàn ông kia thấy cô ả xinh đẹp như thế nào. Hẳn muốn thấy họ nhìn ngắm cô ả, và khi thấy họ làm vậy, hẳn cười to khoái chí. Hẳn như người bị bỏ bùa mê. Cặp mắt hẳn theo sát cô ả, với những tia sáng kỳ dị trong đó, và khi cô ả nhảy điệu luân vũ, hẳn ngồi lại với đám các ông già để ngắm nhìn cô ả.

Tôi còn thấy một bằng chứng khác, chứng tỏ rõ ràng rằng chiếc vòng được làm ra không chỉ bằng đôi bàn tay xương thịt trần tục của ông già Shebnah Morgan. Vì cả Delly cũng hành động rất lạ lùng và khác ngày thường. Cô ả luôn giữ nụ cười lạnh lẽo trên môi giống như nó đóng băng lại trên khuôn mặt trắng toát nhỏ nhắn của cô ta. Khi buổi tối mới bắt đầu có một lúc, cô ả đã tìm mọi cách chuốc rượu cho Slade. Cô ả đã làm cho hẳn gần như say mềm khi đêm Vũ hội vẫn còn rất dài. Và rồi bất thành linh cô ả biến mất.

Nat Maddock cũng biến mất và tôi không biết họ đã biến đi được bao lâu, nhưng cuối cùng khi Slade nhận rằng điều đó thì hẳn lập tức ngừng nhảy.

“Delly!” hẳn gào lên khắp phòng khiêu vũ, cứ như đang báo động có đám cháy. Hẳn lung sục khắp phòng nhảy như một người điên phá phách lung tung, gọi tên cô ả, rồi sau cùng hẳn chạy ra ngoài và chạy xuống con đường.

Vâng, Vũ hội Pha lê được tổ chức không phải dành cho các cặp vợ chồng trẻ, cũng không phải chỗ để tiêu khiển cho cô vợ

của bất cứ ai, và dần dần điệu nhảy lại bắt đầu trở lại và tiếp tục như cũ. Các tay viôlông rời chỗ và dàn đồng ca thế chỗ, một điều gì đó nghiêm trang sắp diễn ra, được dàn chào trước bởi tiếng nhạc, và cùng với nó là dàn đồng ca của các thợ trang trí và điệu nhảy của các thủy thủ.

Khi chuyện đó xảy ra tôi không nhìn thấy. Chẳng ai nhìn thấy nó ngoài Nat Maddock. Nhưng tôi nghe thấy tiếng gã thét lên kinh hoàng. Đó là một tiếng gào man dại, vọng đến từ bờ đầm Shawme Pond đằng sau Tòa Thị chính. Nat đã dẫn Delly đến đó trong khi chồng cô ả đang tìm họ trên các đường phố Sandwich. Nat gào thét suốt quãng đường gã chạy về phòng nhảy. Bộ mặt gã tái mét và man dại, hai tay gã đỏ những máu.

Gã không thể nói năng được. Gã ú ớ cố kể với chúng tôi, nhưng tất cả những gì gã làm được là chỉ tay về phía cái đầm trong khi những lời nói ú ớ cứ nghẹn lại trong cổ họng gã. Trước khi gã dẫn chúng tôi đến chỗ Delly, một vài người trong chúng tôi đã lục soát vệ cỏ bên bờ đầm, trong khu nghĩa địa và quanh bốn mặt, gần ngôi nhà của ông già Hoxie.

Ông Thợ cả Bardo tìm thấy cô ta trước. Ông ấy gọi to và mọi người chạy xô đến chỗ ông. Cô ta nằm đó, duỗi dài trên mặt đất, đầu cô ta ngập trong một vũng nước nhỏ đen hơn nước đầm. Cổ của Delly Morgan có một vết cắt toang hoác và sắc cạnh như vết cắt của một con dao cạo.

Vâng, Nat Maddock đã lau sạch những vết đen lấm tẩm trên cổ cô ta và khi đó chúng tôi mới thấy cái gì đã gây ra nó -chiếc vòng cổ dây hồng leo của ông Thợ cả Morgan. Nó hầu như vỡ tan tành khi cô ta ngã và những mảnh trắng của nó nằm vương vãi xung quanh đầu cô ta và lấp lánh dưới ánh trăng ở những chỗ không bị dây máu. Chúng tôi đập vỡ vành thủy tinh còn lại và tìm thấy một mảnh thủy tinh dài, đẹp, rất cứng, có cạnh sắc lẹm, và trong suốt hầu như không nhìn thấy, chính nó đã cắt sâu vào cổ cô ta.

Không có ai ở Sandwich biết nhiều chuyện như những người thợ ở xưởng Thủy tinh. Nhưng họ không biết rằng ông Thợ cả có thể thiết kế ra một chiếc vòng cổ mà không ai có thể tìm ra cái chốt được giấu kín bên trong, để có thể mở nó ra mà không làm cho con dao thủy tinh sắc lẹm kia cắt vào cổ cô trinh nữ đang đeo chiếc vòng. Họ cũng không biết rằng người đàn bà nào đã đeo chiếc vòng này thì không thể hôn ai mà cũng chẳng ai hôn được cô nàng.

NHẢM THẮNG VÀO TIM

Craig Shaw Gardner

Chúng không phải lúc nào cũng mở mắt. Đó là một điểm mà phim ảnh đã hiểu lầm. Nhưng nếu chúng mở mắt ra, thì anh phải đâm chiếc cọc, thật trúng và thật nhanh, trước khi chúng kịp thét lên và làm những người khác tỉnh dậy.

Phim ảnh luôn luôn đơn giản hóa vấn đề. Đó là một trong những điều đầu tiên mà tôi học được sau khi tôi biết về ma cà rồng. Những con ma cà rồng thật, không phải những bóng ma trong phim ảnh mà là những tồn tại có thực, là một phần của thế giới sương khói, chúng không còn mang những dấu hiệu chữ thập và suốt đêm ẩn trong nhà kho của các cửa hiệu tạp hóa. Tôi hầu như có thể nói chúng thật sự “sống động và có máu”. Tôi phải biết kiểm chế. Ma cà rồng là bất cứ thứ gì chỉ trừ chuyện đó.

Đôi mắt của Veronica, đúng hơn là đôi mắt của một thứ đã từng một thời là Veronica, mở to khi tôi đâm chiếc gậy nhọn đầu vào giữa ngực cô ta. Cô ta rất khỏe; tôi đã biết điều này từ lâu. Tôi đóng chiếc cọc bằng cái búa sắt của tôi, lái nó qua các xương sườn đâm thẳng vào trái tim trước khi cô ta có thể kháng cự lại. Trước khi cô ta có thể đè bẹp tôi bằng sức mạnh kinh khủng của cô ta. Cô ta không kịp thét lên. Đôi mắt cô ta lộ vẻ kinh hoàng, miệng cô ta há ra ngáp ngáp để lộ những chiếc răng trắng nhọn. Rồi mọi việc cũng xong. Chiếc cọc gỗ đã xuyên qua tim. Veronica giãy lên một lần cuối cùng rồi nằm yên.

Tôi lấy con dao phay từ trong hòm đồ nghề ra và cắt cái đầu rời khỏi cái xác, để cho Veronica không bao giờ có thể trở lại thành ma cà rồng được nữa. Phải làm một việc cuối cùng nữa,

tôi nhét đầy tỏi vào miệng Veronica. Luôn luôn phải đảm bảo an toàn tối đa trong những vấn đề như thế này.

Tôi đặt búa, dao và số tỏi còn dư vào hòm đồ nghề rồi đóng chặt nắp lại. Tôi trở ra bằng lối cửa sổ mà từ đó tôi đã đi vào. Cho đến giờ tôi đã làm công việc này rất nhiều lần nên nó hầu như đã thành một thói quen. Nhưng tôi không được cho phép mình bất cẩn thêm một lần nữa. Tôi đã từng không cẩn thận một lần trước đây, và lũ ma cà rồng đã suýt nữa tóm được tôi.

Và tôi vẫn còn đang phải trả giá vì chuyện đó. Chúng đã cử Veronica đến tìm tôi. Chúng thật quá ranh ma. Tôi suýt nữa đã trở thành một con ma cà rồng như chúng. Chúng đã biết về con người tôi qua lần sai lầm đầu tiên của tôi. Tôi đã tỏ ra thương hại, và tôi đã chần chừ trong khi đáng ra tôi phải giết. Thông điệp về tôi đã được truyền đi khắp cộng đồng ma cà rồng, được gửi đi bởi con ma cà rồng mà tôi đã để cho nó sống quá lâu trong một đêm nọ.

Bấy giờ chúng đã biết về tôi. Chúng biết tôi có tình cảm như thế nào với Veronica, rằng Veronica đã xuất hiện trong đời tôi khi tôi cần nàng nhất.

Anh đã nghe tôi nói về các bộ phim. Tôi cũng nghĩ về Veronica như thế, cứ như tôi đang gặp nàng trong một bộ phim. Tôi nhìn thấy nàng lần đầu tiên trong một nhà hàng, nàng đang lách mình giữa những dãy bàn ăn. Nàng đi về phía tôi, tưởng chừng như Ingrid Bergman đang bước ra từ trong phim Casablanca.

Lúc đó trời đã tối mịt, tất nhiên, vì chúng thường ra ngoài khi trời tối. Tôi thích đến những nơi đông người vào buổi tối. Đám đông sẽ bảo vệ tôi chống lại chúng, tôi luôn nghĩ như vậy. Tôi ngồi ăn một mình. Nàng mặc chiếc áo dài đen được cắt may rất giản dị khiến cho thân hình nàng quá đỗi quyến rũ. Tóc nàng thật dài, màu nâu sậm, và dưới mái tóc đó khuôn mặt nàng trông thật nhợt nhạt. Đôi môi đầy đặn của nàng là điều làm cho

tôi chú ý đầu tiên, sau đó là gò má cao, và cuối cùng đó là màu mắt. Nàng có đôi mắt xanh, xanh như màu cỏ non và phớt ánh da trời.

Khi vừa nhìn thấy nàng, tôi đã biết ngay là tôi phải nói chuyện với nàng. Nàng chỉ nhìn tôi trong một thoáng, rồi ánh mắt nàng lướt qua. Thoạt đầu tôi đã cảm thấy sợ hãi. Tôi không còn biết làm gì hơn là để nàng tuột khỏi cuộc đời tôi.

Nhưng nàng quay lại nhìn tôi, không thấy tay hầu bàn đang đi đến. Cái khay đựng vào vai nàng. Gã hầu bàn làm nghiêng cái khay, còn Veronica thì ngã xô vào một cái ghế.

Tôi đã nhảy lên khi sự việc xảy ra. Nàng đã đứng dậy khi tôi chạm được đến nàng. Tôi hỏi xem nàng có làm sao không. Nàng mỉm cười và nói nàng không sao cả.

“Chỉ vì tôi sơ ý thôi” Nàng cười. “Mọi chuyện đều là vì tôi muốn tránh hút thuốc”.

Tôi mời nàng đến ngồi ở bàn của tôi. Nàng đồng ý và hỏi tôi có phiền không nếu nàng chỉ ngồi đây một lúc. Nàng nghĩ nàng có vấn đề, cổ chân nàng hơi bị đau.

Nếu nàng đi giống như Ingrid Bergman thì nàng hút thuốc giống như Bette Davis; chậm, rít những hơi sâu và nhìn vào những đầu ngón tay. Sau đó, nàng ngước lên nhìn tôi và mỉm cười. Nàng luôn cười với đôi môi mím chặt.

Veronica bảo tôi là nàng đang chờ một người suốt mấy tiếng đồng hồ rồi. Một người tình cũ, tôi đoán thế. Nàng nói nàng rất căng thẳng, vì thế mà nàng hút thuốc quá nhiều. Chúng tôi nói chuyện suốt cả buổi, và tối hôm đó tôi đưa nàng về nhà với tôi.

Các giác quan mới dễ lừa dối anh, làm anh mù mẫm đi những khi trí óc anh không còn làm việc! Nàng mới mềm mại, mới ấm áp, mới người làm sao khi lần đầu tiên chúng tôi ân ái với nhau. Dĩ nhiên, đó là một quyền năng của nàng. Đó là ý định của nàng. Những con ma cà rồng thực sự có thể làm thay đổi cách

suy nghĩ của anh, che giấu không cho anh biết cái thân hình thực, lạnh giá như băng của chúng.

Nếu anh đủ mạnh thì đôi khi anh có thể nhìn suốt qua chúng. Và khi tôi nhìn thấy thì hầu như đã quá muộn, vì nàng đã bí mật hút máu tôi đêm này qua đêm khác.

Chúng đã xếp đặt khá hoàn hảo, để quyến rũ tôi sa vào cái bẫy của nàng. Veronica và tôi từ ngày đó không tách rời nhau. Không giống như những chị em trong bóng đêm khác của nàng, chúng bố trí cho nàng cả một gia đình, một bà mẹ và một cô em, cả hai đều là người. Hay chỉ là do tôi tưởng vậy. Nàng đưa tôi đến gặp họ, vào ban ngày! Đó lại là một điểm nữa mà phim ảnh đã sai lầm. Tuy rằng cái buồng kho trong phim Dracula là đúng. Nhưng những con ma cà rồng khỏe mạnh nhiều khi vẫn có thể đi ra ngoài phố giữa ban ngày.

Lúc đó tôi đã rất hạnh phúc, mãi cho đến ngày nàng muốn rời bỏ tôi.

Đó là sai lầm của nàng. Nàng nghĩ rằng nàng đã hoàn toàn kiểm soát được tôi. Nhưng nếu chỉ vì tôi phải nghe những lời nhiếc móc của nàng mà không phản nản gì thì thế là chưa đủ. Không, lẽ ra nàng phải sử dụng quyền năng của mình, phải làm cho tôi quần quai khổ sở. Nàng bảo tôi là quá ích kỷ, rằng nàng không phải là đồ vật thuộc sở hữu của tôi. Nàng nói những chuyện tôi đang quan tâm là quá ma mị, huyền hoặc, nhưng...

Lúc đó tôi nhận thấy bộ mặt nàng trở nên lạnh lẽo làm sao. Và nó cứ giữ nguyên cái vẻ lạnh lẽo như thế mãi, thực sự chỉ có quyền năng của nàng mới giữ được tôi không nhìn nó. Chúng luôn luôn sử dụng quyền năng để bắt các nạn nhân của chúng phải khuất phục. Đó lại là một điểm nữa mà phim ảnh không để ý tới: chúng cố ăn trộm không chỉ máu của bạn, mà cả linh hồn của bạn nữa.

Nhưng Veronica lại quá tự cao tự đại, quá tham lam. Tôi cuối cùng đã nhận rõ bộ mặt tái nhợt, không chút huyết sắc kia mới

là bộ mặt thật của nàng, và đã nhận ra rằng của nàng mới sắc nhọn làm sao.

Bốn phận kêu gọi tôi phải thực hiện công việc của mình một lần nữa. Như tôi đã từng làm với Carolyn, với Sandra, với Karen, và với Sally, người đầu tiên đã làm cho tôi mũi lòng bất cần. Mà có lẽ tôi cũng đang bất cần đối với mẹ và em của Veronica.

Vậy là tôi lại trèo qua cửa sổ, vào trong buồng, và nhìn vào khuôn mặt của Veronica, yên bình trong giấc ngủ, tái nhợt dưới mái tóc nâu đen. Làn da của nàng có màu trắng chết chóc dưới ánh sáng lạnh lẽo của mặt trăng tròn. Nàng nằm ngủ khỏa thân trên giường. Bộ ngực đầy đặn của nàng phập phồng theo hơi thở, khiến tôi phải mất một lúc mới tìm được vị trí chính xác để đóng cây cọc, vì tôi không dám đụng vào da nàng.

Cây cọc và cái búa phải được đặt đúng vị trí, đúng tư thế. Trong những chuyện như vậy anh phải hết sức cẩn thận. Anh phải đập thật mạnh và thật chắc tay, trước khi chúng có thời gian để kịp thét lên. Và anh phải luôn luôn nhắm thẳng vào trái tim .

THUỐC TRƯỜNG SINH

Tanith Lee

Vampire đã già, và không còn xinh đẹp nữa. Có chung một đặc tính với những sinh vật sống, bà cũng già đi, dù rất chậm, giống như những thân cây cao trong công viên kia. Mạnh khảnh, gầy guộc và trụi lá, chúng đứng đó bên ngoài những ô cửa sổ, trong một buổi sáng mưa dầm ảm đạm. Còn bà ngồi trên chiếc ghế có tựa cao quá đầu ở trong góc căn phòng, nơi có các bức rèm bằng vải ren dày màu vàng và tấm màn che màu rượu vang không để cho một tia sáng ban ngày nào lọt vào. Bà đang đọc sách dưới ánh sáng lờ mờ của cây đèn bằng bạc chạm trổ. Cây đèn này vốn từ cung điện của Sa hoàng nước Nga. Cuốn sách một thời đã là niềm hãnh diện cho thư viện của một vị giáo hoàng xấu xa, có cái tên thế tục là Roderigo Borgia. Còn lúc này, bàn tay khô héo của Vampire đang đặt trên những trang giấy của nó. Bà mặc chiếc áo dài ren màu đen đã có tuổi hơn một trăm tám mươi năm nhưng còn “trẻ” hơn bà nhiều. Bà ngồi đó, nhìn người đàn ông già, mắt nheo lại vì những tia sáng lờ mờ hắt từ chiếc cửa sổ phía xa.

“Ông nói là ông đã mệt mỏi, Vassu. Ta hiểu nó nghĩa là thế nào. Đã quá mệt mỏi, mà không thể nghỉ ngơi. Đó thực sự là một điều khủng khiếp”.

“Nhưng, thưa Công chúa,” ông già bình thản nói, “chuyện còn hơn thế nữa. Tôi đang chết”.

Vampire khẽ cử động. Những chiếc lá bạc màu trên tay bà rơi xuống trang giấy. Bà mở to mắt, ngạc nhiên như một đứa trẻ.

“Đang chết? Sao lại thế? Ông chắc chứ?”

Ông ta, trông sạch sẽ và chỉnh tề trong bộ đồ sẫm màu, gật đầu lắc bầm.

“Vâng, thưa Công chúa”.

“Ôi, Vassu,” bà bảo, “ông mừng lắm phải không?”

Ông cảm thấy hơi bối rối. Cuối cùng ông nói:

“Tha thứ cho tôi, thưa Công chúa, nhưng thực sự tôi rất mừng. Vâng, rất vui mừng”.

“Ta hiểu”.

“Chỉ có điều,” ông nói, “tôi lo lắng cho bà”.

“Không, không” Vampire nói với một thái độ lịch sự hoàn hảo vốn có của đẳng cấp và loại người như bà. “Không, ông không cần phải quan tâm cho ta. ông là một người phục vụ tốt. Tốt hơn nhiều so với những gì ta từng hy vọng. Ta rất biết ơn ông, Vassu, vì tất cả những gì ông đã lo lắng cho ta. Ta sẽ nhớ ông lắm đấy. Nhưng ông cũng cần được tưởng thưởng” bà ngăn ngừa “Lẽ ra ông phải được hưởng nhiều hơn là chỉ sự yên bình...”

“Nhưng bà...” ông nói.

“Ta sẽ Ổn thôi. Hiện giờ, nhu cầu của ta rất ít. Những ngày ta là kẻ săn mồi đã qua rồi, và những đêm nữa. Ông còn nhớ không, Vassu?”

“Tôi nhớ chứ, thưa Công chúa”.

“Khi đó ta rất đói, lại còn nghiệt ngã nữa. Mà cũng rất đẹp. Khuôn mặt ta đã từng soi qua ngàn vạn tấm gương sang trọng. Biết bao đôi hài lụa của ta đã lấm bẩn vì sương đêm và biết bao người tình của ta thức dậy trong buổi sáng mai lạnh lẽo ở những nơi heo hút tối tăm mà ta đã bỏ họ lại. Nhưng giờ đây, ta không ngủ nữa, ta cũng rất hiếm khi đói. Ta chẳng còn đam mê. Ta chẳng còn yêu. Đó là những điều an ủi của tuổi già. Chỉ có duy nhất một điều sẽ không bao giờ đến với ta. Nhưng ai mà biết được. Một ngày nào đó có lẽ ta cũng sẽ...” bà mỉm cười với ông ta. Hàm răng của bà vẫn tuyệt đẹp, nhưng bây giờ chúng đã hầu như bằng phẳng, những chiếc răng nanh sắc nhọn đã mòn đi hoàn toàn. “Hãy rời bỏ ta lúc nào ông thấy cần” bà nói “Ta sẽ

thương khóc cho ông. Ta ghen tỵ với ông đấy. Nhưng ta sẽ không đòi hỏi gì ở ông nữa, người bạn tốt bụng của tôi ạ”.

Ông già cúi đầu.

“Tôi còn một vài ngày, và chỉ một vài đêm. Còn có một vài chuyện mà tôi muốn thử làm trong thời gian này. Tôi sẽ cố tìm một người có thể thay thế cho tôi”.

Vampire lại nhìn ông ta, lần này với vẻ tò mò. “Nhưng Vassu, ông bạn trung thành của ta, việc này không cần đâu”.

“Vâng. Nếu tôi còn nhanh nhẹn”.

“Thế giới này không còn là nó nữa” bà nói, với một vẻ thông thái nghiêm ngặt và lạnh lùng.

Ông ngẩng đầu lên, ông đáp với vẻ e dè:

“Thế giới vẫn luôn luôn như thế, thưa Công chúa. Chỉ có cảm nhận của chúng ta về nó là chính xác hơn. Trí tuệ của chúng ta khó chấp nhận được nó hơn”.

Bà gật đầu.

“Phải, chắc là như vậy. Làm sao mà thế giới lại có thể thay đổi khủng khiếp đến thế được? Chắc là chính chúng ta đã thay đổi thì đúng hơn”.

Ông sửa lại sợi dây thắt lưng trước khi rời đi.

Ở ngoài kia, nước mưa rơi xuống không ngừng từ các thân cây.

Thành phố trong cơn mưa không giống chút gì với rừng cây. Nhưng ông già, người đã từng sống ở nhiều rừng cây và nhiều thành phố, ông không cảm thấy gì đặc biệt trong chuyện đó. Tình cảm của ông, cảm giác của ông đã được dành cho những việc khác.

Tuy nhiên, ông vẫn ý thức được bộ dạng kỳ dị và lỗi thời của ông khi ông đi trên các đường phố trong bộ trang phục của một thời đại đã qua, biết được ông không hòa hợp với khung cảnh xung quanh, cũng không đáp ứng được chút nào sự kính sợ của

họ. Thậm chí có vài lần lũ trẻ con hay bọn thanh niên chê giễu và gọi ông bằng những cái tên ngớ ngẩn mà ông vẫn quen nghe bằng hai mươi thứ tiếng, ông không sợ hãi mà cũng không để ý. Ông chẳng quan tâm gì đến những chuyện như vậy. Ông đã sống ở quá nhiều nơi, nhìn thấy quá nhiều cảnh tượng; những thành phố bị thiêu hủy hay rơi vào cảnh điêu tàn, những thanh niên già đi, cũng như ông đã già, và chết đi, như ông cuối cùng cũng sẽ chết. Ý nghĩ về cái chết an ủi ông, cổ vũ ông, và cùng với nó là một nỗi buồn lớn lao, một sự ghen tuông lạ lùng. Ông không muốn rời bỏ bà. Dĩ nhiên là ông không muốn. Cứ nghĩ về sự yếu ớt dễ bị tổn thương của bà trong cái thế giới hỗn tạp này, với sự tàn bạo vốn có từ cổ xưa của nó - dù được nhìn nhận một cách mới hơn - là ông đã thấy khiếp sợ choáng váng. Đó là một nỗi buồn. Và ghen tuông... bởi vì ông đang phải cố tìm ra một người khác để thay thế cho ông. Và cái người khác đó sẽ vì bà, cũng như ông đã từng như vậy.

Ký ức cứ chập chờn trong đầu óc ông, giống như những giấc mơ thức dậy, mỗi một lần ông đi ra phố. Khi ông bước lên những bậc thang của các viện bảo tàng và ga tàu điện ngầm thì ông lại nhớ đến những bậc thang bằng đá cẩm thạch và đá hoa cương ở các miền đất khác. Và mỗi khi nhìn ra ngoài từ ban công nhà cao tầng, nhìn thành phố thu nhỏ lại như trên tấm bản đồ, ông lại nhớ đến các tháp nhà thờ và những đỉnh núi vút lên tận trời cao. Và rồi cuối cùng, dường như đang lật ngược các trang sách từ dưới lên, ông lại đến điểm khởi đầu.

Nàng đứng ở đó, giữa hai ngôi mộ cao màu trắng, tòa lâu đài nằm phía sau nàng, mọi vật đều lấp lánh như có ánh bạc trong làn sương mờ trước lúc rạng đông. Nàng mặc chiếc áo dài vũ hội, và chiếc choàng trắng dài. Và ngay từ ngày đó, tóc nàng đã uốn theo kiểu của một thế kỷ trước; mái tóc đen nhánh, giống như những bông hoa đen.

Từ một năm trước ông đã biết rằng ông sẽ phục vụ nàng. Đó là cái lúc mà ông nghe người ta nói về nàng trong thị trấn. Họ không lo lắng mà là kính sợ nàng. Nàng không săn bắt những người dân ở thị trấn của nàng, không như những kẻ khác giống như nàng vẫn làm.

Khi ông có thể đứng dậy được, ông liền đi theo nàng. Ông đã quỳ xuống và lắp bắp những lời gì đó; khi đó ông mới chỉ mười sáu tuổi, còn nàng cũng không già hơn ông. Nhưng nàng chỉ bình thản nhìn ông và nói: “Ta biết. Ta đón chào anh”. Những lời này được nói ra bằng một thứ ngôn ngữ mà bây giờ họ rất ít khi nói với nhau. Nhưng sau này, bao giờ cũng vậy, mỗi khi nhắc lại lần gặp gỡ đó là bà lại nói bằng đúng cái giọng đó và cùng một ngữ điệu nhẹ nhàng tương tự.

Tất cả những bóng người mơ hồ cứ đến rồi đi trong cái quán nhỏ bé nơi ông nghỉ chân ngồi uống cà phê. Chẳng có gì làm ông chú ý, cũng chẳng có gì hữu dụng cho bà. Suốt buổi sáng chẳng có gì báo động cho ông. Ông sẽ biết. Ông sẽ biết vì ông đã từng biết nó từ chính ông.

Ông đứng dậy và rời quán cà phê, và giấc mơ đang thức tỉnh cùng đi với ông. Một chiếc xe hơi đen bóng loáng lướt qua và ông bắt được một dáng hình như đá tạc qua làn tuyết trắng.

Có tiếng bước chân quét trên vỉa hè, có lẽ khoảng hai mươi bước sau lưng ông. Ông già không lưỡng lự. Ông vẫn bước tiếp và đi vào một ngõ nhỏ giữa hai tòa nhà cao tầng. Tiếng bước chân vẫn bám theo ông; ông không nghe được hết mà chỉ một trong bảy hay tám bước. Một dây thần kinh nhỏ bắt đầu căng thẳng trong ông, nhưng ông không biểu lộ gì hết. Nước bắn lên trên các hàng gạch bên cạnh ông, và tiếng ồn ào của thành phố bỗng im bật.

Thình lình, một bàn tay đặt lên phía sau cổ ông, một bàn tay thành thạo, ấm nóng và chắc chắn, nhưng không gây hại gì cho ông, gần như sự đụng chạm của một người tình.

“Thế chứ, ông già. Cứ đứng yên. Tôi sẽ không làm ông đau đâu nếu ông làm những gì tôi bảo”.

Ông đứng lại, bàn tay ấm nóng và đầy sức sống vẫn đặt trên cổ ông. Ông chờ đợi.

“Được rồi” một giọng nói đàn ông, trẻ trai và có cái gì hơi lạ lùng trong đó “Nào, hãy đưa tôi cái ví của ông”.

Ông già nói bằng một giọng áp úng như người ngoại quốc, ra dáng sợ hãi. “Tôi... ví... không có”.

Bàn tay lập tức thay đổi tính chất, xiết lại một chút.

“Đừng nói láo. Tôi có thể làm ông đau đấy. Tôi không muốn, nhưng tôi có thể. Đưa cho tôi bất cứ thứ tiền gì ông có”.

“Vâng,” ông áp úng, “vâng... vâng...”

Và luồn khỏi cái gọng kìm chắc chắn và không thương xót kia như một dòng nước, ông quay lại, tóm lấy cổ gã và quăng gã đi - tất cả chỉ trong một thoáng.

Kẻ tấn công ông già va mạnh vào bức tường xám ẩm ướt và ngã lăn dưới đất. Hắn nằm ngửa trên những viên đá lát đường ướt nước mưa và trơ mắt lên, hắn quá đỗi kinh ngạc nhìn con người kỳ dị kia.

Chuyện này đã xảy ra rất nhiều lần trước đây. Một vài kẻ cho là ông già dễ xơi, nhưng ông có tất cả những sức mạnh sắt thép của cái đang là bản thể của ông. Ngay cả lúc này, ngay cả khi đang chết, ông vẫn mạnh khủng khiếp. Và còn nữa, dù chuyện này vẫn xảy ra thường xuyên, nhưng lần này thì khác. Sự căng thẳng vẫn không mất đi.

Mau lẹ, thận trọng, ông già xem xét gã thanh niên.

Có điều gì đó trúng đích ngay lập tức. Thậm chí còn hơn thế nữa, đối thủ có một vẻ đẹp đặc biệt, vẻ đẹp của một sự hòa hợp thể chất hoàn hảo. Sự đụng chạm của bàn tay, thản nhiên và chắc chắn, cũng có một sức mạnh ở đây. Và giờ là cặp mắt. Phải, cặp mắt bình thản, thông minh, với một vẻ hóm hỉnh khác thường, một cặp mắt vô tội...

“Đứng lên” ông già bảo. Ông đã chờ đợi một gã quý tộc. Hẳn sẽ trở thành chính ông, và sẽ rất ấn tượng. “Đứng lên. Ta sẽ không đánh mi nữa đâu”.

Gã thanh niên cười nhả nhỏ, ý thức được sự trở trêu của tình cảnh. Một tia hài hước chiếu ra từ cặp mắt. Trong cái ánh sáng ảm đạm của con ngõ hẹp, chúng có màu của con báo - không phải mắt của loài báo, mà là bộ da của chúng.

“Vâng, và ông sẽ không, phải không, thưa ông nội!”

“Tên ta là Vasyelu Gorin” ông già nói “Ta không phải là cha của ai cả. Và những đứa con không tồn tại của ta cũng không có con. Còn mi?”

“Tên tôi là Snake”. Gã thanh niên nói.

Ông già gật đầu. Ông cũng chẳng quan tâm lắm đến cái tên.

“Đứng dậy, Snake. Mi đã ăn cướp bởi vì mi nghèo, không có việc làm và cũng không muốn làm việc. Ta sẽ mua thức ăn cho mi. Đi nào”.

Gã trai vẫn tiếp tục nằm trên mặt đất.

“Nhưng tại sao?”

“Vì ta muốn một thứ ở mi”.

“Hả? Ông nói đúng. Tôi sẽ làm hầu như mọi thứ nếu ông trả cho tôi kha khá. Ông cứ bảo tôi đi”.

Ông già nhìn gã trai có tên Snake, và biết rằng tất cả những điều hắn nói là sự thực. Biết rằng đây là một tên đã ăn trộm và sa đọa, và lại ăn trộm khi những cơ thể lười biếng cả đàn ông và đàn bà kia đang ngủ, kiệt sức vì thứ tình dục cưỡng bức mà hắn cung hiến cho họ, rút những linh hồn lạc lối của họ khỏi những lỗ chân lông cũng như sau đó hắn sẽ rút những đồng tiền từ ví da và túi quần họ. Phải, một con dơi hút máu. Có lẽ là một tên sát nhân. Rất có thể là một kẻ sát nhân.

“Nếu mi sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì,” ông già nói, “thì ta cũng không cần bảo trước mi làm gì. Dù thế nào thì mi cũng sẽ làm mà”.

“Hầu như mọi thứ, tôi nói thế đấy”.

“VẬY hãy nói cho ta nghe xem,” Vasyelu Gorin, người hầu của Vampire nói, “có điều gì mà mi sẽ không làm. Để sau này ta sẽ không yêu cầu mi”.

Gã trai trẻ cười, bằng một cử động nhẹ nhàng, gã đứng dậy. Và khi ông già bước đi thì gã bước theo.

Để thử thách gã, ông già dắt Snake vào một nhà hàng đắt tiền nằm trên một ngọn đồi trắng phía xa của thành phố, nơi những khối kính cứ như chọc thẳng lên trời xanh. Phớt lờ những vết bùn dính trên chiếc áo khoác bằng da tả tơi rách nát, Snake trở nên một hình mẫu không khiếm khuyết một kiểu người luôn được nể sợ, nhưng gã cũng chẳng quan tâm. Ông già cũng chẳng quan tâm, đánh giá cao cử chỉ đó, nhưng biết gã cũng chẳng còn gì hơn. Snake đã học được cách để là một hoàng tử. Nhưng gã chỉ là một gã đi đực với một lớp vỏ da bao kín. Nhưng từ giờ trở đi, cặp mắt báo có đốm luôn sục sạo, cảnh giác kia sẽ còn đưa gã đi xa.

Sau bữa ăn ngon lành với một chai vang tuyệt hảo, rượu cô nhắc và xì gà được mang ra trong chiếc hộp bằng bạc - Snake đã ăn cắp ba điếu, nhưng, với một phong thái không úp mở, hắn gài mấy điếu thuốc lên túi ngực giống như những chiếc bút lông. Họ trở ra đường và lại bước đi trong mưa.

Bóng đêm đang ập xuống, và Snake ra vẻ ân cần đỡ tay ông già. Vasyelu Girin đẩy hắn ra, bực mình vì cái cử chỉ rẻ tiền sau khi phải chấp nhận chuyện mấy điếu xì gà.

“Ông không thích tôi nữa hay sao?” Snake nói. “Tôi có thể đi ngay nếu ông muốn. Nhưng ông phải trả công tôi vì số thời gian lãng phí”.

“Im đi”. Vasyelu nói. “Đi tiếp đi”.

Mỉm cười, Snake đi theo ông ta. Họ đi giữa các khối kim tự tháp mờ mờ của những cửa hàng, qua những đường ống tối tăm, những vỉa hè ướt đầm. Khi những đường phố lớn đã lùi xa

và những bãi cỏ của các khu vườn lớn bắt đầu, Snake thấy căng thẳng hơn. Cảnh vật nơi đây rõ ràng không quen thuộc với gã. Khu vực này của rừng cây còn chưa ai biết đến.

Cây cối ngả bóng trên con đường họ đi.

“Tôi có thể giết ông ở đây” Snake nói. “Hãy giữ lấy tiền của ông rồi chạy đi”.

“Mi có thể thử xem” ông già nói, nhưng ông đã cảm thấy chán chường. Ông không còn tin chắc nữa, nhưng ông biết rằng sự ghen tuông của ông có hàm lẫn sự căm ghét. Nếu gã trai trẻ ngu xuẩn mà chồm vào ông, thì bằng hai cánh tay gầy gò không có thịt này, ông có thể bẻ gãy cái cổ cứng như cẩm thạch, có màu như hổ phách nhợt nhạt kia, một cách thật quá dễ dàng. Nhưng sau đó bà sẽ biết. Bà sẽ biết ông đã tìm được cho bà và đã phá hủy cái đã tìm được. Bà sẽ rộng lượng tha thứ, và ông sẽ rời bỏ bà mà biết rằng ông đã thất bại với bà.

Khi những cánh cổng đồ sộ xuất hiện Snake không nói năng gì. Từ lúc đó, dường như gã đã chấp nhận tình thế. Ông già đi vào khu vườn, bây giờ ông đi rất nhanh, để vượt qua những tình cảm của chính ông. Snake chạy lóc cóc bên cạnh ông.

Ba cửa sổ có ánh đèn ở tầng trên tòa nhà. Những cửa sổ phòng bà. Và khi họ đến bậc thang lên nhà, phía dưới vòm dây trường xuân, bước vào trong mái vòm, thì cái bóng cao gầy khẳng khiu của bà đổ xuống trong ánh sáng đèn, giống như một làn khói hay một bóng ma.

“Tôi cứ nghĩ ông sống một mình” Snake nói. “Tôi cứ nghĩ ông là người độc thân”.

Ông già không nói một lời nào nữa. Ông bước lên bậc thang và mở cánh cửa. Snake vào theo sau ông rồi đứng yên, chờ Vasyelu tìm cây đèn trong hốc tường cạnh cửa và thắp nó lên. Những tấm kính đã ố màu không tự nhiên gắn trên các ô cánh cửa, những hốc tường ở cả hai bên các cửa sổ, những con cú và

những bông sen, những ngôi đèn trông xa cuồn lẫn vào nhau và phát sáng, lạnh lẽo một cách kỳ lạ.

Vasyelu đi đến chiếc cầu thang bên trong nhà.

“Khoan đã” Snake nói. Vasyelu dừng lại, không nói gì. “Tôi chỉ muốn biết,” Snake nói, “ông có bao nhiêu bạn bè ở đây, và bạn ông định làm gì, còn tôi phải làm gì với họ”.

Ông già ra hiệu.

“Có một người đàn bà ở buồng trên. Ta sẽ dẫn người lên gặp bà ấy. Bà ấy là một Công chúa. Tên bà ấy là Darejan Dracula”. Ông bắt đầu bước lên bậc thang.

Vẫn đứng trong bóng tối, vị khách hỏi khẽ:

“Cái gì?”

“Người nghĩ là đã từng nghe cái tên này rồi. Người đứng đấy. Nhưng đó là một chi khác”.

Ông chỉ nghe được tiếng bước chân đầu tiên khi nó chạm vào bậc thang phủ thảm. Bằng một bước nhảy, cái sinh vật kia đã chồm lên ông, cây đèn rời khỏi tay ông. Snake nhảy nhót phía sau cây đèn, phản chiếu ánh sáng lung linh và không thật.

“Dracula”, gã nói.

“Dòng họ Dracula. Một chi khác”.

“Một ma cà rồng”.

“Người tin vào những chuyện như vậy à?” ông già nói. “Người vẫn sẽ sống như người đang sống, cầu nguyện như người đang cầu nguyện”.

“Tôi không bao giờ cầu nguyện” Snake nói.

“Hãy cầu nguyện đi” ông già bảo. “Cầu nguyện đi. Người thậm chí còn không thể cầu nguyện bằng tiếng mẹ đẻ của người. Đưa ta cây đèn, hay để ta phải lấy nó? Bậc thang dốc đấy. Lần này người có thể ngã gãy cổ. Chuyện đó sẽ không hay chút nào cho công việc của người đâu”.

Snake khẽ cúi chào và trả lại cây đèn.

Họ tiếp tục đi lên cầu thang trải thảm, lên đến sàn trên, đi qua một hành lang và đến cửa phòng bà.

Những đồ vật của tòa nhà rõ ràng rất quý giá, dù chỉ cần nhìn thoáng qua trong ánh đèn dầu. Ông già đã quen với chúng, chỉ có Snake mới để ý. Thêm nữa, nghĩ đến kích thước và vẻ đồ sộ của cánh cổng vào vườn, gã ăn trộm trẻ tuổi có lẽ phải đoán được trước sự sang trọng giàu có này.

Và ở đây rõ ràng không có sự bỏ bê, không có một hạt bụi, không có mùi mốc ẩm, hay, nói thẳng ra, không có mùi hầm mộ. Những người phụ nữ từ thành phố thường xuyên đến đây quét dọn theo những mệnh lệnh nghiêm khắc của Vasyelu Gorin; hoa được bày biện trong phòng khách vào những dịp Công chúa xuống tầng dưới. Chuyện này giờ khá hiếm hoi. Bà đã quá mệt mỏi. Không phải vì tuổi tác, mà vì buồn chán cuộc sống. Ông già lại ra hiệu, và gõ cánh cửa phòng bà.

Bà đáp lại nhẹ nhàng. Vasyelu liếc nhìn phản ứng của gã trai trẻ, tai gã vểnh lên như tai mèo.

“Chờ ở đây” Vasyelu bảo gã và đi vào trong phòng, đóng cửa lại, để gã kia bên ngoài trong bóng tối.

Những ô cửa sổ được chiếu sáng từ phía ngoài nhưng ở bên trong thì tối đen. Các cây nến được thắp lên, đỏ và trắng trông như những bông hoa cắm chướng.

Vampire ngồi trước cây đàn clavio. Có lẽ bà đang gảy đàn, âm thanh của nó khẽ đến nỗi ở phía ngoài cửa hầu như không nghe thấy được. Trước đây, từ rất lâu, ông đã từng được nghe nó. Đã rất lâu...

“Thưa Công chúa,” ông nói, “tôi mang một người về với tôi”.

Ông không biết chắc bà sẽ làm gì hay nói gì về sự việc này. Bà có thể sẽ phản đối, thậm chí sẽ nổi giận, dù ông ít khi thấy bà nổi giận. Nhưng lúc này ông thấy bà đã đoán biết, theo một cách tinh tế nào đó, là ông sẽ không trở về một mình, và bà đã chuẩn bị trước cho mình. Khi bà đứng dậy, ông nhìn thấy chiếc

áo dài bằng sa tanh đỏ, cây thánh giá bằng bạc nạm kim cương trên cổ, đôi hoa tai lóng lánh buông thành dòng hai bên. Trên hai bàn tay gầy guộc là những chiếc nhẫn lớn tỏa ra những màu sắc ảm đạm. Mái tóc bà, vốn không bao giờ mất đi màu đen nhánh, buông xõa trên vai và được uốn theo kiểu cách chỉ hai mươi năm trước, bao lấy bộ mặt giơ xương của bà với một vẻ hoang dã. Bà trông thật lộng lẫy khác thường. Hốc hác, già khom, sắc đẹp đã tàn phai, trái tim đã chùn lệt, nhưng vẫn lộng lẫy, vẫn kỳ lạ.

Ông nhìn bà khúm núm, sẵn sàng bước ra ngay, vì trong khoảnh khắc, ông đã nghi ngờ.

“Thôi được” bà ban cho ông một nụ cười thoáng qua, như một cái vuốt ve chớp mắt. “Vậy thì ta sẽ gặp hân, Vassu”.

Snake ngồi vắt chân trong hành lang cách cánh cửa một quãng ngắn. Trong bóng tối, gã đã phát hiện thấy một chiếc bình sứ dương thái Trung Hoa, gã cầm nó bằng hai tay, tỳ cằm vào miệng chiếc bình.

“Liệu tôi có làm vỡ nó không?” gã hỏi.

Vasyelu không nói gì. ông chỉ tay vào cánh cửa mở.

“Bây giờ anh có thể vào”.

“Tôi có thể à? Ông làm tôi căng thẳng quá”.

Snake đứng lên. vẫn giữ cái bình trong tay, gã bước qua cửa đi vào căn phòng của Vampire. Ông già cũng vào theo gã, tựa thân mình mặc đồ đen, giống như một bóng ma, cạnh cánh cửa sổ mà lúc này ông đã mở nó ra. Ông già theo dõi Snake.

Nhẹ nhàng xoay người, có lẽ là vô ý thức, gã tiến đến khoảng một phần ba chiều dài căn phòng hướng về phía người đàn bà. Theo dõi gã từ phía sau, Vasyelu Gorin có thể nhìn thấy tất cả những cử động của các cơ bắp căng thẳng trên tám lưng, giống như cơ bắp của một con thú đang sẵn sàng phóng tới hay sẵn sàng chạy trốn. Nhưng không nhìn được bộ mặt của gã, cặp mắt

gã - ông chưa hài lòng. Ông chuyển sang chỗ khác để có thể nhìn được rõ hơn.

“Xin chào” Vampire nói với Snake. “Anh có nghĩ nên đặt cái bình xuống không? Hay, nếu anh thích, thì cứ đập nó đi. Cứ lưỡng lự thế sẽ khó chịu lắm đấy”.

“Có lẽ tôi cứ giữ cái bình”.

“Ồ, vậy thì cứ giữ lấy đi. Nhưng ta đề nghị anh để cho Vassu gói nó lại cho anh trước khi anh đi. Không thì sẽ có ai đó cướp giật anh trên phố đấy”.

Snake xoay một vòng, nhẹ nhàng như một vũ công, và đặt chiếc bình lên cái bàn nhỏ. Xoay mình trở lại, gã mỉm cười với bà.

“Ở đây có bao nhiêu là đồ đạc quý giá. Tôi có thể lấy cái gì được? Còn cái thánh giá bằng bạc mà bà đang đeo kia thì sao?”

Vampire cũng mỉm cười.

“Đó là của gia bảo. Ta rất thích nó. Ta không định để anh lấy nó đâu”.

Mắt Snake mở lớn. Gã kinh ngạc một cách ngây thơ.

“Nhưng tôi nghĩ, nếu tôi làm cái điều mà bà muốn, nếu tôi làm cho bà hạnh phúc -thì tôi có thể có bất cứ thứ gì tôi thích chứ. Không phải ta đã mặc cả như vậy sao?”

“Thế anh có thể làm gì để cho ta được hạnh phúc đây?”

Snake tiến đến gần bà; gã thận trọng lượn quanh bà, rất chậm. Ghê tởm, bị mê hoặc, ông già quan sát gã. Snake đứng đằng sau bà, ngả vào người bà, hơi thở của gã làm rung động những sợi tóc mềm mại của bà. Gã lướt bàn tay trái dọc bờ vai trơ xương của bà, từ lớp sa tanh đỏ đến làn da khô héo không màu sắc ở cổ bà. Vasyelu nhớ lại sự đụng chạm của bàn tay, như có điện, vô cùng nhạy cảm, những ngón tay của một nghệ sỹ hay một phẫu thuật gia.

Vampire vẫn không thay đổi. Bà nói: “Không, anh không làm cho ta hạnh phúc được đâu, cậu bé ạ”.

“Ồ” Snake thì thảo vào tai bà. “Bà không thể chắc chắn thế đâu. Nếu bà thích, nếu bà thực sự thích, tôi sẽ cho bà uống máu của tôi”.

Vampire cười. Nghe thực đáng sợ. Một sức mạnh kinh khủng nào đó vẫn đang ngủ yên dường như sống lại khi bà cười, nó như một ngọn lửa bùng lên từ đồng tro tàn. Cái âm thanh, cái sức sống đáng sợ khiến cho gã trai trẻ giật mình tránh xa ra. Trong khoảnh khắc ông già nhìn thấy vẻ sợ hãi trong cặp mắt báo có đốm, một sự sợ hãi như vốn có trong bản thể của Snake, cũng giống như nguồn gốc gây ra sự sợ hãi đó vốn có trong bản thể của Vampire.

Và dường như vẫn còn kích động với sức mạnh mới thức dậy trong người, bà quay sang gã. “Anh nghĩ ta là cái gì?” bà nói, “Một mục giả khom xầu xí thèm khát được cạo xát mớ da khô này với da thịt mượt mà của anh chẳng; một mục giả mà anh, bằng cái thân xác của mình, chẳng cần phải mưu mĩ gì cũng có thể lừa bịp được với những chuyện hảo huyền, với đồ thừa canh cặn, rồi sau đó sẽ giết mục, dùng răng cạy những viên kim cương trên ngón tay mục chẳng? Hay ta là mục giả trụy lạc, muốn được liếm láp cái vị trẻ trung ngọt ngào của anh. Ta là thế phải không? Nói xem”. Ngọn lửa trong bà đã hạ xuống, thích thú với tác động của nó, với mọi thứ trong vòng kiểm soát của bà, tiếng nói của bà như phóng ra một cây kim dài, rất dài, găm cái gã ngợm mà bà đang nói đến vào bức tường đằng xa. “Nói xem. Làm sao ta có thể là cái thứ ma quỷ đeo thánh giá trên ngực như vậy chứ? Bộ ngực cổ lõ, héo quắt, xệ xuống, trống rỗng của ta. Nói xem. Nó gọi là cái gì vậy?”

Khi lời nói của bà ngừng lại, cái kim nhọn cũng dường như ngắt ngang, gã trai trẻ nhảy bật ra khỏi bức tường. Trong một thoáng gã hầu như hoảng loạn. Gã vốn chỉ quen với những hạng người trong thế giới của gã. Những ông già đi lại rón rén trong ngõ hẹp dưới mưa chẳng cần cố gắng gì cũng có thể đập

văng đi với hai cánh tay thép. Những người đàn bà thiêu thân, chỉ bị đốt chứ không đốt người ta; giọng của họ là khoa trương, màu mè, van vỉ chứ không phải những lưỡi dao cạo.

Snake run lên từng đợt. Sau đó cơn hoảng loạn của gã qua đi. Theo bản năng, gã kể chuyện gì đó từ chỗ tranh tối tranh sáng của căn phòng. Sống theo kiểu của gã, nói chung gã đi đến chỗ tin cậy vào bản năng của gã.

Gã len lén đến gần người đàn bà, không gần quá, lần này không gần hơn hai yard.

“Cái người của bà đến đó,” gã nói, “ông ấy dẫn tôi đến một nhà hàng sang trọng. Ông ấy cho tôi uống say. Tôi không biết tôi nói những gì khi tôi say. Bà hiểu không? Tôi là một kẻ thô lỗ. Tôi không nên ở đây trong tòa nhà đẹp đẽ của bà. Tôi không biết phải nói chuyện ra làm sao với những người như bà. Với một mệnh phụ. Bà hiểu không? Nhưng tôi chẳng có đồng xu nào. Chẳng có gì. Bà cứ hỏi ông ấy xem. Tôi đã giải thích tất cả. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì để có tiền.

Còn cái cách tôi nói ấy. Nhiều người thích thế. Bà hiểu không? Nó làm cho tôi có vẻ đáng sợ. Họ thích thế. Nhưng đó chỉ là đóng kịch thôi”. Gã khúm núm nói với bà, gặp người chào bà với ánh mắt sùng bái đến vô lý, gã cũng đã bước lui và hầu như đã ra đến cửa phòng.

Vampire không cử động. Giống như một pho tượng thần, bà ngự trị căn phòng, đỏ trắng và đen, và ông già chỉ còn là một bóng ma trong góc.

Snake nhảy lên rồi bỏ chạy. Trong bóng tối mờ mịt, gã lướt qua hành lang, nhảy qua các bậc thang, rồi chạy đến gian sảnh trống dẫn ra ngoài. Một vài ánh sao mờ chỉ ra chỗ những ô cửa bằng kính ố vàng. Khi các cánh cửa đột ngột mở toang, gã biết rõ rằng gã được thả cho đi. Rồi cửa đóng lại sau lưng gã và gã cầm đầu chạy qua vòm dây trường xuân, xuống các bậc tam

cấp, và xuyên qua khoảng trống giữa các thân cây cao ướt đầm nước mưa.

Bản năng đã mách bảo gã rất nhiều, luôn luôn như vậy. Thật lạ lùng, ngay khi gã ra khỏi cánh cổng cao dẫn ra con đường trống vắng, và cầm đầu chạy về phía trung tâm thành phố, chúng cũng chẳng bảo gã rằng gã được tự do.

“Ông có nhớ,” Vampire nói, “ngay từ phút đầu, ông đã hỏi ta về cây thánh giá không?”

“Tôi còn nhớ, thưa Công chúa. Khi đó đối với tôi nó có vẻ rất kỳ quặc. Tôi đã không hiểu, dĩ nhiên”.

“Còn ông,” bà nói, “làm sao ông tìm được nó sau khi ông...”, bà ngừng lại một chút, rồi nói tiếp, “sau khi ông rời ta?”

Ông cảm thấy an ủi vì cái chết của ông có thể sẽ làm cho bà đau khổ đôi chút. Giờ đây ông chẳng còn làm gì được nữa. Ông đã nhìn thấy ngọn lửa thức dậy trong bà, bùng lên và sôi sục trong bà, điều mà suốt nửa thế kỷ nay ông không thấy, nó cháy lên khi có mặt tên ăm trộm, tên đi đực, tên ăn bám kia.

“Gã trẻ trung và khỏe mạnh,” ông già nói, “và gã có thể đào một cái huyệt cho tôi”.

“Mà không có lễ tang à?” Bà lơ đi vẻ giận dữ của ông, dĩ nhiên, và sự tẻ nhạt của bà làm ông phải xấu hổ.

“Chỉ đào sâu chôn chặt là đủ,” ông nói, “nhưng xin cảm ơn, thưa Công chúa, vì đã quan tâm đến tôi. Tôi không cho nó là vấn đề đâu. Dù còn lại cái gì hay chẳng có gì đi nữa thì tôi cũng sẽ rất vui mừng”.

“A, bạn tôi ơi. Ông không tự coi thường mình quá đấy chứ?”

“Không” ông nói “Không, không”. Và ngay lập tức xuất hiện một nỗi đam mê trong giọng nói của ông, một ngọn lửa cuối cùng của chính ông dâng lên cho bà. “Tôi đã được hưởng ân sủng trong cuộc đời mà bà đã ban cho tôi”.

Bà nhắm mắt lại, và Vasyelu Gorin thấy ông đã làm tổn thương đến bà với tình yêu của ông. Và ông không còn tức giận

nữa, nhưng theo cách thức của một tình nhân, ông rất vui mừng.

Ngày hôm sau, khoảng quá ba giờ chiều một chút, Snake quay lại.

Một cơn gió đang thổi, và dường như nó đã thổi gã đến cánh cổng trong cơn mưa lá vàng. Tóc gã cũng bị gió thổi rối bời, và khuôn mặt gã rạng rỡ và vẻ tươi tỉnh lạ lùng. Tuy vậy, mắt gã vẫn nặng nề, thâm quầng, mờ đục. Cặp mắt cho thấy rằng suốt đêm, và suốt buổi sáng nay hẳn đã có một công việc khác. Họ có thể kéo tấm rèm nặng lên để cho một chút ánh sáng chiếu ra, nhưng dù vậy thì cũng chẳng giúp gì cho gã. Các giác quan của Snake tinh tường gấp đôi trong bóng tối, gã có thể nhìn được trong bóng tối giống như một con linh miêu.

“Anh đấy à?” ông già nói trong khi nhìn gã với vẻ thờ ơ, như nhìn một tay lái buôn.

“Tôi đây” Snake nói và đi theo ông già vào trong nhà.

Vasyelu không ngăn hẳn lại. Dĩ nhiên là không. Ông để cho gã trai, và toàn bộ hàm răng trắng lóe và cặp mắt phóng đảng đáng ghét, thông thả đi qua các cánh cửa phòng khách vào bên trong. Vasyelu bước theo gã.

Những tấm rèm màu ngà voi sậm đã buông xuống và những cây đèn được thắp lên; trên chiếc bàn sạch bóng là những bông hoa nhà kính tỏa hương trong chiếc bình bằng ngọc. Cánh cửa phụ dẫn vào một thư viện nhỏ, ánh sáng mờ đục nhẹ nhàng của cây đèn tỏa lên những gáy sách mạ vàng đương im lặng, hết dãy này đến dãy khác, những cuốn sách vô giá.

Snake bước vào và đi một vòng quanh thư viện, rồi gã đi ra.

“Tôi không lấy thứ gì cả”.

“Anh cũng biết đọc kia à?” Vasyelu Gorin mỉa mai, nhớ lại khi ông còn chưa biết đọc; ông, con trai thứ mười lăm của một người đồn gỗ, một kẻ ngớ ngẩn dần dột và nghiện rượu, ăn trên đường, ngủ trên đường, suốt đời không có một mái nhà trên

đầu mà cũng chẳng có ý nghĩ gì về tương lai, một kẻ sinh ra do lầm lẫn và buồn chán. Đã lâu lắm rồi. Trong cái thị trấn nhỏ đó, họ đã gặp nhau dưới rừng cây. Và tòa lâu đài với những ánh đèn rực rỡ của nó, những chiếc xe ngựa chạy trên con đường có những hàng cây tối sẫm hai bên.

Snake ngồi xuống, dựa người thoải mái vào lưng ghế. Nhưng gã không thoải mái, ông biết thế. Gã đã tự nói với mình những gì nhỉ? Rằng ở đây chắc chắn có tiền, để có thể giữ được một lối sống khác thường. Rằng gã sẽ tóm được bà, cái mụ già ấy, bằng cách này hay cách khác. Luôn luôn có những lý do mà người ta sẽ tìm ra cho chính họ.

Khi Vampire đi vào trong phòng, Snake, gã điếm đực thành thạo bò đến bên chân bà. Và Vampire đã cười với gã, lần này nhẹ nhàng hơn. Bà mặc một chiếc áo choàng màu trắng gởi từ Paris sang năm ngoái. Bà chưa từng mặc nó bao giờ. Đính trên cổ áo là một bông hoa hồng nhung màu đen, có một giọt sương long lanh trên cánh hoa: một viên ngọc trai lấy từ vương miện của một vị Sa hoàng. Sự tế nhị của bà, sự tế nhị vô song. Tất nhiên, viên ngọc trai đang nói, là mi sẽ quay trở lại. Tất nhiên, ở đây không có gì phải sợ hãi cả.

Vasyelu để họ ở lại. Ông quay lại sau một lúc với những cái chai và ly thủy tinh. Đồ nguội đã được những người từ thành phố mang tới, paté, tôm hùm, gà, những lát chanh như những bông hoa, lát cam như mặt trời, cá chua, rau diếp và đá lạnh. Ông rót rượu vang. Ông bày bộ đồ uống cà phê bằng bạc, những hộp xì gà các loại. Buổi tối mùa đông đã trùm xuống ngôi nhà. Được đánh thức bởi ánh đèn rực rỡ trong căn phòng, một con bướm đêm vỗ cánh chập chờn giữa các cây nến và những trái cây đủ màu. Ông già bắt nó bằng một cái ly pha lê, mang nó ra ngoài thả vào đêm tối. Đã hơn một trăm năm nay ông không hề giết bất kỳ một thứ gì.

Thỉnh thoảng ông lại nghe tiếng họ cười. Tiếng cười của gã trai trẻ thoát đầu quá ấn tượng, quá đẹp, quá hư ảo. Nhưng sau đó nó trở nên lả lơi, chòng ghẹo, náo nhiệt; nó không còn giả tạo nữa.

Gió thổi lạnh lùng. Vasyelu tưởng tượng con bướm đêm đang đập đôi cánh chống chọi với đôi cánh khổng lồ của thần gió, rơi xuống mặt đất nó sẽ được nghỉ ngơi.

Khoảng nửa giờ trước lúc rạng đông, bà yên lặng rời khỏi phòng khách và lên trên lầu. Ông già biết bà đã nhìn thấy ông đang đứng chờ trong bóng tối. Bà không nhìn ông hay gọi ông, đó là một cố gắng của bà để tránh cho ông khỏi phải nhìn thấy cái ánh sáng lấp lánh đột ngột trên con người bà, tránh phải nhìn ông với lòng thương hại. Vì vậy ông chỉ nhìn thoáng qua, không hơn. Thân hình nhợt nhạt, thẳng băng của bà bước lên, mảnh mai và trong suốt như thân hình của một cô gái. Cặp mắt bà trẻ trung, đầy vẻ hoang sơ mới tìm thấy lại, đầy sự mới mẻ thanh tân.

Trong phòng khách, Snake đắp chiếc áo jacket nằm ngủ trên chiếc ghế tràng kỷ màu trắng. Khi thức dậy, không hiểu gã có xem xét cẩn thận cái cổ của mình trong gương không nhỉ?

Ông già nhìn gã trai trẻ đang ngủ. Bà đã dạy Vasyelu Gorin biết nói năm thứ tiếng và đọc được ba thứ tiếng khác. Bà đã cho phép ông ta khám phá âm nhạc nghệ thuật, lịch sử và thiên văn; đạt được sự uyên thâm và lòng khoan dung. Ông đã biết được cách mở cái hầm mộ cuộc đời bị đóng kín mở ra từ mọi hướng những quang cảnh không thể tin được, không thể diễn đạt được. Và còn nữa, còn nữa. Nhưng cuộc hành trình nào rồi cũng phải có lúc kết thúc. Bị rách nát tới tởm vì những lúc xuất hồn và trải nghiệm, quá mệt mỏi để có thể tiếp tục vui cười với niềm hân hoan. Để lại mọi thứ. Và nằm yên. Chỉ có bà là có thể tiếp tục, vì chỉ có bà mới có thể tái sinh vĩnh viễn. Với Vasyelu, một lần đã là quá đủ.

Ông rời khỏi gã trai đang ngủ. Năm giờ sau, Snake đã ra về không một tiếng động. Gã lấy đi tất cả các điều xì gà, không chừa lại điều nào.

Snake bán các điều xì gà rất nhanh. Ở một quán cà phê mà có thời gã thường ghé vào, gã gặp những kẻ đánh hơi được có sự thay đổi trong vận may của hắn, họ cố ép hắn lộ chuyện. Snake không hé môi, vẫn còn vẻ mặt mỗi, lưỡng lự, câu bần. Đó là một người đỡ đầu mới. Một ông già thích cho hắn những thứ đó. Ông già đó sống ở đâu? Ô, một tòa nhà tuyệt vời, ở phía bắc thành phố.

Vài bữa sau gã lại đi.

Là một người đi săn, gã không tin cậy vào đồng cỏ rộng giữa ban ngày. Có quá ít chỗ để ẩn nấp, và cũng có quá nhiều chỗ cho những thứ mà gã đang rình rập ẩn nấp. Vào buổi chiều, gã ngồi trong khu vườn của một nhà bảo tàng. Các sinh viên đến rồi đi. Snake quan sát họ. Họ trẻ hơn hắn nhiều, nhưng hắn là một loại khác. Giờ là một cô gái, bắt được ánh mắt gã, cô hơi mỉm cười, rồi làm một cử chỉ nấn ná để khiến hắn để ý. Snake không đáp lại. Để tiết kiệm sức lực cho công việc của mình, gã gạt bỏ tất cả những bạn tình như vậy. Sự quyến rũ của họ, tuổi trẻ của họ, đó là những thứ hàng hóa vô giá trị đối với gã. Họ sẽ không trả tiền cho gã.

Tuy vậy, gã sẽ không gạt bỏ bà già kia. Bà ta đã bao nhiêu tuổi rồi? Sáu mươi, có lẽ thế - không, phải già hơn nhiều. Chín mươi thì đúng hơn. Nhưng bộ mặt bà ta, cái cổ bà ta, đôi tay bà ta lại mịn màng lạ lùng, không một nếp nhăn. Có lúc trông bà ta như chỉ mới năm mươi. Còn mái tóc nhuộm, có lẽ làm cho bà ta trông khô gợt hơn, khiến cho người ta có ấn tượng về một người phụ nữ trẻ.

Phải, bà ta đã làm gã choáng váng. Có thể bà ta đã từng là một nghệ sĩ. Người ngoại quốc, nghệ sỹ kịch trường - giàu có. Nếu bà ta muốn bao gã, lắm lần mà coi gã như con mèo quý của bà ta

thì tạm thời gã sẽ đồng ý. Gã sẽ khoảng sạch của bà ta khi bà ta đã thấy chán gã và khi gã quyết định rời đi.

Nhưng, có cái gì đó trong những ý nghĩ chẳng lấy gì làm phức tạp này cứ quấy rầy gã. Lần đầu tiên khi gã bỏ chạy, cho đến giờ gã vẫn không hiểu là vì cái gì. Không phải vì cái họ của ma cà rồng, chắc chắn thế, đó chỉ là một cái tên sân khấu - Dracula - có gì đâu? Mà vì một cái gì đó - một sự thức tỉnh về định mệnh mà vốn từ vựng nghèo nàn của gã không diễn đạt được, không giải thích được. Một lần nó khiến gã bỏ chạy, sau đó nó khiến gã quay lại, chẳng phải là chuyện đùa cợt. Và bà ta biết cách đối xử với gã. Thật là lịch thiệp, thật là độ lượng. Bà ta đáng được kính trọng, vì lúc nào cũng tỏ ra tử tế. Quen tiêu tiền vào những thứ họ muốn, họ cũng chẳng ngần ngại gì trong việc mua người. Họ chẳng bao giờ quên rằng món thịt tươi cũng có một cái giá, vì gốc rễ của họ đã ăn sâu vững chắc cả thế kỷ khi ở đây còn có những người nô lệ.

Nhưng. Nhưng gã sẽ không tới đó tối nay, gã tự bảo mình. Không. Bà ta sẽ không thể dựa vào gã, điều đó có lẽ cũng hay. Có lẽ gã sẽ đến vào ngày mai, hay ngày kia, nhưng tối nay thì không.

Thế giới đang rời bỏ ánh mặt trời để đi vào bóng đêm trong một chiều hoàng hôn mùa đông. Snake rất vui khi ánh mặt trời đã tắt, và thứ ánh sáng giả tạo kia đang sáng lên từ các tòa nhà, các tiệm cà phê.

Gã di chuyển trên vỉa hè rộng rãi của một đường phố, một người đàn ông đến bên cạnh và tóm lấy tay phải của gã, một người khác tóm lấy tay trái.

“À, đây là anh chàng, anh chàng có tên là Snake”.

“Có phải anh không?” người kia hỏi gã.

“Dĩ nhiên là hửn” người đầu tiên bóp mạnh bàn tay gã. “Chúng ta có bản nhận dạng chính xác đấy chứ? Có phải hửn trông đúng như bản nhận dạng không?”

“Và đúng chỗ nữa”. Người kia đồng ý. “Đúng khu vực này”.

Những người này mặc thường phục. Bộ mặt họ vàng bủng, tươi cười và chăm chú. Chỉ là những thủ tục mà cả hai đã quen thuộc. Snake không biết chúng, nhưng gã biết cái cung cách đụng chạm, giọng nói, nụ cười như tạc trên những cái mặt nạ của chúng. Gã đã căng thẳng. Nhưng bây giờ gã chùng xuống, để cho chúng có thể nhìn và cảm thấy là mọi chuyện đã xong xuôi.

“Các anh muốn gì?”

Người đàn ông đang giữ tay gã chỉ mỉm cười.

Người kia nói “Chỉ kiểm ăn thôi mà”.

“Chúng mày định làm gì?”

Hai bên vỉa hè đều có người qua lại. Họ đi tiếp, đến một góc phố, ở đó có một khu đất trống mở ra sau bức tường vỡ, họ ngoặt vào bóng tối.

“Hình như mày chọc giận ai đó” tên thứ hai bảo gã. “Và họ tức giận lắm đấy”.

“Tao chọc giận rất nhiều người” Snake nói.

“Tao biết. Nhưng có vài người không chịu nổi chuyện đó”.

“Ai vậy? Tao có thể gặp họ mà”.

“Không. Họ không muốn gặp mày. Họ cũng không muốn mày gặp ai cả”. Bóng đen đã cách xa vài bộ.

“Tao có thể sửa chữa mà”.

“Không. Sửa chữa - đó là chuyện bọn tao được thuê làm đấy”.

“Nhưng nếu tao không biết...”. Snake nói, và ngã về phía tên đang giữ tay gã, gã giáng một cú đấm thẳng vào chỗ bụng mềm. Tên này buông gã ra và ngã quay lơ. Snake bỏ chạy. Gã chạy qua khu đất, vào một đường phố sáng đèn khác, và gã đã sắp bật cười to khi một con dao bay tới cắm vào lưng gã.

Các ngọn đèn vụt tắt. Có cái gì đó cứng và lạnh đập vào ngực, vào mặt gã, Snake nhận ra đó là vỉa hè đường. Có những tiếng

động mơ hồ, đến rồi đi, có lẽ dân chúng đang xúm lại. Có ai đó đứng bên cạnh gã rút con dao ra. Và cơn đau đón bắt đầu.

“Nó đấy hả?” một giọng nói hoảng hốt đâu đó phía trên đầu gã: chính là cái tên bị gã giáng một đấm vào bụng.

“Một cú đẹp đấy”. Một giọng khác kêu lên. Một chiếc ô-tô trườn đến lề đường và rồ máy. Cửa ô-tô sập lại và có tiếng bước chân trên nền xi-măng. Snake nghe thấy hai tên kia đang vội vã bỏ đi.

Snake định đứng dậy, nhưng gã ngạc nhiên khi thấy mình không thể.

“Có chuyện gì thế?” có ai đó hỏi, dường như từ trên cao, rất cao.

“Tôi không biết”.

Một người đàn bà nói khẽ, “Nhìn xem, có máu này...”

Snake không để ý. Sau một lúc, gã lại cố đứng dậy và lần này gã đã quỳ được lên. Gã đau đớn, và đó là tất cả. Gã có thể cảm thấy cơn đau, không còn rõ rệt, mà mơ hồ, như những âm thanh đến rồi lại đi mà gã đã nghe thấy. Gã mở mắt ra. Ánh đèn nhạt nhòa đi, rồi lại trở lại thành những quầng sáng dài, rồi lại nhạt nhòa đi. Hình như chỉ có năm sáu người vây quanh gã. Khi gã đứng dậy, những hình người đứng gần đều lui cả lại.

“Anh ta không được cử động” có ai đó vội nói.

Một bàn tay chạm vào vai gã, khẽ đập, như một con côn trùng.

Ánh sáng nhạt đi thành màu tối, còn tiếng động thoảng qua giống như thủy triều lấp đầy tai gã. Làm gã choáng váng. Có cái gì đó đỡ gã, và gã đẩy nó ra - một bức tường...

“Tỉnh lại đi, anh bạn”, một người đàn ông gọi. Những ngọn đèn lại sáng trở lại gợi nhớ đến một bộ phim. Sau một lúc, gã cảm thấy khỏe lại. Gã thất thểu lê đi rồi xa đám đông mà không nhìn họ. Kính cận, và khiếp sợ, họ để gã đi, nhận thấy máu nhỏ thành vết dọc vĩa hè sau lưng gã.

Chiếc đồng hồ kiểu Pháp gõ chuông êm ái trong phòng khách; đã bảy giờ tối rồi. Ngoài cửa sổ, khu vườn đã tối đen. Trời lại bắt đầu mưa.

Ông già đứng quan sát từ mái hiên cửa sổ đã hơn một giờ. Thỉnh thoảng, ông lại bước đi với vẻ sốt ruột, vòng quanh căn phòng, sửa lại bức tranh, nhặt một cánh hoa rơi. Rồi ông lại quay ra cửa sổ, nhìn ra ngoài đường, nhìn mưa và nhìn màn đêm.

Chưa đến một phút sau khi chuông đồng hồ điểm, bóng tối im lìm trôi tới và bắt đầu chuyển động, rất chậm, hướng về phía ngôi nhà.

Vasyelu đi ra gian sảnh. Trong khi đi, ông nhìn về phía cầu thang. Cây đèn ở đầu cầu thang đang cháy, và bà đứng đó trong vầng ánh sáng của nó, hai cánh tay buông thõng, thanh thoát như không có trọng lượng, đầu bà ngẩng cao.

“Công chúa?”

“Phải, ta biết. Hãy mau lên, Vassu. Còn ít thời gian lắm”.

Ông già vội mở cửa. Ông lao xuống các bậc thang một cách nhẹ nhàng như một chàng trai ở tuổi mười tám. Cơn mưa tối tăm quất vào mặt ông, gợi lại hàng nghìn hồi ức, ông chạy qua một vườn cây ở Burgundy, qua một sườn đồi ở Tuscany, dọc con đường của khu vườn hoang gần St. Petersburg, ông chạy cho đến khi bắt gặp cái xác của gã trai trẻ nằm dưới một gốc cây.

Ông già cúi xuống, một con mắt đại dờ mở trùng trùng trong đêm tối nhìn ông.

“Chúng... đâm tôi” Snake thều thào. “Tôi... đã lê... suốt... quãng đường...”

Vasyelu Gorin vác Snake lên. Thân hình hằn oặt ẻo, nặng nề, không giúp gì được cho ông. Nhưng chuyện đó không thành vấn đề. Vì ông khỏe khỉnh khiếp, ông đứng lên, ôm gã trai trước ngực, quay mình chạy về.

“Tôi... không biết”. Snake thều thào, “không biết... ai cử... chúng tôi. Khối kẻ... muốn... Nó... tệ... lắm không? Tôi... không nghĩ... nó tệ... thế?”

Những dây trường xuân vượt qua mặt Snake và mắt gã nhắm lại.

Khi Vasyelu đi vào gian sảnh, Vampire đã có mặt ở tầng dưới. Vasyelu mang gã trai đang hấp hối đến gần bà và đặt gã xuống chân bà. Sau đó ông quay người bỏ đi.

“Chờ đã” bà nói.

“Không, thưa Công chúa. Đây là chuyện riêng tư. Giữa hai người... như đã từng xảy ra giữa chúng ta. Tôi không muốn thưa Công chúa. Tôi không muốn nhìn thấy chuyện đó với người khác”.

Bà nhìn vào mặt ông, lúc này trông ông như một đứa trẻ, bà lấy làm buồn vì đã làm ông đau đớn, và không muốn ép ông nữa. Rồi bà gật đầu. “Vậy thì ông đi đi, ông bạn thân mến”.

Ông bỏ đi ngay lập tức. Vì vậy ông không chứng kiến chuyện đó khi bà quỳ xuống bên cạnh Snake trên tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ đã nhuộm đầy máu. Ông dường như nghe thấy tiếng váy áo của bà sột soạt như tiếng lật của các trang sách mỏng, và tiếng con dao nhỏ kêu xoẹt xoẹt khi nó cắt trên da thịt bà, và sau đó là sự im lặng kéo dài.

Ông đi qua gian phòng và bước vào gian nhà bếp đầy những đồ điện hiện đại sạch bóng và mát lạnh. Ông ngồi ở đây, nhớ lại khu rừng cây gần thị trấn, nhớ những bó đuốc của đám quý tộc đang hò hét săn đuổi ông chỉ vì ông đã ăn trộm một hộp thức ăn, những đòn tra tấn khi chúng bắt được ông. Ông nhớ lại, mà không còn cảm thấy đau đớn bất công, cái giờ phút lâm tử của ông nó như thế nào, một cơn cuồng nộ lộn xộn, những hình người mờ ảo đến rồi lại đi, những cú đòn đau đớn kinh khủng thực tại xen kẽ với những thung lũng sâu thẳm đen ngòm hư ảo. Và rồi là quãng đường lê lết đau đớn không thể tin được,

những ngón tay quờ quạng cắm vào đất, kéo thân mình lên trước, lão đảo đứng lên, rồi lại ngã dúi xucing, rồi những người qua đường bị người khác kéo đi. Trong khu nghĩa địa cạnh thị trấn, ông nằm im bất động. Ông không còn bò tiếp được nữa. Mặt đất lạnh ngắt, những ngôi mộ trắng, những cành cây bất động lạ lùng trên đầu ông, dường như hút cả bầu trời vào mình, chúng mới tằm tối làm sao, còn bầu trời mới nhợt nhạt làm sao.

Nhưng khi bầu trời đổ cơn mưa máu của nó, thì rạng đông bắt đầu. Khoảng một giờ trước khi mặt trời mọc. Ông đã nghe thấy tên của nàng, và ông biết cuối cùng ông sẽ đến để phục vụ nàng. Cái cách mà qua đó ông biết, cả với ông cũng như với gã trai trẻ kia, là trong điểm triệu về một cái chết bất đắc kỳ tử, bởi bạo lực đau đớn và hung tàn.

Suốt trong những lần sục sạo đây đó trong các thành phố, ông vẫn không tìm thấy ai có cái dấu hiệu đen tối đó trên mình. Cho đến ngày nọ, trong cái ngõ hẹp khi cái bàn tay ấm nóng động vào cổ ông cho đến khi ông nhìn vào cặp mắt có đốm như da con báo. Vậy là Vasyelu đã nhìn thấy cái dấu hiệu, đã ngửi thấy mùi của nó như mùi xương cháy xém.

Làm sao mà Snake, dở sống dở chết vì một vết thương chí mạng, mất máu và nửa tỉnh nửa mê, lại có thể lết đi một quãng đường xa như vậy, qua những đường phố, qua những khu trang viên rộng lớn của bọn nhà giàu, qua những cánh cổng khổng lồ, qua những hồ nước, những đồng cỏ sập tối, để rồi nằm đó hấp hối, ông già không cần phải hỏi cũng không cần phỏng đoán. Chính ông cũng đã làm một việc như vậy, hơn hai thế kỷ trước đây. Và ở đó nàng đã tìm thấy ông, giữa hai ngôi mộ trắng cao vút. Khi ông bắt đầu tỉnh lại, ông nhìn lên và thấy nàng, một tạo vật đẹp đẽ nhất đời mà ông từng thấy. Nàng đã cho ông uống máu của nàng. Ông đã uống máu của Darejan Dracula, một công chúa, một ma cà rồng. Thứ thần dược độc nhất vô nhị, nó đã cứu mạng ông. Tất cả các vết thương đều lành lặn.

Cái chết đã rời khỏi ông như một bộ da rách nát, và mọi thứ mà ông đã từng là - kẻ bới rác, kẻ trộm, kẻ phá phách, nghiện rượu, và một gã điếm vì một vài đồng - mỗi một trong những con người này lần lượt tiêu biến đi. Khi đứng dậy, ông đã đập lên chúng và bỏ chúng lại đằng sau. Ông bước đến gần nàng và quỳ phục xuống, giống như một lúc trước đó nàng đã quỳ cạnh ông, đỡ lấy ông và cho ông cuộc sống từ mạch máu lấp lánh như bạc của nàng.

Và chuyện này, tất cả chuyện này, bây giờ là cho một người khác. Cho dù là máu của nàng, nhưng dường như nó cũng không thể đem lại sự bất tử, mà chỉ trường thọ, cuối cùng điểm dừng cũng đến với Vasyelu Gorin. Và cũng vậy, nhiều thế kỷ sau kể từ cái đêm hôm nay, một kẻ khác rồi cũng sẽ đi đến một kết cục tương tự. Snake rồi cũng sẽ nhớ đến cái giây phút khi gã tỉnh lại, lại ý thức một kẻ khác đang trải qua sự xúc động đến mù mịt của nó, và tất cả sẽ lại bắt đầu sau đó.

Cuối cùng, với một chút hối lỗi, ông già rời căn bếp sạch tinh và bước tới vùng ánh sáng mờ mờ ở tầng trên, lặng lẽ lẩn vào bóng tối ngoài rìa ánh đèn.

Ông hiểu rằng bà sẽ cảm nhận được ông đang ở đây, sẽ không phiền hà gì với sự có mặt của ông - bà không định để ông ở lại?

Việc đã xong.

Chiếc áo dài của bà trải ra như một bông hồng đang nở, gã trai trẻ nằm trước mặt bà, cặp mắt mở to đang nhìn thẳng vào bà. Và bà sẽ là điều đẹp đẽ nhất đời mà gã chưa từng nhìn thấy. Tất cả những lớp da vô hình của đời gã đã rơi rụng đi, những lớp vỏ mà gã sắp giẫm lên không thương tiếc dưới chân. Còn bà?

Đầu Vampire đang nghiêng về phía Snake. Mái tóc đen mềm mại đổ xuống. Khuôn mặt hồng lên dưới ánh đèn, thật trẻ trung, tràn đầy sức sống, hoạt bát, yên bình và tràn đầy tình yêu. Mọi điều đã trở lại với nàng, Nàng đã tái sinh.

Có lẽ đó chỉ là một ảo ảnh.

Ông già cúi đầu, đứng yên trong bóng tối. Ghen tuông, tiếc hận thấy đều đã qua. Xét cho cùng, cuộc đời của ông với nàng cũng chỉ là một lớp da khác mà ông phải mang. Ông sẽ có sự yên bình vĩnh viễn mà nàng không bao giờ có được, và ông phải vui mừng vì điều đó. Gã trai trẻ sẽ phụng sự cho nàng, và một lần nữa nàng sẽ săn đuổi, sẽ khiêu vũ, sẽ lướt qua các tấm gương trong thành phố như một bóng ma lấp lánh, tại thành phố này và các thành phố khác, giữa thế giới thực thể và thế giới của các linh hồn.

Vasyelu run rẩy trên bến đỗ của cuộc đời của ông. Ông sẽ ra đi bây giờ, có thể rất sớm; ông đã nghe thấy tiếng rì rào của con tàu đang tiến đến gần. Lần này sẽ rất đơn giản, hoàn toàn không giống như lần trước. Ra đi nguyện ý, đạt được mọi thứ, trong trật tự. Khi biết nàng đã an toàn.

Ông già chờ cho đến khi họ đứng lên và lặng lẽ cùng nhau đi vào phòng khách, rồi ông rời khỏi bóng tối và bước xuống cầu thang. Ông nghe thấy sự im lặng, sự im lặng của họ, giống như sự im lặng của những người tình mới.

Ở cuối cầu thang, phía ngoài ánh đèn, bóng đêm thật êm ái, thật nhẹ nhàng, như mái tóc của Vampire. Vasyelu nhẹ bước vào bóng đêm, trong lòng không chút nghi ngờ.

Ông đã yêu nàng biết bao.

TIẾNG GỌI TRONG ĐÊM

William Hope Hodson

Đó là một đêm tối mịt, không trăng không sao. Bầu không khí im ắng khác thường, và thuyền của chúng tôi đang thả trôi trên một vùng biển phía bắc Thái Bình Dương. Tôi không biết chính xác chúng tôi đang ở đâu; vì trong suốt một tuần lễ đứng gió, mặt trời luôn bị che khuất bởi một màn mây dày đặc luôn treo lơ lửng trên đầu.

Vì không có gió nên chúng tôi phải cố định bánh lái thả trôi, và tôi là người duy nhất có mặt ở trên boong. Thủy thủ đoàn, gồm hai người lớn và một cậu nhỏ, ngủ trong khoang mũi, còn Will - anh bạn tôi, và là chủ chiếc thuyền buồm nhỏ bé của chúng tôi - ngủ ở đằng sau trên chiếc giường xếp trong cabin.

Đột nhiên, từ trong bóng tối mịt mù vang lên tiếng kêu: “Thuyền buồm, ahoy!”^[4]

Tiếng kêu bất ngờ đến nỗi tôi không thể đáp lại ngay vì quá kinh ngạc.

Tiếng kêu lại vang lên - với giọng cổ thật lạ lùng, không giống tiếng người, nó gọi từ một nơi nào đó trong bóng tối cách mạn thuyền chúng tôi khá xa.

“Thuyền buồm, ahoy!”

“Ơi!” Tôi kêu lên. “Ông là ai? Ông muốn gì?”

“Các anh đừng sợ”, âm thanh kỳ cục đáp lại, có lẽ nhận thấy vẻ bối rối trong giọng nói của tôi. “Tôi chỉ là một người... già thôi”.

Sự ngập ngừng dễ dàng nhận thấy và có vẻ lạ lùng; nhưng chỉ sau này chúng tôi mới hiểu ra được đôi chút.

“Thế tại sao ông không bơi đến đây?” Tôi cất vấn và cảm thấy hơi bức mình, vì tôi không thích ông ta nghĩ rằng tôi đang sợ.

“Tôi - tôi - không thể. Như thế không an toàn. Tôi...” - Tiếng nói đứt quãng rồi sau đó là sự im lặng.

“Ông định nói gì?” Tôi hỏi, mỗi lúc lại tò mò hơn. “Cái gì không an toàn? Ông ở đâu?”.

Tôi lắng nghe một lúc, nhưng không có câu trả lời. Và rồi đột nhiên, một mối nghi ngờ mơ hồ mà tôi cũng không rõ là gì đến với tôi. Tôi bước vội vào buồng lái và lấy cây đèn. Đồng thời tôi gõ mạnh gót giày vào boong để đánh thức Will. Sau đó tôi quay lại thành tàu, chiếu một luồng ánh sáng vào khoảng mênh mông yên lặng phía ngoài mạn thuyền. Khi làm thế, tôi nghe thấy một tiếng kêu khẽ, nghiền nghiền, và sau đó là một tiếng động dường như ai đó đang vội ấn mái chèo xuống nước. Tôi không thể nói rằng tôi nhìn thấy cái gì chắc chắn cả; chỉ có điều, tôi có cảm tưởng như khi ánh sáng mới lóe lên thì ở đó dường như có một cái gì nổi trên mặt nước, nhưng giờ thì lại chẳng thấy gì hết.

“Này, ai đằng kia ời!” Tôi gọi. “Chuyện kỳ cục gì vậy!”.

Nhưng vắng đến chỉ có tiếng động mơ hồ của một con thuyền đang bơi vào bóng đêm.

Rồi tôi nghe thấy tiếng của Will từ phía sau chạy lại. “Có chuyện gì thế, Georger?”.

“Đến đây, Will”. Tôi nói.

“Chuyện gì thế?” anh hỏi khi chạy lên boong.

Tôi kể cho anh nghe về câu chuyện kỳ cục vừa xảy ra. Anh hỏi vài câu; rồi sau một lúc im lặng anh khum tay lên miệng làm loa gọi, “Này thuyền, ahoy !”.

Từ một khoảng cách khá xa vắng lại phía chúng tôi một tiếng đáp yếu ớt. Rồi sau một lúc im lặng, tai chúng tôi dường như nghe thấy có tiếng mái chèo ngập ngừng; Will lại gọi về hướng đó.

Lần này chúng tôi đã nghe rõ có tiếng đáp: “Tắt đèn đi”.

“Tắt đèn là thế nào”. Tôi lăm bằm; nhưng Will bảo tôi cứ làm như tiếng nói đã bảo, và tôi chúi cây đèn xuống sàn tàu.

“Đến gần đây nào”, anh nói, và tiếng mái chèo khua nước lại tiếp tục. Rồi khi đến cách chúng tôi chắc khoảng năm sáu sải, tiếng động lại ngừng lại.

“Đến sát đây nào” Will kêu lên “Không có gì đáng sợ ở đây đâu!”.

“Hãy hứa là các anh sẽ không chiếu đèn đi?”

“Có chuyện gì với ông thế”, tôi bùng lên, “Vì sao ông lại sợ ánh sáng thế?”.

“Vì...” tiếng nói bắt đầu, rồi lại ngưng.

“Vì cái gì?” Tôi hỏi nhanh.

Will đặt tay lên vai tôi. “Im đi một lúc, anh bạn ạ” anh hạ giọng “Để tôi nói chuyện với ông ta”.

Anh ngả người qua mạn thuyền. “Nghe này, thưa ông,” anh nói, “chuyện này khá kỳ quặc, ông cứ như từ giữa biển đến chỗ chúng tôi vậy. Làm sao biết được ông sẽ không giở trò gì với chúng tôi? Ông nói ở đây chỉ có một mình ông, nhưng làm sao chúng tôi biết được chuyện đó nếu không nhìn thấy ông, hả? Mà vì sao ông lại không cho chiếu đèn?”.

Khi anh nói xong, tôi nghe thấy tiếng mái chèo vang trở lại; nhưng bây giờ lại ở một khoảng cách xa hơn, và một âm thanh nghe thật thương tâm, tuyệt vọng.

“Tôi - tôi xin lỗi - xin lỗi! Tôi sẽ không làm phiền các anh nữa, chỉ có điều tôi đang đói, mà - mà cô ấy cũng vậy”.

Tiếng nói lại tắt đi, và tiếng mái chèo rời rạc lại vang đến chỗ chúng tôi.

“Dừng lại!” Will kêu lên. “Tôi không muốn đuổi ông. Quay lại đây! Chúng tôi sẽ cắt đèn đi nếu ông không thích”.

Anh quay về phía tôi. “Quái quỷ thật đấy. Nhưng tôi nghĩ chẳng có gì phải sợ cả, hả?”

Đó là một câu hỏi, cứ theo giọng của anh. Vì thế tôi đáp. “Không, tôi nghĩ cha nội này chắc bị đắm tàu đâu quanh đây, rồi sợ quá hóa điên”.

Tiếng mái chèo đến gần hơn.

“Quay đèn vào trong buồng lái” Will bảo tôi, rồi anh ngả người qua mạn thuyền lắng nghe. Tôi đặt lại cây đèn rồi trở lại bên anh. Tiếng mái chèo khua nước lại ngừng ở khoảng cách năm sáu sải.

“Giờ ông cũng không thể đến sát đây được hay sao?” Will hỏi bằng một giọng bình thường. “Tôi đã quay đèn vào buồng lái rồi”.

“Tôi - tôi không thể” tiếng nói đáp lại “Tôi không dám đến gần hơn. Tôi thậm chí không dám trả cái gì cho ông để đổi lấy thức ăn”.

“Thôi được” Will nói và lưỡng lự “Xin mời ông cứ ăn thỏa thích...” Anh lại lưỡng lự.

“Anh thật tốt quá” tiếng nói lại vang lên “Lạy Chúa, Ngài biết mọi việc, Ngài sẽ đền bù cho anh...” Tiếng nói vỡ ra nghẹn nghẹn.

“Thế bà ấy... bà ấy thì sao?” Will cắt ngang. “Có phải bà ấy...”

“Tôi để cô ấy lại trên đảo”, tiếng nói đáp.

“Đảo nào thế?” tôi cắt ngang.

“Tôi cũng không biết tên”, giọng nói lại đáp “Tôi cầu Chúa...!” nó bắt đầu rồi lại tắc nghẹn thành linh.

“Chúng tôi có thể đưa thuyền đến cứu bà ta được không?” Will hỏi ngay.

“Đừng!” giọng nói đáp, nhấn mạnh một cách lạ lùng. “Lạy Chúa! Đừng!” Một thoáng ngập ngừng; sau đó nó nói thêm, trong giọng nói dường như có sự trách cứ. “Vì đói mà tôi phải đi, vì sự khổ sở của cô ấy làm tôi đau đớn”.

“Tôi thật là một gã cục súc vô tâm” Will kêu lên “Chờ một chút, dù ông là ai, tôi sẽ mang cho ông chút gì ngay lập tức”.

Vài phút sau anh quay lại, hai tay đầy thức ăn. Anh chân chửi bên mạn thuyền.

“Ông có thể đến đây lấy chúng không?” anh hỏi.

“Không - tôi không dám” giọng nói đáp lại, tôi cảm thấy trong giọng nói đó có sự cầu khẩn cực độ, dường như người nói cố che giấu một mong ước ghê gớm. Rồi sau đó tôi lóe lên một ý nghĩ rằng cái tạo vật già nua khốn khổ trong bóng tối kia đang suy sụp vì thực sự cần những thứ Will đang giữ trong tay; và còn nữa, vì nỗi kinh sợ không thể hiểu được, mà phải bắt mình ở xa mạn thuyền chúng tôi khi nhận nó. Và với lòng tin như một tia sáng, tôi biết rằng người Vô hình kia không điên; nhưng đang phải tỉnh táo đối mặt với một nỗi khủng khiếp không thể chịu đựng nổi.

“Mẹ kiếp, Will!” tôi nói, trong lòng tràn ngập một nỗi thông cảm vô bờ. “Lấy một cái thùng. Chúng ta sẽ thả những thứ này đến chỗ ông ta”.

Chúng tôi làm như vậy - dùng sào đẩy cái thùng khỏi mạn thuyền cho nó trôi vào bóng tối. Vài phút sau, một tiếng kêu nhẹ nhõm từ phía người Vô hình vẳng đến, chúng tôi biết ông ta đã vớt được cái thùng.

Một lúc sau, ông ta gọi to chào chúng tôi, với những lời cầu nguyện đầy chân thành cho chúng tôi. Sau đó không có gì nữa, chúng tôi nghe thấy tiếng mái chèo trong đêm đen.

“Chuồn nhanh nhỉ” Will nhận xét có vẻ hơi bị tổn thương.

“Cứ chờ xem” tôi đáp “Tôi nghĩ ông ta sẽ quay lại. Ông ta hẳn phải rất cần thức ăn”.

“Và bà ấy nữa” Will nói. Anh im lặng một lúc, sau đó tiếp tục “Thật là một chuyện kỳ quặc nhất mà tôi từng trải qua, từ khi tôi biết đánh cá”.

“Phải”, tôi đáp và suy nghĩ rất lung.

Thời gian cứ thế trôi đi - một giờ, rồi một giờ nữa, Will vẫn ở lại với tôi; câu chuyện kỳ quặc vừa qua đã khiến anh hết cả

muốn ngủ.

Sang giờ thứ ba được chừng bốn mươi lăm phút thì chúng tôi lại nghe thấy tiếng mái chèo khua nước xuyên qua màn đêm yên lặng.

“Nghe kìa!” Will nói với giọng thì thào lộ vẻ kích động.

“Ông ta lại đến, đúng như tôi nghĩ” tôi thì thầm.

Tiếng mái chèo nghe gần hơn, và tôi nhận thấy rằng các nhịp chèo mạnh và dài hơn. Thức ăn rõ ràng đã có công hiệu.

Tiếng mái chèo đến gần và dừng lại ở một khoảng cách không xa mạn thuyền, và cái giọng kỳ cục lại vọng đến xuyên qua màn đêm.

“Thuyền buồm, ahoy!”

“Ông đấy à?” Will hỏi.

“Vâng” giọng nói đáp. “Tôi bỏ đi thành lính; nhưng điều đó là rất cần”.

“Bà ấy à?” Will hỏi.

“Cô ấy rất biết ơn các anh, lúc còn trên mặt đất. Cô ấy sẽ còn biết ơn các anh nhiều hơn ở... ở trên trời, chẳng bao lâu nữa...”.

Will đã đáp lại, với một giọng bối rối, nhưng rồi anh lúng túng và ngừng lại nửa chừng. Tôi không nói gì. Tôi cứ ngờ ngợ về những khoảng ngập ngừng lạ lùng này, và từ sự ngờ ngợ đó, tôi thấy đầy lòng thương cảm với ông ta.

Giọng nói tiếp tục. “Chúng tôi... cô ấy và tôi đã nói chuyện khi chúng tôi chia nhau món quà từ tình thương của Chúa và của các anh...”.

Will lẩm bẩm ngắt lời, nhưng không rõ ràng lắm.

“Xin anh đừng coi nhẹ việc làm đầy tình thương Thiên Chúa của các anh tối nay”, giọng nói tiếp tục, “chắc rằng Chúa Trời cũng sẽ ghi nhận việc làm của các anh”.

Giọng nói dừng lại, im lặng suốt một phút đồng hồ. Sau đó nó trở lại.

“Chúng tôi đã nói với nhau về chuyện... chuyện... đã xảy ra cho chúng tôi. Chúng tôi đã nghĩ là sẽ không nói cho bất kỳ ai về nỗi khủng khiếp xảy đến cho cuộc đời chúng tôi. Cô ấy tin rằng chuyện xảy ra tối nay là do một quyền lực đặc biệt, rằng chính Chúa Trời muốn chúng tôi phải kể mọi chuyện mà chúng tôi đã lâm vào từ khi... từ khi...”.

“Sao?” Will nhẹ nhàng hỏi.

“Từ khi tàu Albatross bị đắm”.

“A!” tôi bất giác kêu lên. “Nó đã rời cảng Newcastle đến Frisco sáu tháng trước, và từ đó đến giờ không nghe tin tức gì”.

“Phải”, giọng nói trả lời “Nhưng nó bị chệch vài độ về phía bắc, rồi gặp phải một cơn bão biển khủng khiếp và mất điều khiển. Khi trời sáng, nó bị nghiêng rất mạnh, và dường như sắp lật úp. Các thủy thủ liền thả thuyền cứu sinh và rời khỏi tàu, bỏ lại một người phụ nữ trẻ - vị hôn thê của tôi - và tôi trên con tàu đắm”.

“Chúng tôi lúc đó đang ở dưới tàu thu thập vài thứ đồ dùng thì họ bỏ đi. Bọn họ hết thấy đều là lũ người nhẩn tâm lại thêm hèn nhát. Khi chúng tôi lên boong tàu thì họ đã bơi xa chỉ còn là những bóng mờ. Tuy vậy chúng tôi vẫn không tuyệt vọng, chúng tôi bắt tay vào việc, làm một cái bè nhỏ. Chúng tôi bỏ lên đó một ít thứ có thể chở được, gồm thùng nước và mấy thùng bánh bích quy lấy ở trên tàu. Chiếc tàu đang ngập rất sâu trong nước, chúng tôi leo lên bè và chèo đi.

Sau này tôi mới phát hiện ra rằng chúng tôi hình như đang nằm trên luồng hải lưu hay thủy triều gì đó, nó đưa chúng tôi trôi đi theo một góc sao đó mà sau ba tiếng đồng hồ chúng tôi không còn nhìn thấy con tàu nữa. Sau đó, tối đến trời nổi sương mù và cứ như thế suốt cả đêm. Ngày hôm sau chúng tôi vẫn phải đi trong sương mù.

Sau bốn ngày chúng tôi trôi qua một vùng sương mù lạ, rồi cho đến tối hôm thứ tư, bên tai chúng tôi bỗng vọng lên những

tiếng ì ầm của những cơn sóng lớn từ đằng xa. Dần dần nó trở nên rõ ràng hơn, và khoảng sau nửa đêm, tiếng sóng dường như ở sát ngay bên cạnh chúng tôi. Chiếc bè vài lần bị những cơn sóng lớn tóm lấy, nhưng sau đó đột nhiên chúng tôi bị hút vào một vùng nước lặng và tiếng sóng đã lùi lại đằng sau.

Khi trời sáng, chúng tôi thấy mình đang ở trong một thứ giống như một cái hồ có một vành bờ san hô bao quanh; nhưng vào lúc đó chúng tôi chẳng biết được gì nhiều; ngay gần trước bè của chúng tôi qua lớp sương mù phủ kín dày đặc là thành mạn của một chiếc tàu lớn. Cả hai chúng tôi cùng quỳ xuống để cảm tạ Chúa, vì như chúng tôi nghĩ thì đây sẽ là điểm kết thúc cho những hiểm nguy của chúng tôi. Chúng tôi còn phải học nhiều.

Chiếc bè trôi sát mạn con tàu, chúng tôi kêu to lên để họ cho chúng tôi lên boong. Nhưng không có ai trả lời. Sau đó, chiếc bè chạm vào mạn con tàu, và tôi nhìn thấy một sợi thừng thả xuống, tôi liền tóm lấy nó và bắt đầu leo lên. Tôi đã phải cố hết sức vì có một thứ nắm hay rêu màu xám, phủ đầy sợi thừng, nó còn làm cho phía ngoài vỏ tàu có màu xanh xám.

Tôi trèo đến lan can thành tàu, leo qua nó và bước lên boong. Tại đây tôi nhìn thấy boong tàu phủ đầy những mảnh lớn thứ năm mốc gì đó màu xám, đôi chỗ chúng mọc lên thành những khối u phồng lên cao tới cả mét; nhưng lúc đó tôi không nghĩ nhiều lắm về chuyện này mà chủ yếu về khả năng có người trên tàu. Tôi kêu lên, nhưng không có ai trả lời. Sau đó tôi đi đến cánh cửa dẫn xuống khoang tàu. Tôi mở nó ra và nhìn vào trong. Một mùi mốc meo xông ra khó chịu đến mức ngay lập tức tôi hiểu rằng không thể có sự sống gì ở trong đó, và khi biết như vậy tôi vội đóng cánh cửa lại. Bỗng nhiên tôi cảm thấy thật cô độc.

Tôi đi đến thành tàu nơi tôi đã leo lên. Vợ... vợ chưa cưới của tôi vẫn đứng yên trên bè. Thấy tôi nhìn xuống, nàng gọi với lên

để biết xem có ai trên đó không. Tôi đáp lại rằng con tàu dường như đã bị bỏ không từ rất lâu rồi; nhưng nếu nàng chờ một chút thì tôi sẽ tìm xem có cái thang dây nào không để nàng có thể leo lên tàu. Rồi sau đó chúng tôi có thể tiến hành xem xét cùng với nhau. Chỉ một lát sau, tôi tìm thấy chiếc thang dây ở thành mạn bên kia. Tôi mang nó sang bên này và một phút sau nàng đã ở bên cạnh tôi.

Chúng tôi cùng nhau thám thính khoang lái và gian công thất ở phía sau con tàu; nhưng không ở đâu có bất kỳ một dấu hiệu nào của sự sống cả. Đây đó ngay trong cabin chúng tôi phải đi qua những đám nấm mốc kỳ quái với hình thù quái dị; nhưng thứ đó, như người yêu tôi nói, sẽ dọn sạch chẳng mấy chốc.

Cuối cùng sau khi chắc chắn rằng phần đuôi con tàu hoàn toàn trống rỗng, chúng tôi mở đường đi ra phía trước len qua giữa những khối u màu xám quái gở của một thứ cây lạ lùng; và ở đây chúng tôi lại tiếp tục tìm kiếm, và rốt cuộc chúng tôi biết được rằng trên con tàu này hoàn toàn không có ai khác ngoài chúng tôi.

Điều đó giờ đây đã không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi quay trở lại phía đuôi tàu và thu xếp cho mình một chỗ nghỉ tử tế hơn. Chúng tôi cùng quét dọn và lau chùi hai phòng nhỏ; và sau đó tôi đi tìm kiếm thật kỹ xem trên tàu có gì ăn được không. Và tôi đã sớm tìm được chúng, tôi thành tâm cảm ơn Chúa đã từ tâm đối với chúng tôi. Ngoài thực phẩm, tôi còn tìm được một thùng nước ngọt, và khi uống thử, tôi thấy nước uống được mặc dù có vị hơi khó chịu một chút.

Suốt mấy ngày liền chúng tôi ở trên boong tàu, không hề tìm cách bơi vào bờ. Chúng tôi đang bận bịu thu xếp chỗ ở. Nhưng rồi chúng tôi cũng sớm biết rằng nơi ở mới của chúng tôi thật không đáng mong muốn như chúng tôi hình dung; và dù ngay từ đầu chúng tôi đã cạo sạch những đám nấm mốc lạ đời mọc

đầy trên sàn và tường các cabin và phòng khách, nhưng lập tức chúng lại mọc lên với kích thước y như cũ chỉ trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, nó không chỉ làm chúng tôi nản chí mà còn đem lại cho chúng tôi một cảm giác khó chịu mơ hồ.

Chúng tôi vẫn chưa chịu thua, và lại cạo sạch chúng, mà không chỉ cạo sạch đám nấm mốc, mà còn khử trùng bằng carbolic, một thùng đầy mà tôi tìm thấy trong gian bếp. Nhưng chưa đến cuối tuần chúng đã mọc trở lại y như cũ, thêm nữa chúng lại lan ra cả những nơi khác, cứ như việc chúng tôi chạm vào chúng đã mang mầm mống của chúng đi gieo rắc khắp nơi vậy.

Vào buổi sáng ngày thứ bảy, người yêu tôi thức dậy đã thấy một đám nấm nhỏ mọc ngay dưới gối, gần sát mặt nệm. Và thế là nệm đến phòng tôi, ngay sau khi mặc xong quần áo. Khi đó tôi đang ở trong gian bếp đốt lửa để làm bữa sáng.

‘Lại đây, John’, nệm bảo và kéo tôi theo sau. Khi nhìn thấy đám nấm mốc trên gối của nệm, tôi phát rùng mình, rồi ngay tại đó chúng tôi đồng ý rằng phải đi ngay khỏi con tàu, và xem ra không còn nơi nào cho chúng tôi sống tốt hơn là mấy hòn đảo nhỏ kia.

Chúng tôi vội vàng thu nhặt những thứ đồ đạc ít ỏi của mình, trong đó tôi cũng thấy một số thứ có nấm đang mọc. Trên chiếc khăn quàng của nệm cũng có một vết nấm đang mọc ở một góc. Tôi ném toàn bộ những thứ đó sang một bên mà không nói với nệm lời nào.

Chiếc bè của chúng tôi vẫn còn ở đó, nhưng nó rất khó điều khiển, vì thế tôi hạ xuống một chiếc thuyền treo ngoài mạn tàu, rồi chúng tôi lên thuyền và bơi vào một hòn đảo. Nhưng khi chúng tôi đến gần nó thì dần dần mới nhận thấy rằng cái thứ nấm ghê tởm đã đuổi chúng tôi ra khỏi con tàu kia cũng đang mọc loạn xạ ở đây. Một vài chỗ chúng mọc thành những cái ụ kỳ quái, khủng khiếp, chúng dường như đang lắng đọng, lão đảo như

những con vật sống, giống như những bụi cây mỗi khi có làn gió thổi qua. Ở đâu đó, chúng có hình dạng những cánh tay khổng lồ, còn ở những chỗ khác chúng lại trải ra như tấm thảm, trơn mượt và đầy bất trắc. Những chỗ kỳ quặc nhất thì trông cứ như những thân cây kỳ dị uốn éo, vặn xoắn và nổi mấu nổi u rất lạ thường - chỉ vừa nhìn thấy là phải rùng mình kinh sợ ngay lập tức.

Thoạt đầu chúng tôi có cảm tưởng rằng không có lấy một chỗ nào trên cái vòng san hô kia mà không phải là nơi ẩn náu của đám nấm mốc; nhưng rồi tôi thấy là mình đã lầm; cách đó xa hơn một chút, chúng tôi phát hiện thấy một dải trắng muốt trông như cát trắng, và chúng tôi đưa thuyền vào đó. Nhưng đó không phải là cát. Nó là gì thì tôi cũng không biết. Tất cả những gì mà tôi xác định được là nấm mốc không mọc ở trên đó; trong khi ở những nơi khác ngoài vùng trông như cát này thì chúng mọc dày đặc không có lối mà đi. Ở đó không có gì ngoài một màu xám xịt đáng sợ.

Thật khó làm cho các anh hiểu chúng tôi đã vui mừng như thế nào khi tìm được một chỗ hoàn toàn thoát khỏi cái thứ cây kỳ quặc kia, và chúng tôi lập tức mang đồ đạc lên đó. Sau đó chúng tôi trở lại con tàu để lấy theo những thứ chúng tôi sẽ cần đến. Ngoài những thứ khác tôi còn mang đi một tấm buồm và tôi dùng nó để làm hai cái lều nhỏ. Chúng tôi ở trong một chiếc lều còn chiếc kia để cất đồ dùng. Rồi sau đó là bốn tuần lễ trôi qua yên ổn và không có gì đặc biệt xảy ra. Tất nhiên là tôi nói chúng tôi rất hạnh phúc vì được ở bên nhau.

Nấm xuất hiện đầu tiên là ở trên ngón tay cái bàn tay phải của nàng. Thoạt đầu đó chỉ là một vết tròn nhỏ, rất giống túm lông chuột màu xám. Chúa ơi! Tim tôi thắt lại vì sợ hãi khi nàng chỉ nó cho tôi. Chúng tôi vội tẩy sạch nó đi, rửa chỗ đó bằng carbolic và nước. Buổi sáng ngày hôm sau, nàng lại giơ tay cho tôi xem. Cái mụn cơm màu xám kia đã trở lại. Chúng tôi nhìn

nhau im lặng một lúc lâu. Sau đó, vẫn không nói một lời, chúng tôi lại tẩy nó đi. Trong khi đang còn làm chưa xong thì nàng bỗng nói:

‘Có cái gì ở bên cạnh mặt anh thế, anh yêu?’ giọng nàng khản đi vì lo lắng. Tôi bắt giác giơ tay lên sờ mặt.

‘Chỗ này này! Phía dưới tóc, ngay cạnh tai ấy. Phía trước một chút’. Ngón tay tôi dừng lại ở chỗ đó, và thế là tôi hiểu.

‘Hãy lo cho ngón tay của em trước đã’ tôi nói. Và nàng đồng ý, chỉ vì nàng sợ ngón tay sẽ chạm vào tôi khi chưa được chùi rửa sạch. Tôi kết thúc công việc chùi rửa và tẩy trùng ngón tay nàng, và sau đó đến lượt nàng lo cho tôi. Sau khi xong việc, chúng tôi ngồi bên cạnh nhau và nói chuyện một lúc về nhiều chuyện; những suy nghĩ rất khủng khiếp thành linh chen vào giữa cuộc sống của chúng tôi. Ngay lúc đó chúng tôi đã lo sợ một điều gì đó còn đáng sợ hơn cả cái chết. Chúng tôi nói đến việc chất thức ăn và nước lên chiếc thuyền và lên đường ra biển; nhưng chúng tôi bất lực vì nhiều lý do, và lũ nấm mốc đã thực sự tấn công chúng tôi, chúng đã xâm nhập vào cơ thể chúng tôi rồi. Vậy là chúng tôi quyết định ở lại. Hãy để cho Chúa làm với chúng tôi những gì Ngài muốn. Và chúng tôi sẽ chờ đợi.

Một tháng, hai tháng rồi ba tháng trôi qua, và lũ nấm mốc vẫn mọc ở khắp nơi, còn trên thân thể chúng tôi chúng vẫn tiếp tục lan rộng. Chúng tôi vẫn cố gắng chống chọi, nhưng vô cùng lo sợ khi thấy chúng đã ăn sâu vào thân thể chúng tôi mà không có cách gì trừ bỏ đi được.

Đôi khi chúng tôi lại bơi ra con tàu để tìm những thứ chúng tôi cần. Ở đó chúng tôi thấy nấm mốc vẫn mọc không ngừng. Một số khối nấm mốc trên boong chính chẳng bao lâu đã cao ngang đầu tôi.

Giờ đây chúng tôi đã bỏ mọi ý nghĩ và hy vọng rời hòn đảo. Chúng tôi nhận ra rằng mình không thể được phép trở về sống

giữa loài người khỏe mạnh với những gì mà chúng tôi đang phải gánh chịu.

Với nhận thức và quyết định đó trong đầu, chúng tôi thấy cần phải dè sẻn thức ăn và nước uống của mình; vì lúc đó chúng tôi còn không biết gì khác ngoài việc chúng tôi sẽ còn phải sống ở đây nhiều năm nữa.

Điều này nhắc tôi nhớ một điều mà tôi đã bảo anh rằng tôi là một ông già. Cứ theo tuổi tác thì không phải vậy. Nhưng... nhưng...”

Ông ta ngắt ngang; rồi sau đó lại đột ngột nói tiếp.

“Như tôi đã nói, tôi biết rằng chúng tôi phải lo vấn đề thực phẩm. Nhưng chúng tôi không nghĩ là mình lại còn ít lương thực đến thế. Một tuần sau tôi phát hiện ra rằng tất cả các thùng bánh mỳ khác mà tôi vẫn nghĩ là đầy hóa ra lại trống rỗng và (ngoài mấy hộp rau và thịt và một vài thứ khác) chúng tôi không còn gì để trông mong vào nữa, ngoài cái thùng bánh mà chúng tôi đã mở ra.

Sau khi biết điều này, tôi bận rộn lo làm những gì có thể, và thử đi câu cá trong hồ nhưng không thành công. Thất bại này làm tôi nản lòng chỉ đến khi tôi chợt nghĩ là tại sao không bơi ra ngoài biển để đi câu.

Lần này, tôi câu được một con cá lạ ngoài biển; nhưng dẫu có câu được thường xuyên hơn thì việc đi câu cũng không giữ được chúng tôi khỏi cái đói đe dọa. Tôi mừng tưởng được rằng cái chết của chúng tôi sẽ là chết đói trước khi cơ thể của chúng tôi bị thứ nấm mốc khủng khiếp kia gặm nhấm hết.

Chúng tôi đang trong tình trạng tinh thần như thế thì tháng thứ tư đã trôi qua. Khi đó tôi phát hiện ra một điều rất kinh khủng. Một buổi sáng, khoảng trước buổi trưa một tý, tôi từ chiếc tàu quay về sau khi lấy được một hộp bánh quy mà chúng tôi còn bỏ sót. Tôi thấy cô ấy đang ngồi ăn cái gì đó.

‘Em đang ăn cái gì thế?’ tôi gọi nàng trong khi nhẩy lên bờ. Nhưng, nghe thấy tiếng tôi gọi nàng hình như có vẻ bối rối, nàng quay đi và vội nhổ cái gì đó trong miệng ra. Một sự nghi ngờ mơ hồ trỗi dậy, tôi bước đến gần và nhặt nó lên. Đó là một cục nấm mốc màu xám.

Khi tôi bước tới ôm nàng vào lòng, nàng trông nhợt nhạt như người chết, rồi sau đó mặt nàng đỏ lựng. Tôi cảm thấy choáng váng lạ lùng và hoảng sợ nữa.

‘Ôi em yêu, em yêu!’ tôi không còn biết nói gì nữa. Nghe tôi kêu, nàng khuyu xuống và bật khóc cay đắng. Dần dần nàng bình tĩnh lại. Nàng kể cho tôi nghe là nàng đã thử ăn nó ngày hôm trước, và thấy nó rất lạ! Tôi bắt nàng phải hứa là sẽ không động đến nó, cho dù đói như thế nào đi nữa. Sau khi hứa, nàng bảo với tôi rằng ước muốn ăn nó đến rất thành linh, và rằng trước đó nàng chưa từng thèm khát thứ gì khác ghê gớm như thế.

Vào cuối ngày, cảm thấy mệt mỏi lạ lùng, và quá bị sốc với điều mà tôi mới phát hiện được. Tôi đi thơ thẩn dọc theo dải đường quanh co làm bằng cái thứ trắng như cát, nó chạy vào giữa đám nấm mốc đang mọc cao hai bên. Trước đây tôi đã một lần đi vào đó nhưng không đi xa. Lần này, mãi miên man nghĩ ngợi, tôi đi xa hơn nhiều vào bên trong.

Thành linh, tôi sực tỉnh vì một âm thanh khàn khàn kỳ cục ở phía bên trái tôi. Tôi quay ngoắt người lại và nhìn thấy một khối nấm mốc có hình thù kỳ dị đang chuyển động ngay sát bên hông tôi. Nó lắc lư một cách khó nhọc, nhưng dường như nó có một linh hồn sống của chính mình. Dột nhiên, tôi phát hoảng, một ý nghĩ chợt đến trong đầu tôi rằng cái khối hình thù quái dị kia chính là thân hình của một con người đã bị nấm mốc làm cho méo mó vẹo vọ đi như thế. Ngay khi cái ý nghĩ đó lóe lên trong đầu tôi, thì có một tiếng nức nở khe khẽ như chìm trong nước mắt, và tôi nhìn thấy một thứ như nhánh cây có hình thù

hao hao như cánh tay tách ra khỏi các khối nắm xung quanh và chìa về phía tôi. Cái đầu của nó - một quả bóng méo mó màu xám không ra hình thù gì - ngả về phía tôi. Tôi bất giác bước lui lại, và cánh tay dưới dạng thân cây sổng quệt qua mặt tôi. Tôi kêu thét lên sợ hãi và chạy giật lùi vài bước. Có một vị ngon ngọt trên môi tôi nơi mà cái vật kia quệt vào. Vô tình, tôi liếm môi, và ngay lập tức tôi cảm thấy hơi choáng váng, một ước muốn kinh khủng, không giống của con người xâm chiếm lấy tôi. Tôi quay lại và vồ lấy một cục nắm mốc. Sau đó lại một cục, rồi một cục nữa. Tôi vẫn còn chưa thỏa mãn. Giữa lúc đang ngấu nghiến, trí nhớ về sự việc phát hiện hồi sáng quệt qua bộ não đang điên dại của tôi. Chính Chúa đã gửi nó đến cho tôi. Tôi ném cục nắm đang cầm trong tay xuống đất. Rồi, bất hạnh cùng cục và vô cùng hối hận, tôi quay trở về nơi dựng lều của chúng tôi.

Tôi nghĩ là nàng biết ngay khi nàng đưa mắt nhìn tôi, bởi một linh cảm kỳ lạ mà tình yêu đã đem lại cho chúng ta. Sự cảm thông yên lặng của nàng làm cho tôi thấy dễ chịu hơn, và tôi kể cho nàng nghe về giây phút yếu đuối bất ngờ của tôi. Nhưng tôi không nhắc gì đến cái sinh vật quái dị kia. Tôi không muốn làm cho nàng phải kinh khủng một cách không cần thiết.

Nhưng với bản thân mình thì tôi đã biết thêm được một điều khó mà chịu đựng nổi, nó sẽ nuôi dưỡng một sự khủng khiếp thường trực trong trí óc tôi. Vì tôi không nghi ngờ gì rằng tôi đang chứng kiến đoạn kết bi thảm của một trong những người lên đảo từ con tàu đậu trong hồ kia; và trong cái đoạn kết quái gở đó tôi cũng nhìn thấy cái kết cục không tránh khỏi của chính mình.

Từ đó về sau chúng tôi cứ phải cố gắng giữ mình tránh xa cái thức ăn ghê tởm đó, mặc dù sự thèm muốn nó dường như đã ngấm vào máu chúng tôi. Chúng tôi không thể làm gì để kiềm chế được nó, và cứ thế, cứ thế, chúng tôi - vốn là những con

người - đã trở thành... Phải, cứ mỗi ngày chúng tôi lại ít còn hình hài người thêm một chút. Chỉ có điều, còn có điều chúng tôi vẫn là một người đàn ông và một người đàn bà!

Ngày lại ngày cuộc đấu tranh lại càng kinh khủng hơn, để đứng vững được trước cơn thèm khát cái thứ mốc meo kinh sợ đó.

Một tuần trước chúng tôi đã ăn đến cái bánh quy cuối cùng, và từ bữa đó đến giờ tôi chỉ bắt được có ba con cá. Tối này tôi bơi ra đây câu cá và bắt gặp chiếc thuyền buồm của các anh từ trong đám sương mù trôi đến đây. Tôi đã gọi các anh, và chuyện sau đó thì các anh đã biết rồi. Cầu Chúa thương xót các anh vì lòng tốt mà các anh đã dành cho hai... hai linh hồn khốn khổ bị ruồng bỏ này”.

Một thoáng im lặng rồi chúng tôi nghe thấy tiếng mái chèo quạt nước. Sau đó giọng nói lại vọng đến, lần cuối cùng, xuyên qua đám sương mù bàng bạc, ảm đạm và ma quái kia.

“Cầu Chúa thương xót các anh! Vĩnh biệt!”

“Vĩnh biệt”, chúng tôi cùng kêu lên, trong lòng đầy những xúc cảm lạ lùng.

Tôi liếc nhìn quanh. Tôi đâm ra cảnh giác với cái màn đêm đang bủa vây chúng tôi.

Mặt trời còn chưa mọc, nhưng những tia sáng đầu tiên của nó đã phản chiếu trên mặt nước, xuyên qua đám sương mù ảm đạm, chiếu lờ mờ vào chiếc thuyền nhỏ đang lùi xa. Trong một thoáng tôi như nhìn thấy một cái gì đó đang gật gù giữa các mái chèo. Tôi nghĩ đến một khối bot biển hay một con bạch tuộc khổng lồ màu xám Các mái chèo vẫn khua nước. Tất cả đều màu xám, cả chiếc thuyền cũng thế. Tôi căng mắt ra nhìn, cố phân biệt giữa đôi cánh tay và mái chèo, nhưng không thể. Mắt tôi nhìn trở lên cái đầu. Nó đang gật gù mỗi khi mái chèo bổ xuống mặt nước. Con thuyền cũng bơi đi theo nhịp giật cục và biến vào màn sương mù ma quái kia.



Chú Thích

- [1] Một nhánh của Thiên Chúa giáo, không câu nệ nghi thức, chống chiến tranh và bất bạo động.
- [2] Phát súng kết liễu, làm cho tan nát.
- [3] 1 foot Anh bằng 30,48cm.
- [4] Ahoy: tiếng kêu “hê” của thủy thủ.